

PHƯƠNG TRỜI CAO RỘNG

TẠP CHÍ VĂN HỌC PHẬT GIÁO • SỐ 18 - THÁNG 11 NĂM 2007

Nội dung số này:

QUÉT RÁC | 2 – Thư người chủ trương, *Vĩnh Hào* • NGÀY NGÓ XUỐNG, MỘT PHƯƠNG TRỜI, NHA TRANG HÀNH CA M., CỔ TÍCH | 4 – thơ *Nguyễn Đức Bạt Ngàn* • TU LUYỆN TÂM XẢ | 5 – *Dalai Lama - Thích Trí Chơn dịch* • CUỐI MẮT ĐẦU MÔI | 7 – thơ *Trần Văn Lệ* • NHỮNG GIÁ TRỊ PHỔ QUÁT CỦA BỒ TÁT HÀNH | 8 – *Tuệ Sỹ* • TRĂNG MỘT PHƯƠNG, GIÓ ỨA | 17 – thơ *Tô Mặc Giang* • Y HỌC TRONG TƯ TƯỞNG PHẬT GIÁO | 18 – *Tùng Sơn* • THỜI LOẠN VÀ GIAI NHÂN | 26 – *Vĩnh Liêm – Văn Uyên* • LÊN NÚI, XUỐNG NÚI | 29 – thơ *Hồ Chí Bửu* • THU THỐNG BÁO VÀ CẢM ƠN VỀ BÀN LÊN TIẾNG CỦA VĂN NGHỆ SĨ TỰ DO | 30 – *Vĩnh Hào* • BÀN LÊN TIẾNG CỦA VĂN NGHỆ SĨ TỰ DO VỀ TRƯỜNG HỢP NHÀ THƠ TUỆ SỸ | 31 • TAM TẠNG ĐƯỢC KINH QUA CÁI NHÌN THIỀN TÔNG | 34 – *Chân Hiền Tâm* • TU TIỀN | 38 – tiểu luận *Võ Doãn Nhẫn* • NỤ CƯỜI THIỀN THU | 41 – thơ *Thích Tánh Tuệ* • MÂY, ẺN CHAY GIẢI NGHIỆP | 41 – thơ *Chánh Năng* • VÒNG QUAY | 42 – truyện ngắn *Nguyễn Hiệp* • KHÍ PHÁCH | 43 – thơ *Nguyễn Thanh Huy* • NGƯỜI NHẬT TRO | 44 – truyện ngắn *Hoàng Ngọc Thư* • LỄ TẠ ƠN | 51 – tùy bút *Thích nữ Chân Thiền* • ĐAM MÊ | 52 – thơ *Hồ Hương Lộc* • MÙA LỄ TẠ ƠN | 53 – truyện ngắn *Trịnh Gia Mỹ* • VI TRẦN | 54 – thơ *Lâm Bích Nhý* • NHỮNG GIÒNG SÔNG CẠN NƯỚC | 55 – tùy bút *Biện thị Thanh Liêm* • IM LẶNG SẮM SÉT | 56 – thơ *Tâm Thường Định* • VÔ VỊ CHÂN NHÂN | 57 – truyện ngắn *Toại Khanh* • MÙA THU HẢI ĐẢO | 59 – thơ *Minh Nguyệt* • NGƯỜI Ở TRÊN MÁI NHÀ | 60 – truyện ngắn *Hàn Tâm* • KHOÁC ÁO CHÂN KHÔNG, BỎ QUÊN PHIỀN MUỘN | 63 – thơ *Mai Khanh – Lê Đình Cát* • CHUYỆN TÌNH VỚI ANH CU YÊN | 64 – truyện ngắn *Trần thị Nhật Hưng* • HƯƠNG CHIÊN ĐÀN, TIẾNG ĐÀN TỖ LỒ GIÁ NA | 69 – thơ *Lý Thừa Nghiệp* • CHỊ TÔI | 70 – chuyện ngắn *Văn Hưng* • ĐI, ĐÉN, Ở, VỀ | 72 – thơ *Mỹ Huyền* • MIẾNG ĐẬU HŨ | 73 – truyện ngắn *Lữ* • KHÔNG ĐỀ | 74 – thơ *Nguyễn Văn Phin* • MẶC | 75 – tường thuật của *Huệ Trân* • ĐÊM THU | 79 – tùy bút *Quỳnh My* • KHÓA TU PHẬT PHÁP MÙA THU – CON ĐƯỜNG BỒ TÁT ĐẠO | 81 – tường thuật của *Diệu Trang* • TU BUI | 85 – truyện dài *Trần Kiêm Đoàn* • ĐOÀN QUỐC VINH TRIỂN LÃM: AO NHÀ LUNG LINH | 90 – *Việt Báo* • TIN TỨC PHẬT GIÁO KHẮP NƠI | 92

Tranh bìa: ĐẶNG THỊ QUẾ PHƯƠNG



Chủ nhiệm / Chủ bút: **VĨNH HẢO**

Địa chỉ liên lạc: P.O. Box 374 - Midway City, CA 92655 – USA

Telephone: (714) 623-4285

E-mail: vinhhao@vinhhao.net hoặc phuongtroicaorong@vinhhao.net • Website: www.vinhhao.net

Bài đăng trên Phương Trời Cao Rộng do văn thi hữu gửi đến bằng e-mail với attachments, đĩa (CD), hoặc viết tay trên một mặt giấy. Bài không đăng không gửi lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc nếu cần. Bài có nhuận bút xin ghi rõ “yêu cầu nhuận bút.”

Phương Trời Cao Rộng là nơi tập đại thành những bài viết của Tăng Ni và văn thi sĩ Phật giáo khắp nơi, nhiều khuynh hướng, nhiều giáo hội, tông phái, do đó không nhất thiết phản ánh quan điểm và chủ trương của tạp chí.

QUÉT RÁC

(THƯ SỐ 18 của NGƯỜI CHỦ TRƯỞNG)

Vĩnh Hảo



Những hoa hồng hôm qua nở đẹp dưới nắng buổi đầu thu, nay đã rụng xuống sân, về thành một khoanh nhỏ lồi lõm những cánh hoa teo rút, đỏ tía. Lá vàng từ cây kiềng vườn nhà kể bên cũng lác đác rải xuống vườn này. Trời không gió, nhưng lạnh. Qua khung kiềng cửa sổ hướng về vườn trước, thấp thoáng có bóng người bộ hành băng ngang, khoác áo dày, dẫm trên lá xào xạc. Ngập trên bãi cỏ và lối đi là lá phong, nhiều màu, từ vàng nhạt đến đỏ sẫm. Nhìn từ xa, chỉ thấy một thảm lá dày, thỉnh thoảng giao động như những đợt sóng nhỏ gợn nhẹ trên mặt đại dương chóia ánh mặt trời.

Thảm lá ấy sẽ được trải khắp vườn trước như thế cho đến cuối tuần, khi những người làm vườn mang máy thổi và dụng cụ hốt rác đến. Chẳng biết nên buồn hay vui khi lá vàng được dọn sạch, trả lại cho khu vườn về gần nắp, sạch sẽ cố hữu, như mọi người mong đợi.

Hoa trên cành, lá trên cây, người trên đời, khi rơi ngã xuống, mang theo sinh khí và cái đẹp xuống lòng đất. Những cánh hoa phai và những chiếc lá vàng nhiều sắc màu, cũng chỉ trong một thời gian ngắn đã trở thành rác rến. Trên thực tế, mỹ quan chẳng qua cũng chỉ là một thoáng lãng mạn của những kẻ dị cảm, đa tình, không thắng nổi cái ngăn nắp trật tự và vệ sinh chung của đời sống xã hội.

“Con nai vàng ngơ ngác, đạp trên lá vàng khô.”
Nai có thích lá vàng không thì không biết. Người thì hầu như đa số thích ngắm lá vàng mùa thu, còn trên cành hay

rụng đầy mặt đất. Người cũng thích dẫm lên lá khô, lắng nghe tiếng lào xào vui tai. Có khi hứng thú nằm lăn trên thảm lá, đùa giỡn với nhau, hoặc chỉ một mình, nằm im, lắng ngắm những cánh chim bay ngang trời thu tịch mịch, và lắng nghe tiếng gió rung đưa những hàng cây trơ trụi.

Nhưng đó chỉ là những phút nhàn tản, nghỉ ngơi, muốn tận hưởng vẻ đẹp của thiên nhiên nơi bãi cỏ, công viên, bìa rừng... còn ở nhà, sân trước hay vườn sau, lá vàng khô là rác rến, cần phải hốt dọn.

Thực tế của đời sống trong tương quan xã hội là như thế. Những gì đã rơi, tàn, phai, héo úa, không còn dính vào thân, không còn là sở hữu của ai, hoặc không ai muốn sở hữu... đều là rác.

Tóc huyền ai thơm, tung bay những chiều lộng gió, rời khỏi mái đầu ấy, một sợi hay một nhúm, trên đất hay trong thức ăn, sẽ không còn là chủ đề cho một câu thơ lãng mạn.

Rác. Rác. Rác. Nhìn đâu cũng thấy rác là đặt chân nơi cánh cửa của chánh kiến, phân biệt chánh-tà, thiện-ác. Rác là những gì đã được sinh ra, tạo ra, mà không duy trì được trạng thái nguyên thủy của chúng, hoặc không cần thiết dùng đến nữa. Nhân nơi rác mà thấy cái tướng hoại diệt. Không có sinh thì không có diệt. Không có diệt thì không có rác. Cho nên việc quét rác, dọn dẹp là việc trường kỳ không bao giờ dứt, của người phu

chuyên nghiệp đối với vệ sinh chung, của mỗi người đối với nơi trú ẩn sinh sống của mình, và nhất là những người mang hạnh nguyện quét lá, lau chùi, nơi già-lam tịnh địa.

Quét dọn rác rến, lau chùi bụi bặm là hiện tượng, cũng là hiện tượng, của việc trau luyện nội tâm, tịnh hóa ý niệm. “*Thời thời thường phát thức, vật sử nhạ trần ai.*” Lau chùi trong từng giây phút, từng niệm, đừng để bụi rác bám vào. Mỗi ý niệm khởi sinh, rồi tan biến đi, đều trở thành rác. Dù là ý niệm tốt hay xấu, cũng đều là rác.

Trong thiền quán, dùng niệm sau để xua đuổi hoặc quan sát niệm trước thì cũng giống như dùng chổi mà quét rác. Niệm trước là rác, niệm sau là chổi. Niệm trước vừa sinh, đã diệt, trở thành rác. Niệm sau mới vừa làm chổi, đã trở thành rác, để rồi bị cái niệm sau đó nữa, quét đi. Rác, chổi, rác, chổi, rác, chổi... Chổi, rác, chổi, rác, chổi, rác... Cứ thế mà thực tập, người quét rác dần tiến đến trạng thái không còn rác phát sinh: vô niệm. Rác không sinh thì chổi cũng không sinh. Không rác thì cần gì chổi. Có rác nên có chổi. Nhưng nếu tự thân rác vốn đã là chổi thì tự thân chổi cũng vốn là rác. Cây chổi cùn, không dùng được nữa, dù còn rác hay hết rác, thì chổi đó cũng đã là rác. Tiêu đích cuối cùng của việc quét rác là ở chỗ không còn rác; nhưng tâm thái và hành vi thượng thừa của sự nghiệp quét rác chính là lúc có thể vứt đi cái chổi. Không dừng mảnh vật đi cái chổi thì muôn đời, dù khổ nhọc công phu đến đâu, vẫn cứ là rác.

Chổi. Chổi. Chổi. Nhìn đâu cũng thấy chổi là đặt chân nơi cảnh giới diệu dụng của phương tiện. Nơi ấy, nhìn đâu cũng thấy Phật Pháp; đặt tay vào phương tiện nào, phương tiện ấy trở thành Phật Pháp. Không thấy được công dụng của chổi thì không thấy Phật Pháp. Không thấy được mục tiêu của chổi, lập tức biến chổi thành rác, không cần chờ cho chổi hư hoại, cùn mòn. Thấy được mục tiêu của chổi thì có thể dùng bất cứ vật dụng nào để quét dọn rác và bụi bặm, không nhất thiết phải là chổi.

Chân lý không thể được diễn đạt rốt ráo bằng ngôn ngữ văn tự. Nói, diễn tả, là để hiển bày chân lý, giống như dùng chổi mà quét rác. Xua quét đi tất cả những gì không phải sự thật để hiển bày sự thật. Ở nơi chốn không còn gì để quét, không còn gì để lau chùi được nữa, mới là cái chỗ tốt cùng của việc lau quét, chứ không phải ở nơi bụi rác, cũng không phải ở nơi khăn lau và cây chổi.

Không thể nhân danh chân lý tối thượng để tổn hại kẻ khác, dù bằng ngôn ngữ của chánh pháp, huống hồ là ngôn ngữ thế tục, phi pháp. “*Pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp.*” Phật Pháp cũng chỉ là phương tiện, là chổi để quét, và cũng là rác cần dọn đi.

Với cái tâm bất chánh thì dù có dùng ngôn ngữ của chánh pháp, nhân danh mục tiêu tối hậu của chánh pháp, vẫn cứ là những manh động của tà kiến, của tà nhân. Chánh pháp cần được tuyên dương và truyền bá là do có thể nương nơi đó mà thấu đạt sự thật. Nhờ sự thật mà sống an lạc và hạnh phúc, giác ngộ và giải thoát. Cho nên, nếu vì chánh pháp mà thương tổn, tác hại đến người khác, thì chẳng khác gì phi báng chánh pháp. Đó là dấu hiệu của cây chổi chưa kịp quét rác mà đã trở nên mục rữa như rác rưởi.

Từ mục đích tối hậu là hiển bày chân lý, chúng ta vẽ nên những lý tưởng, vận động những phong trào, dựng nên những tổ chức. Những thứ ấy, nếu cố gắng gìn giữ, bảo vệ, điều hướng một cách khéo léo, có thể phần nào tương hợp với mục đích tối hậu kia, ít ra cũng lợi mình lợi người trong một thời gian hay hoàn cảnh nào đó. Ngược lại, sẽ dẫn đến một kết quả tệ hại, xa vời, chẳng một chút dính nhập đến mục tiêu nhắm đến. Lý tưởng, phong trào, tổ chức... là những phương tiện, nhưng thường khi lại trở thành cứu cánh để tôn thờ, bảo vệ, rồi từ “cứu cánh ảo” ấy, tranh thủ những địa vị và danh vọng hão huyền, đến nỗi có thể vì chúng mà đánh mất lương tri, làm bạn với kẻ ác, sẵn sàng làm điều ác, biến lý tưởng, phong trào, tổ chức của mình thành đồng rác uế nhiễm mà không tự biết.

Kẻ thượng trí là người có thể tạo nên tất cả mà cũng sẵn sàng vứt bỏ tất cả. Không thấy được sự giả lập của phương tiện thì muôn kiếp chỉ lần quần trong đồng rác trần gian.

Gió. Gió. Gió. Gió động hay lá động? Từng cơn gió lùa qua làm chao động mặt lá. Thịnh thoảng có cơn gió xoáy, cuốn xoay những chiếc lá vàng đưa lên cao, dẫn đi xa, rồi thả chúng rơi rụng dần nơi góc vườn. Có gió hay lá nào động đâu! Chỉ là vọng động của tâm. Thiền sư Huệ Năng đã từng nêu ý đó.

Những gì bạn nói, những gì tôi nói, đều là rác cả. Chẳng có lời nào có thể ở mãi với đời; bởi vì âm thanh, ngôn ngữ, cũng đều là tướng của vô thường, hoại diệt. Chỉ ở cảnh giới bất động của tâm, khi mà con đường ngôn ngữ tuyệt dứt, mới hiện bày một thế giới cao rộng bao la; nơi đó, không có bụi rác, không có chổi, không có gió. *Ngôn ngữ đạo, đoạn. Tâm hành xứ, diệt.* Nơi đó, là niềm tịch lặng thâm sâu không bờ mé, là chỗ mà cả ý và lời đều không thể chạm đến được.

California, 15 tháng 11 năm 2007.

thơ NGUYỄN ĐỨC BẠT NGÀN

(trích từ *Ngày Ngó Xuống* của NĐBN)

NGÀY NGÓ XUỐNG

ngày trở lại em vai mồn một thuở
ngọn ngành nào quán bởi tóc mai xưa
lá đã rụng sao cây còn bờ ngõ
đội người tàn theo với dáng tóc mưa
 ngày trở lại nghẹn chìm trong ảo vọng
 khởi lên trời từng giọt nước tan hoang
 con mắt khép sông hồ xao xuyến chong
 đội bên người những tình tiết vang vang
ngày ngó xuống mông mênh em ngân ngại
nghìn năm ta còn ngậm máu oan thù
ngày ngó xuống nghe ngõ ngang trẻ dại
chút an bình bên nổi chết thiên thu

MỘT PHƯƠNG TRỜI

người đứng ngắt một đời sông núi
con mưa chiều vỗ vập ta đau
đêm gió dậy bao vòng lửa rồi
một phương trời
hai phương đất trông nhau
 người ở lại nuôi nghìn biển rộng
 ta ra đi quên vạn sông dài
 chút hạnh phúc mồn như ảo vọng
 sao hôm buồn chợt tắt sao mai
con chim đậu cành cao bão tuyết
trái tim nào đang đâm chồi sương
cánh bướm lộng đưa tay chào
vĩnh quyết
bọt sóng gào chìm khuất quê hương

NHA TRANG, HÀNH CA M.

từ đáy mắt em xanh màu biển cả
có anh về ời nắng ấm nha trang
ngày trong vắt với tia nhìn kẻ lạ
rộn trong hồn những thương nhớ khuê vang
 bờ cát đỏ nghe lụy phiền biết mấy
 thuở nào xa em còn giữ không em
 triền núi dựng tự một thời nắng cháy
 khi anh về mưa thở ngát trong đêm
dừa là ngọn đưa hương về bến chợ
anh đi theo bằng những bước xuân tươi
em hiền dịu như rừng bông trắng nở
đường bay xưa còn đọng cuối phương trời
 xin tặng hết cho người này trẻ dại
 núi chuyển mùa thương suốt tóc em trong
 xin gửi hết cho người lần trở lại
 bóng mây chiều thơm một chút kiêu vong
từ đáy mắt em xanh màu biển cả
rộn trong hồn những yêu dấu khuê vang
ngày trong vắt đắm đắm nhìn kẻ lạ
anh đã về ời nắng ấm nha trang

CỔ TÍCH

anh đi xuống thì thang đời đã ngủ
nghe chồi hương đang khởi ngọn từ bi
từ ước hẹn góp chung giòng đại thụ
em hôn mình như mắt ướt trên mi
 có một bận anh theo về thuở trước
 vỗ âm buồn em một phiến mây đưa
 sườn đá dựng có thềm như bóng nước
 bóng chim nào hôn tắm cá hôm xưa
trời cổ tích lần theo giòng nến cháy
em yêu này mai nhớ trảy về xuôi
từ ngọn lá đổ vai hờn đã dậy
còn chi em, buốt nghẹn đáy tim người

TU LUYỆN TÂM XÃ

(Cultivating Equanimity – trích dịch từ *An Open Heart*)

Nguyên tác: *Đức Đạt Lai Lạt Ma*

Chuyển ngữ: *H.T. Thích Trí Chơn*



Để bày tỏ lòng thương chân thật đối với mọi người, chúng ta phải xoá bỏ sự thiên vị trong thái độ của chúng ta đối với họ. Ý nghĩ bình thường của chúng ta đối với kẻ khác luôn bị không chế ảnh hưởng bởi những cảm xúc phân biệt và dao động. Chúng ta có cảm giác gần gũi với người chúng ta thương. Đối với những người lạ hay không quen chúng ta cảm thấy xa cách. Và đối với những kẻ chúng ta thù ghét, không thân thiện hay cách biệt, chúng ta cảm thấy ác cảm hay khinh miệt.

Tiêu chuẩn mà chúng ta phân loại mọi người thành kẻ thù hay bạn bè rất rõ ràng. Nếu một người gần gũi hay tử tế tốt bụng với ta, người đó là bạn của ta. Nếu một người làm hại hoặc gây khó khăn cho ta, người đó là kẻ thù của ta. Kèm với sự ưa thích mà chúng ta dành cho các người thân thương là những tình cảm như lòng quyến luyến và sự mong ước được gần gũi mến yêu. Tương tự, chúng ta dành cho những người chúng ta không thích với những cảm xúc tiêu cực như tức giận hay oán thù. Do đó, lòng từ bi của chúng ta dành cho mọi người luôn có giới hạn, thiên vị, thành kiến và với điều kiện là liệu chúng ta cảm thấy có gần gũi được với họ hay không.

Lòng từ bi chân thật phải là vô điều kiện. Chúng ta nên thực hành tâm xả để vượt qua những cảm xúc phân biệt và thiên vị. Phương cách để tu luyện tâm xả là chúng ta suy nghiệm về tính không bền chắc của tình bạn. Trước hết chúng ta cần suy xét để nhận thấy không có gì bảo đảm rằng người bạn thân của chúng ta hôm nay sẽ mãi mãi là bạn thân suốt đời. Tương tự chúng ta có thể tưởng tượng rằng người mà chúng ta không ưa thích không hẳn sẽ mãi mãi như vậy. Các suy nghĩ đó khuếch tán những cảm xúc mạnh mẽ của sự thiên vị và hủy diệt tính bất biến của tình cảm lưu luyến trong chúng ta.

Chúng ta cũng có thể suy niệm về những hậu quả tiêu cực của lòng quyến luyến mà chúng ta dành cho bạn

bè và ác cảm đối với kẻ thù. Những cảm giác của chúng ta đối với bạn bè và người yêu đôi khi làm cho chúng ta mù quáng. Chúng ta phóng đại những phẩm chất mà mình khao khát nơi người đó và tin chắc là mình không hề sai lầm. Sau đó, khi chúng ta nhận thấy sự việc không đúng với những gì mà chúng ta phóng đại rồi chúng ta choáng váng. Chúng ta đu đưa rơi từ đỉnh cao tốt cùng của tình yêu và mong ước xuống đến sự thất vọng, chán ghét và thậm chí là tức giận. Ngay cả cảm giác hài lòng và thoả mãn trong mối liên hệ với một người nào đó mà chúng ta yêu thương có thể dẫn đến sự thất vọng, chán nản và căm thù. Các phần tử có cảm xúc mạnh mẽ như những người có tình yêu lãng mạn và lòng căm thù chính trực thường bị lôi cuốn bởi những cảm xúc này và niềm vui của họ chỉ thoáng qua. Theo quan điểm Phật giáo, tốt hơn hết chúng ta không nên nắm giữ những cảm xúc như vậy ngay từ lúc đầu.

Những hậu quả khi bị chế ngự bởi lòng hận thù là gì? Danh từ “*Shedang*” hay “*căm thù*” của Tây Tạng có nghĩa là sự thù nghịch từ nơi sâu thẳm trong lòng. Có một điều gì đó không hợp lý khi chúng ta phản ứng lại những điều bất công hoặc gây tổn hại bằng tâm thù hận. Lòng căm thù của chúng ta chẳng gây ảnh hưởng đến thân xác kẻ thù của chúng ta, nó không làm tổn hại cho họ. Đúng hơn, chính chúng ta lãnh chịu những hậu quả xấu, đắng cay do lòng hận thù của chúng ta gây ra. Nó đục khoét chúng ta từ bên trong. Khi tức giận, chúng ta ăn chẳng biết ngon. Chúng ta không thể ngủ thẳng giấc, nằm lăn qua trở lại suốt đêm mà không cách nào chọn mắt được. Nó ảnh hưởng sâu xa đến chúng ta trong khi đó kẻ thù của chúng ta tiếp tục sống vui vẻ hạnh phúc không biết gì đến tình trạng phiền muộn của chúng ta.

Vượt thoát ra khỏi lòng hận thù và tức giận, chúng ta có thể giải quyết mọi tình huống có kết quả tốt hơn nhiều. Nếu chúng ta tiếp xúc mọi việc với tâm xả chúng

ta sẽ nhìn thấy vấn đề một cách rõ ràng hơn và từ đó giúp chúng ta áp dụng phương pháp tốt nhất để giải quyết vấn đề. Ví dụ, nếu một đứa bé đang làm một hành động gì đó gây nguy hiểm cho chính nó và mọi người như là chơi với những que diêm, chúng ta có thể trừng phạt nó. Khi chúng ta đối xử một cách thẳng thắn như vậy, một điều rất có thể xảy ra là đứa bé sẽ không phản ứng sự tức giận của chúng ta mà đáp lại ý thức khân cấp và lo ngại của chúng ta.

Đây là cách giúp chúng ta nhận biết rằng kẻ thù đích thực hiện đang nằm trong lòng chúng ta. Đó là tính ích kỷ, lòng quyền luyến và sự tức giận của chúng ta. Chúng ta nên biết khả năng kẻ thù gây hại cho chúng ta rất hạn hẹp. Nếu một người nào đó thách thức kích động chúng ta, chúng ta nên kiềm chế bản thân mình không trả đũa lại, thì dù cho người đó có làm gì đi nữa họ cũng không thể gây hại cho chúng ta. Trái lại, khi những cảm xúc mạnh mẽ như vô cùng tức giận, căm thù hay lòng ham muốn xuất hiện, chúng tạo nên sự rối loạn trong tâm hồn chúng ta. Ngay lập tức chúng phá hoại sự an lạc trong tâm chúng ta cũng như tạo nên sự buồn phiền, đau khổ và huỷ diệt công đức tu hành của chúng ta.

Khi chúng ta hành trì tâm xả, chúng ta có thể nhận thức được rằng những khái niệm về “kẻ thù” và “bạn bè” có thể thay đổi và tùy thuộc vào nhiều yếu tố khác. Không có ai vừa mới sinh ra đã là bạn bè hay là kẻ thù của chúng ta và cũng không có gì bảo đảm rằng các bằng hữu mãi mãi sẽ là bạn bè của chúng ta. “Bạn bè” và “kẻ thù” được phân chia tùy thuộc vào thái độ cư xử của họ đối với chúng ta. Những người mà chúng ta tin rằng họ yêu thương và chăm sóc chúng ta, chúng ta thường xem họ như những người bạn thân và thương mến của mình. Những người mà chúng ta tin rằng họ có những ý nghĩ xấu và muốn làm hại chúng ta là những kẻ thù của chúng ta. Cho nên, chúng ta xem mọi người là bạn bè hay kẻ thù đều dựa trên nhận thức về những ý tưởng và cảm xúc mà họ dành cho chúng ta. Vậy thì, không có ai thực sự là bạn bè hay kẻ thù của chúng ta.

Chúng ta thường nhầm lẫn giữa hành động của một người và con người thực sự của họ. Thói quen này khiến chúng ta quyết định rằng bởi vì một hành vi hay lời nói nào đó, người ấy trở thành kẻ thù của chúng ta. Tuy nhiên, thực ra người đó không hẳn là bạn và cũng không phải là thù. Họ không phải là Phật tử hay Thiên Chúa giáo; không phải là người Trung Hoa; cũng không phải là người Tây Tạng. Trong nhiều trường hợp, một người mà chúng ta liên hệ lâu dài có thể thay đổi và trở thành người bạn thân nhất của mình. Cho nên, chẳng có

gì lạ khi chúng ta nghĩ rằng: “Ồ! *Bạn đã từng là kẻ thù của tôi trong quá khứ, nhưng hiện tại chúng ta là những người bạn tốt.*”

Phương pháp khác để tu tập tâm xả, cũng như vượt qua cảm xúc thiên vị và phân biệt là chúng ta nên suy nghĩ rằng mọi người đều bình đẳng và khao khát được có hạnh phúc cùng không thích khổ đau. Thêm nữa, tất cả chúng ta đều cảm thấy rằng mình có quyền hoàn thành khát vọng này. Làm sao chúng ta biện hộ cho điều ấy? Rất đơn giản, nó là một phần trong bản chất căn bản của con người. Tôi không phải là người duy nhất, bạn cũng không có một đặc quyền nào cả. Khao khát của tôi muốn được hạnh phúc và vượt qua đau khổ là một phần trong bản tính của tôi; đó cũng là một phần trong bản tính của bạn. Như vậy, tất cả mọi người đều có quyền hưởng hạnh phúc và tránh khổ đau, đơn giản vì mọi người có chung bản tính căn bản này.

Dựa trên nền tảng của sự bình đẳng này, chúng ta nên phát triển tâm xả đối với mọi người. Trong lúc thiền định, chúng ta cần luyện tập tư tưởng “*Chính bản thân tôi muốn sống có hạnh phúc và không thích khổ đau, mọi người khác cũng vậy; chính bản thân mình đương nhiên có quyền thoả mãn khát vọng này và mọi người cũng có.*” Chúng ta nên lập lại ý tưởng này vào lúc chúng ta thiền định và cả trong cuộc sống hằng ngày cho đến khi nó thấm nhuần vào tâm hồn chúng ta.

Còn một điều quan trọng cuối cùng, là con người, hạnh phúc của chúng ta tùy thuộc rất nhiều vào đời sống của mọi người và chính sự sống của chúng ta là kết quả của sự đóng góp của nhiều người khác. Sự ra đời của chúng ta phụ thuộc vào cha mẹ chúng ta. Sau đó, chúng ta cần sự chăm sóc và tình thương của cha mẹ chúng ta trong nhiều năm. Sinh kế, nơi ở và phương tiện sinh sống của chúng ta; ngay cả sự thành công và danh tiếng của chúng ta cũng là kết quả của nhiều đóng góp của vô số người khác. Trực tiếp hay gián tiếp, nhiều người liên hệ đến sự tồn tại của chúng ta – chưa kể đến hạnh phúc của chúng ta.

Nếu chúng ta mở rộng sự suy luận vượt khỏi giới hạn của một đời người, chúng ta có thể nhận thấy rằng trải qua nhiều kiếp trước của chúng ta - thực ra, kể từ lúc khởi thủy khai thiên lập địa, rất nhiều người đã đóng góp vô số kể vào hạnh phúc của chúng ta. Chúng ta có thể kết luận: “*Ta dựa vào đâu để mà đối xử phân biệt? Tại sao mình có thể bày tỏ thân thiện với một số người và thù nghịch với một số người khác? Ta phải vượt qua mọi cảm xúc phân biệt và thiên vị. Mình phải giúp đỡ cho mọi người một cách bình đẳng như nhau.*”

Cuối Mắt Đầu Môi

TRẦN VĂN LÊ

Lẽ nào mới đó đã ngàn năm? Từ Thức là ta? Đứng ngại ngần! Hư ảo một vùng, lên với xuống? Xuống, lên, gì cũng côi hư không!

Tiếng chuông chùa núi Cô Tô vọng, thuyền khách ngày xưa hứng cái tình... Ta, kẻ ngàn sau, chuông chắc vỡ, chỉ còn sao rụng giữa mộng mênh!

Thèm ời được nắm đuôi trâu xám lẻo đẻo hoàng hôn nhạt lá vàng. Không đưa mục đồng. Thôn xóm vắng. Gió Đông, Đoàn được lúc lang thang...

Ta vói tay lên, không bóng nguyệt. Ta chùn chân bước, biết đêm sâu. Ngàn năm đâu phải là tia chớp mà nước non quên chỗ gói đầu!

Ta về như vậy, giống như đi. Thuở ấy, lòng ta chẳng hứa gì. Thân xác rã rời như rác rến, tấp vào đâu cũng chỗ chia ly...

Biết đã chia ly lại thở buồn! Sống chi để cứ nhớ Quê Hương? Nếu chừa gặp nhĩ vài em bé, chúng ngó mình, sao? Chắc chúng thương?

Ta ngã lưng, hè, bến vắng tanh. Con đò Chín Xía đã trôi nhanh từ ngàn năm trước, năm đình chiến, để lại đìu hiu đám lục bình!

Em chẳng chờ ta. Em đã chết. Ta còn sống bởi tiếc chiêm bao. Hỡi ời, khi tỉnh: đời hư ảo, đâu nữa chỗ nào thấp với cao...

Non nước ngày về đau cuối mắt, đầu môi lấp lánh mấy câu thơ...



NHỮNG GIÁ TRỊ PHỔ QUÁT của BỒ TÁT HÀNH ⁽¹⁾

Tuệ Sỹ

I. LÝ TƯỞNG VÀ HIỆN THỰC

Khi nhà triết học khám phá ra quy luật biện chứng, hình ảnh thế giới thay đổi.

Trước khi học triết học, rồi tư duy trên cơ sở những gì được lưu truyền qua các thế hệ triết gia, ông cũng như mọi sinh vật khác bị ném vào một thế giới được biết là đã tồn tại từ một khởi điểm thời gian nào đó, hay không từ một khởi điểm nào cả. Thế giới ấy luôn luôn biến động. Cho đến một lúc, trong ông, và cũng là trong một kỷ nguyên nhất định của tư duy, một khát vọng thúc đẩy càng lúc càng sôi nổi. Khát vọng vĩnh cửu. Như một đứa trẻ khi biết rằng sau số một là số hai, và cứ thế con số lớn dần, nó bắt đầu đi tìm sự tồn tại của con số vô hạn. Cũng vậy, nhà triết học, trong quá trình tư duy, cho đến một lúc, nhận thức đằng sau những hiện tượng biến thiên bất định của thế giới tồn tại một thế giới vĩnh cửu. Có khi ông gọi đó là thế giới ý niệm. Có khi ông gọi đó là Hữu thể, hay Tuyệt đối thể.

Thế nhưng, một phi lý kỳ dị luôn luôn sẵn sàng làm sụp đổ mọi công trình tư duy, dù đó là công trình được gây dựng qua nhiều thế kỷ. Ông tưởng mình đã nắm được ý niệm như là lý tính bất biến. Nhưng cái ý niệm tuyệt đối và bất biến ấy kéo theo nó một tập hợp các ý niệm, như một đồng hạt ác-xoa luôn luôn dính chùm nhau. Ý niệm tam giác trong thế giới của lý tính không tuyệt đối đơn nhất, mà là tập hợp của những điểm, đoạn, góc. Mỗi ý niệm là tập hợp của những ý niệm. Cho đến khi nào ý niệm ấy là một Nhất thể tuyệt đối, không là tập hợp của các ý niệm khác nữa, bấy giờ cái ý niệm tối hậu ấy bỗng nhiên biến mất. Chừng nào triết gia còn chiêm nghiệm thế giới của các ý niệm trong tính thể tĩnh tại, bấy giờ ý niệm, dù là tập hợp của các tập hợp con, vẫn được nhận thức như là tồn tại bất biến. Nhưng khi triết gia nhìn nó trong thế giới vận động không ngừng, ý niệm ấy tức thì tan rã, sụp đổ. Song, ngoài thế giới biến dịch vô thường ấy, không tồn tại thế giới tĩnh tại, thường hằng nào khác để làm căn cứ cho nhận thức phát khởi.

Như vậy, sau khi khám phá quy luật biện chứng, triết gia cũng khám phá tính hiện tượng của tồn tại. Nghĩa là, thức, như là chủ thể của nhận thức, không hề là thực thể

độc lập và biệt lập ngoài đối tượng của nó. Thức tồn tại với yếu tính là vươn đến đối tượng của nó. Và, cái gì không hiện thực, cái đó không có tác dụng. Cho nên, đối tượng của thức là thế giới biến dịch, vận động. Thăng hoa những gì tồn tại trong biến dịch thành thế giới thường hằng, đó là bản chất của trí phân biệt, nó nối những đốm lửa quay liên tục thành một vòng lửa. Không có thực tại thường hằng nào đằng sau hay bên dưới thực tại biến dịch, không ngừng vận động.

Vận động; cái đang tồn tại luôn là cái đang trở thành. Tất nhiên không phải biến dịch để trở thành cái khác, tự thể trở thành tha thể. Sự trở thành cái khác là ngoại hiện. Nó trở thành chính nó, để như là chính nó. Nhưng nó không tồn tại như một tự ngã bất biến. Vậy, nó là gì? Chỉ có thể nói, nó không là nó, hay không là gì cả, cho nên nó chính là nó. Cách trả lời thâm thiết nhất là sự im lặng. Chúng ta đã thấy sự im lặng của Duy-ma-cật như là đỉnh cao của quá trình đi tìm tuyệt đối thể, đi tìm cái bất nhị, không hai: không phải nó, cũng không phải không là nó, nhưng chính là nó.

Từ chỗ im lặng đó, một câu hỏi có vẻ ngớ ngẩn được hỏi: sau sự im lặng ấy là gì? Nghĩa là, thế giới của sự im lặng ấy là gì, khi mà ở đó mọi biểu hiện của ngôn ngữ bị cắt đứt, mọi hình thái tư duy đều vắng bật? Tất nhiên là không có câu trả lời minh nhiên. Nhưng chúng ta có thể hiểu được rằng đó là thế giới để sống. Như một người trầm mình trong dòng nước mát, để cho toàn thân được thấm nhuần cảm giác mát mẻ vi diệu, khi ấy không còn câu hỏi “nước là gì?” Cũng vậy, sau sự im lặng của Duy-ma-cật, thế giới đột nhiên trở lại với những sinh hoạt nhật thường của chúng sinh.

Bậc Thánh giả đặt cái thế giới bất nhị ấy vào ngay trong sinh hoạt thường nhật không phải là Duy-ma-cật, không phải là Văn-thù, mà lại là Xá-lợi-phất. Khi mà Duy-ma-cật im lặng, Văn-thù tuyên dương và năm nghìn Bồ tát bước vào cửa pháp bất nhị, liền ngay khi ấy Xá-lợi-phất tự hỏi: “Sắp đến giờ ăn, các Bồ tát này sẽ ăn ở đâu đây?” Ngài không hỏi các Thanh văn, mà hỏi các Bồ tát, những vị vừa thâm nhập thế giới Tuyệt đối bất nhị.^[2]

Các nhà chú giải nhận thức ý nghĩa vi diệu trong sự im lặng của Duy-ma-cật và tuyên dương của Văn-thù mà liệt ý nghĩa của Xá-lợi-phất vào hạng căn cơ thấp kém.[3] Nhưng ở đây chúng ta nên nhìn vấn đề từ một góc độ khác. Trong quá trình kiến thiết cõi Phật thanh tịnh, Bồ tát tự trang bị cho mình một căn bản tư tưởng để hành đạo. Căn bản ấy là pháp môn bất nhị, mà ý nghĩa tinh yếu của nó là, thế giới của chúng sinh là tịnh độ của Phật. Vì uế và tịnh không là hai thực tại riêng biệt. Như Thiên nữ nói: “Tham dục, thù hận, và ngu si, chính là giải thoát.” Tất nhiên, đây là nhận thức thuần lý. Vậy, phải bắt đầu từ đâu để thể hiện tư duy thuần lý ấy ngay trong sinh hoạt thường nhật? Câu hỏi của Xá-lợi-phất kéo tư duy thuần lý đang có cơ trở thành không tưởng trở về với thực tế thường nhật.

Sinh hoạt thường nhật ở đây trước hết phải nói đến sự ăn. Phật nói, “Tất cả chúng sinh đều tồn tại bởi thức ăn.”[4] Vậy, khi Bồ tát hành đạo giáo dưỡng các hữu tình để cho thành tựu các thiện căn, trước tất cả tất nhiên là cung cấp các loại thực phẩm để các chúng sinh tồn tại. Bởi vì sự nghiệp của Bồ tát là tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sinh. Bằng lý tưởng tịnh Phật quốc độ, Bồ tát hành đạo cho một thế giới an bình, với tất cả điều kiện thuận tiện để khuyến khích ý chí hướng thượng, khích lệ tinh thần cầu học Vô thượng đạo. Đó hẳn là một thế giới mà thiên nhiên không đầy dẫy các sinh loại, không tàng ẩn các tai họa hay thảm họa bất ngờ. Ở đó thiên nhiên sẵn sàng cung cấp vật thực để chúng sinh duy trì sự sống, phát triển các quan năng; là những điều kiện cơ bản cho các tu tập thiền định. Trong bốn loại thức ăn mà Phật nói, đây là loại thức ăn thứ nhất, đoạn thực.[5]

Nói tóm lại, để cung cấp đoạn thực cho chúng sinh, Bồ tát xây dựng các cơ sở kinh tế, bao gồm cả việc xây dựng cầu đồ, đường xá. Đây là phần tài thí và vô úy thí trong ba loại bố thí ba-la-mật của Bồ tát.

Ngoài đoàn thực, chúng sinh cũng cần được nuôi dưỡng bằng sự xúc chạm. Mắt cần nhìn sắc; tai cần nghe tiếng. Nếu không được tiếp xúc với cảnh, căn sẽ thoái hóa.[6] Nhưng nếu tiếp xúc với các cảnh đưa đến khổ thọ, tức những cảm giác khó chịu, không như ý, căn sẽ bị tổn hại. Nếu thường xuyên nghe âm thanh chất chứa, tai có nguy cơ điếc. Các căn tổn hại, khuyết tật, các đối tượng để tu tập thiền định do không được tiếp nhận rõ ràng sẽ gây nhiễu loạn tâm trí. Cho nên, Bồ tát xây dựng tịnh độ với thiên nhiên ưu đãi, cho đến tiếng chim hót, tiếng gió thổi, cùng các loại hoa, hương, thấy đều thuận tiện cho sự tu tập thiền định. Nói theo ngôn ngữ thông tục, tịnh độ của Bồ tát, trong điều kiện tốt đẹp của xúc thực, là môi trường mỹ cảm, một thiên nhiên đầy cảm hứng nghệ thuật. Tất nhiên nó không đưa đến thác loạn, mà dẫn đến trạng thái tập trung tư duy thiền định, để làm

nền tảng cho sự phát triển trí tuệ, quán sát yếu tính chân thật của tồn tại.

Loại thực phẩm thứ ba, ý tứ thực, hay tư niệm thực. Thức ăn để duy trì sự sống là hy vọng. Một đám người bị đắm thuyền, chơi vui giữa đại dương bao la, nhìn thấy đằng xa đồng bọt nước mà tưởng là đất liền, họ cố bơi đến. Khi đến nơi, thấy rõ đấy chỉ là đồng bọt nước, mất hy vọng, họ đuối sức, buông thả cho chìm lĩm, và chết đuối. Bồ tát nuôi sống các chúng sinh trong cõi tịnh độ của mình bằng ý chí hướng thượng, bằng tâm Bồ-đề kiên cố.

Sau hết, thức thực, là thức ăn cho dòng tương tục tồn tại từ đời này sang đời khác.[7] Bởi vì tịnh độ của Bồ tát là thế giới tồn tại của chúng sinh, không phải dành riêng cho các Thánh giả. Các chúng sinh trong đó chết rồi tái sinh, lưu chuyển không ngừng. Bồ tát hướng dòng tương tục ấy đến Đại Niết-bàn.

Với hai loại thực phẩm trước, Bồ tát thực hành bố thí ba-la-mật với tài thí và vô úy thí. Với hai loại thực phẩm sau, Bồ tát thực hành pháp thí. Nói cách khác, theo ngôn ngữ thông tục, với hai loại thực phẩm trước, tịnh độ Bồ tát là thế giới tự nhiên hài hòa, mà sông, núi không là chướng ngại; đá sỏi, gai, thép các thứ không trở thành công cụ trừng phạt, không trở thành vũ khí để tàn sát. Với hai loại thực phẩm sau, tịnh độ của Bồ tát là môi trường xã hội an bình, đạo đức, thuận tiện cho những phát triển tinh thần.

Bây giờ chúng ta quay trở lại phương tượng của Duy-ma-cật. Giả sử trong lúc các bậc đại trí giả đang thảo luận các đề tài đạo lý cao siêu, khi ấy chợt có một người nói đến chuyện ăn uống, người ấy tất bị xem thường. Song, chúng ta cũng biết rằng kinh Kim cang Bát nhã được thuyết sau khi Phật và các Tỳ kheo đi khát thực và ăn xong như mọi ngày. Nhìn từ nội dung của Kim cang, tư tưởng Đại thừa không thể là những mạn đàm không tưởng. Tất cả bắt đầu từ thực tế sinh hoạt thường nhật. Cho nên, ở đây, ý nghĩ của Xá-lợi-phất lại mở ra một thế giới khác, thực tế và sinh động.

Duy-ma-cật trả lời cho ý nghĩ của Xá-lợi-phất: “Phật dạy tám giải thoát. Nhân giả đã thọ hành. Há còn lẫn lộn giữa sự muốn ăn và nghe pháp sao?” Tám giải thoát, bắt đầu bằng sự siêu việt Dục giới, không còn cần thiết đến đoạn thực. Cho đến cuối cùng, diệt tận định, ở đó vượt qua cả ba giới, không còn tồn tại bất cứ loại thức ăn mang tính hữu lậu nào nữa. Xá-lợi-phất là vị Thanh văn bậc nhất trong các vị chứng diệt tận định. Đối với Ngài, các thức ăn hữu lậu không còn cần thiết. Và lại, ý nghĩ của Xá-lợi-phất chỉ nhắm đến đoạn thực, loại thực phẩm chỉ tồn tại trong Dục giới.[8] Các Thánh giả từ A-na-hàm trở lên vì sẽ không tái sinh Dục giới nữa, nên loại thực phẩm này không còn cần thiết. Đối với các Thanh

văn, Phật dạy quán sát bốn loại thức ăn này để thoát ly chúng và như thế để chấm dứt khổ: “Có bốn loại thức ăn giúp ích chúng sinh, khiến được nuôi lớn và sống còn ở đời, đó là: một đoạn thực, hai là xúc thực, ba là ý tư thực, bốn là thức thực. Nếu các Tỷ-kheo nào đối với bốn loại thức ăn này mà có tham, có hỷ, thì ắt phải có ưu bi, có trần cấu. Nếu đối với bốn loại thức ăn này mà không tham, không hỷ, thì ắt không có ưu bi, cũng không có trần cấu.”[9]

Như vậy, điều rất có ý nghĩa là Xá-lợi-phất chỉ nghĩ đến “các Bồ tát này” sẽ ăn cái gì, chứ không hỏi về các Thanh văn. “Các Bồ tát này” là năm nghìn vị vừa mới chứng pháp nhãn vô sinh, mà quả vị chứng đắc đang ở hàng kiến đạo, tức vừa mới thấy chân lý. Trong hàng Bồ tát, họ là các Bồ tát Sơ địa.[10] Trong hàng Thanh văn, họ tương đương các vị Tu-đà-hoàn. Tất cả những vị này đều còn tái sinh Dục giới. Hoặc do nghiệp báo, hoặc do bi nguyện. Còn trở lại Dục giới nên còn cần đến các loại thức ăn mà chính yếu là đoạn thực.

Dù bằng nghiệp lực, hay bằng bi nguyện, dù ở hàng Sơ địa hay Thập địa, hết thấy Bồ tát đều trở lại thế gian, do đó các ngài không khước từ giá trị dinh dưỡng của các loại thức ăn. Không như các Thanh văn quyết nhập Niết-bàn ngay trong đời này, không tái sinh nữa, thì thức ăn các loại là những thứ không còn cần thiết, nên chấm dứt.

Trong một giới hạn nhất định, sự gán ghép bốn loại thực phẩm với sự nghiệp xây dựng Phật quốc thanh tịnh của Bồ tát có vẻ khiên cưỡng. Nhưng từ chỗ suy nghĩ đến sự ăn của Xá-lợi-phất mà những điều thần biến xảy ra tiếp theo đó, tất cả đều tập trung trên ý nghĩa của thức ăn; thế thì sự khiên cưỡng ở đây có thể chấp nhận được. Bởi vì giới hạn của ngôn ngữ, nên khi cần làm rõ một điều này không thể không nói đến một vài điều khác.

Để đáp ứng nghi vấn của Xá-lợi-phất, Duy-ma-cật giới thiệu một thế giới có tên là Chúng hương. Ở đó, tất cả mọi thứ, lâu đài, hoa viên, mặt đất, tất cả được tác thành bởi hương. Điều này quả thật khó nhận thức bởi chúng sinh trong quốc độ của chúng ta đây. Hương là đối tượng của tỉ căn hay khứu giác. Nó cũng được kể là một trong ba thành tố tạo nên đoạn thực.[11]

Thực phẩm nơi thế giới đó được mô tả là có mùi thơm cực kỳ vi diệu, lan tỏa đến vô lượng thế giới khác. Khi một phần cơm ăn dư của đức Phật Hương Tích của thế giới được mang về trong phương trượng của Duy-ma-cật, cả thành Tỷ-da-ly đều thưởng thức mùi hương chưa từng có. Những người thọ dụng cơm này, từ nhà Duy-ma-cật, rồi trở về trong vườn xoài nơi Phật đang ngự, mà mùi hương vẫn còn thơm phức. Duy-ma-cật nói cho A-nan biết công dụng của loại thực phẩm hương này: với hạng phàm phu, cơm tồn tại đến 7 ngày mới tiêu

hết. Hạng ấy chỉ hấp thụ được phần vật chất của nó, nhưng không thể tiến cao hơn nữa. Đối với các Thanh văn, nếu chưa bước vào chính vị tức chưa dự vào hàng Thánh giả, mà ăn cơm này, cho đến khi nào chứng nhập Thánh quả, rồi địa vị phàm phu, bấy giờ cơm mới tiêu. Cho đến những vị đã chứng pháp nhãn vô sinh mà ăn cơm này thì khi nào đạt đến vị nhất sinh bất tử, tức còn một đời nữa sẽ thành Phật, bấy giờ cơm ấy mới tiêu. Loại thực phẩm như vậy quả là phương tiện hành Phật sự.

Diễn tả theo một hướng khác, thực phẩm như vậy là một loại hình ngôn ngữ chuyển tải tất cả ý nghĩa mầu nhiệm của đạo lý. Đối với thế giới của chúng ta, ngôn ngữ trước hết là sự kết hợp các âm vận,[12] hoặc đơn âm hoặc đa âm, từ đó quy ước ý nghĩa và nội hàm của sự vật hay sự việc.

Khi một đối tượng nhận thức được lưu trữ trong kho chứa của thức đề sau này có thể truy cập như là hoài niệm hay kinh nghiệm, nó được lưu trữ với một tên gọi hay danh. Ảnh tượng được lưu trữ của nó bấy giờ là công năng tiềm thế, tồn tại ở đó cho đến khi hội đủ điều kiện thì tái hiện trở lại. Công năng ấy được gọi là danh ngôn tập khí, tức chủng tử được tích lũy dưới dạng danh ngôn.

Một người phàm phu, chưa hề nghe nói đến Thánh đạo. Đối với người ấy, trong kho chứa không hề tồn tại công năng tiềm thế nào có thể tái hiện như là năng lực dẫn người ấy tiến đến Thánh đạo vô lậu. Nhưng sau một lần nghe nói đến một ý nghĩa nào đó liên hệ Thánh đạo; tất nhiên những gì liên hệ đến Thánh đạo được nghe đó chỉ thuần là danh ngôn. Một danh ngôn luôn luôn vẫn là kết hợp nhiều ảnh tượng nhận thức. Thánh đạo vừa được nghe là điều chưa hề xảy ra trong bất cứ quá trình nhận thức nào trước đó. Nhưng, cũng giống như một người chưa hề thấy, cũng chưa bao giờ nghe ai nói đến sư tử là cái gì. Một lần, lần đầu tiên, được một người nói đến danh sư tử, với những mô tả chi tiết. Sự mô tả trung thực và sống động, do người nói hiểu rõ các tính chất của sư tử, và cũng nắm vững nghệ thuật diễn tả tức phương tiện thuyết giáo thiện xảo; bấy giờ các ảnh tượng rời rạc trong nhiều đoạn khác nhau từ ký ức của người nghe liên hệ đến ảnh tượng sư tử được ráp nối lại. Ảnh tượng ấy được lưu trữ bằng một danh ngôn. Từ đó về sau, nhiều lần nghe, nhiều lần tư duy về tồn tại của sư tử, về bản tính cũng như sinh hoạt của sư tử, nhiều lần như vậy, cho đến khi danh ngôn tập khí về sư tử đầy đủ điều kiện để tái hiện, người ấy có thể biết rõ sư tử là gì mà không cần tận mắt thấy.

Người được nghe về Thánh đạo cũng vậy. Luận *Câu-xá*[13] nói: “Pháp uẩn mà đức Mâu-ni nói tính số đến 80 nghìn. Tùy quan điểm, hoặc thế của nó là ngữ tức

thanh, mà liệt vào sắc uẩn; hoặc cho rằng thể của nó là danh, mà liệt vào hành uẩn.” Điều này muốn nói bản chất của ngôn ngữ diễn đạt Thánh đạo trong thế giới này là âm thanh. Phật, Bồ tát, các Thanh văn vận dụng ngôn ngữ như là phương tiện để đưa người đến giải thoát và giác ngộ. Nhưng trong các thế giới khác, phương tiện thuyết giáo, phương tiện để chuyển tải tư duy về Thánh đạo, không nhất thiết phải là ngôn ngữ. Cho nên, sau khi được Duy-ma-cật giải thích thực phẩm được mang về từ cõi Chúng hương chính là phương tiện chuyển tải Thánh đạo, là một loại hình ngôn ngữ, thì A-nan tán thán là điều chưa từng có, chưa từng nghe. Nhân đó, Phật nói với A-nan: Có cõi Phật lấy ánh sáng của Phật làm Phật sự. Ánh sáng như vậy là một loại hình ngôn ngữ khác chuyển tải Thánh đạo. Có cõi lấy y phục, ngọa cụ của Phật làm Phật sự. Có cõi lấy hoa viên, điện đài làm Phật sự. Cho đến, có bốn loại Ma, có tám vạn bốn nghìn cánh cửa phiền não; Phật lấy ngay các thứ đó làm Phật sự, như là phương tiện chuyển tải Thánh đạo để đưa tất cả đi vào cửa giác ngộ.

Sau khi giới thiệu loại thực phẩm vi diệu tối thượng từ thế giới Chúng hương, Duy-ma-cật hỏi trong số các Bồ tát vị nào có thể đến đó thỉnh một phần cơm về cho đại chúng ở đây dùng. Tất cả im lặng. Nhân đó, có nhận xét đặc biệt của Duy-ma-cật mà qua văn dịch có vẻ khinh bạc: “Nhân giả, đại chúng này há không đáng hổ thẹn sao?”[14] Và câu trả lời của Văn-thù cũng là lời cảnh giác tương xứng: “Phật dạy, chớ khinh người chưa học.” Chi tiết này quả thật thú vị nếu nhìn từ góc độ quan hệ xã giao thông thường, trong sự thù tiếp, trao đổi chủ khách. Bình giải sự kiện này, Khuy Cơ nêu lên bốn lý do: Thứ nhất, khách đãi chủ là lẽ thường; cho nên không có trường hợp khách đi lấy cơm về cho chủ đãi. Văn-thù ngạc nhiên về yêu cầu của Duy-ma-cật, nên khiến đại chúng im lặng.[15] Thứ hai, các Đại sĩ cầu pháp, không quan tâm đến chuyện ăn uống, nên không đáp ứng yêu cầu của Duy-ma-cật. Thứ ba, các Bồ tát còn bị ô nhiễm bởi thức ăn, nên tuy được yêu cầu mà không đáp ứng. Sau hết, để Duy-ma-cật tự mình thể hiện thần thông du hý tam-muội.

Dù sao, hai vị Đại sĩ này luôn luôn khiến các sinh hoạt thường nhật, xem có vẻ tầm thường, chuyển tải ý nghĩa chân lý siêu việt. Đó là mối quan hệ của hai phương diện nhìn về một thực tại, chân đế hay chân lý tuyệt đối, và tục đế, hay chân lý quy ước.

II. NHỮNG GIÁ TRỊ PHỔ QUÁT

Long Thọ nói, giáo pháp của Chư Phật y trên hai chân lý, tương đối hay thể tục đế, và tuyệt đối hay thắng nghĩa đế. Những ai không phân biệt được hai chân lý này, không thể hiểu thấu giáo pháp thâm sâu.[16] Cho

nên, từ chỗ quy ước trong mối quan hệ giao tiếp thường nhật, trao đổi của hai vị Đại sĩ mà phong cách ngôn ngữ có vẻ nghịch thường đối với hàng trưởng giả bấy giờ dần vào thế giới mà ở đó những giá trị cũng nghịch thường so với những gì được chúng ta nhận thức bằng các giác quan thường nhật.

Quả thật, chúng ta vốn chỉ quen với những giá trị được nhận thức bởi mắt, tai thường nghiệm. Vượt qua giới hạn đó, là thế giới huyền hoặc, không tưởng. Chúng ta giống như những con cá trong câu chuyện cổ, nghe những gì con rùa kể sau chuyến du lịch đông dài trên đất liền, tất cả đều là bịa đặt. Giới hạn ấy còn khắt khe hơn nữa, khi những gì người khác nhận thức và tư duy khác với ta. Tất cả mọi nền văn minh đều cố nâng nhận thức cá biệt của các thành viên của nó lên tầm cao hơn, phổ quát hơn, những giá trị được chấp nhận bởi nhiều cá thể hơn. Một nhà thiên văn học Trung hoa khi nhìn lên những ngôi sao gần nhau bên kia bờ sông Ngân; ông liền kết chúng lại thành hình ảnh cô gái dệt lụa. Ông gọi đó là chòm sao Chức nữ. Ông có thể cười thầm, khi nghe một nhà thiên văn Hy Lạp, cũng nhìn chòm sao đó, gọi đó là một cây đàn thất huyền. Cho nên, chúng ta không mong đợi tâm lòng bao dung quảng đại của một người mà suốt đời nhận thức không ra khỏi lũy tre làng.

Người hành Bồ tát đạo vì vậy thường được hướng dẫn chu du bằng trí tưởng tượng qua nhiều thế giới hệ khác nhau; để thấy vô vàn sai biệt nhưng cũng thấy tính bình đẳng qua vô vàn sai biệt ấy.

Trong kinh Hoa nghiêm,[17] Bồ tát Kim Cang Tạng nương oai thần của Phật thuyết minh mười địa của Bồ tát. Khi giới thiệu địa thứ nhất, trong đó Bồ tát bắt đầu dự hàng Thánh giả, tự khẳng định mình là một thành viên trong gia tộc của Như lai, của tất cả Như lai chứ không phải chỉ một Như lai. Để đạt được điều đó, trước hết, Bồ tát kia cần phải thành tựu mười đại nguyện, mà mỗi nguyện đều hướng đến tất cả Như lai, tất cả chúng sinh, tất cả đại dương thế giới, quảng đại như hư không. Tất cả chúng sinh, hoặc hữu hình hoặc vô hình, hoặc có tướng hoặc không có tướng, hoặc thai sinh, hoặc thấp sinh, vô lượng vô biên sai biệt. Tất cả mọi hình thái thế giới: hoặc thế giới cực kỳ nhỏ bé, hoặc cực kỳ to lớn, hoặc đứng thẳng, hoặc đứng nghiêng, hoặc lộn ngược, hoặc bằng phẳng, hoặc tròn, hoặc vuông, trùng trùng như trong mạng lưới của Đế Thích. Tất nhiên, lớn hay bé, thẳng hay nghiêng, hay lộn ngược, hay bằng phẳng, đều so với vị trí đứng của chúng sinh trong thế giới hệ này. Nguyện của Bồ tát chỉ có thể lớn, tâm tư chỉ có thể bao dung, nếu vị ấy biết rằng từ vị trí đứng thẳng của mình mà ở nơi kia, trong thế giới phương trên hay phương dưới, tồn tại các chúng sinh đang di chuyển với trạng thái chúc đầu xuống; biết vậy mà vẫn không cho là

ngịch thường, là điên đảo. Từ đó mới có thể chấp nhận những giá trị cá biệt ở đó cũng bình đẳng như ở đây; hết thấy bình đẳng như hư không.

Cho nên, khi Duy-ma-cật thị hiện thần thông du hý, khiến cho đại chúng từ nơi phương trượng của mình trông thấy thế giới Chúng hương, mà các vật liệu xây dựng đều là hương. Và rồi, một hóa thân Bồ tát lại vượt qua vô số thế giới để đến đó; nếu khi nhìn hoạt cảnh ấy mà các đại chúng ở đây thấy đều ngạc nhiên, thấy đều chưa từng thấy, khó tin, khó biết, khó chấp nhận đó là hiện thực. Điều cũng là tự nhiên.

Rồi trong thế giới kia, khi hóa Bồ tát xuất hiện; các đại chúng ở đó cũng kinh ngạc, thấy điều chưa từng thấy: ở đâu, thế giới nào, lại tồn tại sinh vật tí hon, bé như một vi sinh vật so với thân thể cực đại ở đây? Tuy bé nhỏ như thế, nhưng sao lại có thần thông quảng đại như thế, vượt qua bao nhiêu thế giới hệ để đến đây, điều mà Bồ tát cực đại thân ở đây không ai làm được? Sau khi biết được có thế giới như vậy, các Bồ tát này muốn được hướng dẫn đến đó. Trước khi các Bồ tát ấy lên đường, đức Phật Hương Đài của thế giới Chúng hương giáo giới họ: Hãy thu lại mùi hương, hãy thu nhỏ thân thể, và cẩn thận chớ sinh tâm khinh mạn. Đó có thể là bài học khởi đầu cho việc giao lưu văn hóa liên vũ trụ cho các Bồ tát. Nhưng đại chúng vẫn còn khó tin tồn tại những thế giới khác trong đó có sinh vật thông minh như ở trong trái đất này. Vậy, hãy gác qua không gian vũ trụ vô cùng tận ấy, mà xem đó chỉ là mô tả hình tượng, để hướng dẫn mở rộng tâm nhận thức vốn chật hẹp của chúng ta vì chỉ biết cái gì là tồn tại và chân lý, nếu cái đó phù hợp với quy luật nhận thức của ta.

Điều mà chúng ta có thể học được từ hoạt cảnh thị hiện thần thông của Duy-ma-cật, là hãy tưởng tượng một sứ đoàn truyền giáo, đi đến một địa phương xa lạ, trong đó sắc dân được đánh giá là xấu xí hơn, vì màu da không trắng trẻo, thân không cao lớn; tư duy cũng thấp kém hơn, vì không tín ngưỡng tồn tại đâu đó một đấng Chí tôn nhân từ nhưng đôi khi cũng hung bạo nếu loài người chống lại ý định của ngài bất kể ý muốn ấy là thế nào. Trong cách đánh giá ấy, cái gì sẽ xảy ra? Những cuộc tàn sát không thương tiếc, do bên này hay bên kia. Chấp nhận những giá trị dị biệt trong những nền văn hóa dị biệt, đó là điều kiện cơ bản cho một thế giới hòa bình. Đó là bài học lịch sử viết bằng máu của nhân loại.

Thế thì, điều cần thiết với một vị Bồ tát, sau khi đã đi vào cánh cửa bất nhị, bây giờ điều cần làm là làm sao để mở rộng tâm tư bình đẳng đến mọi chúng sinh trong vô vàn thế giới sai biệt? Cho nên, Phật Hương Tích sau khi căn dặn các Bồ tát những điều cần làm để đến tiếp xúc với thế giới Ta-bà, Ngài kết luận: “Bởi vì mười phương quốc độ đều như hư không.” Hư không vốn

quảng đại, vô hạn, bình đẳng; tâm tư của Bồ tát cũng vậy, quảng đại, vô lượng, bình đẳng. Bằng tâm tư đó mà đi trên Thánh đạo.

Trong thế giới bên kia, bài học cho các Bồ tát lên đường đi vào thế giới vô tận là vậy. Bên này, Duy-ma-cật cũng khuyến giáo đại chúng: “Đừng ăn cơm này với ý hữu hạn; vì như vậy sẽ khó tiêu.” Ông lại nói thêm: “Đừng lấy đức trí nhỏ mà đo lường phước huệ vô lượng của Như lai. Nước của bốn đại dương còn có thể khô cạn, chứ cơm này vô tận... Tại sao? Vì đó là thức ăn còn dư của người đã thành tựu công đức của vô tận giới, định, huệ, giải thoát, và giải thoát tri kiến.”

Vượt qua định kiến hình thành từ nhận thức thường nghiệm, giới hạn các quan năng, để tiến tới những giá trị tâm linh phổ quát; đó là thuận tự trong quá trình tu dưỡng để khai phóng tâm tư. Cho nên, tiếp theo sau đó, Duy-ma-cật hỏi các Bồ tát từ nước Chúng hương về sự thuyết pháp và tu tập trong thế giới đó. Các Bồ tát này thuyết minh: “Như lai ở quốc độ chúng tôi không thuyết pháp bằng ngôn ngữ, mà chỉ dùng các hương thơm khiến cho tất cả trời và người có thể thâm nhập luật hành. Mỗi Bồ tát ngồi dưới những cội cây hương, cảm nhận mùi hương vi diệu của cây mà chúng nhập tam-muội Nhất thiết công đức tạng. Ai chứng được tam-muội này tất đầy đủ các phẩm chất mà Bồ tát có.”

Sự nghe pháp, và sự tu tập như vậy quả thật đơn giản. So với thế giới của chúng ta, có quá nhiều điều cần phải học, quá nhiều điều cần phải làm. Như thuyết minh của Duy-ma-cật cho các Bồ tát từ cõi Chúng hương: “Chúng sinh trong cõi này càng cường, khó chuyển hóa, nên Phật giảng thuyết bằng ngôn ngữ cứng rắn để điều phục. Ngài nói: Đây là địa ngục. Đây là súc sinh... Đây là tà hành của thân; đây là quả báo của tà hành của thân... cho đến... Đây là hữu lậu, đây là vô lậu. Đây là chính đạo, đây là tà đạo. Đây là hữu vi, đây là vô vi. Đây là thế gian, đây là niết-bàn...”

Do cách ăn và những gì được dùng làm thức ăn; do biểu hiện ngôn ngữ mà những gì cần học, nhiều điều cần tu không giống nhau; từ đó hình thành những giá trị cá biệt. Nhưng không vì vậy mà có sự phân biệt hơn kém. Không phải cao đẹp hơn, hay cao thượng hơn, vì nhỏ bé mà xinh xắn dễ thương, hay to lớn mà thô kệch; không phải hay vì lời nói khắc khổ, dài dòng, hay nhẹ nhàng mà ngắn gọn. Mọi giá trị sai biệt đều bình đẳng. Từ đó phát hiện, qua những giá trị sai biệt, tồn tại những giá trị phổ quát giữa các thế giới hệ khác nhau. Cho nên, nghe xong, các Bồ tát từ cõi Chúng hương đều cất tiếng ca ngợi: “Thật chưa từng nghe. Đức Thế tôn Thích-ca Mâu-ni Phật đã ẩn đi vô lượng khả năng tự tại, hóa độ chúng sinh bằng pháp mà người nghèo ưa thích. Các Bồ tát ở đây cũng nhẫn nại những khó nhọc, bằng vô lượng đại bi

mà sinh nơi cõi Phật này.”

Thật vậy, các vị này thoát tiên nhận xét chúng sinh ở cõi Ta-bà thuộc loại “nghèo khó nhưng ương ngạnh.” Sau đó tỏ ra hối hận vì nhận xét này, khi được nghe Phật Thích-ca thuyết pháp. Họ nói: “Bạch Thế tôn, lúc mới nhìn thấy thế giới này chúng con có ý tưởng nó thấp kém, bây giờ hối hận, chẳng còn ý đó nữa. Vì sao? Vì các phương tiện diệu dụng của chư Phật thật là bất khả tư nghị.”

Phát biểu này mang ý nghĩa xác nhận giá trị phổ quát. Giá trị phổ quát đó là tính bình đẳng giữa tất cả mọi quốc độ trong tất cả mười phương thế giới. Như Phật đã nói với A-nan: “Hết thảy Chư Phật đều bình đẳng về hình sắc, uy quang, vẻ đẹp, tướng hảo, chủng tộc, giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến...”

Tính bình đẳng được ví dụ như hư không. Hư không ở đây không phải là khoảng không gian trống không giữa các vật thể hữu hình mà mắt thường có thể phân biệt hoặc sáng hoặc tối. Tính bình đẳng của hư không không có nghĩa là xóa hết tất cả dấu vết sai biệt để còn lại một thực tại trống không. Tất cả vẫn tồn tại ở đó; khi mọi vật sinh, hư không không tăng; khi các thứ biến mất, hư không không giảm. Không sinh, không diệt, không tăng, không giảm, là những yếu tính để có thể nhận biết hư không.

Để đạt đến tính bình đẳng như hư không đó, đức Phật Thích-ca Mâu-ni đã thuyết minh cho các Bồ tát Chúng hương về môn giải thoát của Bồ tát gọi là “Tận Bất tận.”[18] Tận, tức kiệt tận, xóa sạch hết mọi thứ cho đến khi tất cả không còn gì.

Thế nào là tận? Các pháp hữu vi đều có xu hướng suy hao, tàn hoại, kiệt tận. Hoặc tuổi thọ cạn hết, hoặc phước đức cạn hết, như có hạng chư thiên kia, do sự kiệt tận ấy mà chết nơi đó để tái sinh nơi đây. Hoặc Tỳ-kheo kia tu tập cho đến khi dứt sạch hết các lậu hoặc ô nhiễm, vị ấy trở thành vô lậu, tâm giải thoát, huệ giải thoát, ngay trong đời này bằng thắng trí, tự thân chứng ngộ và an trú.[19] Nói tóm lại, để đạt đến Niết-bàn giới vô vi, Tỳ-kheo cần phải làm cạn kiệt tất cả khát ái, ly dục. Pháp như vậy được nói tới thượng trong tất cả các pháp hữu vi và vô vi.[20] Nghĩa quy ước của tận và vô tận là như vậy.

Theo nghĩa đó, Khi Duy-ma-cật được Văn-thù hỏi, “Bồ tát nên nhìn đời như thế nào”; đáp: Bồ tát nhìn đời như nhà ảo thuật nhìn vật ảo hay người ảo mà mình tạo ra.[21] Thanh văn hay Bồ tát đều khởi đi từ một thế giới quy ước như vậy. Bởi thế gian này chỉ là tuồng huyền hóa, không thực, nên Bồ tát đi tìm một cái gì đó chân thực không hư dối. Khởi điểm như vậy là chối từ thế giới đang tồn tại trước mắt. Như người đi tìm lõi cây, bóc dần các lớp vỏ ngoài, cho đến khi tìm thấy cái gì là lõi

cây chắc thực.

Đó là cái nhìn lạnh lùng về thế giới, nhân sinh. Bởi vì, mọi pháp trong thế giới Ta-bà này, có vị ngọt của sắc thì đồng thời cũng có tai họa của sắc. Cho nên, đức Phật dạy: Biết thân này như bọt nước, các pháp như quá nắng, như ảo ảnh; ai hiểu rõ điều đó, thoát khỏi cảnh giới của Tứ thân.[22] Trên giường bệnh, Duy-ma-cật cũng giảng giải cho khách đến thăm bệnh chân lý như vậy về nhân sinh: “Thân này như đồng bọt, không thể vốc nắm. Thân này như bong bóng nước, không tồn tại lâu dài. Thân này như quá nắng bốc từ khát vọng yêu thương. Thân này như cây chuối, ruột không lõi chắc. Thân này như huyền, hình thành bởi ý nghĩ điên đảo...”[23]

Dù vậy, thân này đang tồn tại, và cần được nuôi dưỡng để tồn tại. Nó được nuôi dưỡng bởi bốn loại thực phẩm, mà chính yếu ở đây là đoạn thực, thực phẩm vật chất. Thực tế là, loại thực phẩm ấy sau khi được hấp thụ nó bài tiết ra những thứ ghê tởm. Cho nên Phật thí dụ, người thâu nạp đoạn thực, như kẻ lữ hành qua hoang mạc phải ăn thịt dứa con duy nhất thân yêu để sống. Sau khi ăn thịt con, nó vừa đi vừa kêu khóc: “Con tôi đâu? Con tôi đâu?”[24]

Nhưng trong thế giới Chúng hương, loại thực phẩm được hóa thân Duy-ma-cật mang về cho đại chúng, không để lại hậu quả đáng tởm như vậy. Mà thực phẩm ấy, tuy cũng là loại đoạn thực, dù được ăn bởi kẻ phạm phu, vẫn lưu lại mùi hương vi diệu, không đáng nhàm tởm. Đoạn thực ở đó được nhận thức như là phương tiện thuyết pháp của Phật.

Giữa hai thế giới, giá trị của cùng loại thực vật không giống nhau. Vậy thì, trong mỗi thế giới riêng biệt, các pháp tồn tại với giá trị riêng biệt, đặc thù của chúng. Để vượt lên những giá trị quy ước này, Duy-ma-cật khuyến cáo đại chúng không nên ăn cơm từ cõi Chúng hương bằng ý hữu hạn, bằng tâm ý bị ràng buộc trong giới hạn phương vực. Vượt lên giới hạn cá biệt của thế giới là để tiến lên nhận chân giá trị phổ quát, nhận thức tính bình đẳng của tất cả.

Nền tảng để đạt đến giá trị phổ quát, tính bình đẳng ấy là gì? Đức Phật Thích-ca nói với các Bồ tát từ cõi Chúng hương: “Bồ tát không kiệt tận hữu vi, không an trú vô vi. Thế nào là không kiệt tận hữu vi? Không rời đại từ, không xả đại bi, sâu sắc phát tâm cầu Nhứt thiết trí không quên lãng; giáo hóa chúng sinh không hề biết mệt mỏi...”

Cũng như trong đời sống thường nhật, ta đến với một người bằng tất cả tấm lòng yêu thương chân thật, thì cá tính dù thế nào cũng không là bước tường ngăn cách giữa ta và người. Ở đây cũng vậy, bằng tâm đại bi, Bồ tát đến với thế gian không phải để cào bằng mọi giá trị của thế gian; nhưng để tự mình thấy và chỉ cho mọi người

thấy đâu là giá trị chân thực. Như vậy cho nên Bồ tát không giữ chặt cái thấy của mình để cưỡng đặt lên những người khác. Chúng sinh trong thế giới Chúng hương có thân thể cao lớn, đồ sộ, luôn luôn toát ra mùi hương vi diệu. Chúng sinh trong thế giới Ta-bà này thân hình bé xú, lại thường tiết ra mùi hôi hám. Nhưng chân lý của cái đẹp không thuộc về thế giới kia hay thế giới này. Không san bằng hết mọi dị biệt của hữu vi để đạt đến cái vô vi bình đẳng. Như vậy Bồ tát không tận hữu vi, không trụ vô vi.

Từ thế giới Chúng hương xa xôi kia, mà mọi thứ được làm bằng hương kia, đến nơi Ta-bà ô trược này, để học môn giải thoát Tận-Vô tận, để rồi trở về quốc độ kia với tâm tư như hư không, vì Phật tính vốn bình đẳng như không trong tất cả mọi loài, mọi quốc độ, với sự tôn kính vô cùng đối đức Phật ở đây, đồng cảm vô hạn với các Bồ tát thị hiện trong thế giới này, và yêu thương không cùng tận với hết thảy chúng sinh chìm ngập trong cõi Ta-bà đầy thống khổ nhưng cũng cực kỳ ương ngạnh này.

Không tận hữu vi, Bồ tát chấp nhận sự tồn tại của dị biệt giữa các loại chúng sinh mà kiến thiết quốc độ thanh tịnh. Không trụ vô vi, Bồ tát nhận thức tính bình đẳng như hư không trong tất cả các loại chúng sinh, nên mọi giá trị cá biệt đều được kính trọng như là giá trị phổ quát. Không tận hữu vi, nên Bồ tát xây dựng quốc độ thanh tịnh không bằng hận thù tranh chấp. Không trụ vô vi, nên Bồ tát xây dựng quốc độ thanh tịnh bằng tình yêu và sự kính trọng giữa các loại chúng sinh.

III. NHÂN CÁCH SIÊU VIỆT

Bài pháp mà đức Thích Tôn giảng cho các Bồ tát Chúng hương về môn giải thoát gọi là “Tận-Vô tận” là nội dung mà Bồ tát cần học tập để theo đó sống và hành động với tâm tư mở rộng, bao dung, vượt lên mọi giới hạn quốc giới, chủng tộc, thiết lập những giá trị phổ quát để tất cả mọi cộng đồng sinh loại cùng tồn tại trong ý nghĩa bình đẳng, tương thân và tương kính. Tuy nhiên, những giá trị phổ quát cũng vẫn còn là giá trị quy ước. Chúng được nhận thức trong mối quan hệ giữa bên này và bên kia, dù được nói là siêu việt cả hai bên. Chân lý được nhận thức từ mối quan hệ là chân lý tương đối. Đó là hiện thực được nhìn từ những mặt đối lập: tịnh và uế, chết và tái sinh... Các triết gia tư biện suy lý sẽ đưa các mặt đối lập của thực tại này đi đến một chính thể thống nhất bằng quá trình biện chứng. Hiện thực tự phủ định chính nó để trở thành phi thực. Hiện thực không tự phủ định, không là một mâu thuẫn nội tại, hiện thực ấy sẽ không trở thành cái gì cả. Nó không trở thành cái khác với nó hiện hữu, hiện thực như vậy là im lìm bất động, không trở thành. Cái gì không đang trở thành, cái đó không đang là gì cả. Thực và bất thực, cặp mâu thuẫn

này được nâng lên thành tổng đề, là Thực tại Tuyệt đối bất nhị.

Long Thọ nói: “Cái gì là duyên khởi, tôi nói cái đó là tính Không. Tính Không ấy là giả danh. Và chính nó cũng là trung đạo.”[25]

Mỗi xã hội bao gồm nhiều cá thể. Mỗi cá thể quan hệ hỗ tương cùng tồn tại. Quy luật tồn tại đó phù hợp với điều mà Long Thọ nói là tính Không. Tính Không ấy vẫn là khái niệm quy ước tức giả danh. Nhưng nhìn từ điểm thống nhất của hai mặt thực tại, hay của mọi tồn tại, hỗ tương quan hệ, thì tính Không ấy là giá trị phổ quát mà trên nền tảng đó mọi thành viên xã hội cùng tồn tại trong hỗ tương quan hệ. Giá trị phổ quát đó, nói một cách rộng rãi, là nền tảng cho mọi xã hội dị biệt cùng tồn tại, là điều mà Long Thọ nói là Trung đạo.

Giá trị phổ quát của xã hội ấy luôn luôn được biểu hiện nơi một người, hiện thân nơi một nhân vật lịch sử. Đó là kinh nghiệm lịch sử. Do đó để nhận thức một cách minh nhiên và thâm nhập giá trị phổ quát, người ta chiêm nghiệm lịch sử qua từng nhân vật đại biểu. Ở đây, nếu ta nói, giá trị phổ quát là điều mà Long Thọ gọi là trung đạo; thì trung đạo ấy được nhân cách hóa, được hiện thân như là Như lai. Như lai là Tuyệt đối thể của tồn tại. Nhưng cứ từng thời điểm đặc thù Như lai xuất hiện để biểu trưng giá trị đặc thù của thời điểm lịch sử ấy. Bởi vì, Như lai, trước hết là nguyên lý như thực của tồn tại nó như là chính nó. Cái gì tồn tại nó như là nó, cái đó luôn luôn như vậy là như vậy, không biến đổi.[26]

Đây là ý nghĩa cho đoạn kinh, sau khi các Bồ tát Chúng hương trở về quốc độ của mình, ở đây đức Phật Thích-ca hỏi Duy-ma-cật: “Khi Ông muốn thấy Như lai, Ông thấy Như lai như thế nào?”[27] Duy-ma-cật trả lời: “Khi con muốn thấy Như lai, khi ấy con thấy Như lai bằng sự không thấy. Con thấy Như lai không sinh từ tiền tế, không đến từ hậu tế, không tồn tại trong hiện tại.”[28] Ông nói tiếp: “Bởi vì tự tính Như của sắc là phi sắc; tự tính Như của thọ là phi thọ. Cho đến, tự tính Như của thức là phi thức.”

Như lai như vậy là thực tại của thắng nghĩa, chân lý tuyệt đối. Tùy nhân duyên, tùy điều kiện thích hợp, bởi thời gian và phương vực, Như lai xuất hiện trong muôn vàn sai biệt. Thì ở đây, trong thế giới quy ước, Duy-ma-cật là ảnh chiếu từ cảnh giới thắng nghĩa ấy. Cho nên, không phải ngẫu nhiên hay vô tình mà Xá-lợi-phất lại hỏi Duy-ma-cật: “Ông thác ở đâu mà tái sinh nơi này?” Duy-ma-cật hỏi trở lại: “Pháp mà Thượng tọa tự thân chứng ngộ, pháp ấy có chết đi và tái sinh chăng?”[29]

Đoạn đối đáp này cũng có ý nghĩa đặc thù. Trước hết, Xá-lợi-phất hỏi Phật: “Cư sỹ Duy-ma-cật này chết từ cõi Phật nào mà tái sinh đến cõi Phật này?” Phật không trả lời mà bảo Xá-lợi-phất nên hỏi thắng Duy-ma-cật.

Rồi hỏi đáp xảy ra như đã dẫn.

Bởi vì trong đoạn dịch của La-thập không có việc Xá-lợi-phất trước hỏi Phật, cho nên các bản chú giải Trung hoa dựa trên bản dịch này không biết đến ý nghĩa trực tiếp và gián tiếp trong vấn đáp này.

Đối với hàng Thanh văn, thân Phật là thân ngũ uẩn, chịu chi phối của quy luật sinh diệt. Vì vậy mới có sự kiện Phật bệnh và A-nan đi xin sữa bò và nhân đó mà có Duy-ma-cật chất vấn.[30] Cũng theo ý nghĩa đó Xá-lợi-phất muốn biết Duy-ma-cật chết ở đâu mà sinh ở đây, có sinh có chết.

Được Phật khuyến khích, Xá-lợi-phất hỏi thẳng ý nghĩ của mình với Duy-ma-cật, nhưng lại không nhận được câu trả lời tương ứng với câu hỏi. Ông giải thích: “Chết là tướng gián đoạn của các hành. Sinh là tướng tiếp nối của các hành.”[31] Điều đó khẳng định sống và chết là những hiện tượng tiếp nối như những con sóng trên đại dương. Khẳng định này được thấy trong tất cả kinh điển Phật giáo, nguyên thủy cũng như Đại thừa. Tuy nhiên, trong khẳng định của Duy-ma-cật còn hàm chứa tính đồng nhất giữa hai thế giới mặc dù trên mặt hiện tượng cả hai cách biệt bởi không gian, và cả thời gian. Cho nên, trong ý nghĩa cứu cánh, Duy-ma-cật không thuộc về thế giới này, cũng không thuộc về thế giới kia.

Trong đối thoại này, chúng ta cần có nhận thức về quan điểm Ba thân trong giáo nghĩa Đại thừa. Nếu hỏi về Pháp thân, thì như Duy-ma-cật đã trả lời Phật: “Thấy Phật bằng sự không thấy.” Bởi vì Như tính của sắc là phi sắc. Pháp thân Phật là Như tính. Không thể nhìn Phật bằng sắc; không thể nghe Phật bằng âm thanh; ai hành như vậy là hành tà đạo, không thể thấy Phật. Phật được thấy từ Pháp thân; vì thân Phật là Pháp thân. Nhưng Pháp tính thì vượt ngoài nhận thức. Trong kinh *Kim cang*, Phật nói như vậy.[32] Thân Phật, như là pháp tính, như vậy là thân tịch diệt, tuyệt đối vắng lặng, không dao động như đại dương không chút gợn sóng. Thân như vậy không thể thấy, không thể diễn đạt. Bồ-tát là con chân thật của Phật, lưu xuất từ thân như vậy, từ pháp tính như vậy, nên Duy-ma-cật không thể trả lời ngài Xá-lợi-phất là sinh ở đâu và chết ở đâu.

Thế nhưng, như mặt trăng bất động giữa hư không, mà ảnh của nó hiện khắp nơi; nơi nào có nước, nơi đó có trăng; tỏ hay mờ tùy theo nước trong hay đục, nước lặng hay nước sóng. Cũng vậy, Pháp thân Phật bất động, tịch tĩnh, nhưng tùy theo cơ cảm, tùy thời và tùy chốn, được thấy xuất hiện, rồi biến mất. Đó là thân Ứng hóa tùy theo loại, tùy theo thời. Đó là thân mà hết thảy phàm phu có thể thấy, có thể nghe; nhờ đó mà được biết pháp, thấy được đạo, để dẫn đến chứng đắc giải thoát, niết-bàn. Cho nên, tuy Duy-ma-cật không trả lời, thì Phật trả lời thay:

Duy-ma-cật từ một thế giới có tên là Diệu hỷ; ở đó có Phật hiệu là Vô Động. Ông từ đó mà đến nơi này.[33] Để minh giải ý nghĩa đến và đi, từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, Duy-ma-cật nói với Xá-lợi-phất: Ánh sáng mặt trời luôn luôn đến nơi nào có bóng tối, không phải vì ánh sáng mặt trời có xu hướng cộng tồn với bóng tối. Nhưng nơi nào bóng mặt trời xuất hiện, nơi đó bóng tối đi mất. Đó là ý nghĩa Bồ tát từ tịnh độ đi đến uế độ.

Dù là tịnh độ hay uế độ, dù ở đây hay ở kia, thấy đều là biểu hiện từ phương tiện trí của Phật. Cho nên, thân Phật và quốc độ Phật cùng tương ứng, như trăng với nước. Thế giới Diệu hỷ, được giả thiết là bản nguyên bản khởi của Duy-ma-cật, trong tự tính, tồn tại như là pháp tính, thì thế giới đó không đến, không đi, không sinh, không diệt. Nhưng khi thế giới thị hiện cho chúng sinh thấy, nơi đó cũng có sự hiện diện của loài người, loài trời, cũng có các hàng Thanh văn, Bồ tát, thì nơi đó, một cách tương ứng, cũng tồn tại những núi, những sông, mặt trời, mặt trăng, các vì sao, v.v... Thế giới có đến, có đi. Nếu Duy-ma-cật tự thân đã từ đó mà đến, thì Ông cũng có thể mang cả thế giới ấy đến nơi đây. Khi ấy, cả thế giới Diệu hỷ to lớn, huy hoàng tráng lệ kia, bỗng chốc nằm gọn trong lòng tay của Ông, và tất cả đại chúng đang hiện diện trong vườn xoài của kỹ nữ Am-ba-bà-lị đều có thể chứng kiến. Trong khi đó, những ai trong cõi Diệu hỷ mà có thần thông, đều cảm nhận thế giới này bị lệch ngoài quỹ đạo của nó; tất cả đều kinh sợ. Như vậy, dù thế giới Diệu hỷ là cõi tịnh độ, nhưng đó không phải là thế giới vĩnh hằng. Nó có thể bị chuyển dịch, tất bị chi phối bởi quy luật sinh diệt, vô thường. Các Thanh văn, Bồ tát trong đó chợt kinh sợ, cho nên các vị ấy cũng không phải đang tồn tại trong cảnh giới vô vi. Họ cũng chịu quy luật sinh diệt như thế giới mà họ đang sống.

Duy-ma-cật từ đó đến. Các đại chúng ở đây cũng có thể tái sinh đến đó, nếu nhân duyên thích hợp. Đến điểm này thì ý nghĩa bình đẳng giữa các quốc độ được nâng lên một tầng nhận thức nữa. Và ở trong ý nghĩa đó, giá trị phổ quát bấy giờ được nhận thức từ bản thể luận, từ trong tự tính bản nguyên của nó.

Cho đến đây, lý tưởng Bồ tát đạo, kiến thiết một thế giới Phật tính, mà tự tính là bình đẳng như hư không, đã được trình bày đến điểm tận cùng lý tính của nó.

Vậy rồi, vườn xoài của kỹ nữ, và những vương tôn công tử đến tìm lạc thú kia, tất cả sẽ trở thành là cái gì, trong khoảng không gian vô cùng, thời gian vô tận này? Mỗi người lại quay trở lại bên giường bệnh của Duy-ma-cật để tự tìm cho mình một câu trả lời. Một câu trả lời quyết định cho đời này và cả nhiều đời sau.

Chú thích:

[1] Chương này tổng luận cả ba phẩm, các bản Hán, phẩm 10, Chi Khiêm, La-thập: phẩm Hương tích; Huyền trang phẩm Hương dài; phẩm 11, cả ba bản: Bồ tát hành; phẩm 12, Chi Khiêm, La-thập: Kiền A-súc Phật; Huyền Trang: Quán Như lai. Phạn bản VKN: phẩm ix:

Nirmitabhojanaparivarto nāma navamaḥ, Tib.: sprul pas zhal zas blangs paḥi lehu ste dgu poḥi (mang đến thực phẩm biến hóa), phẩm thứ x: Kṣayo'kṣayo nāma dharmaprābhṛtaparivarto daśamaḥ, Tib.: zad pa dang mi zad pa zhes bya baḥi chos kyi rdzongs kyi lehu ste bcu paḥo (Tăng phẩm pháp được gọi là tận và bất tận), phẩm xi: Abhiratīloka dhātvanayana-akṣobhyatathāgathadarśanakaparivarta ekādaśaḥ, Tib.: ḥjiḡ rten gyi kham mngon par dgaḥ ba blangs pa dang de bzhin gshegs pa mi ḥkhrugs pa bstan paḥi lehu bcu gcig paḥo (đưa đến thể giới Abhirati và thấy Phật Akṣobhya).

[2] Chỗ này Huyền Trang dịch khác với La-thập: “Sắp đến giờ ăn. Các vị Ma-ha-tát này thuyết pháp mà chưa đứng dậy, Thanh văn chúng ta cũng các Bồ tát sẽ ăn ở đâu.” La-thập dịch sát với Phạn bản hơn: *kālaḥ paryantībhūtaḥ/ ime ca mahāsattvā nītiḥanti kutraite paribhokṣyante*, thời gian sắp hết rồi, mà các vị Ma-ha-tát này không đứng dậy. Họ sẽ ăn ở đâu.”

[3] *Duy-ma kinh chú 8* (tr. 399c): La-thập nói, độc nhất Xá-lợi-phất có ý nghĩ này vì ba lý do. Một, thể do nghiệp kết thành cần được nuôi dưỡng. Hai, tư tưởng đoạn tuyệt với cảnh giới quảng đại, tâm hướng đến pháp không sâu. Ba, suy từ những gì mình cần mà cho rằng người khác cũng vậy.”

[4] *Tập dị 8*, tr. 400b2. Saṅgīti, D.iii. 228.

[5] Đ Đoàn thực 團食, hay đoạn thực 段食, Thành duy thức luận thuật ký, tr. 367a8; Câu-xá 10, tr. 55a8. Hoặc chùy thực 揣食, Thành thật luận 2, tr. 251a2.

[6] *Tỳ-bà-sa*, 129, T27n1545, tr. 674a1: thức ăn trường dưỡng các căn, tăng ích các đại chủng.

[7] *Tập a-hàm 15*, kinh 375: Phật bảo Phá-câu-na (Pali Phagguṇa): “Ở đây Ta nói thức là thức ăn, vậy người nên hỏi như vậy: ‘Do nhân duyên gì mà có thức ăn là thức?’ Ta sẽ đáp: ‘Thức ăn là thức, có thể chiêu cảm hữu trong vị lai khiến cho nó tiếp tục sanh; do có hữu nên có sáu nhập xứ; do sáu nhập xứ làm duyên nên có xúc.’” Pali, S. ii tr.13 Phagguṇa: *viññāṇāhāro āyatim punabbhavābhiniḥbattiyā paccayo, tasmim bhūte sati saḷāyatanam, saḷāyatanapaccayā phasso' ti*.

[8] *Tỳ-bà-sa*, 130, T27n1545, tr. 676a20: Dục giới có đủ cả 4 loại thực phẩm mà chính yếu là đoạn thực. Sắc giới có ba, trong đó xúc thực là chính. Vô sắc giới cũng có ba mà ba bậc dưới tư thực là chính; phi tướng phi phi tướng xứ, thức thực là chính.

[9] *Tập A-hàm 15*, kinh 375; xem thêm các kinh 372-379. Cf. Pal: S. ii. tr. 103 (Atthirraḡa). Dẫn và giải thích của *Tỳ-bà-sa* 130, T27n1545, tr. 677a17.

[10] *Đại bát nhā 449*, T07n220, tr. 264b23: “Bồ tát bằng tự tướng Không mà quán sát tất cả các pháp, đã nhập chính tính ly sinh của Bồ tát (=chứng nhập Sơ địa), không có gì là khả đắc, không có gì được tạo tác, tuyệt đối không sinh khởi. Do tuyệt đối không sinh khởi, nên đắc phát nhẫn vô sinh.”

[11] *Tỳ-bà-sa* 129, T27n1545, tr. 674b22 : thể của đoạn thực gồm ba xứ (*āyatanāni*): hương, vị và xúc.

[12] Mỗi vật được chỉ định bằng một danh (nāma). Các danh kết hợp thành cú (*pada*). Các nhà Hữu bộ liệt danh vào hành uẩn. Các nhà Kinh bộ liệt trong sắc uẩn vì cho rằng thể của danh là thanh (*śabda*). Cf. *Câu xá 5*, T29n1558, tr. 29a23.

[13] *Câu-xá 1*, T29n1558, tr. 6a29.

[14] Bản Phạn gần nghĩa với La-thập. Bản dịch của Huyền Trang làm cho câu văn có vẻ hài hòa hơn.

[15] Trí Khải, Cát Tạng, cũng bình giải đồng quan điểm.

[16] Trung luận, k. xxiv.8-9.

[17] *Hoa nghiêm*, bản 60, quyển 23, tr. 545b09; bản 80, quyển 34, tr. 181c10. Cf. Daśabhūmika, tr. R. 15.

[18] Skt. kṣayākṣayo nāma bodhisattvānām vimokṣaḥ.

[19] Định cú Pali, nói về Tỳ kheo đắc A-la-hán: idha, bhikkhave, bhikkhu āsavānaṃ khayā anāsavaṃ cetovimuttiṃ paññāvimuttiṃ dīṭṭheva dhamme sayamaṃ abhiññā sacchikatvā upasampajja viharati.

[20] Cf. A. ii. 34: yāvatā, bhikkhave, dhammā saṅkhatā vā asaṅkhatā vā, virāgo tesam aggamaḥkḥāyati, yadidaṃ ... taṇhākkhaya virāgo nirodho nibbānaṃ.

[21] Phẩm vii “Quán chúng sinh.”

[22] Dhp. 46.

[23] Phẩm ii “Phương tiện.”

[24] *Tập A-hàm 15*, kinh 373, tr. 102b18. Pāli, Puttamaṃsa, S.ii.98.

[25] MK. xxiv. 18: *yah pratītyasamutpādaḥ sūnyatām tām*

pracakṣmahe/ sā prajñapti upādāya pratipati saiva madhyamā. Hán dịch của La-thập: 眾因緣生法 </l></l>我說即是無 </l>

<lb n="0033b12"/></l>亦為是假名 </l></l>亦是中道義. Cách dịch khiến các nhà giải thích phổ thông hiểu rằng: pháp sinh bởi nhân duyên, pháp ấy là không, là giả danh, và trung đạo. Nhưng trong Phạn bản, không phải pháp duyên khởi là giả danh và trung đạo; mà tính Không là giả danh và trung đạo. Bởi, đại từ *sā* trong nửa tụng dưới là giống cái không thể thay thế từ *pratītyasamutpādaḥ* (duyên khởi) vốn là giống đực. Tất nhiên nó (*sā*) thay thế từ *sūnyatām* (tính Không) trong nửa tụng trên), vì từ này giống cái. Xem giải thích của Candrakīrti, *Prasannapada*.

[26] Candrakīrti, *Prasannapadā*, tr. 265: *tathābhāvo'vikāritvaṃ sadaiva sthāyitā*.

[27] VKN: yadā tvaṃ kulaputra tathāgatasya darśanakāmo bhavasi katham tvaṃ tathāgataṃ paśyasi?

[28] VKN: yadāhaṃ bhagavaṃs tathāgatasya darśanakāmo bhavāmi tadā tathāgataṃ apaśyanayā paśyāmi pūrvāntato 'jātam aparantato saṃkrāntaṃ pratyutpanne dhvany asamhitaṃ paśyāmi.

[29] VKN: sthavireṇa dharmāḥ sāṃskṛtāḥ kacit tasya dharmasya cyuti upapattir vā?

[30] Xem phẩm iii “Chúng đệ tử.”

[31] Các bản Hán dịch có hơi khác với Phạn, VKN: *cyutir iti... abhisamkāralakṣaṇapadam etat upapattir ity abhisamkāraprabhanda ...*, chết là hình thái của các tác hành; sự tiếp nối của các tác hành.

[32] Vajracchedikā: ye mām rūpeṇa cādrākṣurye mām ghoṣeṇa cānvayuh | mithyāprahāṇaprasṭā na mām drakṣyanti te janāḥ ||1|| dharmato buddhā draṣṭavyā dharmakāyā hi nāyakaḥ | dharmatā ca na vijñeyā na sā śakyā vijñānitum ||2|| Bài kệ thứ hai trong Phạn bản, không có trong bản dịch của La-thập. Hán dịch của Huyền Trang: 應觀佛法性 即導師法身

法性非所識 故彼不能了.

[33] Khuy Cơ, tr. 1107a: “Phật hiệu A-súc, đây dịch là Vô Động. Tám gió không nhiều, bốn Ma không xâm, thương an trú, không biến đổi, nên gọi là Vô Động. Vì để hóa độ chúng sinh, Ông từ đó tái sinh nơi đây.”



Thơ TÔ MẠC GIANG

TRĂNG MỘT PHƯƠNG

*Phương trời cũ, mộng vàng in bóng nguyệt
Mơ đường xa, xa thăm ngút trời sương
Đêm hơi thở lưng trời trăng ước hẹn
Ngập ngừng em huyền diệu cõi hoang đường*

*Bởi lạc lối lá bay về hoang thảo
Cuối đời mê vụn vỡ mảnh tim đau
Cây đứng đó mắt dại khờ nhung nhớ
Nắng phương nào hong lại tóc nghìn sau.*

*Trăng một phương mây nào nương lối đợi?
Biết tìm đâu ngàn nẻo lạ trùng dương.
Con suối nhỏ trong hồn em chơi với
Bóng mê cung sừng sững giữa thiên đường!*

*Trăng một phương thuyền hồn mơ bến đỗ.
Sao gió làm con sóng vỡ hồn trăng
Đong chút sáng cho đôi trăng rực rỡ
Góp nghìn khuya ngồi đợi tiếng sông trăng!*

GIÓ ÚA

*Một sáng mùa xuân chim chào tiếng hót
Anh chào sương trên lá cỏ quên đời
Bên rừng mưa, rừng mưa trao từng giọt
Vàng trắng xưa hồn phách cũng chơi vơi*

*Ôi đau đớn con tim chào ảo mộng
Biết làm chi cội rễ của thiên đường
Biết làm chi cùng tận của đau thương
Anh xin giữ mắt sâu em thưở trước*

*Còn đây nữa tuyết vời đêm sóng tóc
Hoa xuân xao áo mỏng nét kiều kỳ
Ánh trăng tơ mềm nhũn ướt đôi mi
Màu mắt ấy thần thờ trong nắng lụa*

*Rời một sớm chim rừng theo gió úa
Mang thanh xuân buồn bã hát cho đời
Bên bờ lau suối ngọt lịch giòng bơi
Em đâu biết sông kia nào nhớ tuổi*

*Này em nhé, về rừng xưa, gió thổi
Lá vẫn còn từng chiếc kết yêu đương
Nắng vẫn còn ươm màu tóc pha sương
Và rất nhẹ mộng đời mơ kết nụ.*



Y HỌC TRONG TƯ TƯỞNG PHẬT GIÁO

Tùng Sơn

Người Việt thường hay nói: “Ăn được ngủ được là tiên, không ăn không ngủ mất tiền thêm lo”. Câu ca dao tuy đơn sơ nhưng hàm súc cả trí tuệ sống của bao thế hệ từ ngàn xưa. Loài người bước sang thế kỷ 21 với những tiến bộ vượt bậc không ngừng của khoa học, kỹ thuật đã cải thiện rất nhiều về đời sống tiện nghi vật chất cho con người. Nhưng không hẳn ai nấy đều “ăn được ngủ được,” sống giữa thời đại “fast food” có ngay, ăn ngay thử hỏi có bao nhiêu người để ý đến những cái gì nên ăn và những cái gì không nên ăn. Không những thế thường trực căng thẳng vì phải chạy đua với những thay đổi ào ạt của xã hội, vật lộn với đời sống vật chất, do đó không ít người mắc chứng bệnh thiếu ngủ, bệnh mất ngủ (insomnia) và nhiều chứng bệnh khác nữa. Có lẽ giấc ngủ hồn nhiên không mộng mị phải dành cho trẻ thơ hay những người không còn bị ràng buộc, cám dỗ bởi vật chất của thế gian này không chừng. Phải chăng để “thành tiên” vẫn còn là giấc mơ của con người hiện đại?

Trong phạm vi giới hạn bài viết mạo muội phác họa qua nhãn quan nhà Phật nhìn thế nào về nguyên nhân bệnh trạng cũng như đưa ra cách chữa trị mang lại sức khỏe con người.

Sự sống cũng như sự chết là việc lớn, hệ trọng của kiếp nhân sinh và cũng từ thừa tạo thiên lập địa từ khi có con người trên hành tinh trái đất, để sinh tồn con người phải đối phó với những đe dọa thường xuyên từ bên ngoài như thiên tai, bão tố, động đất, thời tiết, dã thú, v.v... song song với đó con người cũng phải luôn luôn trực diện với ốm đau, bệnh tật phát sinh từ bên trong cơ thể. Đây là một trong bốn cửa ải đoạn trường của kiếp nhân sinh: Sinh, Lão, Bệnh, Tử mà bất cứ ai trong chúng ta dù già, trẻ, lớn bé đều phải trải qua. Đời sống xã hội loài người càng tiến bộ về khoa học, nhiều sáng tạo y học ra đời một số những bệnh được xem như nan y thừa xưa như bệnh đậu mùa, bệnh bại liệt thì nay không còn nữa; nhưng đồng thời nhiều bệnh trạng mới khác lại nảy sinh như các chứng bệnh ung thư, bệnh AIDS mà vẫn chưa có phương thuốc chữa trị hoàn hảo. Vì thế làm sao có được thân thể khỏe mạnh không ốm đau với tâm hồn an nhiên thư thái, giấc ngủ ngon vẫn là vấn đề quan trọng cần thiết của đời sống con người.

Cách đây hơn 2500 năm một nhà tôn giáo, nhà tư tưởng siêu việt, nhà Tâm Lý Học, nhà Thiên Văn Học, nhà Xã Hội Học và cũng là nhà Y-sĩ đại tài vượt thời gian, không gian đã nhìn thấy vấn đề, gốc rễ, nguyên nhân sinh ra bệnh tật, và cũng đã đưa ra một toa thuốc để giúp con người vượt qua những đau khổ do bệnh sinh ra, xây dựng một đời sống lành mạnh, một thân thể kiên khang, yêu đời, tràn ngập sức sống, một xã hội an vui. Phải chăng đây cũng là mục đích sống con người trên hoàn vũ hằng mong muốn và cũng chỉ chính con người là chủ thể sáng tạo tạo dựng điều này không ai khác..

Vậy thì bệnh từ đâu mà đến? Theo Phật giáo bệnh phần lớn phát sinh từ bên trong con người do mất cân bằng hài hòa về tinh thần, tình cảm, dinh dưỡng có nghĩa do thân và tâm sinh ra hơn là do từ bên ngoài mang đến. “Chẳng hạn có người uống thuốc mong đồ mồ hôi nhưng không có hiệu quả. Thế mà khi sợ hãi âu lo thì mồ hôi tuôn ra, phải chăng là do tâm, do suy tư tác động gây ra. Không có thí dụ nào rõ ràng hơn câu chuyện ngày xưa ở bên Trung Quốc đời nhà Minh có ông Vi Đan, người viết chữ rất giỏi thế mà vì phải theo lệnh nhà vua leo lên đỉnh đài Lăng Vân để khắc chữ, vì quá sợ viết xong lúc xuống mặt đất tóc đã bạc phơ.” (1) Một cách tổng quát theo Phật giáo có ba loại bệnh đó là:

1. Thân bệnh
2. Tâm bệnh
3. Nghiệp bệnh

Từ cách nhìn như nêu trên cho thấy cách chẩn bệnh và chữa trị của Phật giáo khác biệt với y học tây phương ở điểm y học tây phương đưa ra thuốc chữa khi nào bệnh phát ra, có triệu chứng đau yếu bộ phận nào đó trên cơ thể. Khi ấy thuốc chỉ có tác dụng làm bớt đi tình trạng đau đớn, chặn đứng phần nào sự lộng hành của vi khuẩn trong khoảng thời gian nào đó mà thôi, chứ nó không diệt hết căn nguyên, nguồn gốc sinh bệnh. Một phần bệnh nhân có tâm lý là muốn mau hết bệnh ngay, nhưng ít khi chịu tìm hiểu nguyên nhân sinh ra bệnh. Bởi vì bệnh phát sinh ra không phải một sớm một chiều mà do quá trình dài qua bao năm tháng rồi mới hình thành. Do đó không có triệu chứng không hẳn là không có bệnh.

Hơn nữa y học tây phương phần lớn dựa vào những

cái gì cụ thể, chẳng hạn như hình ảnh do tia quang tuyến, những rọi chiếu qua các bộ máy y khoa chụp được. Nền y khoa hiện đại đồ dồi rất nhiều công sức trí tuệ, tài chánh vào trong những lãnh vực nghiên cứu như bệnh lý học, Dược phẩm học, Đề kháng học và Giải Phẫu học cùng những dụng cụ y khoa hiện đại, tối tân trong mục đích tìm ra căn nguyên bệnh tật. Nhưng có điều lạ là nhiều máy móc tối tân phát minh ra đời, nhiều loại thuốc tinh vi mắc tiền được điều chế ở những công ty dược phẩm nổi tiếng, thế mà số bệnh nhân không giảm thiểu, mà còn có chiều hướng gia tăng. Lý do tại sao? Phải chăng có những căn bệnh mà dụng cụ y khoa hiện đại vẫn không thể nhìn thấy được. Phải chăng nền y học hiện đại quá chú trọng vào triệu chứng, vào phần thân thể, mà quên đi phần tâm bệnh và nghiệp bệnh, quên đi hay xem nhẹ nguồn gốc sâu xa tạo ra bệnh tật nằm ngay trong tâm tư đời sống con người. Bệnh phát sinh từ nghiệp chướng từ lối nghĩ, cách tư duy, từ cách sống, lời nói, việc làm v.v... Có nghĩa thân, khẩu, ý chưa được thanh tịnh. Đây cũng là vấn đề mang tính chất thời đại một số nhà thức giả phương tây đã đang cố thử tìm tòi tính chất tương quan giữa niềm tin tôn giáo và sức khỏe.

Thân Bệnh

Đối với Phật giáo người đi tầm đạo hay hành giả việc quan trọng trước hết là để ý đến thân thể “rèn luyện, thận trọng chăm lo thân thể là điều căn bản trong việc tu hành Phật đạo. Hơn hết tất cả những gì khác, bước đầu tiên mang tính chất quyết định giải phóng chúng ta, đó là thoát ra khỏi ảo tưởng về *bản ngã*, đoạn tuyệt những cái quá si mê, quá yêu thương bản thân, chấp trước vào thân thể, và phải luôn luôn để ý đến thân thể” (2). Nói cách khác thường trực quan sát để ý thân thể dùng để cho có bệnh hoạn là điều tối ưu quan trọng của người tu hành, vì chính xác thân là phương tiện duy nhất để đi đến giác ngộ.

Theo Phật giáo cơ thể con người nói riêng và toàn thể thiên nhiên vũ trụ do tứ đại (Địa, Thủy, Hỏa, Phong) có nghĩa do đất, nước, gió và lửa kết hợp thành. Mỗi thành tố mang ý nghĩa đặc biệt và có tương quan với những bộ phận trong thân thể. Chúng ta hãy đi lược qua tính chất mỗi thành tố này.

1. Thành tố đất mang đặc tính nặng, có trọng lượng gồm có các bộ phận như Não bộ, lá lách, bao tử. Khi thành tố này mất cân bằng sẽ sinh ra bệnh làm thân thể trở nên khô gầy, có đến 101 loại bệnh thuộc thành tố này.

2. Thành tố nước có đặc tính ẩm ướt, mang trạng thái lưu động, gồm có các cơ quan như thận, bàng quang và máu huyết. Khi cơ quan này mất cân bằng làm cho việc ăn uống không tiêu, việc tiêu hóa khó

khăn, thì có thể sinh ra 101 loại bệnh.

3. Thành tố hỏa mang tính chất nóng, dùng để đốt cháy, có nhiệt độ cao, biểu tượng cho hệ thống vận chuyển máu, gồm có các cơ quan như gan và túi mật, mất cân bằng thành tố này hay sinh táo bón, lạnh nóng bất thường, hay đau khớp xương có thể sinh ra 101 loại bệnh.

4. Thành tố khí có đặc tính nhẹ như không khí, biểu tượng cho hệ thống hô hấp, và đây cũng chính là chiếc xe đưa trạng thái Tâm di động. Thành tố này chủ yếu hoạt động ở tim, phổi, ruột và hệ thống não bộ. Thành tố này mất cân bằng sẽ sinh ra 101 loại bệnh. Khí có chức năng tạo năng lượng di động khắp toàn thân, giúp cho máu vận chuyển điều hòa, duy trì sự sống hấp thụ chất dinh dưỡng tiêu hóa thức ăn đào thải chất độc ra ngoài, chuyển hoá tế bào, và giúp cho sự cảm nhận được trong sáng.

Chính vì những đặc tính nêu trên, một khi sự vận chuyển bốn thành tố không còn điều hòa khi có đó triệu chứng bệnh.

Nếu đi sâu vào phân tích bệnh trạng triệu chứng thân bệnh chắc hẳn cần nhiều giấy mực hơn nữa, ở đây xin chỉ lược qua một số điểm quan trọng..

Thân bệnh phát sinh là do tích lũy những chất độc bao gồm ý nghĩa tinh thần là tham, sân, si và ý nghĩa vật thể là đem vào trong cơ thể những thức ăn hằng ngày không tốt cho cơ thể mà chúng ta không biết hay không để ý vì do tập quán hay thói quen. Rồi theo dòng thời gian những chất độc này không được đào thải hết ra ngoài tích lũy lại trong người và khi đó bệnh hình thành. Có câu hỏi được đặt ra tại sao những chất độc đó không tạo thành một loại bệnh? Câu trả lời là cơ thể mỗi con người chúng ta không ai giống ai, có người yếu về bộ phận này nhưng lại mạnh về bộ phận khác, một phần do yếu tố di truyền (genetic) từ cha mẹ truyền lại. Chất độc tụ lại trong người chỉ sinh bệnh khi nó vượt quá giới hạn nào đó mà cơ thể không còn chịu đựng được nữa mà thôi, cũng vì thế mà có người sinh ra bệnh về tim, về thận, về ruột vân vân và vân vân.

Do đó một khi chúng ta nhận chân nguyên nhân thân bệnh là do thiếu vận động, cầu thả, bừa bãi trong việc ăn uống hằng ngày; nhận chân như vậy là dấu hiệu tốt trong việc cải tổ cách dinh dưỡng, ẩm thực.

Tâm Bệnh

Theo Phật giáo “Bệnh hoạn nơi tâm hồn chúng ta phần lớn là do thói quen ôm vào những cái không phải của chính mình như của chính mình. Bản tính con người chúng ta hay giành lấy những gì có thể nhìn thấy hay sờ mó được trên thế gian này. Từ những vật gọi là “của

tôi” đi kèm theo nó là những trói buộc, từ đó con người dần dần xa rời bản ngã chân thực, thay vào đó con người phải trả cái giá cho nó là mang tâm trạng sợ hãi lo âu.”(3)

Khi nói đến tâm bệnh thì không thể nào không đề cập đến ba thứ độc hại *tham, sân, si* là những thứ luôn luôn tiềm ẩn trong con người chúng ta. Vậy thì những điều này gây ảnh hưởng như thế nào đến sức khỏe cũng như bệnh tật. Chúng ta hãy thử tìm hiểu từng yếu tố một.

Tham

Theo ý nghĩa tinh thần cũng như vật chất tham là trạng thái ham muốn thật nhiều vượt ra ngoài khả năng cũng như nhu cầu cần thiết. Chẳng hạn như ăn quá nhiều cũng có khả năng sinh bệnh. Đối với những người hay ăn và uống những thức ăn ngọt có nhiều đường rất dễ sinh ra bệnh tiểu đường hay ăn nhiều quá mà không vận động, tập thể thao cũng dễ sinh bệnh mập phì. Ngoài yếu tố lấy vào trong thân thể quá độ nguồn năng lượng, chất ngọt, người ta còn tìm thấy những người có nhiều ưu phiền, đau khổ tinh thần, căng thẳng quá độ về công việc, đời sống gia đình v.v... cũng dễ sinh ra bệnh này, không kể đến yếu tố di truyền. Thêm vào đó mối ưu tư về tài chính do tiêu xài hoang phí quá độ chòng chát theo năm tháng cũng dễ sinh ra bệnh.

Ngay như về mặt tri thức, người quá tham lam muốn nhồi nhét thật nhiều kiến thức, sự hiểu biết vào trong đầu trong khoảng thời gian ngắn cũng dễ sinh ra bệnh tâm thần. Với những người còn quá trẻ tu thiền chỉ đọc qua vài quyển sách, một số lý thuyết muốn thực hành để chứng ngộ ngay chưa hiểu rõ thấu đáo về ngay chính bản thân cũng rất dễ sinh tẩu hỏa nhập ma rồi đưa đến hủy hoại thân thể.

Ngoài ra chúng ta còn thấy những người sống buông thả chạy theo cảm xúc của ngũ quan một cách quá đáng cũng dễ sinh bệnh. Theo Phật giáo người quá đam mê vào hình tướng dễ sinh ra bệnh về gan, quá đam mê vào âm thanh dễ sinh bệnh về thận, quá đam mê vào mùi vị dễ sinh bệnh phổi, quá đam mê vào khẩu vị dễ sinh bệnh về tim và quá đam mê vào xúc giác dễ sinh bệnh thuộc về lá lách.

Vì thế, cân bằng trong đời sống không quá độ cả về tinh thần lẫn vật chất là điều quan trọng trong tu hành theo Phật giáo.

Sân

Sân là trạng thái căm hận, ghét cay ghét đắng, giận dữ một trong những yếu tố gây tác động không nhỏ đến sức khỏe, nhất là cơ năng thuộc về tim và gan. Trong kinh Đại Bát Nhã (Mahaprajnaparamita) giảng rằng “*sân hận là trạng thái cảm xúc độc hại nhất so với tham lam*

và ngu si.” Sự giận dữ gây tác hại vượt lên trên mọi tác hại khác. Theo kinh Đại Bát Nhã trong số 98 đau đớn gây ra, giận dữ là trạng thái khó chế ngự nhất. Về mặt tâm lý giận dữ cũng là tâm trạng khó chữa trị nhất.

Theo bệnh lý học người khi nổi giận sẽ tác động vào hệ thần kinh não, tạo mạch máu co cứng lại, đưa áp suất máu tăng cao, từ đó dễ làm tim ngừng đập bất thành linh. Trạng thái giận dữ có thể phát xuất từ nhiều nguyên nhân như đời sống quá căng thẳng, cô đơn, ưu phiền, tâm trạng thù địch, gặp nhiều điều không vừa ý, nhìn cuộc đời với tâm trạng chán chường v.v... Cộng vào đó với tình trạng thiếu cân bằng dinh dưỡng, ăn quá nhiều chất béo, ít vận động cũng dễ gây bệnh tim.

Theo y học Đông phương, nóng giận không chỉ gây tác động đến tim còn ảnh hưởng xấu đến gan bộ phận thuộc về tạng và mật thuộc về phủ.

Si

Về mặt chiết tự theo Hán ngữ chữ Si thuộc về bộ *Nach* có nghĩa tật bệnh, kèm theo với chữ “*nghi*” có nghĩa là ngờ, lòng còn bán tín bán nghi chưa tin và theo Anh ngữ dịch là ignorance. Như vậy Si là trạng thái bệnh hoạn thuộc về trí não, ở trong điều kiện chưa hiểu thấu đáo, rốt ráo dễ rơi vào tâm trạng nghi ngờ, với trong hoàn cảnh nào đó cũng có nghĩa là ngu dốt. Danh từ này thường hay dùng trong Phật giáo có nghĩa trạng thái u mê, không sáng suốt. Khi con người rơi vào tình trạng đau ốm thì lại càng thiếu minh mẫn, và không nhìn thấy căn nguyên của bệnh tật, và lại tâm lý người bệnh có khuynh hướng tìm phương cách chữa trị theo cách “mì ăn liền,” có nghĩa làm sao hết đau, hết bệnh ngay. Từ đó dễ đưa đến hành động nông nổi có hậu quả xấu cho sức khỏe.

Nhân đây cũng nói qua về chủ trương tu thân của nho gia: người muốn tu thân phải làm cho *tâm ngay thẳng*, muốn cho *tâm ngay thẳng* cần phải có *Ý* cho *Thành*, muốn cho *Ý thành* cần phải *Trí Tri* tức phải hiểu biết tường tận, muốn hiểu biết tường tận cần phải tìm rõ nguồn cội sự vật. Đây cũng là phương pháp để thoát ra khỏi trạng thái Si.

Nền y học hiện đại có khuynh hướng chú trọng vào cách chữa trị những đau đớn về thể xác, giải phẫu, thay rắp tim, thận v.v... điều chỉnh các cơ năng dường như mang tính chất sửa chữa một bộ phận nào đó trong một cỗ máy phức tạp, mà coi nhẹ căn bệnh có tính chất tâm lý, tình cảm hay tinh thần, thiếu cái nhìn toàn diện. Cả hai đều đóng vai trò quan trọng, tác dụng hỗ tương lẫn nhau. Các nhà Y khoa đều công nhận rằng trạng thái nóng giận, buồn bã, quá vui, quá buồn đều có tác dụng không tốt cho sức khỏe của thân thể. Theo những nghiên cứu y-học cho thấy những người ở trong tình trạng giận,

buồn, không vui hay căng thẳng quá độ, não bộ tiết ra chất hormones gọi là độc tố adrenaline, nếu không là adrenaline đi nữa cũng là những độc tố có hại cho cơ thể. Do đó tình trạng mất thăng bằng về tình cảm kéo dài sẽ gây ra tai họa cho cơ thể, đưa đến tình trạng càng thêm khó khăn cho việc chữa trị. Trong khi đó cũng theo kết quả nghiên cứu khoa học, những người ngồi thiền định, hay trong trạng thái thư thái, tập trung tư tưởng hệ thống não bộ tiết ra chất hóa học giúp cho tâm hồn thật sự an bình, không còn căng thẳng, tiêu cực (4).

Nghiệp Bệnh

Trước hết chúng ta hãy tìm hiểu ý nghĩa đích thực của nghiệp là gì? Nghiệp được dịch từ chữ Karma của tiếng Phạn, có ý nghĩa hành vi, tư tưởng của mỗi cá nhân, từng con người trong tiền kiếp và hiện tại, từ đó hình thành con người ngày hôm nay. Người Việt thường hay nói “gieo gió gặt bão” hay là “nhân nào quả đó” phản ánh phần nào quan niệm về “nghiệp.” Trong tác phẩm “Chánh Pháp Nhân Tông” (5) có câu kệ sau:

*“Chư ác mạc tác
Chúng thiện phụng hành
Tự tịnh kỳ ý
Thị chư phật giáo”*
Có nghĩa như sau:
*Đừng làm điều ác
Hãy làm điều lành
Ý trở nên thanh tịnh
Đó là lời dạy của Phật.*

Với những lời kệ đơn giản vừa hàm ý khuyên bảo vừa nói lên điểm quan trọng trong việc hình thành nhân cách, và cũng có thể gọi là nghiệp của mỗi con người là ý tưởng. Điều gì mang tính chất quyết định hình thành con người? Đó chính là thân, khẩu và ý. Đơn cử thí dụ, có người bày đặt chuyện dối trá người khác. Nếu như câu chuyện không thật đó không gây tổn thương đến người nghe thì cũng được đi, nhưng người nẩy ra ý tưởng, và nói điều đó ra đã tạo “*nghiệp*” cho chính bản thân, và đó cũng là nguồn gốc hình thành nhân cách. Nhưng nếu câu chuyện không thật đó gây tổn thương về mặt tinh thần hay vật chất đến người nghe, chắc hẳn hành vi này hay “*nghiệp*” đã tác động không chỉ bản thân người nói mà còn đến người nghe nữa. Nếu như mẩu chuyện đó tiếp tục ám ảnh cả người nói lẫn người nghe, có nghĩa do từ ý nghiệp đưa đến khẩu nghiệp đã tác động đến thân, và đó cũng là nguồn gốc của bệnh.

Trong “Chi Quán Tọa Thiền” có viết “Nếu nghiệp tội là sát sanh thì gan và mắt bệnh. Nếu nghiệp tội do uống rượu thì tim và miệng bệnh. Nếu nghiệp tội là dâm dục thì thận và tai bệnh. Nếu nghiệp tội nói dối thì lá lách và lưỡi bệnh. Nếu nghiệp tội là trộm cắp thì phổi và

mũi bệnh.”(6).

Điều này nói lên tính chất tương quan mật thiết không thể nào tách rời giữa thân, khẩu và ý. Trong ba thành tố hình thành con người, thành tố ý là chủ đạo, là nguồn gốc để đưa đến lời nói, và sau đó là việc làm. Đức Phật cũng nêu thêm về yếu tố cha mẹ, tổ tiên, ẩm thực tức dinh dưỡng và tri thức.

Về yếu tố phụ mẫu, vì có cha có mẹ thì mới có chúng ta, đây cũng là cái ân cần phải báo đáp. Ngoài cái ân ra có những cái thừa hưởng từ cha mẹ, nói cách khác đó là yếu tố di truyền. Yếu tố này vượt ra ngoài tầm tay, khả năng, ý chí tự do lựa chọn của mỗi người, nó mang tính chất thụ động trong việc tạo dựng nhân cách cũng như nghiệp.

Khi nói đến ý thức là phải nói đến ngũ căn tức mắt, tai, mũi, miệng và thân, có nghĩa chúng ta đã nhìn thấy cái gì, nghe điều gì, ngửi mùi gì, nếm vị gì, xúc chạm cái gì... Những cảm giác này gây thành ý thức và cũng từ đó tác động đến yếu tố tạo thành con người. Khái niệm hình thành con người ngoài những yếu tố trên, còn có thêm tính chất ý chí tự do trong cuộc sống và kèm theo đó con người bị chi phối bởi quy luật nhân duyên, vô thường, vô ngã và nhân quả.

Trong Kinh Pháp Cú có nói:

*“Làm điều ác tự chính bạn trở lên ô uế
Không làm điều ác, tự chính bạn trở lên thanh tịnh.
Tự mỗi người chúng ta làm cho chính chúng ta trở
lên thanh tịnh, hay trở thành ô uế.
Không ai có thể làm người khác trở lên thanh
tịnh.”*(7)

Từ câu kinh trên cho thấy bệnh tật là do tự chính mỗi người chúng ta tạo thành chứ không ai khác, có thể do tức nghiệp hành vi trong quá khứ, hay trong hiện tại. Khi hiểu được nguyên nhân rồi, thì câu hỏi đặt ra là làm sao chữa trị căn bệnh.

Tái Tạo Nguồn Sinh Lực

Bệnh tật sinh ra gồm nhiều yếu tố tùy thuộc vào tình trạng sức khỏe thân thể, cách tư duy, lối sống, tập quán, nơi sinh sống, môi trường xung quanh và còn phải kể thêm đời sống tâm linh, yếu tố di truyền, ẩm thực cũng như văn hóa xã hội đang sống. Khi những yếu tố nội ngoại mất cân bằng, mọi tình trạng quá độ, cuộc sống quá căng thẳng, âu lo cũng là nguyên nhân sinh ra bệnh. Do đó chúng ta cần biết điều hòa, cân bằng những điều nêu trên, nhìn một cách toàn diện tâm và thân, kèm theo phương pháp tu tập như thiền định, điều tức hằng ngày, dinh dưỡng đúng đắn sẽ giúp phòng ngừa bệnh tật, có cơ thể khỏe mạnh, đời sống lành mạnh, vui tươi.

Làm thế nào để có thể điều hòa những yếu tố bên ngoài với mọi bộ phận bên trong cơ thể là cơ cấu cực kỳ

ting vi, phức tạp không khác gì tiểu vũ trụ. Chẳng hạn tổng số chiều dài những mạch máu trong cơ thể là 96 ngàn triệu kilometers, có nghĩa dài gấp hai lần chu vi quả địa cầu. Điều này cho thấy cơ thể con người chúng ta cực kỳ vi diệu mọi bộ phận từ bé cho đến lớn liên hệ chằng chịt lẫn nhau vượt ra ngoài sức tưởng tượng bình thường. Chính vì lý do này hẳn nhiên phải có quy luật tự nhiên về sự sống để phối hợp điều hành mọi cơ quan những vận chuyển trong lẫn ngoài cơ thể (8).

Chúng ta tạm gọi quy luật tự nhiên đó là “sức sống” hay “sức sinh tồn”, người Ấn Độ gọi là Prana, người Hy Lạp gọi là Pneuma, người Nhật Bản gọi là Ki, người Trung Hoa gọi là Chi, và người Việt gọi là Khí. Nguồn “sức sống” này di động đi khắp toàn thân, mọi mạch máu, mọi tế bào của mọi bộ phận cùng cấp dinh dưỡng, bảo vệ sự sinh tồn, tạo thành nguồn năng lực cho sự sống, và theo đó nó toát hiện ra bên ngoài thân thể trên bộ mặt, làn da v.v... Về mặt tinh thần sức sống mạnh làm nảy nở những đức tính như can đảm, hy vọng, vị tha kèm theo lý tưởng có mục đích trong đời sống. Do tính chất quan trọng của “khí” trong sự sống mà trong y học Đông phương có nói: *“Huyết giống như nước, khí giống như gió, nước di động là do sức đẩy của gió, huyết vận chuyển là do khí dẫn đi.”* Quả đúng như thế, máu có vận chuyển điều hòa được hay không là nhờ vào hồng huyết cầu có cùng với oxygen từ phổi di động đến các tế bào một cách trôi chảy hay không. Đây là một chu kỳ tuần hoàn liên tục mãi mãi không ngừng nghỉ của Khí cũng có thể nói là dòng sinh mệnh.

Để cụ thể làm thế nào nguồn năng lực này sinh động điều hòa, Phật giáo đưa ra một số phương pháp tái lập cân bằng thân tâm, dinh dưỡng được xem như những liều thuốc chữa trị trong mọi hoàn cảnh đời sống.

Phật giáo rất chú trọng đến ẩm thực vì nó là nhu cầu cần thiết hằng ngày để nuôi dưỡng thân thể, thanh tịnh hóa thân xác, và đó cũng là yếu tố quan trọng hình thành con người, và cũng bởi vì chỉ có thân thể kiện khang mới có đời sống hữu ích giúp người, giúp đời.

I. Dinh Dưỡng

Thứ nhất phương pháp dinh dưỡng, người xưa thường nói: *“Tai họa do lời nói sinh ra, bệnh tật do thức ăn mang từ mồm vào.”* Hay trong kinh cũng có viết: *“Khi ăn chúng ta phải tâm niệm thức ăn như những liều thuốc. Đừng ăn nhiều quá hay ít quá đều không tốt cho sức khỏe. Với lượng ăn tiết độ đủ để nuôi dưỡng thân thể, đừng để đói, đừng để khát sẽ tránh được bệnh tật.”* Người phương Tây cũng hay nói: *“Tùy theo những gì bạn ăn, bạn sẽ là như thế”* (you are what you eat). Do đó cả đông lẫn tây đều công nhận chất dinh dưỡng trong thức ăn đóng vai trò quan trọng tạo đời sống khỏe mạnh

và trường thọ. Theo Phật giáo, để có thân thanh tịnh, chúng ta nên ăn nhiều thực vật bao gồm ngũ cốc, rau, trái cây, bớt đi chất thịt động vật.

Nhân đây đơn cử vài lợi ích của việc ăn nhiều chất rau đã được khoa học thực chứng, theo kết quả nghiên cứu của Đại Học UCLA, những người thường ăn rau, ngũ cốc lượng nguyên tố Serotonin (5-hydraxytryptamine) tiết ra từ não bộ nhiều hơn những người ít hay không ăn rau, trái cây, và nguyên tố này giúp cho tinh thần lạc quan, ít lo lắng, không rối loạn và thư thái. Khi lượng nguyên tố này xuống thấp sẽ khiến con người hay dễ thất vọng, chán nản, buồn rầu (9).

Ngoài ra theo kết quả nghiên cứu của tạp chí The New England Journal of Medicine cho biết chất rau hay những chất xơ (fiber) có tác dụng giảm, loại trừ chất estrogen trong người phụ nữ giảm thiểu khả năng bị ung thư vú. Với chất rau (phytoestrogens) nhất là cà chua giúp chống lại ung thư nhiếp hộ tuyến ở nam giới. Đặc biệt loại rau súp-lơ xanh (Broccoli) có chất hóa học gọi là sulforanphane mang tác dụng tổng những chất độc trong máu và tế bào ra ngoài..

Hơn nữa thực phẩm dựa vào ngũ cốc, rau, trái cây ngoài việc giúp cho sự tiêu hóa dễ dàng, còn giúp chống lại tình trạng oxidant các phân tử trong tế bào, có nghĩa làm trẻ ra và sống lâu.

II. Luyện Thân Tâm

Thứ hai là phương pháp tu dưỡng tinh thần, có nghĩa tu học Phật pháp, giáo lý giúp cho tư tưởng, ý nghĩ được thanh tịnh. Chúng ta có thể thâm tóm trong tinh thần Lục Ba La Mật gồm có Bồ Thái, Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tiến, Thiền Định và Trí Tuệ.

(1) Hạnh Bồ Thái nuôi dưỡng tình thương nghĩ đến người không may mắn, xấu số. Với đức tính này sẽ giúp và chữa trị cho lòng tham.

(2) Những người tu tại gia có một số giới luật căn bản như không nói dối, không trộm cắp, không tà dâm, không sát sinh, không uống rượu. Nếu chúng ta tâm niệm duy trì những giới luật này trong đời sống hằng ngày sẽ chữa trị căn bệnh phạm pháp, cộng đồng, xã hội trở lên tốt đẹp và tâm hồn trở lên thanh tịnh. Hơn nữa người tu tập Phật giáo phải thường xuyên *“suy ngẫm về thân thể mình, từ gót chân đi lên trên, từ tóc trên đầu đi xuống dưới, với lớp da bọc lấy thân thể đầy rẫy những vật ô uế. Trong thân xác này gồm có: Tóc trên đầu, lông trên thân thể, móng tay, răng, da, bắp thịt, khớp xương, tủy, thân; tim, gan, màng huyết thanh, lá lách, phổi; Ruột, màng ruột, bao tử, vật bài tiết, óc; Nước mắt, dịch vị, máu mỡ, chất béo”* (10). Phương pháp quán

tướng này giúp chúng ta thấy cần phải tẩy uế, thanh tịnh hóa xác thân tránh xa những ý tưởng có hại cho sức khỏe.

(3) Hạnh nhẫn nhục phát triển đức tính khiêm cung, nhã nhặn, khai mở lòng bao dung tha thứ từ đó diệt trừ căn bệnh hận thù. từ đó giúp rất nhiều cho bộ phận gan.

(4) Hạnh thiền định quán tưởng được lý vô thường, mọi sự vật là Không, chữa trị tâm hồn bất an, dao động, sẽ cảm thấy những cảm xúc tạo ra bởi ngũ uẩn là không thực. Thiền định trong thể tĩnh giúp tăng cường sức khỏe đưa khí trời trong sạch (oxygen) vào trong người đồng thời đưa những chất thán khí (carbon dioxide) theo hơi thở ra ngoài. Ngoài ra chúng ta có thể thiền định trong thể động như Thái Cực Thiền Dưỡng Sinh vận động toàn thân. (11)

(5) Hạnh tinh tiến giúp hành giả nhủ lòng cái học cái biết ngày hôm nay có thể sẽ lỗi thời không còn phù hợp cần phải thay đổi, chữa trị căn bệnh lười biếng, nỗ lực học tập tinh tấn không ngừng, làm việc giúp người.

(6) Hạnh trí tuệ nhận chân cái ngã chân thật bất diệt, thường hằng là người cầm cương dẫn dắt năm con ngựa tức ngũ uẩn đi đúng đường vượt qua những đoạn đường quanh co khúc khuỷu, mở đường khám phá cả thế giới chân trời mới nằm đằng trước mặt, giải phóng ra khỏi những ảo tưởng, thoát khỏi sự giam hãm do dục vọng tạo ra, chữa trị căn bệnh u mê, tăm tối đạt đến cảnh giới tự do tự tại.

Nói chung con người phiền não, đau khổ, thất vọng, chán chường, bất an, trống rỗng là vì có khuynh hướng hướng ngoại, phân biệt ta và người, hằng ngày nhìn trong gương thấy ta khác người, nhìn cái giả cho là thật. Ngay chính thân xác của chúng ta thay đổi từng giây từng phút, mỗi khoảnh khắc là hằng triệu tế bào chết đi, đào thải và hằng triệu tế bào mới sinh sản ngay trong cơ thể. Vì thế cần phải đẩy lui những phiền não, không thật ra ngoài để thăng hoa trở lên an vui thanh thân hạnh phúc trở về với chân ngã, là những cái nằm bên trong con người chứ không ở đâu khác. Khi con người rơi vào tình trạng u mê, vô minh, vọng động thì Phật giáo đề xuất phương cách giải quyết là quán tưởng cái lý vô thường của vạn vật, có nghĩa không quá đam mê và chấp trước hay bám víu vào nó. Vì mọi vật đều theo lý nhân duyên, nhân quả mà kết hợp thành và rồi cũng theo đó mà tan đi giống như cát bụi trở về cát bụi. Mọi hiện tượng xuất hiện trên thế gian này ngày hôm nay rồi sẽ biến mất đi nay mai, không một sự vật nào tồn tại mãi

mãi. Vậy tại sao chúng ta bám víu vào nó để rồi đau khổ và sinh bệnh. Một vị cao tăng đời nhà Minh bên Trung Quốc, Hàn Sơn Thập Đắc đã nói: “*Không một ai sinh ra trên cõi đời này để già, bệnh và chết thay cho bạn. Những đau khổ này chính bạn phải nhận lấy. Mọi đắng cay ngọt bùi của cuộc đời phải tự chính bạn trải qua mà thôi.*” Do đó tự mỗi người phải tự chính mình tỉnh thức, hiểu rõ căn nguyên sự vật để làm sao sống một đời sống không ốm đau bệnh tật.

Từ cổ chí kim, Đông cũng như Tây không một ai phủ nhận sức mạnh tinh thần trong việc chinh phục bệnh tật, duy trì sức khỏe, thăng hoa đời sống nội tâm và thành công trong cuộc đời. Người phương Tây thường hay nói “Bạn nghĩ gì bạn sẽ là như thế” (As you think, you become), nói lên sức mạnh vô song của tinh thần. Với sức mạnh gì Armstrong vô địch liên tục sáu lần đoạt giải quán quân huy chương vàng vòng đua xe đạp Tour de France (12) song song với đó đã phải khắc phục, chiến thắng căn bệnh ung thư hằng ngày công phá cơ thể anh. Với đức tin nào mà những nhà sư chỉ với manh áo thô sơ có thể chịu đựng cái lạnh như cắt ở vùng núi Hy Mã Lạp Sơn quanh năm tuyết phủ. Với ý chí nào đã giúp con người Abraham Lincoln (13) vượt qua bao chông gai thử thách cuộc đời xuất thân trong gia đình nghèo, mẹ mất sớm, không có tiền đi học phải làm đủ mọi nghề để mưu sinh, vừa làm vừa học, có lúc rơi vào cảnh tuyệt vọng, gia tài khánh tận. Cuối cùng với niềm tin sắt đá vào lý tưởng ông đã đắc cử trở thành vị Tổng Thống thứ 16 của Hợp Chúng Quốc, người đầu tiên tuyên bố giải phóng nô lệ, dù sau bao nhiêu lần thất bại trong những cuộc tranh cử vào tòa nhà Quốc Hội. Niềm tin, tinh thần lạc quan đóng vai trò không nhỏ trong đời sống.

Nếu khi chúng ta nhận biết và hiểu rõ lý vô thường của sự vật, về ngay chính con người mình với những thói hư, tật xấu cần phải thay đổi, những biến hóa thay đổi liên tục không ngừng từ thể xác cho đến tinh thần, phân biệt được cái ta tạm thời và cái ta vĩnh cửu, bất diệt và những nỗi đau khổ không thể tránh được trên cuộc đời này với tâm bình thản là khi chúng ta đã có được liều thuốc thần dược, niềm hạnh phúc bất tận. Khi ấy chúng ta có khả năng điều chỉnh những nỗi cảm xúc, dằn nén cơn nóng giận, biết tha thứ cho tha nhân, tâm hồn trở nên trong sáng, tăng sức mạnh nội tâm, nguồn năng lực sống, có cái nhìn lạc quan, tin tưởng về cuộc đời. Khi ấy chúng ta biết cách giải quyết một cách ôn hòa những dao động và từ đó cơn bệnh cũng sẽ giảm từ từ. Một người thực sự khỏe mạnh là người tràn ngập sức sống, năng động, yêu đời, yêu người và cũng từ đó toát ra một vẻ đẹp tự nhiên qua khuôn mặt, làn da và cả nụ cười.

“Thân Tâm Nhất Như” tâm hồn và thể xác tuy hai mà một là tư tưởng trị liệu căn bệnh toàn diện hữu hiệu,

là chiếc xe, đôi cánh đưa con người đến chân trời hạnh phúc, trường thọ. Thiếu một trong hai thứ trên không thể nào đạt được điều mong muốn. Tâm hồn là cái trường cửu mãi mãi cần phải đi đôi với cái “đại ngã” chứ không phải cái tôi nhỏ bé. Có nghĩa để cho “Tâm” đạt đến cảnh giới bất tử chúng ta cần phải thăng hoa cái “Thân” nhỏ bé như hạt cát trong biển cả vào cảnh giới thanh văn, bồ tát, khai mở tiềm lực vô hạn nằm sâu trong tiềm thức, vượt qua những ảo tưởng, dục vọng thế gian, và những trạng thái bất an, lo lắng, sợ hãi từ từ biến mất không còn nữa.

Một khi chúng ta áp dụng những nguyên tắc chữa trị y học theo Phật giáo thì lòng tham sẽ thay thế bằng tâm bố thí, giận dữ thay thế bằng tình thương, u mê thay thế bằng trí tuệ. Khi ấy mọi bệnh tật sẽ tiêu tan thay vào đó là sức khỏe. Khi chúng ta có được tâm hồn bình thản trong mọi trạng huống, có nghĩa những độc hại đã bị đẩy lui ra khỏi tâm trí và thân thể là khi ấy chúng ta có được sự hòa hợp giữa thân và tâm, và bệnh tật không còn nữa. Nói cách khác chúng ta có dũng cảm thay đổi cách sống, lối nhìn về cuộc đời với con mắt tích cực, yêu thương tha thứ, năng vận động thân thể, thay đổi cách dinh dưỡng ẩm thực toàn diện. Đây chính là cuộc cách mạng bản thân, và cũng theo đó mọi tế bào xấu, ung thối, chất độc sẽ từ từ bị đào thải ra ngoài cơ thể, và một thân thể kiện khang, một tâm hồn trong sáng, lành mạnh sẽ thành hình.

Lý tưởng của Y học đã được minh chứng qua lời tuyên thệ *Hippocratic oath* (15) từ 2500 năm qua là tôn trọng sự sống, phục vụ lợi ích sức khỏe con người chứ không vì tư lợi, không dùng con người như vật thí nghiệm. Tinh thần này nói lên phần nào tư tưởng Phật giáo: mục đích tu tập theo Phật giáo là để có sức khỏe trở thành *Kim Cương Thân* vì “*Sức khỏe không chỉ là trạng thái không yếu đuối hay không bệnh tật mà còn là niềm hạnh phúc trọn vẹn mang tính chất xã hội bao gồm tinh thần lẫn vật chất*” (14).

Sơ Thu 2007

Tham Khảo & Chú Thích:

- (1) “Đồ Nhiên Thảo” cùng tác giả.
- (2) “Tinh Hoa Phật Giáo theo dòng thời gian” cùng tác giả.
- (3) “Tinh Hoa Phật Giáo theo dòng thời gian” cùng tác giả.
- (4) Time Magazine – The Science of Meditation
- (5) Tác phẩm do Đạo Nguyên vị tổ Thiền Tào Động Tông Nhật Bản, tiếng Nhật gọi là ShoBo Genzo.

- (6) Chỉ Quán Tọa Thiền - Thích Nhựt Chiếu
- (7) Kinh Pháp Cú
- (8) “Con người qua nhãn quan nhà Phật” cùng tác giả
- (9) The Energy Balance Diet – Joshua Rosenthal.
- (10) Trích từ Nam Truyền Đại Tạng Kinh quyển thứ 7, trang 339, Digha-Nikaya II, trang 293.
- (11) Thái Cực Thiền Dưỡng Sinh – G.S Nguyễn Cao Thanh
- (12) Vòng đua dài vào khoảng 2178 dặm Anh tương đương 3,500 Kilomet. Cuộc đua năm 2007 có 21 đội gồm 11 nước tham dự.
- (13) Abraham Lincoln sinh năm 1802 ở tiểu bang Kentucky, bị ám sát và mất vào ngày 14 tháng tư năm 1865 đã để lại câu nói vẫn còn mãi mãi được ghi khắc ở Điện Lincoln tại thủ đô Hoa Thịnh Đốn: “*Không gây tổn thương cho bất cứ ai; Khoan dung đến tất cả mọi người; Cương quyết với lẽ phải, vì thượng đế cho chúng ta biết nhìn thấy lẽ phải, hướng dẫn chúng ta nỗ lực để hoàn tất công việc chúng ta phải làm.*” (With malice toward none; with charity for all; with firmness in the right, as God gives us to see the right, let us strive on to finish the work we are in;)
- (14) “Health is a state of complete physical, mental and social well-being and not merely the absence of disease or infirmity” là lời mở đầu hiến chương Cơ Quan Y Tế Thế Giới (World Health Organization) thuộc tổ chức Liên Hiệp Quốc.
- (15) Hippocrates of Cos II (Năm 460 trước công nguyên – năm 370 trước công nguyên) người Hy Lạp được xem như cha đẻ ra ngành y khoa, cô đọng tinh thần làm việc của người y sĩ qua lời tuyên thệ cho những ai phục vụ về ngành Y.



THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Được tin thân phụ của nhà văn Nguyễn Thị Thanh Bình là:

Ông NGUYỄN ĐÌNH ĐẠM

bút tự **Thanh Tâm**

pháp danh **Không Sum**

đã an nhiên giã từ trần thế vào lúc 9 giờ 5 phút tối,
Thứ Hai, ngày 29 tháng 10 năm 2007
(nhằm ngày 19 tháng 9 năm Đinh Hợi) tại Baton Rouge, Louisiana, USA.

Hưởng thọ 92 tuổi

Xin nhất tâm nguyện cầu hương linh tiêu diêu miền Cực Lạc,
thành thật chia buồn cùng tang gia quyến thuộc, và kính thông báo ai tín
này đến quý văn thi hữu và bạn đọc.

*Đặng Phùng Quân, Tam Thanh, Vũ Tiến Lập, Ngô Nguyên Dũng, Hàn Song
Tường, Ngô Du Trung, Lê Nghĩa Quang Tuấn, Lê Thị Thắm Vân, Liên Hoa,
Quỳnh My, Huỳnh Kim Quang, Từ Tú Trinh, Chiêu Hoàng, Vĩnh Hảo... cùng
văn nghệ sĩ cộng tác tạp chí Phương Trời Cao Rộng.*

THỜI LOẠN VÀ GIAI NHÂN

Vĩnh Liêm – Văn Uyên

Sau khi Mạc Đăng Dung buộc vua Lê Cung Hoàng nhường ngôi cho mình rồi ép phải tự tử (1527), tông thất và cựu thân nhà Lê dấy binh chống lại, loạn lạc nổi lên khắp nơi. Năm 1529, An Thanh hầu Nguyễn Kim dẫn con em chạy sang nương náu Ai Lao, sai người về nước tìm được con của vua Lê Chiêu Tông là Ninh lập nên làm vua tức vua Lê Trang Tông, Nguyễn Kim được nhà vua phong là Thượng phụ thái sư Hưng quốc công, ngày đêm chiêu mộ quân sĩ và những người tài đức, liên kết với Ai Lao để mưu lấy lại nước. Năm 1540 Nguyễn Kim đem quân về nước đánh Nghệ An rồi mở rộng địa bàn đến Thanh Hoa (tức Thanh Hóa bây giờ). Từ đó đất nước bị phân chia thành Nam Bắc triều: nhà Mạc phía bắc từ Sơn Nam trở lên, nhà Lê (được gọi là Lê trung hưng) phía nam từ Thanh Hoa trở xuống..

Ở Nam triều, năm Ất Tỵ (1545) Nguyễn Kim bị một hàng tướng đầu độc chết, binh quyền rơi vào tay con rể là Trịnh Kiểm. Nguyễn Uông là con trưởng của Nguyễn Kim bị Trịnh Kiểm giết, em là Nguyễn Hoàng sợ liên lụy xin vào trấn ở Thuận Hóa. Đến khi Trịnh Kiểm mất (1570), con trưởng là Trịnh Cối bắt tài bị em là Trịnh Tùng đoạt quyền, Trịnh Cối đem gia đình về hàng nhà Mạc. Từ thời Trịnh Tùng trở đi, họ Trịnh cha truyền con nối làm chúa nắm hết quyền hành, vua Lê bị áp bức, chỉ còn hư vị.

Về phía Bắc triều, Mạc Đăng Dung làm vua được ba năm thì nhường ngôi cho con là Mạc Đăng Doanh để làm Thái thượng hoàng. Đăng Doanh làm vua được 10 năm thì mất, Phúc Hải nối ngôi được 6 năm (1540-1546), sau đó Phúc Nguyên cũng chỉ làm vua được 6 năm (1546-1561). Mạc Mậu Hợp lên nối ngôi khi còn nhỏ (1562-1592) có thể xem là vị vua cuối đời nhà Mạc.

Xét về thực lực thì Bắc triều hơn hẳn Nam triều vì nhà Mạc thừa hưởng tất cả hệ thống chính quyền, quân đội, tài chính, giáo dục v.v... của nhà Hậu Lê, trong khi nhà Lê trung hưng mới bắt đầu từ 1540.

Hai bên đã đem quân đánh lẫn nhau, Khi thì Nam quân tấn công nhà Mạc, khi thì Bắc triều tấn công nhà Lê, chiến tranh liên miên từ đời này sang đời khác kéo dài trên nửa thế kỷ, chiến trường chủ yếu diễn ra ở Sơn

Nam, Thanh Hoa, Nghệ An, dân tình đói khổ chết chóc, nhân tâm ly tán không sao kể xiết.

Trong bức tranh hỗn loạn nhiều như thế, nổi bật lên hình ảnh một giai nhân tuyệt sắc, đó là nàng Nguyễn Thị Niên.

Như câu thơ cổ đã viết:

*“Giai nhân tự cổ như danh tướng
Bất hứa nhân gian kiến bạch đầu”*,

Nàng đã chết khi tóc còn xanh, khi nhan sắc vẫn còn làm say đắm lòng người, song cái chết của nàng lại là cái chết khác thường.

Nguyễn Thị Niên là con gái thứ ba của tướng Nguyễn Quyện¹, dòng dõi trâm anh thế phiệt quyền quý cao sang của Bắc triều. Ông nội của nàng là Lại bộ thượng thư Thụ quốc công Nguyễn Thiến (đỗ tiến sĩ năm Nhâm Ngọ-1532 thời Mạc Đăng Doanh). Năm Canh Tuất (1550), Mạc Phúc Nguyên nghe lời dèm pha bắt tội các công thần, Nguyễn Thiến cùng con trai là Nguyễn Quyện, Nguyễn Phủ trốn về hàng nhà Lê. Khi Nguyễn Thiến chết (1557), Quyện và Phủ lại trốn về với nhà Mạc, Phúc Nguyên vui mừng, phong Quyện làm Văn Phái hầu, Phủ làm Phủ Hưng hầu, đem con gái tông thất gả cho. Đến thời Mạc Mậu Hợp, Quyện được phong Thạch quận công - Chương Phủ Nam vệ, là cánh tay đắc lực của Khiêm Đại vương Mạc Kính Điển² trong những cuộc nam chinh.

Có lẽ họ ngoại của Niên là tông thất nhà Mạc, cho nên chị của nàng đã trở thành hậu quả của Mạc Mậu Hợp, còn nàng thì trở thành vợ của Trần thủ Nam đạo Sơn quận công Bùi Văn Khuê. Cuộc hôn nhân của hai người là mối lương duyên môn đăng hộ đối trai tài gái sắc. Nguyễn Thị Niên thường vào ra cung cấm để thăm chị, nhưng nàng không thể ngờ được nhan sắc của nàng đã trở thành mối hiểm họa cho nàng và cả chồng nàng, đồng thời đã đưa ông anh rể Mạc Mậu Hợp đến một kết thúc không mấy đẹp đẽ.

Tuy có nhiều bậc hiền thần và tướng tài giúp đỡ nhưng chính sự nhà Mạc đã đổ nát vì Mậu Hợp là kẻ bất tài, ngạo mạn, ham mê tửu sắc vô độ khiến lòng người không phục. Sử chép tháng Hai Mậu Dần (1578) Mậu

Hợp bị sét đánh khi đang ở trong cung, bại liệt nửa người, phải chữa chạy nhiều năm mới khỏi. Năm Tân Ty (1581) lại bị bệnh thông manh mấy năm trời mới lành. Năm Nhâm Ngọ (1582) Mậu Hợp dựng ngôi điện thường gọi là điện giảng học, kỳ thực là để làm nơi yến tiệc chơi bời. Vừa mới hoàn thành thì tối hôm ấy bị hỏa hoạn cháy tiêu. Những chi tiết vụn vặt này, theo cách nhìn nhận của người xưa là những điềm xấu, chứng tỏ Mậu Hợp là kẻ loạn nghịch, không xứng đáng bậc minh quân thiên tử nên đã bị trời trừng phạt.

Tháng 10 Canh Thìn (1580) Mạc Kính Điển mất. Đây là vị tướng tài và đức độ được triều đình và quân sĩ kính yêu, cái chết của ông là một tổn thất lớn cho Bắc triều. Năm Quý Mùi (1583) Trịnh Tùng thấy thế lực của mình đã mạnh bền cử binh ra đánh Sơn Nam, lấy được thóc gạo đem về. Từ đó năm nào cũng đem quân ra đánh buộc nhà Mạc chuyển từ thế công sang thế thủ.

Dù nhà Mạc ngày càng suy yếu, Mạc Mậu Hợp vẫn tiếp tục con đường hoang dâm vô độ, bạc đãi công thần, tướng sĩ. Nhiều vị hiền thần đã từng dâng sớ can ngăn nhưng Mậu Hợp đều bỏ ngoài tai. Ngày 27 tháng 7 năm Tân Ty (1581) Thiêm Đô ngự sử Lại Mẫn dâng sớ can ngăn, có đoạn “... *Nếu đang thời nguy ngập mà vẫn cho là bình yên, đang lúc có tai biến mà vẫn ung dung, chỉ thỏa thích những cuộc vui có thể đem đến sự bại vong. Hạ thần sợ một khi biến loạn xảy tới ngoài sự tưởng tượng, lúc ấy thì dù có bậc trí giả cũng không có thể vãn hồi được.*” Trong sớ xin cáo lão về hưu của Thái bảo Giáp Trung ngày 2 tháng 8 năm Ất Dậu (1585), có viết: “... *Kính mong bệ hạ, tính việc trị an, cung kính phép trước, chuyên về chính học, thân cận người ngay, thực ý ngay lòng, phòng sai ngăn dục, không gần sắc đẹp hát hay, không gây lợi về tiền của, không ham rượu, không mê nhạc, ngăn kẻ nịnh nọt, răn sự dơ bẩn chơi. Khiến cho chánh trị giáo hóa trở nên hay, nhân dân nhà nước đều yên vui, để tiến tới một nền thịnh trị...*”³ Ngoài ra Giáp Trung còn đề nghị những biện pháp về quân sự để bảo vệ đất nước biên cương rất hữu lý nhưng Mậu Hợp không thực hiện. Thấy vậy các đại thần có tâm huyết đều chán ngán, lần lượt dâng sớ xin về hưu hoặc thoái thác không chịu làm việc.

Trong tình hình như thế, năm Tân Mão (1591) Trịnh Tùng mang 5 vạn quân tấn công miền bắc, Mậu Hợp tự mình thống lĩnh đại quân đi đối phó nhưng thua to. Quân Trịnh lấy được thành Thăng Long, phá các hào lũy, san thành bình địa rồi trở về Thanh Hoa. Dù vậy Mạc Mậu Hợp vẫn không chịu đầu hàng triều chính.

Mùa xuân năm Nhâm Thìn (1592), Trịnh Tùng lập đàn làm lễ tế trời đất rồi mang đại binh tiến ra bắc tấn công Thăng Long lần thứ hai. Áp lực quân Nam triều rất mạnh, Mậu Hợp phải bỏ Thăng Long, vượt sông Hồng

chạy đến Thổ Khôi (thuộc huyện Gia Lâm – Hà Nội). Quân Trịnh tiếp tục tấn công, Mạc thua to, các mặt trận đều tan vỡ, các tướng Mạc Ngọc Liễn, Bùi Văn Khuê, Trần Bách Niên... đều tháo chạy, quân Mạc chết như rạ. Trong cuộc giao tranh kịch liệt đó, tướng Nguyễn Quyện, cha của Niên, bị bắt sống. Tiết chế Trịnh Tùng đích thân cỡi trời, ủy lạo, đối xử tử tế.

Quyện vốn là tướng giỏi được nhiều ân sủng của triều đình nhà Mạc, lại là cha vợ của Mạc Mậu Hợp, lẽ nào chịu khuất phục Nam triều dễ dàng, cho nên giả vờ quy thuận, tìm kế hoãn binh để phía Mạc có thời gian củng cố lực lượng đối phó. Về sau việc mưu phản bị bại lộ, Quyện phải chết trong ngục cùng con là Nguyễn Tín (Quý Ty-1593).

Tin Nguyễn Quyện bị bắt hẳn đã tác động mạnh đến tâm lý tình cảm của vợ chồng tướng Bùi Văn Khuê. Về phía Mậu Hợp tuy đã bị đánh bật khỏi Thăng Long, tình thế nguy cấp, vẫn không bỏ được thói háo sắc. Y ngông cuồng đến độ muốn cướp đoạt Thị Niên là em vợ của mình, nên sai người mưu giết Văn Khuê. Sự bất bình đã lên tới đỉnh, Khuê đem quân về Gia Viễn (Ninh Bình), không chịu vào châu. Mậu Hợp sai quân đến bức bách. Không còn sự lựa chọn nào khác, Khuê một mặt chống đỡ với quân Mạc, một mặt sai con là Văn Nguyên⁴ chạy vào Thanh Hoa dâng lễ đầu hàng vua Lê (tháng 10 Nhâm Thìn – 1592).

Bùi Văn Khuê không phải là kẻ bất tài mãi quốc cầu vinh, chẳng qua vì sự bức hại của Mạc Mậu Hợp mà phải về hàng Nam triều. Việc đầu hàng này cho thấy sự chia rẽ trầm trọng trong hàng ngũ Bắc triều, cán cân lực lượng nghiêng hẳn về Nam triều. Trịnh Tùng hết sức mừng rỡ, nói: “*Quân địch lập đồn ở Gia Viễn, chặn đường tiến binh của ta, đã mấy lần ta đánh đồn này mà chưa phá được (...), thế mà tướng biên thủy của giặc lại qui hàng ta. Đó là trời giúp cho ta thành công vậy. Trước đây ta thường thắng trận bằng bộ binh, đó chỉ có thể dùng về phía Tây Bắc thôi. Nếu muốn đánh về phương Đông Nam, phi thủy quân không thể dẹp nổi. Nay được thủy quân của Văn Khuê, ta sẽ dùng ngay, do đường Trường An ra mạn Duy Tân Phú Xuyên, rồi tiến binh theo đại lộ, thì không còn lẽ gì là không thắng. Sẽ định ngày khôi phục đất đai vậy*”⁵.

Một mặt ông cho người đi cứu Văn Khuê, một mặt định ngày đem đại binh ra bắc, hợp với quân của Văn Khuê tấn công và chiếm được Sơn Nam. Đi đến đâu quân Mạc tan vỡ đến đấy. Ngày 4 tháng 11 chiếm được Thanh Oai (Hà Tây bây giờ). Ngày 14 tháng 11 Trịnh Tùng tấn công cả thủy lẫn bộ, tướng Mạc Ngọc Liễn chống cự không nổi, bỏ thành chạy đến núi Tam Đảo. Quân Trịnh đuổi đến cửa Nam thành Thăng Long, đóng quân ở bến Sa Thảo. Đêm ấy Mạc Mậu Hợp trốn chạy về

huyện Kim Thành (Hải Dương). Tông thất nhà Mạc đều bỏ trốn, các tướng Mạc lũ lượt kéo đến đầu hàng. Thái hậu họ Mạc bị bắt, buồn rầu mà chết.

Mậu Hợp lập con là Mạc Toàn làm vương sai coi việc nước, tự mình đem quân đối phó. Trịnh Tùng sai Phạm văn Khoái đem quân đuổi đánh Mậu Hợp ở huyện Yên Dũng và huyện Vũ Ninh, Hợp bỏ thuyền chạy lên bờ, vào trốn ở chùa Mô Khuê huyện Phượng Nhãn giả làm nhà sư⁶. Văn Khoái đuổi theo, nhờ có người chỉ điểm bắt được đem về Thăng Long, bêu sòng ba ngày rồi chém ở bến Bồ Đề, gửi đầu về Thanh Hoa, đóng đinh vào hai mắt bêu ở chợ.

Thật mỉa mai cho kẻ vô đạo: khi cầm quyền sinh sát trong tay thì không đếm xỉa đến những lời can gián của các bậc trung thần, đến bước đường cùng lại mượn tấm áo cà sa để che đậy nhân thân tội lỗi của mình. Kết cục bi thảm của Mạc Mậu Hợp là điều tất yếu và là bài học nhân quả cho bọn hôn quân bạo chúa.

Tuy rằng sau khi Mạc Mậu Hợp bị giết, một số tông thất nhà Mạc có nổi dậy tiếm ngôi như Mạc Kính Chi, Mạc Kính Chương, Mạc Kính Cung, nhưng giang sơn họ Mạc, được sự che chở của nhà Minh, cuối cùng chỉ giới hạn ở vùng đất Cao Bằng nhỏ bé. Triều đại nhà Mạc từ Mạc Đăng Dung đến Mạc Mậu Hợp chỉ kéo dài 65 năm (1527-1592) và bị xem là nguy triều trong lịch sử nước ta.

Bùi Văn Khuê góp công không nhỏ trong việc tiêu diệt Mạc Mậu Hợp và dư đảng nhà Mạc, vợ chồng họ những tưởng sẽ được sống hạnh phúc yên bình khi trở về làm con tôi nhà Lê. Song với thân phận hàng tướng, tuy được ban tước Mỹ quận công, Khuê đã không được Trịnh Tùng tin dùng trọng đãi. Về phía Trịnh Tùng vốn là kẻ hung ác⁷, sau khi dẹp xong nhà Mạc, đã tỏ ra chuyên quyền hống hách, vua Lê Thế Tông (1573-1599) chỉ còn cái bóng mờ.

Trong bối cảnh không mấy sáng sủa ấy, với sự ngầm xúi của Nguyễn Hoàng⁸, Bùi Văn Khuê cùng Phan Ngạn, Ngô Đình Nga trốn về với nhà Mạc đang dậy lên ở miền bắc. Cuộc đào thoát của họ thành công. Nhưng sau đó Phan Ngạn nghi ngờ Bùi Văn Khuê có ý khác bèn sai người bắn chết rồi tự xưng là Tiết chế Sinh quốc công, Đình Nga tự xưng Thái bảo Hoa quận công, em của Ngạn (không rõ tên) tự xưng Tiền bộ dinh Quỳnh quận công, dùng niên hiệu Càn Thống (là niên hiệu của Mạc Kính Cung) trong các bản yết thị hoặc lệnh cấm.

Tin chồng bị bắn chết khiến Nguyễn Thị Niên vô cùng bi phẫn. Vốn con nhà tướng, nàng không xử sự như nhi nữ thường tình mà quyết tâm báo thù. Niên chiêu dụ sĩ tốt, hứa trọng thưởng cho ai lấy đầu của Phan Ngạn. Ngạn nghe thế giận lắm. Ngày 1 tháng 6 năm Canh Tý (1600), Ngạn đem quân đến Hoàng Giang đánh nhau.

Quân của Niên bắn chết Ngạn ở giữa sông.

Theo Cương Mục, có thuyết nói: “Ngạn nghe biết Thị Niên sắc đẹp, sai người đi lại cùng thông tin ước hẹn kết duyên. Nguyễn Thị giả vờ nhận lời, bèn kén hơn mười người trẻ tuổi đẹp trai, ăn mặc giả làm con gái sung vào làm thị tỳ. Nguyễn Thị giao ước với bọn thị tỳ giả nếu ai giết được Phan Ngạn thì sẽ được trọng thưởng. Muốn để Ngạn khỏi nghi ngờ, Nguyễn Thị Niên hẹn: đêm hôm nào đó thị sẽ đi một chiếc thuyền lớn đến hội kiến. Ngạn hí hờn mừng. Đến kỳ hạn, Nguyễn Thị ăn mặc lộng lẫy, đi thuyền ngược dòng sông Hoàng Giang ra sông Nha Giang, Ngạn cho người thăm dò, thấy trong thuyền la liệt những gái đẹp, Ngạn yên tâm không nghi ngờ gì cả (...), bèn dùng thuyền lớn đến để cùng Nguyễn Thị Niên hội hợp, sau khi Ngạn đã sang thuyền Nguyễn Thị, liền vẫy cho thuyền mình rút lui. Khi cuộc tiệc rượu đang nồng nàn thì thị tỳ xông ra dùng dao chặt đầu Ngạn, rồi nhân đêm tối thả trôi xuống (...) quay chèo trở về như bay (...). Nguyễn Thị đem thủ cấp của Ngạn làm lễ tế chồng, dẫn các con đến hành tại An Trường quy thuận với vua Lê, còn thị tỳ tự gieo mình xuống sông.

Cho dù chỉ là giả thuyết, nhưng dựa vào đây ta có thể suy đoán một trong những nguyên nhân khiến Phan Ngạn đã giết Bùi Văn Khuê chính là sắc đẹp của Nguyễn Thị Niên, một sắc đẹp mà tám năm trước đã làm tên hôn quân Mạc Mậu Hợp, dù đã có nhiều cung phi mỹ nữ, phải điên đảo để rồi hứng chịu một cái chết oan nghiệt và đưa nhà Mạc vào chỗ diệt vong.

Nguyễn Thị Niên là một tuyệt sắc giai nhân nhưng rất đoan chính. Khác với Đắc Kỷ, Dương Quý phi của Trung Hoa hay Đặng Thị Huệ của Đại Việt dùng sắc đẹp như một phương tiện để leo lên bậc thang danh vọng và quyền uy, Nguyễn Thị Niên chỉ muốn một cuộc sống hạnh phúc bình dị. Éo le thay, nàng là nạn nhân của sắc đẹp chính mình, lại còn liên lụy đến người chồng mà nàng hết sức thương yêu kính trọng.

Hành động báo thù cho chồng rồi sau đó gieo mình xuống sông tự vẫn của nàng biểu hiện sự bất khuất kiên trinh của người phụ nữ Việt Nam.

Chúng ta không khỏi ngậm ngùi cho số phận của một giai nhân sinh nhằm thời tao loạn khi đọc mấy câu thơ:

“Thuở trời đất nổi cơn gió bụi
Khách má hồng nhiều nỗi truân chuyên
Xanh kia thăm thẳm từng trên
Vì ai gây dựng cho nên nỗi này?...”.
(Chinh phụ ngâm)

1 Theo Toàn Thư

2 Mạc Kính Điển là con của Mạc Đăng Doanh, em của Mạc Phúc Hải, ông chú của Mạc Mậu Hợp
 3 Theo Đại Việt Thông Sử trang 77 và 84 (bản điện tử)
 4 Theo Cương Mục
 5 Theo Đại Việt Thông Sử trang 89 (bản điện tử)
 6 Theo Đại Việt Thông Sử trang 90 (bản điện tử)
 7 Vua Lê Anh Tông (1557-1573) bị Trịnh Tùng áp bức phải trốn về Nghệ An, Trịnh Tùng sai người giết rồi phao tin vua tự tử. Vua Lê Kính Tông (1600-1619) bị Trịnh Tùng bắt phải thắt cổ chết
 8 Thái úy Đoan quốc công Nguyễn Hoàng khi ra bắc lấy mừng vua Lê Thế Tông trở về Đông Kinh (1593) thì bị Trịnh Tùng tìm cơ bắt ở lại không cho về. Nguyễn Hoàng bèn ngầm xúi giục Kế quận công Phan Ngạn, Tráng quận công Ngô Đình Nga và Mỹ quận công Bùi Văn Khuê mưu phản. Sau đó Nguyễn Hoàng giả vờ xin với Bình An vương Trịnh Tùng đem quân đánh đuổi để trốn về Thuận Hoá (Toàn Thư).



Thơ

HỒ CHÍ BỬU

(cảm tác nhân đọc bài thơ Lên Núi, Xuống Núi của Vĩnh Hảo)

LÊN NÚI

*Tường đầu xuống núi gặp vàng
 Nào hay xuống núi gặp toàn ni cô
 Vàng đầu dưới núi mà mơ
 Thôi đành lên núi rồi ngơ ngẩn buồn!*

XUỐNG NÚI

*Ta xuống núi tay không cầm bình bát
 Nên gặp em không khát thực tình yêu
 Cõi Vô ngã ngộ duyên ta chưa đạt
 Ngõ Phù hư kinh rớt mất. Chơi liêu*

*Khi xuống núi Thầy không trao tràng hạt
 Ấn Kim Cang ta quên mất hôm nào?
 Và tất nhiên cũng sẽ về với cát
 Gặp em rồi tìm cứ đập xô xao.*

*Ta vẫn biết Niết bàn xa tay với
 Đâu Phù sinh? Đâu hiện hữu? Vô thường?
 Sao chết đứng với cái nhìn vời vời
 Em đã làm kẻ Tội, Nghiệp hoàn lương!*

*Đi khát thực mà không mang bình bát
 Nên gặp nàng ta đâu dám hóa duyên
 Chắc em hiểu, cúng dường ta ánh mắt
 Làm ta về thao thức đến Vô biên*

*Tội lỗi, tội lỗi. Vô cùng tội lỗi!
 Con ngộ rồi Duy thức của Đạt ma
 Với Sư tổ con là người có tội
 Nhưng với nàng con xin được giác tha*

*Em thấy không - Mình tự sinh tự diệt
 Khói Phù vân không tắt tiếng Đại hùng
 Ta cõi bỏ áo sông không luyến tiếc
 Lỡ yêu rồi thì yêu đến lâm chung.*

THƯ THÔNG BÁO VÀ CẢM ƠN VỀ BẢN LÊN TIẾNG CỦA VĂN NGHỆ SĨ TỰ DO

Kính thưa quý văn thi hữu,

Như quý vị đã theo dõi và tường tri, “Bản Lên Tiếng của Văn nghệ sĩ tự do về trường hợp nhà thơ Tuệ Sỹ” phổ biến từ ngày 26.10.2007 đã được sự nhiệt tình ủng hộ ký tên của trên 140 văn nghệ sĩ Việt Nam khắp thế giới (tính đến ngày 06.11.2007). Đây thật là điều vinh hạnh và rất cảm động đối với các văn nghệ sĩ khởi xướng vận động, trong đó có cá nhân chúng tôi, người giúp việc ghi chép và phổ biến.

Sở dĩ Bản Lên Tiếng được đông đảo văn nghệ sĩ tán đồng, tham gia ký tên, là do nó nói lên được tiếng nói chung của giới cầm bút, sáng tác, đối với trường hợp một văn thi hữu bị công kích, nhục mạ, vu hãm một cách không chứng cứ, điển hình là nhà thơ Tuệ Sỹ. Những phát ngôn có tính cách triệt hạ uy tín, chụp mũ và gán ghép những tội danh và những xú từ nhắm vào một cá nhân nào đó, dù là văn nghệ sĩ hay không phải là văn nghệ sĩ, nếu chỉ là tỵ hiềm và đố kỵ cá nhân thì vẫn chỉ là chuyện riêng tư giữa hai cá nhân; nhưng khi sự chụp mũ và triệt hạ phẩm giá cá nhân một cách bất công được lặp đi lặp lại nhiều lần, bởi nhiều người, nhiều tổ chức (chính trị hay tôn giáo) trong suốt thời gian dài, thì sự việc không còn là chuyện cá nhân riêng tư nữa, mà đằng sau có thể là động cơ xuất phát từ một thế lực xấu ác, bất kể thế lực ấy nhân danh lý tưởng cao đẹp nào.

Điều có thể thấy được rõ ràng nhất là khi một văn hữu, hoặc một nhân sĩ trí thức đấu tranh vì lương tâm, trở thành đối tượng công kích của văn thi hữu hay chiến hữu của mình, thì cá nhân hay tập thể thủ lợi chắc chắn không phải là chúng ta (bên công kích và bên bảo vệ). Điểm cốt lõi mà Bản Lên Tiếng chung của văn nghệ sĩ là ở chỗ đó: nó không ngăn cản quyền tự do ngôn luận của kẻ khác, mà chỉ yêu cầu chấm dứt những vu khống, xuyên tạc, kết án một văn thi hữu của mình nếu không có bằng chứng xác thực, khả tín. Những lời đồn, dư luận, tiên đoán, dự đoán, v.v..., từ một cá nhân, hay một nhóm người, thậm chí của một tổ chức chính trị hay tôn giáo, hoặc cơ quan quyền lực cao nhất của một quốc gia, đều không thể mang giá trị phổ quát để dẫn đến phán quyết tối hậu chân xác về hành vi và phẩm giá của một con người. Nếu yêu cầu duy nhất của Bản Lên Tiếng được đáp ứng, ít nhất chúng ta có thể tháo gỡ được một mắt xích trong chuỗi dài liên hệ trùng trùng với những âm mưu ly gián, gây chia rẽ và phá hoại sự đoàn kết trong văn giới nói riêng, và cộng đồng nói chung. Thử hỏi ai sẽ được hưởng lợi khi lần lượt các sĩ phu trí thức tinh hoa của giống nòi bị triệt hạ, vu khống, chụp mũ? Như thế, khi ký tên vào Bản Lên Tiếng, văn nghệ sĩ chúng ta không phải chỉ nhắm riêng vào trường hợp nhà thơ Tuệ Sỹ mà còn mặc nhiên bảo vệ tất cả những ai bị chà đạp một cách bất công qua phương tiện truyền thông đại chúng, trong cộng đồng nhỏ hoặc tầm cỡ quốc gia, tầm cỡ quốc tế.

Với thư này, chúng tôi trân trọng thông báo và trình bày một số việc như sau:

1. Thành thật cảm ơn tất cả quý văn nghệ sĩ đã nhiệt tình ký tên, giới thiệu và giúp phổ biến Bản Lên Tiếng này; trong đó, xin đặc biệt tri ân hai vị thầy khả kính của tôi là nhà văn Doãn Quốc Sỹ và triết gia Phạm Công Thiện, cùng các bậc đàn anh, đàn chị trên vương triều văn học đã ký những chữ ký đầu tiên để mở đầu cho sự vận động của chúng tôi;
2. Thành thật cảm ơn quý văn nghệ sĩ vừa ký tên ủng hộ, vừa giới thiệu các văn hữu khác, lại vừa giúp phổ biến Bản Lên Tiếng trên các báo chí và trang lưới, đặc biệt là quý văn hữu chủ trương Pháp Vân, Phù Sa, v.v... cũng như nhà văn Phan Bá Thụy Dương, nhà thơ Vũ Tiến Lập, đã tận tình giới thiệu nhiều văn thi hữu khác cùng ký tên;

3. Thành thật cảm ơn quý văn nghệ sĩ đã ký tên rồi thông báo rút tên vì lý do này, hoặc lý do khác. Dù quý vị một phút, một giờ ký tên, rồi đổi ý rút ra, chúng tôi cũng ghi nhận tấm lòng trong sáng ban sơ của quý vị đối với Bản Lên Tiếng chung. Trên nguyên tắc dân chủ và tự do ngôn luận, chúng tôi tôn trọng quan điểm và quyết định của quý vị về việc tự nguyện ký tên hoặc rút tên, chỉ mong sao thân tình văn nghệ được giữ mãi;

4. Bản Lên Tiếng này sẽ được kết thúc vào 11 giờ đêm (giờ California), ngày 11.11.2007. Văn nghệ sĩ nào muốn ký tên, xin gửi e-mail đến chúng tôi trước thời gian qui định. Bản đúc kết danh sách văn nghệ sĩ tự do ký tên sẽ được phổ biến chính thức trên trang nhà Vĩnh Hảo (www.vinhhao.net) vào ngày 12.11.2007, ngoài ra sẽ được sự trợ giúp đăng tải của các trang nhà Phù Sa, Pháp Vân, Hoa Đàm, và bất cứ báo chí hay trang nhà nào có thể;

5. Bản Lên Tiếng đúc kết vào cuối ngày 11.11.2007 dù không phải là một hiện tượng hay biến cố văn học quan trọng, nhưng ít ra cũng là một tài liệu văn học, qua đó, những văn nghệ sĩ thuộc nhiều thế hệ khác nhau, từ những bối cảnh xã hội và quan điểm sáng tác khác nhau, đã đồng tâm cất lên tiếng nói của mình để bảo vệ phẩm giá của một văn hữu, cũng như báo động về sự lấn át của chính trị vào sinh hoạt văn học nghệ thuật của cá nhân hay tập thể cầm bút hải ngoại.

Trân trọng thông báo và cảm ơn.
California, ngày 07 tháng 11, năm 2007.

Vĩnh Hảo

BẢN LÊN TIẾNG

CỦA VĂN NGHỆ SĨ TỰ DO

VỀ TRƯỜNG HỢP NHÀ THƠ TUỆ SỸ

Hiến chương Văn Bút Quốc Tế (International PEN) minh định rằng, văn chương không có biên giới, không tùy thuộc vào các biến cố chính trị của các dân tộc, hội viên văn bút chủ trương tự do báo chí và cũng cương quyết chống lại việc lạm dụng tự do báo chí để đăng tải những tin tức không xác thực, ngụy tạo hoặc xuyên tạc sự thật với mục đích cá nhân hay chính trị (*Literature knows no frontiers and must remain common currency among people in spite of political or international upheavals... / PEN declares for a free press... / And since freedom implies voluntary restraint, members pledge themselves to oppose such evils of a free press as mendacious publication, deliberate falsehood and distortion of facts for political and personal ends* – Source: <http://www.internationalpen.org.uk/index.php?pid=11>).

Trong tinh thần đó, chúng tôi, những văn nghệ sĩ tự do, hết sức bất bình trước những thông tin có tính cách hàm hồ, võ đoán, từ một số báo chí, điện tử thư, diễn đàn tin tức liên mạng chính trị hay tôn giáo, qua đó, các tác giả hữu danh hoặc nặc danh, đã kết án, cáo buộc, xuyên tạc, nhục mạ văn hữu của chúng tôi là Tuệ Sỹ với những tội danh hoặc phẩm chất xấu một cách vu vơ không bằng chứng. Một trong những cáo buộc tâm điểm của chiến dịch vu khống xuyên tạc này cho rằng Tuệ Sỹ thỏa hiệp hoặc đi theo cộng sản, trong khi chính Tuệ Sỹ từng là một người cầm bút bất khuất, càng cường cất lên tiếng nói của lương tâm để chống lại sự bạo ngược bất công của chế độ cộng sản, đến nỗi phải nhận bản án tử hình; rồi nhờ sự can thiệp của các cơ quan tôn giáo, nhân quyền cũng như văn nghệ sĩ khắp thế giới, bản án này đã được giảm xuống thành chung thân khổ sai và cuối cùng, thành án hai mươi năm tù.

Trong khi Tuệ Sỹ vẫn còn sống trong nước, bị kiểm soát và bị giới hạn về ngôn luận thì ở hải ngoại, với quyền tự do ngôn luận, người ta đã dùng cái quyền cao quý ấy để công kích, chụp mũ, mạ lỵ ông một cách tàn nhẫn, không chút tiếc thương. Và trong khi một số báo chí, diễn đàn hải ngoại rầm rộ trong chiến dịch vu khống, triệt hạ uy tín của Tuệ Sỹ suốt nhiều tháng qua, người ta chỉ thấy ông một mực im lặng. Sự im lặng này có thể đối với ông là điều tự nhiên của một nhà tu trong hạnh nhân nhục, nhưng đối với những người cầm bút, chúng tôi thấy nó đã và đang trở thành cơ hội tốt cho những tâm địa xấu xa, tiếp tục phát ngôn bừa bãi, tấn công vào một người không phương tự vệ hoặc không có ý biện bạch bào chữa.

Tuệ Sĩ là một người cầm bút mà qua các tác phẩm cũng như qua cách sống, đã làm sáng ngời phẩm tiết của một sĩ phu trí thức cũng như đức hạnh của một nhà tu trước nỗi thống khổ đọa đầy của quê hương. Chúng tôi thiết nghĩ, những kết án không bằng chứng nhắm vào Tuệ Sĩ chính là hành vi phủ nhận những gì cao đẹp cần thiết cho tiến trình đấu tranh nhằm phục hồi nhân quyền và tự do cho dân tộc Việt Nam nói riêng, nhân loại nói chung.

Với nhận thức trên, và trong tư cách là những văn nghệ sĩ tự do, chúng tôi đồng ký tên dưới đây, yêu cầu hãy chấm dứt ngay các phát ngôn triệt hạ uy tín cá nhân, xúc phạm phẩm giá nhắm vào Tuệ Sĩ mà không có những bằng chứng cụ thể và khả tín. Chúng tôi luôn cổ xúy cho quyền tự do ngôn luận và báo chí nhưng đồng thời cũng cực lực phản đối các hành vi chà đạp nhân phẩm và vô trách nhiệm khi thực thi quyền tự do ngôn luận và báo chí ấy.

Hải ngoại ngày 26 tháng 10 năm 2007

Văn nghệ sĩ tự do đồng ký tên:

(26.10.07): Phạm Công Thiện, Doãn Quốc Sỹ, Viên Linh, Trần Dạ Từ, Nhã Ca, Phan Tấn Hải, Trần Quang Thuận, Bùi Ngọc Đường, Huỳnh Kim Quang, Vĩnh Hảo, Đặng Thị Quế Phượng, Thanh Trí Cao, Chiêu Hoàng, Nhiên An, Đặng Tâm, Vân Phong, Lâm Bích Nhy, Nguyễn Thanh Huy, Ngô Văn Quy, Từ Tú Trinh, Uyên Nguyên, Mỹ Huyền, Trịnh Gia Mỹ, Lê Trúc, Nguyễn Trung Tín, Vũ Tiến Lập, Tâm Minh Ngô Tằng Giao;

(27.10.07): Diêu Trân Linh Linh Ngọc, Phan Bá Thụy Dương, Hạnh Cơ, Thiếu Khanh, Lý Thừa Nghiệp, Huệ Thu, Lâm Như Tạng, Đặng Nguyên, Võ Đình, Trần thị Lai Hồng, Trần Bội Phương, Vy Vy, Song Nhị, Nguyễn Hữu Hiệu, Đinh Đăng Trường Như (Trung Kỳ), Hoàng Ngọc Liên, Ninh Hạ, Dương Huệ Anh, Hoàng Đình Báu, Võ Doãn Nhẫn, Vương Thúy Nga, Võ Quỳnh Uyển, Trần Trung Đạo, Nguyễn Thị Thanh Bình, Lâm Xương Yên, Trần Huy Bích, Thu Thuý, Trúc Tâm, Quỳnh My, Lê Minh Hiền, Phong Thu, Phan, Ngậm Ngùi;

(28.10.07): Diêu Linh, Lý Đợi, Hải Như, Bùi Ngọc Tuấn, Cao Xuân Huy, Vũ Thư Hiên, Bạch Xuân Phê, Lê Nguyên, Thích Hạnh Thức, Phạm Hoàng Chương, Phạm Văn Nhân, Trương Đình Luận, Thiết Trượng, Thủy Lâm Synh, Tâm Diêu, Thúy Linh, Tô Mặc Giang, Ngọc Hân, Huỳnh Tấn Lê;

(29.10.07): Nguyễn Hạnh, Thường Dzu, Đỗ Văn Học, Trần Thái Bảo, Đỗ Quý Toàn, Chân Huyền, Cao Nguyên, Lưu Trọng Tường, Như Hùng, Dương Thái Sơn, Lâm Hảo Dũng, Yên Chi, Minh Nguyệt, Quán Như;

(30.10.07): Hoàng Ngọc Tuấn, Võ Quốc Linh, Lê Anh Tuấn, Thái Kim Lan, Tâm Huyền, Trúc Huy, Trần Đức Phi Bằng;

(31.10.07): Nguyễn Mạnh Trinh, Không Quán, Phổ Đồng, Hoàng Thy Mai Thảo, Thích Trí Hoàng, Lê Phát Minh, Đỗ Xuân Trúc (Xuân Đỗ), Nguyễn Văn Nhó, Cư sĩ Liên Hoa;

(01.11.07): Trần Thị Nhật Hưng, Thích Phước An, Hồ Phú Bông, Đan Hà, Trần Huy Sao, Nam Thanh, Lê Đình Cát, Tâm Nguyên, Từ Khoa Vũ Ngọc Châu, Huyền Trang;

(02.11.07): YLa Lê Khắc Ngọc Quỳnh, Nguyễn Hiền Trần Tiễn Huyền, Trang Châu, Thành Nhân, Nguyễn Đức, Lý Kiến Trúc;

(03.11.07): Trần Đỗ Cung, Lam Nguyên, Nguyễn Văn Vinh;

(05.11.07): Đặng Hiếu Sinh, Tùng Sơn, Nguyễn Đức Bạt Ngàn, Diêu Anh;

(06.11.07): Thích Trí Chơn, Nhuận Hùng, Nguyễn Ước, T. Vần;

(07.11.07): Lâm Chương, Sương Mai;

(08.11.07): Huỳnh Hữu Ủy, Lưu Tường Quang;

(09.11.07): Nguyễn Vĩnh Long, Nguyễn Vy-Khanh;

(10.11.07): Triều Hoa Đại, Thích Thắng Hoan, Đặng Thơ Thơ, Tư Đồ Minh, Cao Huy, Hoàng Ngọc Thư, Trịnh Thanh Thủy, Lữ;

(11.11.07): Trần Doãn Nho, Chân Phương, Nguyễn Trọng Khôi, Hồ Lăng Bạc, Nguyễn Hoàng Tranh.

Bản Lên Tiếng này được khởi đầu vận động từ 11 giờ sáng ngày 26.10.2007 và kết thúc vào 11 giờ tối, ngày 11.11.2007, với chữ ký tán đồng ủng hộ của 156 văn nghệ sĩ Việt Nam khắp nơi trên thế giới. Ngoài chữ ký của văn nghệ sĩ, chúng tôi cũng đã đón nhận sự bày tỏ nhiệt tình và cảm động của quý vị sĩ phu trí thức ở nhiều quốc gia, tán đồng quan điểm của Bản Lên Tiếng, cất tiếng bảo vệ phẩm giá của nhà thơ Tuệ Sĩ, yểm trợ tinh thần các văn nghệ sĩ ký tên, qua danh sách “Ký Tên Liên Đới cùng văn nghệ sĩ tự do” với 65 vị (bắt đầu từ ngày 29.10 và kết thúc cùng ngày).

Với thời gian vận động ngắn ngủi và chỉ giới hạn trong phạm vi điện tử thư và vài trang lưới điện toán, chúng tôi rất tiếc đã không thể phổ biến Bản Lên Tiếng này đến khắp các văn thi hữu và quý vị thiện tri thức; do đó, tất nhiên đã có một số vị chưa kịp biết đến, và một số vị chưa bao giờ dùng máy điện toán, một số vị chỉ mới vừa được văn hữu giới thiệu nhưng chưa kịp gửi chữ ký đến chúng tôi.

Vì thế, qua thư này, chúng tôi xin thành thật xin lỗi quý văn thi hữu và thức giả không có cơ hội để bày tỏ sự ủng hộ của mình, đồng thời gửi đến quý văn thi hữu đã ký tên cả chân tình và niềm tri ân sâu xa của chúng tôi.

Bản Lên Tiếng với chữ ký đúc kết ngày hôm nay, xin kính gửi đến quý văn thi hữu và thiện tri thức đã ký tên hay không ký tên để lưu và tham khảo, cùng quý vị chủ trương các cơ quan truyền thông để kính nhờ phổ biến.

Trân trọng cảm ơn sự ủng hộ và giúp đỡ của quý vị.

California, 11 tháng 11, năm 2007.

T.M. Văn nghệ sĩ vận động chữ ký,

Vĩnh Hảo

oOo

Danh sách Ký tên LIÊN ĐỐI cùng VĂN NGHỆ SĨ TỰ DO

(29.10.2007): Nguyễn Út, Nguyễn Thi Thu (couturière), Nguyễn Duy Quang (ingénieur), Nguyễn Thế Vinh (technicien), Nguyễn Quốc Nam (sinh viên);

(30.10.2007): Lê Viết Lâm (Ht.GĐPT - Sydney), Quang Nhã Hoàng Văn Lang (Ht.GĐPT), Le Ha (USA), Le Thi My (USA), Thanh Khuong (Canada), Tran Kim Khanh (USA), Khanh Nguyen (USA), Huynh Yen Nhu (USA), Le My Phuong (Australia), Dieu Hien (Australia), Trần Tuấn Kiệt (Pháp), Lê Văn Phương (VN), Mỹ Lệ (Sài Gòn), Thanh Liêm (Canada), Huỳnh Phương (Pháp), Nguyễn Hữu Tuấn (Ht.GĐPT), Tâm Phương;

(31.10.2007): Tran Kim Khanh (CT, USA), Nguyen Thao (TX, USA), Khanh Nguyen (NE, USA), Tâm Thế - Nguyen Dang Diep (Ht.GĐPT CA, USA), Vo Diep (FL, USA), Việt Phi;

(01.11.2007): Nguyễn Hữu Bảo Long (Huntington Beach, California), Chánh Trí (Ht.GĐPT), Trịnh Long Hải (Paris – France), Huỳnh Hạnh (Đức quốc), Tạ Thị Tươi (Ý quốc), Lê Phong (France), Trần Hữu Trí (Paris),...

(02.11.2007): Trương Hương Thảo (Pháp), Nguyễn Ánh Mai (Pháp), Trần Văn Đáo (Canada);

(03.11.2007): Trần Trung Tín (Việt Nam), Nguyễn Trần Tuấn (Canada), Ngô Tấn Vĩnh (France), Nguyễn Trần Nhan Uyên (Canada),...

(04.11.2007): Lê Mậu Tảo (Đức quốc), Hoàng Hữu Định (Pháp), Nguyễn Phúc Tường (Anh quốc), Trần Đình Mỹ (Pháp),...

(05.11.2007): Nhật Bửu Hương, Thái Đình (Ý quốc), Trịnh như Thảo (Pháp), Nguyễn Hoàng Anh (Pháp);

(06.11.2007): Dr. Bùi Hữu Tường (Đức quốc), Lê Tấn Lộc (Paris), Trần Bình Long (Anh quốc)...

(07.11.2007): Mạc Kim Bình (Việt Nam), Phạm Tịnh Thư (Ht.GĐPT),

(08.11.2007): Chan Mat Tu, Chan Mat Quan, Tam Tue Vien, Tam Tue Duc, Tam Tinh Thuc.

(09.11.2007): Trần Mỹ Dung, Trần Thị Tuyết (Tây Ban Nha), Ngô Quang Nhân (Canada), Nguyễn Văn Minh (Thái Lan);

(09.11.2007): Nguyễn Thị Việt Hương (Đức quốc), Trần Văn Hùng (Pháp), Nguyễn Minh Tâm (VN).

TAM TẠNG ĐƯỢC KINH QUA CÁI NHÌN THIỀN TÔNG

Chân Hiền Tâm

Tây Du Ký, một bộ chuyện gần như ai cũng thích. Người đời thích. Các bậc Tôn túc xưa cũng thích. Một lần, nhắc đến Tôn Ngộ Không đồ hết bình đòn giải vào hòng, Sư phụ cười ha hả. Cái cười của Sư phụ khiến tôi tò mò. Cứ hỏi vì sao Tây Du chiếu trên truyền hình, khúc cuối sao mà tẻ nhạt, xem ra phi băng đạo Phật quá nhiều, mà với Sư phụ lại có giá trị đạo lý như thế?

Cái tật vốn lười, đọc lại nguyên bản chữ Hán Tây Du thì có mà chết. Thôi thì chỗ nào thấy họ phi băng, mình moi chỗ đó ra xem, coi người xưa viết gì mà các bậc Tôn túc có những nhận xét khác nhau. Không ngờ, đoạn Tam Tạng đến được chân núi Linh Thứu trở về sau, đọc tới đâu mê mẩn tới đó. Nếu cho Tây Du là bộ ký sự gởi gắm quá trình ngược dòng hoàn tịnh của một hành giả tu Phật để đến bờ kia v.v... Cũng có cái lý để mình chiêm nghiệm.

1. Mở đầu

Nói “Tam Tạng được kinh qua cái nhìn Thiền tông”, không có nghĩa, đó là cái nhìn của tất cả những hành giả tu thiền. Chỉ vì trong phần luận giải, phải mượn những tình tiết liên quan đến Thiền tông mới hì luận được về nó, nên nói “Qua cái nhìn Thiền tông.” Luận ra đây, cũng không phải để chống đối hay hiển sự đúng sai đối với những quan điểm nghịch lại. Làm sao có thể khẳng định mình đúng người sai, khi mình không phải là chính tác giả? Chỉ là mượn gió đưa thuyền, mượn nôm bầy cá... xẻ chia một chút “ngọt bùi” với kẻ đồng duyên. Cũng là để thấy, thực lý Duyên Khởi đang chi phối thế giới này: pháp không tánh cố định, chỉ tùy duyên hiện tướng. Tùy tâm thức của từng người mà pháp pháp thành sai biệt. Cảnh sở duyên không còn ở vị trí của chính nó, mà đã thành sở duyên duyên qua tâm thức của từng người. Chỉ là:

Sở Duyên bày hiện

Duyên thành Duyên Duyên

Mượn gió đưa thuyền

Bát Nhã đồng lên

Do chỉ tập trung vào đoạn Tam Tạng được kinh, lại

“Qua cái nhìn của Thiền tông,” nên đây không bàn đến quá trình thỉnh kinh gian nan ở phần trước, chỉ làm bàn khi Tam Tạng đến được chân núi Linh Thứu trở về sau.

2. Chỉ thẳng chỗ tâm chứng

Vượt bao khổ cực sóng gió, đến được chân núi Linh Sơn, bốn thầy trò Tam Tạng được đại tiên Kim Đẳng chỉ đường “Thánh tăng! Hào quang ngũ sắc lưng chừng trời mà ngài thấy đó chính là Linh Thứu, cảnh giới của Phật Tồ.” Tôn Ngộ Không nói “...Tuy thấy đó chứ còn xa...”

Nguồn tâm chân nguyên vốn thanh tịnh trùm sáng, nhưng nó không phải là đối tượng để ta thấy được. Thứ gì còn trong vòng năng sở đối đãi, thứ đó có thể là chân, nhưng là đối với vọng mà nói, chưa là chỗ tánh thể tốt cùng cần đạt. Ngài Nam Tuyền nói “Không biết là vô ký. Biết là vọng giác.” So với tâm vọng động của chúng sanh, biết tuy là chân, nhưng đó chỉ mới là phần chân dụng của tánh thể chân như, chưa phải là cái nhân Phật tánh để ta đạt được cái quả là niết bàn Phật, nên nói vọng giác. Vì sợ người tu chấp “dụng” bỏ “thể”, cho “dụng” chính là “thể”, nên Nam Tuyền đã phải phương tiện một câu “Biết là vọng giác.” Tuy là vọng giác, nhưng nếu không “biết”, chân núi Linh Thứu còn không có phần, nói là đỉnh núi.

Cho nên, dù thân tâm không còn, chỉ hiện tiền một trạng thái thanh lương sáng khắp, nhưng là cái thanh lương mình còn cảm nhận được, thì vẫn chưa thoát được cảnh giới của thức ám. Chỉ mới là cảnh SỞ MINH mà kinh Lăng Nghiêm đã nói. Ngài Thiệt Nhãn nói “Lúc đó tâm của bạn rỗng rang như hư không. Bạn cảm thấy cả pháp giới hiện hữu trong ấy, như có cái gì thanh lương khó nghĩ... Khi trạng thái này tiếp tục một thời gian mà bạn nghĩ mình đã được giác ngộ, và thấy mình ngang hàng với Thích Ca hay Bồ Đề Đạt Ma là bạn lầm. Ngồi vị này là thể hội ám thứ năm. Đây là điều mà kinh Lăng Nghiêm nói “Hội nhập cái tịch lặng, trở về bờ mé của thức”... Đây là thức thứ tám của chúng sanh. Thức này chính là nguyên nhân đưa đến luân hồi... Mặc dù thức này gần giống với bản tâm nhưng không phải là bản

tâm.” Chính vì vậy, “thấy rồi đó... mà vẫn “còn xa.” Đạo lý vô cùng.

3. Cầu độc mộc và thuyền không đáy

Sau khi Kim Đăng kiếu từ, bốn thầy trò tiếp tục đi và gặp một con sông đang nổi sóng. Tam Tạng hoang mang. Ngộ Không chỉ cây cầu trên biển nói “Cái cầu đằng kia, qua được mới thành chánh giác.” Nhìn kỹ thì quả tình có một cây cầu độc mộc bắc vòng qua biển như một cái móng. Tam Tạng lắc đầu “Cầu này người phàm làm sao đi được. Kiểm ngỗ khác cho xong.” Tôn Ngộ Không nói “Có ngỗ khác đâu mà kiểm. Đẳng nào cũng phải qua cầu này.” Nói xong, Tôn hành giả qua cầu rồi trở lại đất Bát Giới. Bát Giới sợ hãi, một mực đòi đẳng vân. Tôn Hành Giả nạt “Chỗ này là chỗ nào mà đẳng vân giá vụ? Phải qua cầu này mới thành Phật được.”

Muốn vượt biển sanh tử đến bờ giác ngộ, chỉ có cầu độc mộc và thuyền không đáy mới có thể qua được.

Cầu độc mộc là cầu chỉ có một cây như cầu khỉ. Nhưng cầu khỉ còn thẳng, cầu này cong vòng không có điểm tựa. Muốn đi được cầu này, phải ‘độc hành độc bộ’ mới qua được. Không để tâm thức rơi vào nhị biên phân biệt, mới qua được cầu này. Muốn đến bờ giác, hành giả phải phá thẳng vào trí phân biệt của mình. Trí phân biệt là TUỞNG ĐẦU trong LỤC THÔ của luận Đại Thừa Khởi Tín. Trí phân biệt không phá, thì không thể nói chuyện làm Tổ thành Phật. Như không vào được cửa Đại Thừa Khởi Tín hay Trung Luận thì khoan bàn đến Hoa Nghiêm. Đó là con đường duy nhất để hành giả tu Phật đến được bờ kia. Chính là cửa BÁT NHỊ trong kinh Duy Ma, BÁT BÁT của Trung Luận, tất cả đều PHI của kinh Lăng Già v.v... Cầu này, thần thông không làm gì được. Dù thần thông bậc nhất như Mục Kiền Liên, cũng còn không xong, huống là thuật đẳng vân của Trư Bát Giới.

Cầu tuy khó đi, nhưng nếu vững tâm quyết chí thì vẫn đi được. Một khi hành giả xác định tinh thần tu hành cho được rõ ràng, như Ngộ Không từng quả quyết “Muốn làm Tổ thành Phật chỉ có đường này,” thì dù khó khăn bao nhiêu, mình vẫn qua được. Còn như Tam Tạng hay Trư Bát Giới, buông vọng vài keo đã thấy nặng nề, ức chế... tâm liền thối lui, khó mà đi được.

Tôn hành giả qua được cầu này, nên có tên là Ngộ Không. Ngộ ra tánh không của vạn pháp thì đi được cầu này không mấy khó khăn. Nhân và quả không lìa nhau.

Đang phân vân thì bỗng đâu có con thuyền trôi đến, Tam Tạng cả mừng, nhưng khi nhìn lại, thấy đó là thuyền không đáy, ông thất sắc nói “Thuyền không đáy đưa người sao đáng.” Người đưa đồ nói “Thuyền này không phải tầm thường. Tuy là không đáy mà an vững...” Nghe vậy nhưng Tam Tạng vẫn dửng dưng, liền bị Tôn Hành giả xô ngay xuống thuyền. Sau khi bị xô

xuống thuyền, thấy xác mình trôi lênh bênh trên sông, Tam Tạng qua đò đến được đất Phật, gặp được Như Lai, rồi theo tôn giả Ca Diếp và A Nan đến chỗ để kinh.

Bằng cư sĩ nói “Khó khó khó, mười tạ dầu mè trên cây, vuốt.” Khó vì tâm mình vốn quen an trụ. Luôn phải có chỗ để bám víu nương tựa, không dễ gì chịu buông để tâm trở lại trạng thái VÔ TRỤ của nó. Sợ trống vắng, sợ mất kiến giải sở trường, sợ tan thân nát mạng... trăm ngàn cái sợ, trăm ngàn cái ngại, thành cầu đò luôn sẵn mà ít người đến được bờ kia. Nếu chưa một lần chết đi sống lại, cái mà người xưa nói “Tuyệt hậu tái tô,” thì chưa thể nào chiêm nghiệm được tánh Phật trong chính mình. Tánh Phật chưa nghiệm, thì quả Phật còn xa.

4. Văn phong của thiền sư

Sau khi cho bốn thầy trò xem tử định kinh, A nan và Ca Diếp nói với Tam Tạng “Thánh tạng Đông Độ đến đây thỉnh kinh, có nhân sự chi tặng bọn ta chăng? Có thì đưa sớm để ta phát kinh.” Tam Tạng nói “Đường xá xa xôi, đệ tử không có sắm sửa.” Tổ sư trả lời “Giỏi! Giỏi! Giỏi! Đi tay không thỉnh kinh về lưu truyền thì kẻ đời sau chết đói.” Tôn Hành Giả thấy vậy, đòi kiện Như Lai. A Nan liền ngăn “Đừng có rầy rà, chỗ này không phải là chỗ chơi, ra đây mà lãnh kinh”. Bốn thầy trò lãnh được kinh, lên đường trở về Đông độ.

Ca Diếp và A Nan là hai vị Tổ đầu tiên của Thiền Tông. Ca Diếp là người được Như Lai chia cho nửa tòa ngồi, vì khi Như Lai đưa cành sen lên ở hội Linh Sơn, Ca Diếp là người duy nhất nhận được ý chỉ mà Như Lai nói. Chỉ yếu của Thiền Tông là “Bất lập văn tự, truyền riêng ngoài giáo, trực chỉ tâm người, thấy tánh thành Phật.” Tiếng hét của Lâm Tế, cây gậy của Vân Môn, ngón tay của Câu Chi... không hề thông qua văn tự kinh điển, nhưng không gì không phải là lời của Phật Tổ. Nó không khác cành sen trên hội Linh Sơn. Tâm tâm truyền nhau, ngay đó mà nhận, ngay đó mà tu, không qua kinh điển văn tự. Đơn giản, thẳng tắt... nhưng phải là hàng căn cơ bậc thượng mới nhận và sống được với tâm này. Ngàn kinh muôn luận, tám vạn pháp môn, chỉ với mục đích giúp người nhận được tâm này.

Nói về văn phong của người xưa, thường chỉ có văn phong của thiền sư là quái gở và khó hiểu. Tôn Túc sập cửa làm nát chân Vân Môn. Phổ Hóa vác hòm chạy khắp bốn cửa thành. Thiền sư Gessan, mặc lời biếm nhẽ chê bai của thiên hạ, luôn bắt mọi người phải trả tiền công rất cao cho những bức họa của mình v.v... Chẳng qua vì trí tuệ của chư vị không còn bị buộc ràng trong trí phân biệt, mọi hành xử không vì bản thân mà chỉ vì lợi ích của muôn người. Nên có khi, cái thấy phàm tình của người đời khó mà biện tới.

Hồng Châu Thủy Lão, lần đầu đến tham bái Mã Tổ,

bị Mã Tổ đòi lễ “Ông lay trước cái dĩa.” Thủy Lão liền cúi xuống lay. Mã Tổ đập một đập, Sư té nhào và hoát nhiên đại ngộ. Nếu khi Mã Tổ đòi lễ, Thủy Lão khởi liên cái thấy hướng ngoại như thầy trò Tam Tạng: Cho thái độ đó là ngạo mạn, thì việc đại ngộ hẳn không xảy ra. Cho nên, việc A Nan và Ca Diếp trao kinh vô tự và đòi phẩm vật cúng dường—với cái nhìn của người đời là hội lộ gian lận—lại là chuyện thường tình dưới con mắt Thiền Tông.

Tôn Hành Giả có thể thấy yêu ma quỷ mị biến hành, có thể thấy tướng Phật hóa hiện, nhưng tâm của chư vị Thiền Tổ thì dò không tới, mới đòi bầm báo với Phật Tổ. Mới thấy “Đốn ngộ tuy đồng Phật, đa sanh tập khí thâm.” Dù từng một lần đặt chân lên đất Phật, từng một lần chết đi sống lại, thì phần tập khí sở tri vẫn còn. Ngay cả hàng Bồ tát ở giai vị Thập địa vẫn còn phần sở tri vi tế ngu, nên chưa thể có cái thấy thấu suốt như chư Như Lai. Thành “Chưa ngộ như đưa ma mẹ. Ngộ rồi, như đưa ma mẹ” là vậy.

Phong cách Thiền sư thì rất đơn giản: Ngay đó liền nhận, không nhận thì thôi, không có gì để bàn tiếp. Bung ra một câu mà thấy thiền khách không nhận được, chư vị liền phui sạch. Vì thế, A Nan nói với thầy trò Tam Tạng “Đừng có rầy rà... thôi ra đây lãnh kinh.”

5. Kinh vô tự và hữu tự

Khi nghe hai vị Tổ sư giao kinh vô tự cho thầy trò Tam Tạng, Nhiên Đăng Phật Tổ cười “Chúng tăng của Đông Độ u mê, coi sao ra kinh vô tự, thỉnh về làm sao dùng được, uống công cho Tam Tạng.” Rồi sai người đi lấy về đổi kinh hữu tự. Nhưng do tránh thiết bång của Tôn Hành Giả, Bạch Hùng làm kinh rơi vãi tứ phía. Lúc đó thầy trò Tam Tạng mới vỡ lẽ: Kinh mình thỉnh về chỉ toàn giấy trắng không chữ. Bàn tới bàn lui, bốn thầy trò quyết định trở lại gặp Như Lai, vạch cho ra thói hư tật xấu của chư vị Tổ sư.

Không muốn thí xả mà vẫn muốn nhận được kinh, thì chỉ có một loại kinh để nhận: Kinh vô tự. Kinh vô tự là chỉ cho nguồn tâm vốn sẵn trong mỗi chúng sanh. Không tu, không thí xả, không cần cúng dường gieo duyên, không màng đến phước báu, nó vẫn hiện diện đầy đủ. Chỉ do vô minh ngăn che mà không ai sử dụng được cái dụng vô bờ của nó. Nếu có thể ngay đó trở về, một bước thể nhập, ngay đó mà sống thì chỉ cần bảo nhậm, không cần phước nghiệp gieo duyên, tất cả vẫn tròn đầy. (Đã nói trong *Truyền Tâm Pháp Yếu* của thiền sư Hoàng Bá). Chư vị Tổ sư, nếu gặp được những vị thiền khách có căn cơ bậc thượng này, cũng không khuyên họ cúng dường, bố thí, nhần nhục... như Tuệ Trung Thượng Sĩ nói với Trúc Lâm đại đầu đà: “Giữ giới cùng nhần nhục, chiêu tội chẳng chiêu phước.” Có điều, loại kinh đó khó

mà truyền thừa rộng rãi cho kẻ đời sau, nhất là vào thời mạt pháp, là thời mà người tu thích văn từ chữ nghĩa hơn giới luật tu hành, thích học vị hơn tu chứng, kinh vô tự khó mà vào được, nên A Nan kết luận “Giỏi! Giỏi! Giỏi!... thì con cháu đời sau chết đói.” Đó là lý do vì sao, không đưa phẩm vật ra, thầy trò Tam Tạng vẫn nhận được kinh mà chỉ là kinh vô tự.

Nếu không phải là hàng căn khí có thể sử dụng được kinh vô tự của mình, thì phải theo lối mòn muôn thuở mà đi, là phải có tâm thí xả mới có thể nhận pháp tu hành. Xưa đức Phật từng phải thí xả cả thân xác cho quỷ dữ chỉ để nhận một bài kệ bốn câu. Muốn thỉnh kinh học đạo, bước đầu của người tu là phải gieo duyên với Tam bảo. Thứ dễ nhất là cúng dường tài vật. Bởi không đủ duyên không nhận được pháp. Đương nhiên vật phẩm cúng dường không hẳn chỉ nằm trên mặt tài vật. Nó là những gì thuộc về phước hạnh. Vì thế, trên LÝ thì “Duy tuệ thị nghiệp” mà trên SỰ thì “Phước huệ song tu.”

Nói về mặt công đức, thỉnh kinh mà không biết thí xả tài vật thân tâm, nói chung là không biết thí xả ngã và ngã sở, thì công đức phước báu khó có. Vì phước báu không nằm trong giấy trắng mực đen, cũng không nằm trong việc thỉnh kinh, mà nó còn liên quan đến nhiều việc khác. Thỉnh kinh mà không làm theo những gì kinh dạy thì giá trị nhận được không có bao nhiêu. Thí xả công sức tài vật mới được phước báu quý. Thí xả thân tâm đến chỗ rốt ráo, mới nhận ra cái chân thường hằng lạc, hằng tịnh. Kể đi trước có biết thí xả thân tâm tu hành, thì việc truyền trao mới có giá trị. Không thì như kẻ mù dẫn người mù, con cháu đời sau không thể khá.

Chính vì thế, khi nghe Tôn hành giả bầm tấu A Nan và Ca Diếp đòi của dứt lốt, Như Lai chỉ cười “Thôi đừng ta thán, ta đã biết rồi. Chỉ vì kinh này không thể khinh truyền, cũng không thể tay không mà có được kinh. Lúc trước, chúng tăng ở đây, có mang kinh xuống tụng cầu siêu cho gia đình Triệu trưởng giả... Triệu trưởng giả chỉ trả công cho ba đấu gạo trắng thêm chút vàng bạc. Ta vẫn nói trưởng giả bòn xén, con cháu sau này ắt phải nghèo. Nay người đến tay không, thỉnh được bản giấy trắng, đó là chân kinh vô tự rất quý. Chỉ vì chúng sanh Đông độ các người ngu mê không ngộ, chỉ có thể dùng kinh hữu tự mà truyền, nên mới như thế.” Cái chỗ về tay không mà Như Lai nói quý đó, là chỗ thiền sư Nguyên Liễn hỏi Thủ Sơn Tĩnh Niệm ở Hà Nam “Học nhân đến núi báu, tay không trở về thì sao?” Thủ Sơn đáp “Hãy nhận kho báu nhà mình.” Ngay đó Nguyên Liễn đại ngộ và nói “Không còn nghi lời các thiền sư.” Nếu ngay đó nhận được, thì không có gì quý hơn. Nhưng lúc này hai thầy trò Tam Tạng đang thị hiện cho tầng lớp chúng sanh còn chấp vào tướng bên ngoài, không nhận được lý tâm tông mà Tổ Phật muốn chỉ bày, nên kinh vô tự trở thành

vô dụng, chư vị Tổ sư mới thành những kẻ tệ ác phỉnh lừa, cảnh giới Phật mới thành lục đạo, yêu ma.

Kinh hữu tự, đương nhiên không bằng được kinh vô tự, dù cả hai đều là chân kinh. Do ứng với cái duyên là chúng sanh ngu mê ở Đông Độ mà kinh vô tự biến thành hữu tự là loại kinh mình đang đọc tụng hay học hành ngày nay. Thứ gì ứng duyên mà hiện, thứ đó không mang tính chân lý phổ quát. Vì thế, sau khi bị nhận chìm trong biển trầm luân của chúng sanh, kinh nào cũng bị mất mấy chương sau. Nghĩa là, thứ gì còn thuộc ngôn từ chữ nghĩa, thứ đó còn thiếu chưa đủ. Chỉ là ngón tay chỉ mặt trăng. Nhờ ngón tay để thấy mặt trăng, ngón tay không phải là mặt trăng. Tuy kinh luận chưa phải chính là những gì Như Lai muốn mọi người hướng đến, nhưng phải nhờ đến kinh luận, mình mới biết đường tu hành mà nhận cho được những gì Như Lai muốn nói. Vì thế tuy kinh hữu tự không có giá trị bằng kinh vô tự, nhưng nó là thứ cần thiết cho chúng sanh thời mạt pháp. Cần thiết, không có nghĩa là rốt ráo. Chỉ là phương tiện, như thuyền dò đưa mình đến bờ kia. Cho nên, với một hành giả tu Phật, là tu để đạt được trí tuệ và đức tướng của Như Lai, mà công phu chỉ dừng ở mặt giới luật hay những tri thức có được từ kinh điển, thì chưa đủ. Chủ yếu vẫn là nhận ra bản tâm thanh tịnh của chính mình và sống được với nó. Đó là ý nghĩa vì sao sau khi rơi xuống biển, kinh nào cũng mất hết mấy chương sau. Mấy chương đó chính là bờ kia, là thứ mà luận Trung Quán đã nói :

Tự biết không do ai

Tịch diệt không hí luận

Không khác không phân biệt

Ấy gọi là thực tướng.

6. Tâm tham ái chấp thủ

Thiền sư Kim Bát Phong sau khi chứng ngộ, có thể buông hết mọi duyên tham ái, nhưng riêng một cái bát ngọc dùng cơm là rất yêu thích. Một lần, do tuổi thọ đã hết nên Diêm Vương sai mấy tên tiểu quỷ đến bắt Sư. Kim Bát Phong biết trước, nhập định giỡn đùa. Lũ tiểu quỷ không cách gì bắt được, mới hỏi kẻ Thổ địa. Thổ địa nói “Ông ta rất thích cái bát ngọc, nếu đụng đến nó, chắc ông ta xuất định.” Quả thật, nghe tiếng bát ngọc khua, Sư nóng tâm xuất định. Lúc đó mới biết, tham ái nhất thời có thể thiêu hủy huệ mạng của người tu, nên Sư đập nát bát ngọc, để lại một bài kệ rồi nhập niết bàn. Tu đến cỡ có thể tự tại với sanh tử như thế, mà còn dính mắc vào một cái bát ngọc, huống là kẻ còn đang chập chững trên đường. Mới thấy tâm chấp thủ vi tế khó mà lường hết.

Tam Tạng, khi bị tôn giả A nan đòi nhân sự cúng

dường, không phải không có phẩm vật để cúng. Vẫn còn cái bình bát vua Đường ban tặng. Nhưng không hiểu vì không nhớ hay vì không muốn đưa ra mà nói 'không có phẩm vật.' Người tu, có khi dám bỏ hết cuộc đời, chịu đủ thứ đắng cay để hoàn thành công hạnh của mình, nhưng rồi lại chấp vào những công hạnh đó mà không đến được bờ kia: Chìm mê trên đỉnh cao của những hình tướng bên ngoài, mà quên mất hình tướng bên ngoài dù rực rỡ phát triển bao nhiêu, cũng chỉ là phương tiện, chưa phải chính là chỉ yếu mà Như Lai muốn ta đạt đến. Bát ngọc là một vật rất thô, nhưng một người như Kim Bát Phong vẫn có thể dính mắc, huống là những thứ mang đầy tính Phật pháp như thỉnh kinh, dịch thuật, chùa chiền, học vị v.v...? Không thể không nhắc nhở sao?

Tất cả chỉ là phương tiện giúp mình và người đến được bờ kia. Pháp, nếu được sử dụng đúng với bản chất của nó, thì pháp pháp đều chân. Nhưng một khi nó được dựng lập, hãnh diện hay tôn xưng quá mức cần thiết, đến nỗi chỉ còn lều bều hình thức bên ngoài mà thực chất thì bị bỏ mặt, là mình đang đi lệch với những gì Như Lai đã nói. Cho nên, những hình ảnh mang tính phỉ báng trong Tây Du Ký, chính là lời nhắc nhở rất giá trị cho những ai tu Phật. Những hành giả mang trong mình lời nguyện “Thượng cầu Phật đạo. Hạ hóa chúng sanh... Đệ tử và chúng sanh, đều trọn thành Phật đạo.” Lời nguyện như một lời hứa, không chỉ với mình mà cho tất cả các chúng sanh hữu duyên với mình. Hình ảnh thầy trò Tam Tạng, do tập trung hết tinh lực cho việc thỉnh kinh, đã quên mất lời hứa với lão rùa già, một chúng sinh thấp kém, từng giúp ngài phương tiện đến được bờ kia, không phải là lời răn nhắc rất giá trị cho những hành giả tu Phật đó sao? Đáng để nghiền ngẫm lắm chứ!



TU TIÊN

Võ Doãn Nhân

Văn học Việt Nam có nhiều truyện (hay chuyện) thần tiên: truyện thần tiên Lưu Thần Nguyễn Triệu, truyện Từ Thức nhập Thiên Thai, truyện Tấm Cám, truyện thần tiên Tú Uyên kết duyên cùng Giáng Kiều, vân vân.

Thiết tưởng cần phân biệt truyện với chuyện. Trong một nhận định về giá trị văn học trong tác phẩm *Rừng Phong, Thu Đã...* Phạm Xuân Đài có viết vài giòng khá rõ nét như sau: "Ông đặc biệt thành công ở những truyện không thành chuyện..."

Truyện do óc tưởng tượng của người kể, tường thuật lại, chủ yếu nội dung của sự kiện có tính cách hư cấu, hoang tưởng không có thực như truyện Sơn Tinh Thủy Tinh, truyện Thần Núi Tản Viên, truyện Thần Thập Rùa, truyện sự tích Trầu Cau, truyện Hòn Vọng Phu..., còn chuyện là những sự việc, những biến cố có liên quan ít nhiều tới không gian nơi chốn địa điểm và thời gian. Chuyện tùy thuộc ít nhiều khả năng tường tượng sáng tạo bày vẽ thêm bớt để nội dung càng thêm phong phú dồi dào từ chuyện Thánh Gióng tức chuyện Phù Đổng Thiên Vương, đến chuyện Trụ vương mê Đắc Kỷ, chuyện U Vương mê nàng Bao Tự đời nhà Hạ.

Thuở nhỏ, tôi rất thích nghe truyện thần tiên, đặc biệt là truyện Lưu Thần Nguyễn Triệu, truyện Tấm Cám. Tấm là một nàng tiên xinh đẹp. Chẳng khác chi truyện cô Lọ Lem trong lúc Cám là một đứa con gái vừa xấu người vừa không đẹp nét rất được mẹ ruột của nó rất mực thương

yêu chiều chuộng luôn luôn tìm cách thù ghét hành hạ Tấm. Tôi đã thích và thương yêu nàng Tấm từ lúc tôi còn tập đọc ráp vần chữ quốc ngữ trong sách "Ấu Học Luân Lý". "Ấu Học Luân Lý" tôi nào biết, chỉ biết lơ tơ mơ "Ấu học Bị Thê" là loại kiến thức được xếp hạng theo thứ tự phổ thông bình dân. Nàng tiên Tấm được biến hóa thành nhiều kiếp, từ con cá bống bên dưới cái giếng đem chút cơm thừa mỗi ngày đổ xuống giếng bống ăn, đến bống bị ăn thịt chết hóa kiếp đầu thai làm chim vàng anh và lại hóa kiếp làm một cây thị cao ngều nghệu chỉ có mỗi một trái chín. Lúc này là lúc trái thị chín biến thành nàng tiên cực kỳ xinh đẹp và bà chủ quán mừng rỡ, ôm chần ngay lấy "khiến cô tiên lộ cơ không biến đi được, bà ta mừng lắm ôm choàng ngay lấy. Từ đó trở đi, hai người thương yêu nhau như hai mẹ con. Lúc bà ta đi tìm trái thị thì chỉ thấy một cái vỏ không mà thôi, bà ta vội xé cái vỏ ấy đi rồi giấu kín một chỗ." Trong khi đó mẹ con nhà Cám là một tập thể nhân vật ích kỷ tham lam tàn ác chỉ mưu toan bách hại con người chân thật hiền lành vốn tính bẩm sinh nên cả toàn gia phải chịu hậu quả khốc liệt: Cám chết nhăn răng vì phải đứng thẳng dưới một cái hố sâu bởi phải hứng chịu thùng nước sôi dội từ trên đầu dội xuống. Tấm lại dùng xác của Cám làm mắm đem biếu mẹ Cám, mẹ nó ăn bữa nào cũng khen ngon. Có con quạ đậu trên mái nhà kêu rằng: "Ngon gì mà ngon? Ăn thịt con có còn xin miếng." Mẹ Cám giận lắm, mắng

chửi quạ ầm ĩ lên và đuổi quạ đi cho mau. Đến khi ăn gần hết mắm mẹ Cám thấy trong chính mắm có cái đầu lâu của con gái, thì lăn đùng ra và chết tươi ngay.

Kẻ nào ăn ở ác nghiệt thường bị báo thù một cách độc dữ.

Lúc thiếu thời, tôi không phân biệt mình định được thể nào là trả thù, thể nào là báo thù. Tôi hiểu báo thù và trả thù cùng có một nghĩa. Trong sách Tập Đọc Quốc Văn Giáo Khoa Thư lớp Sơ đẳng "Không Nên Báo thù" có bài viết như sau:

Một hôm người hào phú có chuyện xích mích với người thợ. Đang cơn tức giận, người hào phú lấy một viên đá ném vào người thợ. Người thợ nhặt hòn đá, cất đi một chỗ, bụng bảo dạ rằng: "Rồi một ngày kia, tao sẽ lấy hòn đá ném được vào đầu mày."

Cách đó ít lâu, người hào phú không may nhà cửa bị sa sút, ruộng vườn bán sạch, phải đi ăn xin. Một hôm, người hào phú đi ngang trước cửa, người thợ trông thấy, vội vàng tìm lấy hòn đá định ném người hào phú thì người thợ chợt nghĩ bụng: "Trước kia, nếu ta ném hòn đá thì ta là kẻ đại; nếu bây giờ nếu ta lại ném viên đá thì hóa ra ta là người hèn, thôi, ta không nên báo thù." Rồi quăng hòn đá xuống ao.

Về sau tôi hiểu trả thù và báo thù là hai hành động phân biệt. Trả thù có tính cách vụn vặt, nhỏ mọn, ăn miếng trả miếng. Khi một người bị thua thiệt, bị đối xử bất công vì một sự cố tương đối nhỏ không gây thiệt hại gì nhiều đến đại sự chuyện lớn,

người ấy quyết tâm trả thù. Đứa học trò A rần mắt, ưa nghịch ngợm chọc phá đem lọ mực đồ dây bản học trò B. B trả đũa bằng cách nhân lúc A không để ý đem tạt lọ mực vào sách vở A, đó là hành động trả thù. Nhưng vào năm 40 sau Tây lịch, hai bà Trưng Trắc và Trưng Nhị nổi lên đánh đuổi thái thú Tô Định chạy trốn về Tàu, thu phục sáu mươi lăm thành trì và nhất là báo thù được chồng là lạc tướng Thi Sách... Nguyễn Trãi đã báo thù được cha là Nguyễn Phi Khanh phải gạt lệ để quân Minh đẩy tù xa của cha về Tàu. Trường hợp người thợ ta không nên báo thù đối với người hào phú; người thợ thừa sức thừa khả năng hành động trả thù, nhưng về khía cạnh đạo đức người thợ không nên trả thù.

Gia đình tôi chỉ mỗi một người con là đứa con trai út duy nhất, suốt ngày quanh quẩn trong nhà chỉ biết chơi một mình những trò chơi im lặng, không anh em không chị em, với đầu óc trẻ thơ giàu khả năng phong phú tưởng tượng sáng tạo, tôi say mê từ ngày còn nhỏ được điếm phúc đi vào một cảnh thần tiên, một cảnh Thiên thai. Cảnh Lưu Thần Nguyễn Triệu đi hái thuốc lạc vào cảnh giới Đào Nguyên đó. Từ Thức treo ấn từ quan "lên non tìm động Hoa Vàng ngủ say," lạc vào núi Thiên Thai, kết duyên cùng tiên nữ đó. Tôi mừng tượng lạc vào cảnh tiên với những cánh rừng tùng xanh bất tận, với những giòng suối chảy róc rách rì rào cùng những tiên nữ khỏa thân tắm gội đùa nghịch nước mát bên nguồn. Nhưng từ thuở thiếu thời, tôi đã say mê tác phẩm truyện dài *Đôi Bạn*, trong đó có một đoạn dài ước độ một trang nói về Núi Non Bộ. Tác giả là một cậu bé nhìn say mê núi Non Bộ để rồi mơ ước sống cảnh Đào Nguyên trong một thời khắc phù du ngắn ngủi:

"Trước mặt Dững, những chậu sứ trồng lan xếp đều đặn thành mấy hàng cạnh núi non bộ. Quả núi ấy,

nguyên một tảng đá, ông Tuấn đã bỏ ra mấy trăm bạc để mua lại của một người Tàu.

Đối với Dững khi còn nhỏ, quả núi với những khe đá hiểm hóc, những chòm cây um tùm là một thế giới thần tiên đầy bí mật. Đã bao nhiêu lần, chàng đứng ngắm nghía hàng giờ không biết chán. Chàng thường chỉ cho Loan và những đứa trẻ bên hàng xóm xem một con đường ở sát mặt nước đi khuất vào trong bóng tối một cái hốc đá. Chàng bảo đó là đường vào Đào Nguyên và kể truyện Đào Nguyên lại cho Loan nghe theo như lời ông Tú đã kể truyện với chàng. Ngay từ lúc còn nhỏ, chàng đã có ý muốn rời khỏi nhà để đi tìm cảnh Đào Nguyên đẹp để. Có khi đêm khuya, sức thức dậy, chàng chạy ra nhìn con đường ấy xem có xảy ra sự gì lạ không. Dưới ánh trăng, hai ông tiên ngồi đánh ván cờ thiên cổ, chàng tưởng họ ngừng đánh và ngạc nhiên nhìn chàng. Mấy con cá vàng lên đớp ánh trăng trên mặt nước dưới những cụm xương bồ ướt sương, chàng cho là những con vật kỳ quái biết cử động giữa một thế giới yên lặng nhưng có linh hồn.

Nhớ lại, Dững mỉm cười. Sau bao nhiêu năm, chàng vẫn ở nguyên chỗ cũ. Núi non bộ với những kẻ chặn trâu, những ngôi chùa, những tiều phu bồng đất nung, chàng thấy không có gì là thần tiên nữa, có vẻ ngờ nghệch, vụn vặt, trẻ con."

Đoạn văn xuôi trên quả thực có nhiều ý nghĩa và có tính chất lãng mạn nên thơ. "Ngay từ lúc còn nhỏ, chàng đã có muốn rời khỏi nhà để đi tìm cảnh Đào Nguyên đẹp để." Gia đình của Dững là một gia đình quyền quý, phong lưu, phong kiến, nhưng là một gia đình Dững sống trong cô độc, không anh em, không bạn bè, chỉ có mỗi một người bạn trai độc nhất là Trúc. Loan cũng là bạn gái duy nhất của Dững, nhưng Dững và Loan là hai gia đình phân biệt giai cấp rõ rệt và Dững khi lớn lên không

một mảy may hi vọng là sẽ yêu Loan, trong lúc ông Tuấn, ông quan đầu tỉnh nơi một tỉnh lẻ lại có những ba bà vợ và Dững đã phải sống chung với... bà Ba. Dững mơ ước lánh xa trần thế bon chen trục lợi, sống lân cận với những tiên nữ không lo âu phiền muộn là phải.

"Dưới ánh trăng, hai ông tiên ngồi đánh ván cờ thiên cổ, chàng tưởng họ ngừng đánh và ngạc nhiên nhìn chàng." Tôi chỉ được đọc qua kinh Thủ Lăng Nghiêm nhiều ý nghĩa uyên áo mà tôi chỉ hiểu rất ư đại khái. Người tu theo đạo Tiên rời bỏ chánh pháp, bỏ vào núi rừng vắng bóng phàm nhân lai vãng tới lui, khổ tu trong một thời gian rất lâu rồi được lạc phúc hoá kiếp thành tiên. Tiên đồng, tiên nữ, tiên cô, tiên bà, tiên chúa, tiên lão, không ai biết, mà kinh Thủ Lăng Nghiêm không nói rõ người tu hóa kiếp thành tiên, tiên trẻ con hay là tiên thiếu nữ trạc tuổi xuân thì hay là tiên bà tiên ông hay là tiên... lão, tiên cụ! Chỉ biết kẻ muốn xuất thế phải khổ tu trong một thời gian thật lâu hi vọng mong thành chánh quả. Chỉ biết thành tiên, không cần biết rõ niên kỷ. "Ngồi đánh ván cờ thiên cổ." Thiên cổ là đã có, đã hiện hữu từ ngàn xưa, không biết và chắc chắn không thể xác định được quá khứ, vô thủy vô chung hoặc hữu thủy vô chung, vô thủy hữu chung. Ván cờ đó không có kết thúc, không ai thua và cũng chẳng có ai thắng cuộc, ván cờ bất tận. Hai ông tiên ngưng chơi ván cờ và đưa mắt ngạc nhiên nhìn người trẻ tuổi, Dững. Họ tự hỏi: đây là cảnh tiên, đây là tiên giới, không ai được phép lai vãng qua lại tới lui, tại sao có người lạ mặt xuất hiện? Người tiên không phải kẻ phàm tục, và lẽ tất nhiên người trần gian không phải người tiên. Chẳng thế mà Thúy Kiều là người phàm tục sau buổi du xuân nhân lễ hội Đạp Thanh, nàng ngồi trên con tiện "một mình thiu thiu," Kiều thấy có một bóng hình người,

nửa như thoát tục, nửa hình người hư hư thực thực, bèn cất tiếng thăm hỏi dò la:

"Chào mừng đón hỏi dò la,

Đào Nguyên lạc lối đâu mà đến đây?"

(Trong giấc mộng, Thúy Kiều gặp hồn ma Đạm Tiên, không phải tiên).

"Nhớ lại, Dừng mỉm cười. Sau bao nhiêu năm, chàng vẫn ở nguyên chỗ cũ." Sau bao nhiêu năm, Dừng vẫn ở trong gian nhà đồ sộ, cổ kính, vườn rộng thênh thang, giấc mơ được một lần viếng cảnh Đào Nguyên rốt cục vẫn là một giấc mơ không bao giờ trở thành hiện thực. Sinh, lão, bệnh, tử, sống, già bệnh, chết, vốn là một chân lý ngàn xưa mấy ai được thoát?

Từ lúc thiếu thời, thỉnh thoảng tôi có nghe nói về việc tu tiên mà đạo sĩ Cát Hồng và Tam Hợp đạo cô là hạng tiêu biểu. Tam Hợp đạo cô là người luyện phép tu tiên, theo Lão Giáo. Một khi tu đã thành tiên, Tam Hợp đạo cô sẽ trở thành một đạo sĩ, giúp người qua cơn hoạn nạn bệnh tật. Kiều là nạn nhân cứu nguy của sư Tam Hợp. Cát Hồng cũng là đạo sĩ luyện phép dưỡng sinh và phương pháp tu tiên. Lúc tôi lên lớp Sơ Đẳng, tôi còn nhớ bài học "Phép Dưỡng Sinh" trong sách Luân Lý Giáo Khoa Thư và tôi xin đọc hầu quý độc giả:

Phép Dưỡng Sinh

Ông Cát Hồng là một nhà đạo sĩ nổi tiếng ngày xưa. Tuy tuổi ông đã già mà ông vẫn hồng hào khỏe mạnh, tinh thần lúc nào sáng suốt.

Một người học trò lấy làm lạ mới hỏi ông rằng:

- Ông tu phép gì mà được sống lâu như thế?

- Nào có phép gì lạ đâu, chỉ biết dưỡng sinh là được.

- Phép dưỡng sinh như thế nào, xin ông dạy cho biết.

- Người biết dưỡng sinh ăn không no quá, uống không nhiều

quá, đông đừng ẩm quá, hè đừng mát quá, ngủ sớm dậy sớm, làm việc có chừng, nghỉ ngơi có độ, chơi bời vừa phải, chẳng làm điều gì thái quá. Ấy, phép dưỡng sinh chỉ có thế mà thôi.

(Nhà đạo sĩ Cát Hồng có tu thành chánh quả, được lên cõi tiên hay không, thật tình tôi không được biết, chỉ nghe nói, chỉ nghe đồn đại).

Tôi được nghe và được đọc một số kinh Phật, đề cập đến những giờ phút sắp chết. Trước giờ tắt thở ra đi, người lâm chung nếu chịu niệm Phật A Di Đà, sẽ được cứu độ, sẽ được về Tây Phương Cực Lạc. Nhưng khi đọc kinh Thủ Lăng Nghiêm, tôi thấy con người sẽ không được dễ dàng an tâm thoải mái trước giờ cận tử nếu quá khứ người sắp chết sẽ phải ăn năn ray rứt dày vò vì đã sống và đã làm chìm ngập trong tội ác, bị trừng phạt từ ngục A Tỳ đến ngục Vô Gián, sau đó bị hóa kiếp từ ngạ quỷ đến súc sinh triền miên vô lượng kiếp.

Tôi không biết tôi đã phải chịu hóa kiếp gì và hóa kiếp đầu thai được bao lâu mới thành được kiếp người. Được hóa làm kiếp người, tôi được coi là được phước đức, nhưng khi đọc một vài quyển kinh nhà Phật, tôi đâm chột dạ, rồi ra, tôi sẽ phải hóa kiếp nào sau khi tôi chết. Khi đọc kinh Thủ Lăng Nghiêm, tôi nghiệm ra rằng nếu không muốn tu theo chánh pháp, tôi sẽ tu theo pháp tu tiên. Con đường tu tiên kéo dài qua nhiều gian truân thử thách nhiều giai đoạn, sau cùng cũng đạt thành chánh quả, hóa thành tiên, có thể sống hàng ngàn vạn năm, nhưng sau cùng rồi cũng phải chết, phải chịu kiếp luân hồi triền miên trong lục đạo.

Kinh Thủ Lăng Nghiêm nói có nhiều pháp tu tiên. Nếu luyện tu nhiều năm ăn nhiều đồ bổ sẽ thành Phi Thành Tiên. Nếu luyện tu nhiều năm ăn nhiều cỏ cây dược thảo sẽ thành Không Thành Tiên. Nếu luyện

tu nhiều năm hấp thụ nhiều hóa chất, hấp thụ nhiều tinh khí, sẽ đọc không ngừng những câu thần chú cũng sẽ thành tiên (tôi không nhớ hết sẽ thành loại tiên gì).

Tôi vốn yêu thích Henri Bergson, tác phẩm *Les deux Sources De La Morale Et De La Religion* (Hai Nguồn Mạch của Đạo Đức và của Tôn Giáo). Nhà tâm lý học kiêm triết gia sinh thời vào lúc nước Pháp bại trận, tạm thời bị Đức chiếm đóng. Bergson vốn không tin tưởng vào đức tin, về tôn giáo, nhưng cuối đời ông, Bergson được rửa tội theo đức tin Công Giáo.

Thời kỳ này là thời kỳ Mạt Pháp, xã hội trật tự điên đảo, đạo lý suy đồi, nhân dân đồ thán, khói lửa binh đao tàn phá, bệnh tật đói kém hoành hành, tai trời ách nước loạn cuồng điên đảo, lịch sử suy vi, thế giới mưu bá đồ vương tranh giành quyền lực. Dân tình bi quan yếm thế, coi thế cuộc tựa "Hội Chợ Phù Hoa" (Fair of Futility), bèn lánh xa cuộc thế, vui chơi cùng cỏ cây hoa lá chọn làm tuyn chuyên tu theo Lão Giáo, làm thơ vui hưởng gió mát trăng thanh, làm thơ vịnh nguyệt như Bích Câu Kỳ Ngộ, như Mai Đình Mộng Ký, như Bạch Vân Am thi tập, như Truyền Kỳ Mạn Lục:

"Rượu đến gốc cây ta sẽ nhấp

Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao"

Nhân sinh tự cổ thù vô tử, Vương thiên Tường ngày xưa đã nói. Giòng họ tổ tiên tôi, chính bản thân tôi không thể thoát khỏi vòng sinh tử nhưng tôi thiết nghĩ: sống được kiếp người quả là một phước đức, một ân huệ. Tôi không biết sau khi chết, tôi có còn tiếp tục tái sinh làm kiếp người nữa hay không, hay là hóa kiếp A Tu La? Quả là Thiên Nan Vấn. Sau khi đọc kinh Thủ Lăng Nghiêm, tôi nghiệm ra rằng hình như tôi có một ước vọng được trở thành tiên, nhưng thật tình, tôi thấy khổ tu dưới bất cứ hình thức giai đoạn nào,

tôi cũng thấy muôn vàn khó khăn
gian khổ. Tôi mơ màng hình dung
bóng dáng của một hình người có lẽ
là tiên nữ đang âm thầm lặng lẽ dạo
bước trên "đường xưa lối cũ" có lá

mùa thu rơi lác đác dễ tưởng nhớ
hình bóng những người thể tục đã
qua:

*Cửa động,
đầu non,*

*đường lối cũ,
Ngàn năm thơ thần bóng trắng
chơi.*

(Tản Đà - Tống Biệt)

NỤ CƯỜI THIÊN THU

*Này em!
Có một nụ cười
Mãi rạng ngời không tắt.
Những buổi chiều hoàng hôn rơi tịch mặc
Hay lúc trời rực rỡ sắc ban mai.
Là nụ cười của ai?
Mãn khai cùng năm tháng.
Có những ngày hồn giăng đầy mây xám
Chiêm ngưỡng nụ cười, đời quang rạng sâu tư...
Ôi! nụ cười Chân Như
Bóng dáng Đại từ vô lượng
Hãy cất lấy nụ cười vào trong tâm tưởng
Để thấy lòng ta luôn độ lượng quanh đời.
Khi nhân loại biếng cười
Vì khổ đau trầm thống
Xin nguyện làm nụ cười nở trên môi đời sống
Biên giới phai mờ, lòng rộng những yêu thương.*

THÍCH TÁNH TUỆ



MÂY

*Mây kia từng khối lững lờ
Một màu trắng xóa không gian tuyệt vời
Trên không nhìn xuống ai ơi
Mây cao thành tháp đất trời bao la
Chúng sanh trong cõi Ta-bà
Quá ư nhỏ bé cũng như bụi trần
Thế mà cứ mãi tham, sân...
Gieo bao phiền não chắt chùng khổ đau
Làm cho tâm lực tiêu hao
Đến ngày nhắm mắt cũng hoàn trắng tay
Phước thay thị hiện Như Lai
Sáng soi đuốc tuệ dẫn đường chúng sanh.*

ĂN CHAY GIẢI NGHIỆP

*Uống ăn cho sự sanh tồn
Tốt cho sức khỏe với cùng tâm linh;
Rau quả ngũ cốc nuôi mình
Thức ăn thiện dưỡng tránh điều sát sanh
Thịt cá, động vật mọi loài
Đồng là sự sống như ta khác nào
Nỡ nào giết chúng để ăn
Gieo bao oan nghiệp trả vay khôn cùng.*

CHÁNH NĂNG

VÒNG QUAY

Nguyễn Hiệp

1. Thiên thường thức dậy khi chuông ở ngôi đền bên kia bắt đầu rung lên. Thời điểm đó phố thị vẫn còn yên giấc, chỉ có dăm ba người lau xe mướn hí hoáy lau chùi, và trên tầng thượng ngôi nhà đối diện, một lão già đạo Sikh, tóc bôi giữa đỉnh đầu với bộ râu trắng muốt, đang tập thể dục. Nhẫn nại, lão chậm rãi lê dọc theo thành lan can với một cái chân bị bại, đôi khi nhìn sang Thiên gật gật đầu.

Khi những tia nắng đầu ngày vắt ngang thành phố, Thiên thường dõi mắt về phía ngôi đền xem vị đạo sĩ rải hạt cho lũ chim ăn. Vị đạo sĩ búi tóc về một bên. Bộ râu rậm rì che kín hết khuôn mặt. Y phục ông xộc xạch, có gì đó dơ bẩn nhưng lại phảng phất chút huyền bí, tuy vậy khó biết được ông vui buồn thế nào vì tất cả đều bị che lấp sau bộ râu đen kịt như một chiếc mặt nạ. Mỗi ngày Thiên gặp ông hai lần, một vào buổi sáng và một vào buổi hoàng hôn, khi ông tưới nước cho mấy chậu cây ở sân trên của ngôi đền.

Đêm, Thiên thường đứng ở ban công nhìn xuống đường, khi tiếng gõ gây lóc cóc của người canh gác bắt đầu vang lên. Thời điểm này phố thị đã yên giấc. Ở đây người ta ngủ sớm và dậy trễ. Đó là một thói quen, và thói quen này ít nhiều tạo nên một sự dễ chịu nào đó. Tiếng gõ gây vang lên đều đều, buồn buồn như tiếng mõ cầm canh. Trong cái ánh sáng lơ mơ của vài ngọn đèn đường vàng vọt, khó thấy rõ được khuôn mặt của người canh gác như thế nào, nhưng chắc chắn rằng anh ta là một người

thuộc giai cấp thấp. Chốc chốc anh ta dừng lại trước mấy chiếc xe hơi, coi chừng mấy cánh cửa. Rồi lặng lẽ, anh ta đi hết mấy con đường trong khu phố và quay trở lại con đường đầu tiên, cứ tiếp tục như vậy cho đến khi trời gần sáng.

Có đêm không ngủ được, Thiên thần thờ đi xuống đường, thường những lúc như vậy đường phố rất vắng. Thiên đi qua khu phố người giàu rồi đến khu nhà người nghèo, nơi bọn trẻ luôn xin tiền mỗi khi gặp Thiên. Đêm - cả khu phố - giàu cũng như nghèo - chìm sâu vào giấc ngủ. Giấc ngủ, có người bảo đó là những cái chết ngắn của một đời người. Thiên không biết có đúng vậy không. Nhưng có điều trong giấc ngủ người ta sẽ quên đi mọi sự và trở nên bình đẳng với nhau, vì làm gì còn có phân biệt giàu nghèo, đẳng cấp, đẹp xấu, thông minh ngu đần vào lúc đó... Giấc ngủ thật cần thiết, nó giúp người ta quên đi mọi thứ để có đủ sức lực chống chọi lại một ngày thức giấc trong tranh giành, đua chen! Và nếu giấc ngủ là cái chết ngắn của một đời người thì cái chết là một giấc ngủ dài của kiếp chúng sanh, cũng có người nói vậy. Vậy cái chết cũng cần thiết? Chẳng ai biết được!

2. Mùa đông tràn qua thành phố, khô ráo, nhiều gió và đầy bụi. Buổi sáng, Thiên vẫn đều đặn thức dậy khi chuông ở bên ngôi đền kia bắt đầu rung lên. Trừ có công việc, còn chẳng mấy khi Thiên ra khỏi phòng và xuống đường. Lũ chim vẫn kêu ríu rít quanh nhà, nhưng tiếng kêu có khi nghe rất thê thiết. Vị đạo sĩ

không còn rải hạt cho chúng ăn nữa, trong khi mùa nào thì chúng cũng cần ăn, trời lạnh thì càng cần ăn nhiều hơn.

Buổi chiều, Thiên không còn ra đứng ở ban công nhìn sang ngôi đền xem vị đạo sĩ tưới cây. Thời tiết đã ngăn chặn thói quen của những ngày mùa nắng. Thói quen nào rồi cũng sẽ dễ dàng bị quên đi khi cơ thể không đủ khả năng thực hiện nó. Điều đó không có một sự cố gắng nào. Có những ngày Thiên không bước ra khỏi phòng và hẳn nhiên không nói với ai một lời nào. Bao kín bởi bốn bức vách, ấy vậy không khiến Thiên cảm thấy cô độc hơn những ngày thường. Ngay khi được bao quanh giữa dòng người, hay dẫu khi ở bên cạnh những người thân yêu nhất thì Thiên vẫn chưa bao giờ thấy mình không cô đơn. Sự lạc lõng giữa đám đông có khi còn đáng sợ hơn sự cô độc ở giữa đồng vắng hay ở tận rừng sâu. Thời bé Thiên sợ sự cô độc, sợ bị bỏ rơi, sợ không có người thương yêu, sợ không có bạn bè... nhưng rồi Thiên phải đón nhận tất cả những thứ đó. Nỗi sợ, bất cứ sợ cái gì thì nó vẫn khiến người ta đau khổ và sẽ bào mòn người ta kể cả thể xác lẫn tâm hồn.

Đêm, Thiên vẫn không đi ngủ trước khi tiếng gõ gây lóc cóc của người canh gác từ dưới đường vọng lên. Mùa đông, tiếng gõ gây nghe chùng yếu hơn và buồn bã hơn. Có những đêm Thiên nằm nghe tiếng gõ gây và đếm theo nó, từ lúc bắt đầu cho đến khi nhỏ dần và mất hẳn. Trong cái âm thanh đều đều kia,

Thiên mơ hồ nhận ra nỗi đau của phận người.

Một sáng, tiếng kèn tiếng trống từ dưới đường vọng lên đã kéo Thiên ra khỏi phòng. Một đám tang. Lão già đạo Sikh đã chết. Người ta khiêng lão đi thiêu bằng một chiếc cáng. Một tấm vải trắng được phủ lên người, nhưng không che kín mặt. Hoa vụn thò được rải xung quanh. Không có quan tài, không phải vì nhà lão nghèo mà vì một tập tục. Một tập tục tiện lợi, cho cả người giàu lẫn người nghèo. Hình ảnh quen thuộc với Thiên trong suốt mùa nắng đã lặng lẽ ra đi. Lão ra đi vì không chịu đựng nổi những cơn lạnh khắc nghiệt, có lẽ vậy. Rồi thân xác lão sẽ tan hoại trong lửa đốt và tro sẽ được rải xuống một dòng sông nào đó, kết thúc một kiếp người! Lão sẽ đi về đâu không thể biết, tùy theo từng quan niệm. Thiên se lòng khi nhận ra rằng mùa này ở quê mình những người già cũng thường hay ra đi!

Hôm sau, tiếng kèn tiếng trống lại vang lên, rộn ràng và rộn rập. Một đám chết nữa, Thiên nghĩ và ra khỏi phòng. Không phải. Một đám cưới nhà giàu. Chú rể cưỡi ngựa, ăn bận như một ông hoàng, có lẽ đang đi đón dâu. Trong cái lạnh buốt xương thịt nhiều khuôn mặt vẫn rạng ngời hân hoan. Người ta đang hạnh phúc. Chắc vậy. Nhưng co ro lẫn lộn hai bên đường là những phận người lộ rõ nỗi khát khao trong những ánh mắt; không hẳn khát khao được ngồi

lên lưng con ngựa kia, mà khát khao được một tấm chăn che đậy cơ thể, khát khao được một cái bánh nướng lót dạ sau một đêm dài đói lạnh.

3. Nắng vàng như mật rải đều lên phố thị. Mùa xuân, không có nhiều hoa và bướm như thi ca vẫn thường nói. Ở đây chỉ có tiếng chim. Chim kêu quanh năm, nắng ấm thì chúng kêu rộn ràng, vui vẻ hơn. Thiên mở tung hết cửa để đón nắng và gió vào.

Buổi sáng, Thiên vẫn đều đặn thức dậy khi chuông từ ngôi đền kia vọng sang. Anh lại ra đứng ở ban công tập thể dục và nhìn sang tầng thượng ngôi nhà đối diện, nơi lão già đạo Sikh thường âm thầm lê những bước chân nặng nhọc dọc theo thành lan can. Một khoảng sân trống không bước chân người trong suốt mùa đông, vương chút giá lạnh còn sót lại, bây giờ mùa xuân thì thoảng chỉ có vài đứa nhỏ lên đó chơi đùa.

Khi nắng lên, Thiên lại đổi mắt về phía ngôi đền chờ xem vị đạo sĩ rải hạt cho chim ăn. Một ngày, hai ngày rồi ba ngày, Thiên chẳng còn thấy vị đạo sĩ già đâu cả. Lũ chim không còn đậu quanh đó chờ đợi thức ăn nữa, những ngày mùa đông đã khiến chúng quên đi thói quen đó. Thiên khẽ thở dài, trong nắng xuân ấm áp nghe lòng se lạnh.

Chiều, Thiên ra đứng ở ban công nhìn xuống công viên xem bọn nhỏ chơi đùa. Ai bảo tuổi thơ trong sáng vô tư nhỉ? Bọn nhỏ này đã biết phân

chia giàu nghèo để chơi khi rảnh còn sữa. Có phải sự giàu có đã cho người ta cái quyền lấn lướt và khinh khi kẻ khác? Có phải sự giàu sang đã khiến con người tăng thêm sự cao ngạo? Biết khi nào người ta mới bình đẳng được với nhau nhỉ?

Đêm, Thiên không còn ra đứng ở ban công nhìn xuống đường phố nữa, đầu trời đã ám. Tiếng gõ gây lóc cóc vẫn vang lên đều đặn mỗi đêm, rất đúng giờ, nhưng rõ ràng đó không còn là tiếng gõ của người canh gác cũ. Nhưng dù ai gõ thì đó vẫn không phải là một người giàu có. Công việc này chỉ được chuyển giao giữa những người nghèo khó. Tiếng gõ gây nhỏ, lớn dần rồi nhỏ đi và mất hẳn theo từng đợt, vẫn buồn bã mang nỗi đau thất lòng...

Sáng, chiều và đêm; xuân, hạ rồi thu đông, Thiên trải qua những tháng ngày lặng lẽ với công việc của mình giữa một dòng đời cuốn trôi bất tận. Cuộc sống xung quanh vẫn tiếp diễn, vẫn chông chênh đan xéo lên nhau trong một vòng quay vô cùng. Và trong vòng quay đó, người ta tìm ra rất nhiều thứ khác nhau để sẽ không bao giờ hòa hợp bình đẳng được với nhau. Chỉ may ra khi cơ thể tan thành tro bụi và được ném vào một dòng sông nào đó, nơi ấy những hạt tro vô tri vô giác mới có cơ hội hòa quyện với nhau khi bị cuốn vào lòng đại dương.

KHÍ PHÁCH

(Cảm tác khi nghe tin Thầy Tuệ Sỹ nhận bản án tử hình)

*Vẫn rực sáng giữa đêm dài tăm tối,
Người hiên ngang sống giữa chốn lao tù.
Khí phách đó ngàn sau không hổ thẹn,
Tuổi tên người vào tận cõi thiên thu!*

NGUYỄN THANH HUY

NGƯỜI NHẬT TRO

Hoàng Ngọc Thư

Ông đứng lặng yên trước chiếc mâm hình chữ nhật bằng kim loại đựng đầy tro của hài cốt vừa được hỏa thiêu chiều nay. Bên ngoài, buổi chiều đang xuống nhanh, khiến những tia nắng rơi nghiêng vào phòng chóng nhạt nhòa, lẫn vào nền gạch xám nhạt của căn phòng. “Một người nữa đã ra đi,” ông tự nhủ trong khi mân mê chiếc lọ gốm có chạm trổ mà người thân của kẻ quá cố đã để lại. Ông không xem ảnh của người đã mất được đặt cạnh quan tài, đến khi thân nhân của người này đến chia tay lần cuối đã mang đi mọi thứ còn lại. “Chẳng hề gì,” ông nghĩ thầm, “rồi mình cũng sẽ biết.”

Rồi như mọi lần, ông cẩn thận cúi xuống trút mớ tro tàn vào chiếc lọ và niêm kín nút. Ông tần mẩn dán ngay ngắn mẫu giấy có keo dính in tên và ngày sinh, lẫn ngày mất, của người quá cố lên lọ, nhưng ông cũng quên không đọc qua cho biết như mọi lần. Ông đặt chiếc lọ lên giá rồi quay lại chiếc mâm kim loại đựng tro. Ông đứng lặng một thoáng, trước khi thật cẩn trọng dùng một chiếc cọ mịn vét lấy những hạt tro còn bám quanh viền chiếc khay và dưới đáy, rồi trút cả vào một gói giấy nhỏ và cho vào túi quần. Xong đâu đấy, ông cúi rửa cẩn thận các dụng cụ rồi xếp đặt mọi thứ trong phòng hỏa thiêu cho ngay ngắn trước khi tắt đèn và khoá phòng. Bên ngoài hành lang, ông mặc lên người chiếc áo khoác dày, mang khăn choàng, găng tay và đội mũ trước khi bước ra lễ đường lúc hoàng hôn vừa bắt đầu buông xuống.

Ông cúi gập người, nép mình đi men theo những mái hiên, những bờ tường trơn trượt, cố chống chọi với cơn gió giữa mùa Đông buốt giá. Về đến nhà, ông mệt mỏi treo áo choàng, khăn, mũ lên giá rồi vào phòng khách đặt gói giấy trong túi quần lên kệ gỗ phía trên lò sưởi. Ông đi vào phòng tắm, chậm rãi trút bỏ bộ đồ đi làm, tắm rửa cẩn thận và thay bộ đồ mặc ở nhà. Rồi ông xuống bếp, chuẩn bị thức ăn, nấu bữa tối, và chậm rãi dùng bữa. Xong đâu đấy, ông thu dọn thức ăn thừa vứt đi, rửa dọn cẩn thận mọi thứ trong bếp, sắp đặt ngay ngắn các vật dụng rồi pha một bình trà mang lên phòng khách.

Ông mời lửa, thắp lò sưởi bằng củi trong phòng, rồi vặn thấp đèn, nhả nha ngồi chờ cho đến khi lửa đượm và những tiếng nổ tí tách thưa dần cùng với hương khói ấm áp quen thuộc tỏa lan quanh phòng. Ông uống nốt tách trà còn lại, trước khi rời khỏi ghế ngồi, tiến đến cạnh kệ gỗ trên lò sưởi và vất vào ngọn lửa chiếc gói giấy ông vừa mang về chiều nay. Ông đứng lặng người, chăm chú nhìn vào chiếc gói giấy bùng cháy trong khoảnh khắc rồi tàn lại giữa ngọn lửa hùng hực trong lò sưởi. Rồi ông chậm rãi quay về chiếc ghế bành quen thuộc. Ông từ từ rót một tách trà mới, nhấp một ngụm đầy, tận hưởng vị trà nồng đậm đang thấm dần xuống cổ và nhắm mắt chờ đợi.

*

Tiếng gió quật cùng với những

đợt mưa chọt đổ xuống bên ngoài khiến cho ông nhớ lại, cách đây hơn bốn mươi năm về trước, cũng trên chiếc ghế bành này, trong căn phòng ẩm mùi khói thê này, ông đã lần đầu tình cờ chạm phải, và hé mở cánh cửa vô hình vào một nơi chốn mà con người không bao giờ ngờ đến được. Đó là một đêm đầy bão tố bên ngoài, với bao cây cối, dàn hoa... nhà ông bị quét trụi, lẫn bão tố trong lòng, khi ông vừa trải qua ngày đen tối nhất trong đời, vì người thân yêu duy nhất, mẹ của ông, vừa mới mất và được hỏa thiêu chiều hôm ấy.

Ông còn nhớ ánh mắt thông cảm và xót thương của người nhân viên lò hỏa thiêu, khi ông ta đọc thấy được nỗi đau và tuyệt vọng còn in đậm trong nét mặt, và ánh mắt, của chàng trai trẻ, trong suốt mấy giờ đồng hồ anh ngồi chờ hài cốt của mẹ được thiêu hủy. Đến khi các thủ tục hoàn tất, người nhân viên cho phép anh đến gần, trong lúc ông ta trút mớ tro tàn của người mẹ vào chiếc lọ gỗ cho chàng trai.

Có lẽ vì vội vã, lẫn xúc động trước nỗi đau trong đôi mắt ráo hoảnh, ông đã lỡ tay làm vương vãi một ít tro ra ngoài. Đến khi người nhân viên đã niêm kín nút và dán mảnh giấy tên mẹ lên thành lọ, anh vẫn không rời mắt khỏi nhúm tro tàn còn vương lại trên mặt chiếc khay kim loại. Chỉ sau một thoáng do dự, anh vội vã vợ lấy mảnh giấy cạnh bàn và vét sạch nhúm tro rồi gói lại cẩn thận và cất vào túi. Anh có cảm tưởng đây là một phần của mẹ mà anh không thể nào để sót lại và để

mất đi cùng với những thứ rác rưởi ở đây. Anh đưa mắt biết ơn nhìn người nhân viên lò hỏa thiêu, rồi anh cất giọng khàn nghẹn trao lời cảm ơn và từ biệt ông ta, trước khi ôm lấy chiếc lọ gỗ đựng tro hài cốt của mẹ về nhà.

*

Trời đã tối hẳn và mưa gió chuyển sang bão tố lúc anh về đến nhà. Anh đặt chiếc lọ, lần gói giấy đựng tro của mẹ lên bệ gỗ trên lò sưởi nơi phòng khách, rồi anh vội vã thắp lò sưởi và chất đầy những thanh củi còn lại vào lò. Sau đó, anh đi nhóm bếp, đun nước và pha một bình trà rồi mang trở lại phòng khách. Anh mệt nhoài và rã rời buông người xuống chiếc ghế xô-pha đã được kéo sát lại bên lò sưởi để tìm chút hơi ấm trong căn nhà lạnh giá.

Anh đã cố nén mình trong suốt mấy ngày qua, đã ráng giữ cho đầu óc được tỉnh táo để thu xếp mọi việc cho chu đáo. Anh đã cố hết sức để dẫn lòng trong tang lễ của mẹ, cố ghìm mình trong lúc chứng kiến cảnh quan tài của mẹ được đưa vào phòng hỏa thiêu, cũng như trong suốt phần còn lại của buổi chiều hôm ấy. Nhưng đến lúc này, khi mọi việc đã hoàn tất, anh có cảm giác như tấm đề ngăn con sông dữ đã sụp lở và bao nhiêu cảm xúc bị dồn nén suốt cả thời gian qua, kể từ ngày mẹ anh ngã bệnh cho đến phút này như con lũ đã tràn bờ.

Anh để mặc cho nước mắt tuôn rơi và đắm mình trong nỗi đau mất mẹ. Anh đã không ngờ rằng, cùng lúc ấy, ở ngoài trời, cơn bão cuồng nộ đã quét trụi bao nhiêu cây cối, trụ điện... cho đến khi mạch điện vào nhà anh bị cắt đứt. Khi đèn trong nhà chợt phụt tắt, anh chỉ thoáng ngỡ ngàng, và cho đến giây phút ấy, anh mới nhận ra tiếng mưa bão cuồng phong đang gầm rú bên ngoài. Nhưng anh không còn màng đến bất cứ điều gì xảy ra xung quanh mình,

nên anh vẫn ngồi đấy, mặt úp giữa đôi tay. Anh cảm thấy sâu sắc nỗi cô đơn, trống vắng bao trùm lên mình trong bóng tối phủ dày khắp nhà, ngoại trừ làn ánh sáng chập chờn hắt ra từ bên trong lò sưởi.

Sau một khoảng thời gian dài mà anh không biết được là bao lâu, anh dần dần cảm thấy khối xúc cảm đè trĩu trong lòng vơi đi đôi chút, anh bắt đầu nghĩ đến thực tại và những điều anh cần phải làm trước mắt. Khi anh nghĩ đến những chọn lựa trong việc cất giữ tro hài cốt của mẹ: ở nhà, mang đi gửi ở đền thờ, hoặc mai táng ở nghĩa trang giữa những người xa lạ, cuối cùng anh đã chọn cách đơn giản nhất là giữ lại nhà. Nghĩ đến điều này, anh chợt nhớ đến gói giấy nhỏ anh mang về có chứa một ít tro của mẹ mà anh không thể để vương vãi và mất đi. Anh rời ghế bành, tiến lại cạnh bệ gỗ và lần tìm gói giấy nhỏ trong bóng tối.

Cầm gói giấy trong tay, anh nhớ lại từng nét rõ rệt về mẹ: vóc người mẹ nhỏ nhắn, đôi mắt sâu, thật buồn và hiền từ... Anh có cảm giác như thể mẹ đang hiện có mặt bên cạnh mình. Tim anh thất lại trong nỗi nhớ thương và mất mát mà anh biết được chẳng có điều gì khác trên đời này có thể bù đắp. Anh ngậm ngùi nhớ lại những tháng ngày lớn lên cạnh mẹ, tình thương yêu mẹ đã dành cho anh là nguồn hơi ấm, là phần thưởng lớn nhất cho đứa trẻ không có bố. Bên cạnh mẹ, anh đã mỗi mòn chờ đợi cho đến ngày bố anh trở về từ một nơi nào đó ở chiến trường, mà mẹ anh đã tin rằng ngày ấy sẽ đến trong tương lai. Anh nắm chặt gói giấy trong tay, xót xa cho cuộc sống trong bao nhiêu năm cô quạnh của mẹ. Bây giờ mẹ đã khuất, anh cảm thấy như thể điều anh hằng chờ đợi ấy chẳng còn là nguồn khao khát nung nấu với anh nữa. Đã quá muộn màng nếu có một hôm bố anh trở về lại căn nhà này, vì mẹ đã mãi mãi đi xa và bà sẽ chẳng còn ở nơi đây để

vui niềm vui đoàn tụ ấy.

Anh miên man suy nghĩ về những điều anh và mẹ đã chia sẻ với nhau trong quá khứ, những năm tháng thật ngọt ngào, êm đềm mà với anh, giờ đây chúng là những kỷ niệm quý báu mà anh sẽ mang theo suốt đời. Với ý nghĩ này, lòng anh bỗng thấy nhẹ đi và cảm giác an bình chợt tràn về khiến anh thấy lòng mình ấm lại. Anh nhớ lại những điều mẹ đã căn dặn trong những ngày cuối, và anh tự hứa, bằng mọi cách, mình sẽ phải thực hiện cho được.

Anh đứng lặng người, lòng tràn ngập bao xúc cảm và thương nhớ, nhưng nỗi đau xót giờ đây đã được thay thế bằng niềm an ủi sưởi ấm trong lòng. Mắt anh không rời ngọn lửa đỏ thắm rực sáng trong lò sưởi, rồi trong nỗi xúc động, anh nhẹ nhàng thả gói giấy đựng tro của mẹ đang cầm trên tay vào giữa ngọn lửa. Anh thấy lòng mình ấm lên với ý nghĩ rằng, từ đây, một phần của mẹ sẽ mãi mãi bên mình như những ngày xưa bé. Anh biết, ý nghĩ ấy sẽ theo anh suốt đời như một tấm lụa vô hình bảo bọc anh trong tình thương yêu của mẹ.

Anh nhẹ nhàng quay về ghế bành, ngả đầu lên tay ghế. Lần đầu tiên sau bao nhiêu ngày thức trắng, anh cảm thấy lòng thật bình yên, ấm áp, và anh thanh thản chờ đợi cơn buồn ngủ đến. Anh lắng tai nghe tiếng mưa rơi đều đều, êm êm trên mái, và trong phút chốc, anh được sống lại lần nữa những ngày thật hạnh phúc, êm đềm thời thơ ấu trong bóng tối dịu ngọt với mùi khói từ lò sưởi tỏa lan ấm áp quanh mình.

Nhưng khi anh vừa thoáng chớp mắt, anh có cảm giác như thể có tiếng di chuyển trong phòng. Khi anh hé mắt nhìn vào lò sưởi, anh ngỡ như đang trong mơ lúc thấy mẹ nhẹ nhàng bước ra từ bên trong khung lò sưởi. Mẹ của anh hết như hôm nào, vẫn mái tóc gọn sóng mềm mại, bước chân nhẹ nhàng và nụ cười ấm

địu lạ thường. Anh chưa kịp đứng dậy thì mẹ đã đi đến bên cạnh. Rồi như bao nhiêu năm tháng trước đây, mẹ ân cần cúi xuống bên anh và cất tiếng dịu dàng hỏi:

“Chưa ngủ sao con?”

Anh ngớ ngàng đưa tay dụi mắt. Anh không thể tin vào điều đang xảy ra cho mình, và không thể phân biệt được là mình đang ngủ hay thức.

“Dạ chưa, mẹ ạ!” anh sung sướng đáp lời.

Mẹ ngồi xuống chiếc ghế bành cạnh anh, bàn tay mềm mại, ấm áp của mẹ đặt lên tay anh. Rồi nhìn sâu vào mắt anh, mẹ dịu dàng bảo:

“Con, có điều này mẹ muốn nói với con.”

Anh ngồi thẳng dậy, hoàn toàn tỉnh táo và biết chắc rằng mình đang rõ ràng không mơ.

“Có việc gì thế mẹ?” anh ân cần cầm tay mẹ trong hai tay mình.

Mẹ anh thở dài thật nhẹ, rồi đưa mắt nhìn xuống hai bàn tay con trong tay mình. Anh thoáng đọc thấy điều gì đó hơn cả nỗi buồn trong đôi mắt sâu mà anh vẫn thường gặp mỗi khi anh tỉnh cờ trông thấy mẹ ngồi suy tư một mình. Mãi lâu, mẹ mới cất giọng êm và buồn, anh có thể cảm nhận được những giọt nước mắt đang được đè nén qua giọng nói run rẩy, nghẹn ngào của mẹ.

“Con, mẹ đã giấu con một điều, mà giờ đây, mẹ cần phải cho con biết để con không còn phải ngóng đợi trong mỗi mòn nữa. Mẹ đã thật yếu đuối khi không có đủ can đảm cho con biết sự thật trước kia, nhưng bây giờ con đã trưởng thành và mẹ không còn có thể ở bên con để chia sẻ với con điều con vẫn hằng mong chờ. Mẹ mong con tha thứ cho mẹ điều này, và hãy hứa với mẹ rằng con sẽ không vì thế mà nản lòng, hoặc từ bỏ những giấc mơ mà con đã ôm ấp và thôi không cố gắng xây đắp cho tương lai.”

Bà cúi xuống, giấu tiếng nức nở trong lòng bàn tay người con trai và

anh choàng tay ôm lấy đôi vai gầy nhỏ của mẹ. Mẹ anh ôm lấy cánh tay con, rồi cố nén con thổn thức, bà vừa cất giọng đầm nước mắt nói với anh:

“Con ơi, bố con đã không mất tích nơi chiến trường như điều mẹ đã lỡ bảo với con ngày con còn bé. Lẽ ra mẹ phải kể cho con nghe sớm hơn về bố, nhưng mẹ đã không đành lòng khi phải phá vỡ niềm hy vọng nhỏ nhoi của con, mặc dù mẹ luôn mong chờ có được dịp để bày tỏ với con điều mẹ luôn cất giữ trong lòng. Bố con đã trở về từ sau chiến tranh, hiện vẫn còn sống, và là người mà con có biết đấy, con ạ.”

Anh siết chặt lấy đôi vai nhỏ bé của mẹ, lòng tràn ngập niềm vui tốt cùng với mẫu tin hết sức bất ngờ này. Anh níu lấy mẹ, cố nhìn vào khuôn mặt thân yêu còn đầm nước mắt và không hiểu được lý do khiến mẹ đã phải sầu khổ. Anh lay cánh mẹ, hỏi hã giục mẹ kể tiếp.

“Mẹ, mẹ, thế bây giờ bố ở đâu?”

Mẹ anh đưa mắt buồn bã nhìn con, rồi bà cố nuốt con nghẹn ngào trước khi cất lời lần nữa.

“Con, bố con ngày ấy quả thật có ra trận. Mẹ và bố đã yêu nhau và có bí mật hứa hôn trước khi bố lên đường trong lúc mẹ đang đi học đại học năm cuối. Mẹ không ngờ mẹ đã có con trước khi bố lên đường, nên bố chưa bao giờ được biết về con. Rủi ro thay, bố chỉ ra trận lần đầu đã bị trọng thương, đến khi họ đưa về lại nhà, bố con tưởng như không qua nổi, và đến khi bình phục, bố con đã mất hết ký ức. Mẹ vẫn hằng chờ đợi có ngày bố nhớ lại mối tình xưa với mẹ và tìm đến thăm mình, nhưng có lẽ phần ký ức ấy đã bị xóa nhòa, mà mẹ thì không có đủ can đảm để tìm đến gia đình bố và cho hay về mẹ con mình. Vì thế cho nên mẹ đã không thể dối con là bố đã mất nơi chiến trường, cũng như không thể cho con hay sự thật này. Mẹ vẫn mong chờ có ngày bố con phục hồi ký ức, mà mẹ biết, nếu bố nhớ lại, bố

sẽ chẳng bao giờ từ nan điều gì để đến với mình.”

Anh đọc thấy ánh nhìn ám áp của mẹ thoáng qua sau làn nước mắt. Anh nhận ra một cách rõ ràng, mẹ anh vẫn còn yêu người tình xưa, và điều này cũng khẳng định lần nữa với anh rằng, bố chắc hẳn phải là một người thật đặc biệt. Anh nôn nóng muốn được biết thêm về bố, anh cần hỏi ngay bố đang ở đâu, làm gì... và anh sẽ tìm đến để thăm ông. Như đọc thấy điều này trong ánh mắt ngời sáng của con, mẹ anh lại buồn bã cúi đầu. Rồi với giọng đượm buồn, mẹ anh bảo:

“Không được đâu con! Bố con đã lập gia đình sau nhiều năm trở lại từ chiến trường và đã có con cái. Và lại, lý do mà mẹ không thể tìm đến thăm bố là do sự cách biệt giữa giai cấp và hoàn cảnh của hai gia đình. Vì lý do này, từ ngày đầu, bố và mẹ đã phải trải qua bao cản trở nên phải giấu kín mối tình xưa, và nuôi hy vọng đến ngày bố trở về, bố sẽ tự mình tạo dựng một sự nghiệp vững chãi trước khi kết hôn với mẹ. Đôi khi mẹ có nghĩ, có lẽ bố và mẹ đã không có duyên nợ với nhau thật, cho nên đã có con với nhau mà cuối cùng vẫn không thành. Tuy nhiên, mẹ vẫn yêu bố và cầu mong cho bố được mọi sự tốt lành, cũng như cố gắng nuôi con từng ngày và mong cho con sau này hiển đạt để xứng đáng với mối tình ngày xưa mẹ đã có được với bố.”

Anh hết sức bối rối và hoang mang trước những điều mẹ kể lại, nhất là anh vẫn không thể hiểu được tại sao mình không thể đến thăm bố, người cha suốt đời vắng mặt mà anh đã mong mỏi được trông thấy dù chỉ một lần trong đời. Anh bối rối nhìn mẹ vẫn đắm mình trong im lặng, những giọt lệ của mẹ làm anh xót xa.

“Mẹ, bố ở đâu, mẹ cho con hay đi!” anh nài nỉ với tất cả tấm lòng.

Không ngược mắt nhìn anh, mẹ trả lời trong con nghẹn ngào.

“Bố con là ngài Bộ trưởng Ngoại giao đương thời, con có nhận ra không?”

Anh choáng váng như vừa có vật gì va phải vào đầu. Anh cố mừng tượng khuôn mặt của ngài Bộ trưởng Ngoại giao, một người hết sức lịch duyệt và nổi tiếng vì những chính sách hết sức tiến bộ, nhưng cùng một lúc, anh nhận ra cái hồ ngăn cách giữa gia đình mình và dòng họ bên bố. Gia đình bố anh ở phía bên kia thành phố, nơi hội tụ của các nhà lãnh đạo, giới thượng lưu và các siêu sao cư ngụ, trong khi mẹ con anh sống phía bên này, trong căn nhà cũ kỹ được xây cất từ cả trăm năm trước đây mà ông bà ngoại đã để lại. Còn hơn thế nữa, mọi người đều biết đến dòng dõi thể tộc lâu đời của gia đình ngài Bộ trưởng Ngoại giao, lần gia đình vợ của ông, mà ngay cả với lối buoi móc của giới báo chí, truyền thanh, truyền hình... đương thời, chưa có điều gì mà nhóm này có thể đàm tiếu về họ.

Anh cố tập trung để mừng tượng lại khuôn mặt của ngài Bộ trưởng ngoại giao như anh đã từng xem trên truyền hình và qua báo chí, rồi cố hình dung thử mình giống bố ở điểm nào, như mẹ anh thỉnh thoảng vẫn bảo. Anh chưa thể nghĩ ra, nhưng có một điều anh hoàn toàn không thể nghi ngờ gì nữa: tên bố anh trong giấy khai sinh, và toàn bộ hồ sơ học hành, hồ sơ gia đình... đúng là tên của ngài Bộ trưởng. Trong phút chốc, anh cảm thấy một nỗi thất vọng và cay đắng bao trùm lên mình. Anh không bao giờ ngờ đến giây phút anh biết được tin tức về bố, điều anh hằng khắc khoải mong chờ như là một tia sáng nhỏ nhoi trong suốt bao năm sống quanh quẩn bên mẹ, lại không là giây phút hạnh phúc nhất đời như anh vẫn nghĩ, mà là một nỗi đau và mất mát ngoài sức tưởng tượng của mình.

Anh ngồi đắm mình trong chiếc ghế bành, cả thân thể như lún sâu

trong mớ đêm cũ kỹ với nỗi đau nặng trĩu trong lòng. Lần trong nỗi bàng hoàng xót xa, anh nhận ra cảm giác tiếc nuối bao trùm lấy mình, và anh ước ao, dù chỉ trong khoảnh khắc ngắn ngủi, rằng mẹ anh đã giấu kín mãi không cho mình biết về sự thật ấy. Có lẽ cuộc sống của anh sẽ mãi chìm lắng trong cái hạnh phúc êm đềm với nỗi chờ mong ngày bố trở lại. Nhưng ngay cả nếu điều này không bao giờ đến, anh vẫn có thể tự ru mình bằng cái giả thuyết rằng bố đã mất ở nơi nào đó trên chiến trường, và đối với anh, điều đó nằm trong mức định liệu của mình và tất nhiên là chấp nhận được.

Nhưng bây giờ, giấc mơ êm đềm ấy đã tan vỡ. Anh xót xa hơn khi nghĩ đến bao năm tháng mẹ anh đã sống trong cô quạnh, trong khi biết được bố đã trở về với cuộc sống phía bên kia thành phố. Anh cảm nhận được những nỗi đau và mất mát mà mẹ anh đã trải qua khi phải chứng kiến từng chặng đường đời của bố, mà với mỗi bước tiến trên đường công danh, cũng như thành đạt trong cuộc sống riêng tư, khoảng cách của họ ngày một xa hơn. Anh cảm thấy bất lực khi không thể làm được điều gì để xoa dịu hoặc bù đắp cho những nỗi đau mà mẹ đã phải trải qua, và nỗi tuyệt vọng khiến cho anh rối trí và cùng quẫn.

Như đọc được nỗi lòng của con, mẹ anh cúi xuống bên anh thật dịu dàng, rồi xoa tay lên mái đầu con như những ngày xưa bé, mẹ anh nhẹ nhàng bảo:

“Đừng buồn con ạ, quá khứ là một phần của cuộc sống mà mình không thể thay đổi được, nhưng tương lai thì ở trong tay mình. Mẹ mong muốn con dành công sức cho một tương lai như con vẫn ao ước được có, và hãy nhớ rằng mẹ vẫn mãi ở bên con.”

Rồi mẹ âu yếm cúi xuống hôn lên trán anh, trước khi nhẹ nhàng quay gót. Trong lúc anh còn chơi với

nhìn theo, chưa kịp có cử động nào, mẹ anh đã tiến đến bên khung lò sưởi. Mẹ quay lại nhìn anh lần cuối, ánh mắt mẹ thật hiền từ và anh cảm thấy lòng mình ấm lại khi nhận ra nỗi đau không còn nữa, mà thay vào đây, ánh nhìn của mẹ lấp lánh nụ cười. Rồi mẹ nói với anh, giọng êm dịu quen thuộc như hôm nào:

“Ngủ đi con, đã quá muộn rồi đây!”

Chỉ có thế, rồi mẹ nhẹ nhàng đi vào giữa những ngọn lửa đỏ hồng, lúc ấy chợt chao đi như có làn gió thoảng qua. Anh ngồi lặng người trong giây lát, rồi vội vã chồm về phía trước như muốn níu lại bóng dáng mẹ lần nữa, nhưng phía bên trong khung lò sưởi chỉ còn những tàn lửa lấp lánh nhẹ nhàng bay lên.

*

Anh bàng hoàng ngồi dán mắt vào những ngọn lửa đang nhảy múa trong lò sưởi, hoàn toàn chưa định thần được điều gì vừa xảy đến với mình. Tuy nhiên, anh đã biết chắc rằng mình đã không hề ngủ mơ, cũng như những điều mẹ anh nói là sự thật. Anh chợt nhớ lại một lần, cách đây không lâu, mẹ anh có kể cho anh nghe rằng bố anh ngày xưa chỉ say mê sách vở chứ không ưa thích chuyện chinh chiến hay làm việc chính trị, nhưng vì áp lực của gia đình trong giới chính khách từ nhiều đời, bố anh đã phải đi theo con đường này. Rồi anh nhớ lại, một lần khác, mẹ anh đã ca ngợi chính sách mới mà ngài Bộ trưởng bộ ngoại giao vừa đưa ra khiến anh hoàn toàn ngạc nhiên vì mẹ anh vốn là người không say mê theo dõi chính trị. Anh dần dần nhớ lại những điều mẹ anh đã nhắc đến, cũng như nhận ra, như mẹ vẫn bảo nhiều lần, anh có khuôn mặt và đôi mắt giống bố—ngài Bộ trưởng ngoại giao, và ý nghĩ này thật lạ lẫm khiến cho anh cảm thấy ngộp thở. Và như thế, anh ngồi đắm mình với bao nhiêu ý nghĩ về gia đình

mình cho đến khi tia sáng đầu tiên của ngày mới ửng lên ngoài cửa sổ.

Hôm sau, anh không đến trường đại học mà đón xe buýt đi về hướng ngược lại, sang phía bên kia thành phố tìm đến nhà của ngài Bộ trưởng ngoại giao. Anh cảm thấy bước chân mình như nhẹ hẫng đi, khi anh bước xuống xe ở trạm cuối và đi vào con đường nhà bố. Anh không rõ lắm vào giây phút ấy, anh đã có những cảm xúc, ý nghĩ gì, nhưng chắc chắn, chúng không phải là cảm giác mừng rỡ, hân hoan như anh đã từng mơ ước bao năm trước đây vào giây phút chờ được gặp người cha thân yêu. Bên cạnh đó, cảm giác ngượng ngùng và lo âu khiến cho anh đôi lần chùn bước, toan quay trở lại. Nhưng có điều gì đó đã thúc đẩy anh tiếp tục cất bước cho đến khi anh đến trước cổng nhà ngài Bộ trưởng.

Anh dẫn đo không biết có nên gọi cửa, hoặc chỉ ở bên ngoài chờ cho đến khi nào có người ra vào căn nhà hãy nhân tiện hỏi thăm. Trong lúc anh còn đang phân vân với hai chọn lựa này, cánh cửa lớn mở ra, và tìm anh như bị nén lại khi thấy ngài Bộ trưởng—bố của anh xuất hiện ở ngưỡng cửa. Mặc dù anh đã xem ông trên truyền hình và báo chí nhiều lần, anh vẫn không khỏi ngạc nhiên lẫn xúc động khi nhận ra mình giống bố thật nhiều, ở những điểm như mẹ vẫn kể.

Ngài Bộ trưởng tiến ra cổng khi trông thấy anh, và trong một thoáng thật ngắn ngủi, anh có cảm tưởng như thể ông khựng lại với ánh nhìn thật khó diễn tả được, rồi ông chậm rãi cất bước đến gần chàng trai. Trong cái khoảnh khắc khi hai cha con đối diện nhau, nhìn vào mắt nhau và chỉ ngăn cách bằng chiếc cổng có song sắt, anh có cảm tưởng như thời gian dừng lại. Có lẽ chỉ trong tích tắc, anh đã suýt buột miệng kêu lên: “Bố ơi, con của bố đây!” Nhưng anh vừa kịp dừng lại khi ngài Bộ trưởng lên tiếng trước.

Giọng của ông trầm ấm, rõ ràng, và mặc dù đó là lần đầu tiên trong đời anh được nghe thấy tiếng bố, anh vẫn có cảm giác gần gũi, quen thuộc như đã từng được sống bên ông cả đời.

“Chào cậu,” ông nói giọng điềm đạm, “cậu cần tìm ai đấy?”

Ông vừa hỏi vừa kéo song sắt, nhẹ nhàng kéo mở chiếc cổng ngăn cách giữa hai cha con. Anh bối rối và xúc động đến cực độ nhưng phải cố hết sức để đè nén cảm xúc, rồi lắp bắp trả lời:

“Thưa... thưa... ngài Bộ trưởng,” anh nuốt nước bọt, tranh thủ thì giờ cố tĩnh tâm lại, “tôi... tôi cần... viết bài phỏng vấn đề làm sáng tỏ thêm đôi điều về...” anh khựng lại trong giây lát rồi mới tiếp tục được, “về... về... chính sách đối ngoại của ông.”

Anh nuốt nước bọt, cố làm thông cổ họng đang nghẹn lại, trong khi ráng hết sức để kiềm chế cảm xúc đang dâng tràn, có nguy cơ khiến anh bộc lộ nỗi niềm riêng của mình. Ngài Bộ trưởng dừng lại trong giây lát trong khi ánh mắt của ông không rời khuôn mặt chàng trai trẻ. Rồi ông từ tốn rút trong túi ra tấm danh thiếp đưa cho anh và nhẹ nhàng bảo:

“Tôi cần phải đi đây có chút việc. Cậu hãy gọi cho thư ký riêng của tôi hẹn giờ gặp, để tôi xem có thể giúp cậu được gì không.”

Trước khi ông quay trở vào nhà, anh có cảm tưởng như thể ông đã dừng lại trong khoảnh khắc và có ý định nói thêm với anh điều gì đó. Nhưng ông lại thôi, và ông vẫy tay chào anh khi người tài xế mang xe ra đến bên cạnh đón ông đi. Chàng trai vẫn còn trong cơn bối rối xúc động, anh muốn được níu giữ và kéo dài mãi cái khoảnh khắc quý báu khi bố nhìn sâu vào mắt mình lần nữa, và anh tin rằng ông đã nhận ra vẻ giống nhau thật rõ rệt giữa hai người. Nhưng ông đã quay lưng đi và tìm anh như bị nén chặt trong nỗi tiếc

nuối vô biên. Khi bố anh bước lên xe ô tô, chuẩn bị sập cánh cửa lại, anh mới cất giọng yếu đuối, rời rạc gọi với theo:

“Cảm ơn ông.”

Qua lần kính xe, anh thấy bố quay lại nhìn mình khi chiếc xe lăn bánh ra khỏi cổng và mất hút ở cuối đường. Anh thần thờ cảm tấm danh thiếp của bố trong tay, mắt anh vẫn không rời hàng chữ tên của bố in đậm ở giữa. Anh thấy lòng mình nhói đau với cái gần gũi vô biên giữa tình cảm anh dành cho bố, lẫn cái xa cách muôn trùng giữa hoàn cảnh của hai cha con. Đến giây phút ấy, anh mới thấu hiểu được lý do mà mẹ đã không tìm đến bố và nói lại tình xưa, mặc dù mẹ vẫn không nguôi nhớ thương người cha của đứa con mình. Anh thần thờ quay gót rời nhà bố và đi đến cuối đường. Anh nhận ra, trong nỗi đớn đau một cách sâu sắc, anh sẽ chẳng bao giờ quay lại nơi này lần nữa.

*

Đã hơn bốn mươi năm kể từ ngày ấy. Bố của ông đã mất cách đây khá lâu, và mặc dù nhiều lần ông đã lên đường đi đến nhà bố để được thăm cha mình lần nữa, lần nào ông cũng bỏ dở nửa chừng và quay về nhà. Từ ngày gặp bố, ông không còn thiết đến chuyện học hành và xây dựng tương lai cho mình nữa. Nhiều lần, ông nhận ra rằng, ông không còn thiết đến điều gì nữa trên đời, chỉ khao khát được gặp lại mẹ, dù chỉ một lần, để giải bày nỗi niềm của mình và mong mẹ tha thứ vì đã không giữ được lời hứa xây đắp công danh sự nghiệp như mẹ vẫn hằng mong mỏi. Nhưng ông không thể nào gọi mẹ trở lại được lần nữa, vì trong một lần cùng quần với nỗi tuyệt vọng sẽ chẳng bao giờ được gặp lại bố, cũng như bị giày vò bởi ý nghĩ đã phụ lòng mẹ, ông đã mang vút lọ tro hài cốt của mẹ xuống biển với mong mỏi mẹ sẽ được thanh thoi

nơi trùng dương mệnh mông.

Sau một thời gian khá dài sống trôi nổi, vô định, ông chợt nhận ra có một công việc mà ông muốn làm: đó là trở thành nhân viên của lò thiêu hài cốt. Với công việc đó, ông có thể nhặt tro của người quá cố và biết được thêm về những bí mật được cất giấu sang phía bên kia của cái chết, mà ông tin rằng, dù ít hay nhiều, chẳng có ai mà không cất giữ đôi điều cho riêng mình cho đến cuối đời. Thế là ông cất công đi xin việc ở nơi này, và chẳng lâu sau, ông đã được nhận vào làm chính thức ở lò hỏa thiêu của thành phố.

Ngày ngày, ông tận tụy và miệt mài với công việc để hoàn thành thật chu đáo mọi thủ tục cho tang lễ hỏa thiêu. Ông ân cần giúp đỡ, chia sẻ cùng thân nhân của kẻ quá cố và mang đến cho họ niềm an ủi rằng người thân của họ đang được ông chăm chút cẩn trọng. Dần dần, ông được giao hẳn toàn bộ các khâu làm việc với lò thiêu, và mỗi ngày, ông lại nhặt một ít tro còn sót lại của một người nào đó trong những người được mang đến trong ngày.

Rồi khi đêm về, ông nhanh chóng hoàn thành công việc cá nhân, trước khi thấy tro của người quá cố đã nhặt được vào lò sưởi ở nhà. Bằng cách này, ông đã làm sống lại lần nữa những linh hồn, và trở thành người duy nhất trên đời được biết đến những điều thầm kín của những con người xa lạ. Ông cũng nhận ra rằng, dù là sang hay hèn, giàu hay nghèo, sung sướng hay khổ cực, những linh hồn quá vắng đều bước qua khung lò sưởi ấy với vẻ bối rối, kinh ngạc như nhau, và cùng mở lòng ra, kể cho ông nghe những điều thầm kín đã được vùi sâu trong tâm hồn trước khi họ ra đi vĩnh viễn.

Hàng mấy chục năm qua, mỗi đêm, ông đều thức suốt để nghe chuyện của những con người xa lạ. Bao nhiêu điều bí mật, bao chuyện đau lòng, nhiều điều hết sức kinh

hoàng hoặc cực kỳ quý giá của những người quá cố đã mang lại cho ông một cuộc đời hết sức phong phú và thú vị. Nhiều lần, ông tình cờ biết được những bí mật vô cùng giá trị về những người danh tiếng, khiến cho ông có lúc thầm nghĩ “nếu mình muốn, mình có thể, bất cứ lúc nào, trở nên giàu có và nổi danh bằng cách truyền bá rộng rãi những bí mật của họ.” Nhưng ông chỉ cất giữ cho riêng mình, và lấy làm thú vị mỗi khi đọc báo, hay xem tin tức với những mẩu tin hoặc phỏng đoán hoàn toàn lệch lạc về những người này.

Chẳng hạn, có lần, ông đọc tin mới nhất trong ngày, sau tang lễ của một chính khách giữ một chức vụ quan trọng trong bộ tài chính. Theo ông, bài báo chắc hẳn đã được “đặt hàng” để viết bằng một giọng điệu hết sức cung kính và bi ai, mà ngoài những lời ca tụng hết sức nhạt nhẽo, ông còn đọc thấy ở phần cuối là lời ca thán và tiếc nuối cho vị chính khách đã ra đi mà chưa thực hiện được mơ ước cuối cùng là trở thành bộ trưởng bộ tài chính và tạo ra một ngân quỹ giàu có cho đất nước. Ông đã bật cười thành tiếng khi đọc đến đoạn này, vì chỉ mới đêm hôm trước, ông tình cờ nhặt phải tro của vị chính khách và trò chuyện với ông ta suốt một đêm. Nhờ đó, ông đã biết được nguyện vọng cuối cùng của vị này là được hôn lên đôi chân kiêu diễm của cô thư ký riêng trẻ tuổi mà ông đã thầm say mê mà chưa một lần dám bày tỏ.

Hoặc một lần khác, ông xem tin tức phỏng đoán về nguyên nhân cái chết của một minh tinh màn bạc. Mẩu tin đưa ra nhiều “bằng chứng” để kết luận đây là hậu quả của một tai nạn xảy ra trong phòng tắm, sau khi nạn nhân uống say quá độ. Chỉ cách đây vài tuần, ông tình cờ được biết toàn bộ diễn tiến của vụ án mạng, sau khi nhặt được tro của người nữ minh tinh xinh đẹp. Trong nỗi uất hận, cô gái kể cho ông nghe

là đã bị hành hung và ngất đi từ trong phòng ngủ trước khi bị người tình mang ra chìm vào nhà tắm. Ông đã phẫn nộ khi đọc được điều này, và cho rằng, có lẽ thế giới không nên phung phí tiền bạc trả lương cho cái đám làm điều tra án mạng, khi họ hoàn toàn không để ý đến những vết máu trong mớ chăn gối trong phòng ngủ, lẫn những chi tiết cho thấy cô gái đã bị hành hung, mà đã nhanh chóng kết luận là cô ta bị chết đuối vì say.

*

Trong những lần gặp gỡ và đối thoại với những linh hồn, ông còn biết thêm được nhiều điều về tâm tính con người. Nhiều lần, ông đã hết sức ngạc nhiên về sự khác biệt giữa cái ấn tượng mang lại từ những biểu hiện bên ngoài của những người mà ông đã được biết qua tin tức, báo chí... và cuộc sống riêng, lẫn tâm tư, tình cảm của họ. Có nhiều người suốt đời mang một bề ngoài trầm lặng, mầu mịch, nhưng thật ra, họ chỉ là những kẻ khéo che đậy một cuộc sống phóng túng, mục ruỗng, có khi còn tồi tệ hơn cả cái đám cận bã của xã hội. Những điều họ kể lại khiến cho ông kinh tởm, và có lúc gây cho ông một nỗi hoài nghi cho tất cả những người quanh mình, mà ông đã phải cố gắng lắm mới vượt qua được và tìm lại quân bình trong cách suy nghĩ. Hoặc có lúc khác, những người quá cố kể về những nỗi đau và bao điều vất vả, nhọc nhằn... họ đã trải qua, mà suốt cả đời, chẳng có ai bên ngoài có thể đoán được khi cho rằng họ đã có một cuộc sống hạnh phúc trọn vẹn.

Nhưng điều đặc biệt và hết sức thú vị đối với ông trong những lần gặp gỡ những linh hồn, đó là khi ông được nhờ cậy để đi nhắn tin cho những người thân của họ. Không ít lần, ông đã bí mật làm kẻ đưa tin từ bên dưới nấm mồ cho những người còn ở lại. Đối với ông, đó là một sứ

mệnh cao cả và ông không quản ngại điều gì để hoàn thành công việc được giao phó. Ông có cảm tưởng như thể mình là một thiên thần, người duy nhất làm cầu nối giữa sự sống và cái chết. Ông lấy làm hạnh phúc khi biết được mình đã giúp ích cho những con người trong lúc khốn khó, hoặc trước cơn hoạn nạn, hiểm nguy... Ý nghĩ này cũng là nguồn động lực thúc thúc ông hăng say và tận tụy với công việc mỗi ngày, vì qua những điều ông biết được về cuộc đời riêng của mỗi con người mà ông tình cờ nhặt được tro của họ, ông lại thấy công việc của ông không chỉ dừng lại ở lò hỏa thiêu. Sứ mệnh của ông còn đi xa hơn là chăm chút lần cuối những con người đã nằm xuống, khi ông là người duy nhất có thể lắng nghe và giải toả giúp cho họ những uẩn khúc trong lòng, và mang lại niềm an ủi, thanh thoi cho những linh hồn. Việc nhặt tro đã trở thành mục tiêu và lẽ sống của cuộc đời ông, và ông biết, ông sẽ mãi say mê, cũng như chỉ cất giữ cho riêng mình những điều mà ông đã biết được từ những linh hồn.

*

Và như thế, đã hơn bốn mươi năm từ ngày ông lần đầu phát hiện ra phép mầu kỳ diệu này. Ông đã sống một cuộc đời hết sức phong phú, tâm tưởng của ông luôn đầy ắp những điều mới lạ mà ông góp nhặt được hàng ngày qua bao nhiêu cuộc gặp gỡ với những linh hồn. Có lúc ông thậm chí nghĩ “mai sau khi mình qua đời, liệu sẽ có ai biết đến điều kỳ diệu này và mang linh hồn mình trở lại lần nữa, để khám phá ra một cuộc đời hết sức thú vị của mình đang sau cái bề ngoài thật là tẻ nhạt của người nhân viên lò hỏa thiêu?” Nhưng ông cho rằng, mãi mãi sẽ chẳng có ai biết đến điều này, bởi lẽ trí tưởng tượng của con người đã được đóng khuôn trong cái nhìn về thực tại, lần bị ăn mòn bởi hoài nghi về những điều có

thể xảy ra, đã khiến cho họ tự xóa bỏ cái khả năng tìm đến những điều bên ngoài nếp sống hàng ngày. Ông lặng lẽ thở dài, và thầm tiếc nuối rằng ông không còn ai thân thích trên đời để chia sẻ với họ cuộc đời đầy sắc màu mà ông đã được hưởng. Ông thậm chí mong đến một ngày nào đó, ông có thể truyền lại cái bí mật quý báu này cho một nhân viên mới của lò hỏa thiêu mà ông phải tin chắc là xứng đáng để được chia sẻ.

*

Có tiếng động nhẹ trong phòng, rồi có tiếng hát hơi nhẹ từ hướng lò sưởi. Ông mở mắt nhìn lên vừa lúc bóng dáng một cô gái trẻ có vẻ mặt ngờ ngác bước qua khung lò sưởi tiến đến bên cạnh ông. Cô gái trẻ đưa tay vén mái tóc xõa tung, đưa mắt nhìn quanh phòng với vẻ ngạc nhiên và cất giọng hỏi ông:

“Đây là đâu? Xin ông vui lòng cho biết, ông là ai?”

Ông từ tốn đứng lên rồi tiến lại gần cô gái. Ông vồn vã đưa tay mời cô ngồi xuống chiếc ghế bên cạnh và cho cô hay, cô hiện đang ở tại phòng khách nhà ông, người nhân viên lò hỏa thiêu vừa mới xử lý hài cốt của cô chiều nay. Cô gái bối rối nhìn quanh, và chỉ sau một thoáng đắn đo, cô lao đến ôm chầm lấy cánh tay ông nước mắt. Rồi cô khóc lóc, van vỉ, xin ông giúp đỡ bằng cách nhắn tin đến gia đình về cái chết của mình. Ông chăm chú lắng nghe câu chuyện hết sức thương tâm của cô gái trẻ về một quãng đời thật bi thảm với cái chết giữa những người xa lạ. Ông long trọng hứa với cô rằng ông sẽ ghi lại tất cả những điều cô đã kể và gửi đến gia đình của cô ở một nơi xa xôi hẻo lánh tận vùng cuối cùng của đất nước. Ông cũng hứa sẽ cất giữ giúp lọ tro hài cốt của cô cho đến ngày người thân cô đến nhận lại. Ông đã an ủi người phụ nữ trẻ bằng những lời lẽ thật thân ái và chân thành khiến cô hết sức cảm động và bình

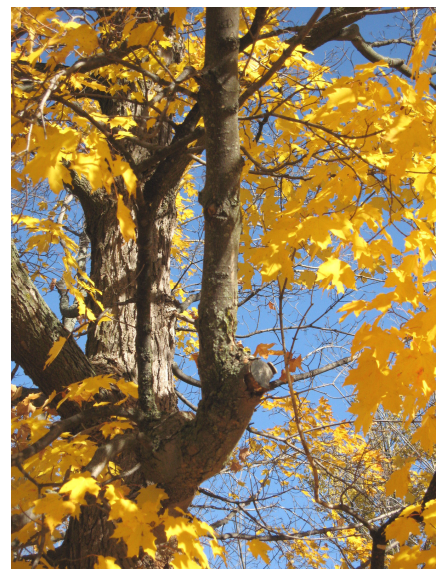
tâm trở lại.

Khi ánh lửa trong lò sưởi bắt đầu thấp dần và ông cũng đã chép xong câu chuyện thật thương tâm của người phụ nữ trẻ, ông thân ái bắt tay từ biệt cô gái trước khi tiễn cô đi vào giữa khung lò sưởi còn đượm hồng. Khi cô xoay người lần cuối mỉm cười chào ông, ông có thể đọc thấy niềm vui trong ánh mắt còn lấp lánh những giọt lệ. Ông thấy tim mình ấm lại với niềm tự hào rằng, nhờ có ông, những điều mong ước cuối đời của người phụ nữ trẻ đã được thực hiện.

*

Ông chậm rãi uống nốt tách trà đã nguội lạnh từ bao giờ, rồi thông thả lên giường.

Bên ngoài, bình minh vừa ửng lên sau chòm mây. Ông đón chờ giấc ngủ trong sự hài lòng về một ngày làm việc hiệu quả. Rồi như bao nhiêu ngày đã qua, ông tự hỏi “điều gì đang chờ đợi mình khám phá hôm nay?” Ông thậm chí mong rằng, mớ tro mà ông sẽ nhặt về hôm ấy sẽ mang đến cho mình những điều hết sức thú vị, và biết đâu, ông lại được lần nữa làm điều gì có ích.



LỄ TẠ ƠN

Thích Nữ Chân Thiên

Trong cuộc đời của một con người chẳng ai lại không phải trải qua những dâu bể thường tình là những đắng cay/ngọt bùi, sướng/khổ, yêu/ghét, được/thua, mất/còn, oán/ân v.v...

Và đã là con người thì ai cũng có những cá tính Thiện/Ác. Ác nhiều là người vô luân thường, vô đạo đức, không cần biết đến việc hiếu hạnh, Ân trả, Nghĩa đền mà chỉ biết Hận Thù, Ích Kỷ, Ghét Ghen, Thủ Đoạn, Ác Độc để rồi lấy Oán để trả Ân.

Trái lại người có cá tính Thiện nhiều thì lấy Ân để đền Oán và ngày nào, giây phút nào của họ cũng là Hiếu Hạnh, là Đền Ơn, là Đáp Nghĩa. Hay nói một cách khác với những Thiện Nhân này thì giây phút nào chẳng là Lễ Vu Lan, là Lễ Tạ Ôn và cũng là Lễ Bồ Thái Cúng Đường.

Vì cuộc đời Tương Đối với hai mặt Thiện Ác của con người là như thế cho nên chúng ta mới có những:

- Thánh Nhân ra đời với bao điều Đạo Lý được đặt ra và nhiều Điều Lệ được dựng lên với những Truyền Thống để nhắc nhở dạy dỗ và Hướng Thiện con người.
- Các Vị Bồ Tát, Phật Tổ thị hiện với những Kho Tàng Bảo Pháp sâu rộng mênh mông không ngoài việc Thức Tỉnh Muôn Loài ra khỏi Si Mê, chìm đắm trong Tương Đối Thiện/Ác, Sinh/Tử ấy.

Do những Truyền Thống đã được đặt ra cho nên mới có những

buổi Lễ Lạy hàng năm. Tuy danh từ của các buổi Lễ có khác nhau nhưng chúng lại Đồng Nghĩa và Đồng Lý y như nhau nên dù là Lễ Vu Lan, Lễ Tạ Ôn hay Lễ Bồ Thái Cúng Đường cũng vẫn chỉ là Một vì bất cứ một buổi lễ nào mà không có vật dụng để dâng lên cúng dường thì làm sao mà thành một buổi lễ cho được? Điều quan trọng là khi thi hành mà không chính hoặc làm ngược lại với ý nghĩa của nó thì kết quả chẳng được gì mà còn tạo thêm tội lỗi và sẽ không sao tránh khỏi Nghiệp Báo, do lẽ đó trước khi hành động một việc gì dù nhỏ, dù lớn chúng ta nên suy nghĩ cho chính chắn, hiểu cho tường tận để không ân hận và để tránh được những hậu quả vô lý vì sự vô ý thức của chính mình.

Đã gọi là Lễ Tạ Ôn thì đương nhiên phải làm sao cho đúng với tinh thần là thể hiện được đúng nghĩa về cả Lý lẫn Sự của nó.

Tạ Ôn có muôn ngàn cách, nhưng với cách nào cũng nên tròn đầy, trong sáng như một vầng trăng cho từng môi trường, từng hoàn cảnh cũng như sự liên hệ của Ta và Đối Tượng với Ta.

Với cách Tạ Ôn vẹn toàn, sáng đẹp như thế thì dĩ nhiên không thể nào ra ngoài được sự Kính Trọng Chân Thành, Từ Bi, Bình Đẳng và Khiêm Cung; đó là cách Tạ Ôn có Trí Tuệ.

Ngược lại Tạ Ôn với sự vô ý thức như: Mua bán đổi chác, Tạ Ôn với hành vi khoe khoang tự đắc, Tạ Ôn cho có lệ vì bỗ phận, Tạ Ôn với vẻ coi thường, coi khinh, Tạ Ôn làm đau lòng người, Tạ Ôn làm tổn

thương người và vật, thậm chí Tạ Ôn bằng sự sát hại, lấy mạng chúng sinh để mà Tạ Ôn nhau như ngày “Lễ Tạ Ôn” hôm nay. Hỏi còn gì mĩa mai và đau xót hơn cho cái ý nghĩa của “Lễ Tạ Ôn” này?

Thật là một hành động dã man, Vô Nhân Đạo, Vô Đạo Đức và hoàn toàn Vô Minh cho nên với bất cứ ai lỡ có những hành động quái ác đó thì đều cần được học hỏi rất nhiều để mà Cải Tà Qui Chính, để trở thành Thiện Nhân biết Thương Người Như Thương Mình, biết trân quý, thương xót và biết ơn muôn loài, muôn vật vì sự sống còn của chúng ta không thể thiếu sự liên hệ mật thiết với Vũ Trụ Vạn Vật này được!

Tại sao chúng ta lại thiếu suy tư, không chịu đặt địa vị của chính mình vào những vị Súc Sinh: Heo, Bò, Gà Vịt v.v... nhất là triệu, triệu những Gà Tây đã và đang bị giết chóc một cách dã man, đau đớn, thống khổ vô cùng tận không bút nào tả xiết!

Chúng ta trân quý mạng sống của chính mình, chúng ta đều muốn sống và không muốn những nước mắt, đớn đau và chết chóc thì họ cũng muốn y như chúng ta vậy; Họ không muốn chết, ngay cả những sinh vật nhỏ bé nhất như những con sâu, cái kiến! Chúng ta được làm loài người thông minh hơn họ nên đã ăn hiếp, bắt nạt, đem thân mạng của họ ra mua bán, đổi chác và giết hại để thủ lợi cho mình mà quên đi sự xin phép xem họ có bằng lòng hay không?

Sự việc ác độc sát sinh này làm rung động đất trời! Chúng ta đã tự gieo gió thì cũng lại chính chúng ta phải gặt bão. Chúng ta tự tạo Nghiệp

nào thì sẽ tự chiêu cảm để thọ lãnh nghiệp quả đó! Còn nếu không muốn những nghiệp báo sinh tử ấy nữa thì cũng lại tự chính chúng ta cứu chúng ta bằng cách sám hối thề bồi ngưng và không bao giờ làm những hành động vô minh điên đảo, tội lỗi ấy nữa thì mới xong.

Tóm lại như đã nói ở trên, Lễ Vu Lan, Lễ Tạ Ôn, Lễ Bố Thí Cúng Đường có muôn ngàn cách, trừ những cách quá vô minh còn ngoài ra tùy hoàn cảnh dùng cách nào chẳng nữa mà đều bằng một cái tâm kính cẩn, chân thành, khiêm cung, tinh khiết thì những vật dụng được dùng để Tạ Ôn ấy dù là vật chất hay tinh thần cũng đều đã đầy đủ ý nghĩa cho một Lễ Tạ Ôn rồi, miễn sao chúng ta đừng có Ý Niệm Trụ Chấp trong việc Tạ Ôn là đem so sánh các món vật dụng đang được dùng để làm Lễ ấy là to hay nhỏ, nhiều hay ít, quý giá hay vô giá, sang trọng hay nghèo nàn v.v... đừng phân biệt, đừng so sánh gì cả thì việc Tạ Ôn ấy sẽ tự Vô Ngã và cũng tự động “Ba La Mật” là cái phước báu cùng khắp hư không, cái phước báu vô lậu này dù không cầu mong nó vẫn có và tự đến với chúng ta.

Đó quả là một sự bình đẳng tuyệt vời, vi diệu thâm sâu của Chân

Lý. Vậy thì tất cả những ai trong cảnh bần hàn không còn bị tự ti mặc cảm với những món quà đơn sơ được dùng trong buổi Lễ Tạ Ôn như: một nén nhang, một đóa hoa, một đánh lễ, thậm chí một ánh mắt hay một nụ cười thôi cũng là quá đầy đủ không một sơ hở nào để còn phải áy náy nữa.

Hôm nay:

- Bằng một nén tâm hương cũng là một đóa hoa tâm chúng con xin kính dâng lên Chư Phật Tổ, Chư Hiền Thánh Tăng để Tạ Ôn.
- Bằng một nén tâm hương cũng là một đóa hoa tâm chúng con xin kính dâng lên Tổ Tiên, Ông Bà, Cha Mẹ Cửu Huyền Thất Tổ, cùng các Vị Thầy, các Vị Thiện Tri Thức để Tạ Ôn.
- Bằng một nén tâm hương cũng là một đóa hoa tâm chúng con xin kính dâng lên họ hàng Nội Ngoại, Bạn Bè Thân Sơ, Kẻ Ân Người Oán để Tạ Ôn.
- Bằng một nén tâm hương cũng là một đóa hoa tâm chúng con xin kính dâng lên các Vị Anh Hùng, Liệt Sĩ, các Vị Chiến Sĩ

Vô Danh, các Vị Anh Thụ đã hi sinh cho Lý Tưởng Quốc Gia Dân Tộc để Tạ Ôn.

- Bằng một nén tâm hương cũng là một đóa hoa tâm chúng con xin kính dâng lên Muôn Loài, Muôn Vật Hữu Tình, Vô Tình, Hữu Hình, Vô Hình để Tạ Ôn.
- Bằng một nén tâm hương cũng là một đóa hoa tâm chúng con xin kính dâng lên để Tạ Ôn các vị súc sinh heo, bò, gà vịt v.v... nhất là các vị gà tây đã và đang hi sinh, bỏ thí mạng sống của mình để nuôi mạng sống chúng sinh trong suốt Mùa Lễ Tạ Ôn, kéo dài đến Lễ Giáng Sinh, Tết Tây và v.v....
- Chúng con xin nguyện cho toàn thể chư vị quá vãng, không phân biệt tôn giáo, chủng tộc, nòi giống, là người hay vật của quá khứ, hiện tại, vị lai đều được Siêu Sinh.
- Chúng con xin nguyện cho toàn thể chư vị hiện tiền được sức khỏe dồi dào, thân tâm thường lạc, tinh tấn tu hành để tiến tới Chân Thiện Mỹ.

ĐAM MÊ

*Nắng ngủ vùi công viên ghé đá
Cát bụi hoen mờ giọt tình ta
Nỗi đam mê nào là tất cả
Bây giờ còn lại ta với ta.*

HỒ HƯƠNG LỘC



MÙA LỄ TẠ ƠN

Trịnh Gia Mỹ

- Ông Hai ơi, có thêm mười con nữa chưa?

Người bán hàng hỏi vọng vào. Ông lắc đầu, nói hơi lớn tiếng cho phía ngoài nghe:

- Chưa, hai mươi phút nữa.

- Vậy bây giờ có bao nhiêu?

Ông đi dọc theo dãy hành lang ngắn và nóng hừng hực. Vừa nhìn vừa đếm. Những hàng móc sắt treo gà và những con gà đang xoay tròn trên một lò quay dài, rực lửa:

- Chỉ mới được ba thôi.

- Vậy thì cho ba con ra trước đi.

Ông với tay lấy cái khay nhôm đặt những con gà vào, mang ra ngoài. Khách xếp thành hàng dài, chuyện trò lao xao. Có vài tiếng cần nhần nhưng ông không quan tâm mấy vì nghe đã quen. Người bán hàng ghé vào tai ông, nói nhỏ:

- Cho ra hết đi, không cần vàng lắm đâu!

Ông gật đầu rồi trở vào trong. Lò quay hừng hực lửa làm ông cảm thấy mặt mày nóng bừng. Những giọt mồ hôi theo nhau chảy xuống. Năm nào cũng vậy, trong tuần Lễ Tạ Ơn là ông không bao giờ được hờ tay. Công việc bận rộn từ lúc mờ sáng cho đến chiều tối. Gà và gà. Gà ở khắp nơi đưa về. Gà chất thành đống, cao như ngọn núi nhỏ. Núi gà. Những con gà nằm chổng chơ, phó mặc cho con người hành hạ, tung ném. Ông nghĩ, những con gà này có thời đã từng đá nhau thừa sống thiếu chết. Có thời đã từng mổ đầu tranh giành nhau từng miếng ăn. Có thời đã xem nhau như thù địch. Giờ đang tro thân trần trụi, buông xuôi đến tội nghiệp. Ông liên tưởng đến cuộc đời quanh ông. Người ta đang bon chen, đang giành giật, đang lừa đảo nhau

trong đời sống. Không biết có một lúc nào đó, họ nhận ra được rằng trong cái nhiễu nhương thường trực của cuộc đời, có lúc họ cần nhau lắm không? Có lúc họ cần nương tựa nhau; không phải khi nhắm mắt xuôi tay như những chú gà này, mà ngay cả trong lúc họ đang cùng nhau chung sống không? Và không biết có một lúc nào đó, họ có chợt nhận ra được rằng họ cũng cần thương yêu nhau, không phải vì cái tính toán cá nhân vật vãnh, mà vì cái bản tánh thương yêu và cần được thương yêu đã có sẵn trong họ ngay từ lúc mới chào đời không? Và chợt dừng, ông cũng nhận ra rằng chính ông đang mưu cầu cuộc sống cá nhân mình bằng thân mạng của những người thân thiết đang ở chung quanh.

- Có thêm con nào nữa chưa, mang ra nhanh lên đi ông ơi!

Tiếng người bán hàng bên ngoài lại thúc dục, ông đi vào lò quay, với tay lấy những khay nhôm và tháo những cái móc sắt...

Ngày nào cũng vậy, từ sáng đến trưa không lúc nào hờ tay. Mùa Lễ Tạ Ơn người ta thích đặt gà quay để biếu nhau, để gia đình có một buổi họp mặt quây quần thịnh soạn. Ông đi dọc theo dãy bếp, những con gà đang quay tròn theo vòng sắt, căng phồng làn da mỏng im lìm, chịu đựng. Những giọt mỡ trào ra, rơi xuống lò lửa đỏ tạo nên những âm thanh nghe ròn rợn như tiếng rên rỉ, bi ai. Bất giác ông giật mình, nghĩ những con gà này đang hứng chịu hình phạt của địa ngục trần gian mà ông là người đang tạo ra cái địa ngục đó! Người ta đang ỷ mạnh, hiếp yếu. Người ta đang cướp đoạt mạng sống của những chú gà để thỏa mãn cho

sự hưởng thụ của riêng mình. Ông nhớ đến thời tuổi nhỏ giữa vùng thôn quê êm ả. Mọi người bắt đầu một ngày của mình bằng tiếng gà gáy ó o mỗi sáng và sửa soạn đi ngủ những khi gà đã vào chuồng. Con gà tự nhiên có nhiệm vụ là cái đồng hồ báo thức cho những người dân trong xóm. Ông cũng nhớ hình ảnh gà mẹ đang rộng đôi cánh ra che chở cho đàn con khi trông thấy điều hâu trên cao. Từ đó ông học được một điều là dường như tạo hóa sinh ra những người mẹ là để hy sinh, che chở cho con và thương con. Tình thương của mẹ rộng lớn vô tận không có gì so sánh được, cũng không có gì đền đáp được. Tình thương đó không cần học mới biết, cũng không phải do ai ban phát cho mới có; mà tình thương đó đã có sẵn ở mọi người, mọi vật. Tình thương đó là bản tánh tự hữu của muôn loài.

Người bán hàng cười vui như thể gặp được vị cứu tinh khi thấy ông mang những khay gà quay vàng ươm ra ngoài. Có tiếng tranh giành lao xao, và tiếng người bán hàng can gián... “thôi, chịu khó chờ thêm chút nữa đi quý vị ơi, gà còn nhiều lắm mà, đừng có lo, ai cũng có đủ hết...” Xen lẫn giữa những âm thanh ồn ào là giọng nói trong veo của một đứa trẻ hỏi người cha:

- Sao con gà nằm im vậy Bố?

- Tại nó chết rồi!

- Ai làm nó chết hả bố?

Người cha đưa tay chỉ về phía ông:

- Ông này nè, ông này làm cho nó chết.

- Nó chết có đau không hả bố?

- Đau.

- Sao ông làm cho nó đau vậy

bố?

- Tại ông cần quay nó để bán.
- Ông bán nó làm gì hả bố?
- Ông bán nó cho người ta ăn

thịt.

- Sao người ta không thương nó hả bố?

Người cha gạt ngang:

- Thôi, không hỏi nữa...

Đứa bé đứng im, giương đôi mắt tròn đen xốt thương nhìn lên quày tính tiền, lại nói:

- Con gà nó dễ thương quá hả bố? Sao người ta ác với nó vậy bố?

Ông ngần ngừ một chút rồi quay trở vào trong. Những con gà nằm chõng chơ, chõng chắt lên nhau. Ông lấy gia vị ướp lên những xác gà để chuẩn bị cho đợt quay tới, chợt nghe rất bỗng ở ngón tay út; ông nhìn xuống, một vết xước rướm máu chạy dài giữa ngón tay. À, chắc là khi làm việc vội vã ông đã vô ý đụng vào đầu đố mà không hay. Ông lấy tờ giấy lau vội gia vị còn vương trên ngón út rồi đi rửa tay. Vết xước có một chút xú vậy mà đã làm cho ông xốn xang, còn những con gà thì sao? Ông nhớ đôi mắt đen láy ngây thơ và những câu hỏi của chú bé con lúc nãy. Những con gà này cũng biết đau

vậy, cũng có tình thương yêu và cần được thương yêu vậy, cũng có những ham muốn được sống còn như con người vậy! Chúng cũng có những tình thương sẵn có để che chở và hy sinh cho gà con y như loài người vậy. Chỉ khác có một điều là chúng không nói được như người, chúng yếu đuối và không được thông minh, lanh lẹ như người. Người ta đã lợi dụng sự thông minh và sức mạnh sẵn có để giết hại biết bao nhiêu gà cho sự mưu cầu cuộc sống của họ, trong đó có ông. Ông mừng tượng đến luật nhân quả, chao ôi, giết gà thì kiếp sau sẽ đầu thai thành gà và cũng sẽ bị người ta giết ăn thịt y như những gà này! Tránh sao cho khỏi? Ông chợt nghe một luồng khí lạnh chạy dọc theo sống lưng. Trong số những chú gà này, biết đâu lại chẳng có vị đã từng là ông bà, cha mẹ, bà con họ hàng nội ngoại bao đời bao kiếp của ông? Mà trong cuộc đời, nghĩ cho cùng, vì luân hồi nghiệp báo cho nên ai đã chẳng là ông bà, cha mẹ, họ hàng của mình? Ăn thịt những vị gà này, chẳng khác nào ăn thịt những người thân yêu của mình?

Ông chấp đôi tay lên ngực, cảm thấy một niềm hối hận dâng lên tràn

ngập. Ông biết rồi, ngày mai ông sẽ xin với chủ không làm việc này nữa. Ông sẽ kiếm một việc làm nào đó vừa có lợi ích cho người khác mà cũng vừa có lợi ích cho cuộc sống của chính mình. Bởi vì giết hại và làm đau kẻ khác không phải là mục đích của loài người.

Chú bé ơi, cảm ơn những câu hỏi ngây thơ của chú. Cảm ơn cái tâm hồn trong trắng tinh mơ của chú. Lúc nhỏ chắc tôi cũng đã từng có những câu hỏi như chú, tôi cũng thương yêu mọi loài, mọi vật như chú; nhưng vì những khó khăn của đời sống bon chen, nhưng vì những ích kỷ nhỏ nhen của bản thân mà tôi đã quên đi cái bản tính thương yêu và chia sẻ sẵn có của mình. Cảm ơn chú đã làm tôi thức tỉnh. Cảm ơn chú đã cho tôi nhớ lại những điều tôi nên làm và những điều tôi không nên làm. Chú bé ơi, trong cuộc đời mênh mông biển người này, có mấy ai để ý mà hỏi sao họ lại nhẫn tâm làm đau những kẻ yếu đuối và cô thế hơn mình như họ đang làm với những vị gà tây vô tội, phải không chú!

VI TRẦN

*có một chấm như vi trần
lầm lem ta từ tiến kiếp
có một người đem mùa xuân
ươm vào mộng ta rất đẹp
 nắng xa chiều, hạt bụi rơi
 trên thời gian theo con nước
 sông chia bờ chảy giữa đời
 tình xa người, ta lợi ngược
khi mái tóc không rẽ ngôi
bàn tay nào biết cảm lược
chải cho xanh nhánh mộng đời
chuyện tình yêu mất và được*

thơ LÂM BÍCH NHY

*cũng là bụi, là mộng thôi
có lẽ vì ta nhút nhát
khi hạt bụi vỡ làm đôi,
vỡ làm ba vẫn khao khát...
 có ba chấm như vi trần
 lăn theo ta mãi về sau
 có một người còn bắn khoăn
 e ngại ta trái tim đau...
có câu hỏi về hạt bụi
đã bao lần... ướt mắt ta?
(có hạt bụi còn chưa thôi
đã bao lần xốn đời ta...)*

NHỮNG GIÒNG SÔNG CẠN NƯỚC

Biện thị Thanh Liêm

Như vậy! Tôi đã rời xa thành phố. *Saigon*, thành phố mà tuổi trẻ của tôi đã khôn lớn trưởng thành. Và đó cũng chính là thành phố, như cái nôi ấm áp đã nuôi dưỡng thương yêu cho niềm tin rực sáng, soi thấu những khổ đau hơn nửa phần đời long đong trôi giạt. Giòng sông cuộc đời không êm ả như tuổi nhỏ mộng mơ. Có lúc, cơ hồ như con nước cạn nguồn. Chơi vơi. Hụt hẫng.

Như vậy! Cũng có nghĩa là tôi đã xa chàng. Thêm một đoạn đường nào đó. Cuộc chia tay không có lời từ giã. Trại tập trung Long Thành. Kê về và người ở lại. Tự nhiên. Không thắng thoát. Vì tất cả, phải đợi chờ nghe ngóng... Sự sống đã không còn do nơi mình định đoạt.

Cuộc trở về (quê hương) không hò hẹn. Nên không có nỗi mừng vui nôn nả và nước mắt đường như cũng không thể rơi vì nỗi buồn đã chín héo, khô cằn.

Như vậy! Cánh rừng quá khứ đã khép lại. Cái quá khứ mà mới đó như xưa cũ trăm năm. Vì mọi thứ đã đổi thay, đã mất tấm dấu tích. Con người sống như sự một vay mượn thăm thương từ cái hiện tại hỗn mang, kỳ quặc. Những bước chân cũng trở nên bất định, ngẩn ngơ. Cái bất định của những chuyến ra đi thắng thoát. Không biết trước nơi mình sẽ đến hay chốn mình phải đi. Ngẩn ngơ trước cảnh đời như từng phút giây đổi thay lạ lẫm. Con người đã trở thành thứ trò chơi nhỏ nhoi vô cùng trong bàn tay thênh thang của định mệnh.

Nếu phần đời trước đó như một thiên đường đã vỡ, hiện tại chỉ là những ngóng nghe từ cuộc sống với may rủi bất ngờ thì đời sống cũng bỗng dưng bị thu hẹp lạ lùng. Trí tưởng cùng lúc lại mở ra một cánh cửa khác. Người ta tự vỗ về mình trong những đợi chờ vô vọng. Không còn thể tìm được mình trong hiện tại. Tương lai chỉ như mớ ảo tưởng xa rời phù phiếm...

Như vậy. Tôi cũng thể thôi. Không có cách để người ta chọn lựa cuộc sống theo ý mình. Con người đã biến thành một tù nhân của ảo giác chính mình khi sau “những ngày tháng tận cùng” năm 1975 người ta gọi “miền Nam là một nỗi bất hạnh” trong muôn ngàn những bất hạnh lớn lao. Tôi không thấy tôi trong hiện tại... Cũng chẳng nhìn ngắm được mình trong tương lai. Mà chỉ nhận ra mình trong quá khứ. *Sống*. Rốt cùng như một cuộc độc thoại dài. Nao nề, bức bối.

Tôi thấy những bạn bè, thầy cũ, trường xưa. Như một náu bắt rờ ràng cho những ngày tháng cũ. Có tôi có chàng trong ấy. Cùng xông xáo trong nắng hạ của những sáng Giảng Đường những chiều Hội Quán, về Văn Khoa một thuở an bình, chất ngất đam mê của một thời tuổi trẻ thích dần thân cho lý tưởng... Làm sao trong đời người ta có thể quên những lỗi đi đượm màu cỏ mướt, khi bên tai như vẫn còn nghe cả tiếng hát của bầy chim vừa rời tổ, khê khàng? Gió đồng nội hay gió của quê hương ngát thơm lúa chín những ngày đầu

mùa gặt. Mùi hoa trái và nước sông tinh khôi trong những sớm đầu xuân như nụ cười ngu ngơ con gái, tràn đầy hương mộng...

Vậy là, khi đi tù ở trại tập trung Long Thành về, tôi không thể biết nhà chàng để tới thăm mẹ chàng, an ủi bà như tôi từng an ủi mẹ tôi, những người đàn bà như bơi trong cùng một nhánh sông buồn tủi. Để vỗ về em gái chàng như tôi đã thấu hiểu được tôi, những đứa con gái chột đời lúc cũng thật lạnh lùng, cứng cáp vì đã thiếu cả chị lẫn anh.

Tôi hiểu mẹ, cõi mở và thân tình với các bạn trai của con. Nhưng mơ hồ trong mẹ, có vương vấn chút xót xa nào đó với cái nhìn khe khắt về hình bóng một người đàn ông sẽ là chỗ tựa nương cho con trong dự tưởng, dù biết rằng tôi là đứa con gái với cá tính mạnh mẽ và tự tin nhưng mẹ cũng muốn tôi nghe theo lời mẹ dạy, là con gái không nên đến nhà... con trai vì chòm xóm láng giềng sẽ lắm điều dị nghị.

Tôi theo mẹ về lại quê hương ấu thời. Bấy giờ cũng đã khác. Tất cả đã đổi thay, như già cỗi như mồi mòn với những niềm đau bất ngờ phủ chụp. Ruộng đồng bị chia phân tan tác vì mọi người trong những tháng ngày ấy bằng mọi cách phải bám xiết đất đai theo án lệnh “lao động vinh quang.” Tôi phụ mẹ nuôi đàn em nhỏ, mỗi sớm mai cùng mẹ ra ngoài chợ huyện bán hàng tạp phẩm. Tôi nghe mình vui, nỗi vui bình dị khi ngồi bên mẹ chia xẻ những đồng tiền

chất chiu từ phiên chợ đầu ngày. Cũng như lòng chợt reo bên bếp lửa chiều hôm khi lũ em hân hoan với nồi cơm... quên đói. Nhưng tôi biết, tận trong cõi lòng của mẹ của tôi là hai bến bờ của những nỗi buồn thăm thẳm như những giòng sông cạn nước, đã mất tấm dầu tích. Mẹ tôi như chiếc bóng bên đời, chợt hắt hiu xơ xác. Vì ba tôi đã khá nhiều thay đổi. Ba uống rượu giải sầu như người ta uống nước. Ba hát nghe ngao như cuồng sĩ hận đời. Ba chửi cả họ hàng những người đi theo “cách mạng.” Ba dùng rựa chém rập những ngọn tre trên đường vào huyện. Và ba giận dữ với đôi mắt đỏ au, ba gào xiết với thân hình đồ gập. Ánh sáng như không còn, chỉ có bóng đêm như sẫm màu u uất.

Những cảnh đời vỡ nát cứ như

khúc phim quay lại nhiều lần trong đời sống. Buồn tẻ não nề. Đường như trong đêm hôm, tôi nghe tiếng bàn tay của mẹ khô khốc nắm kiết nắm bàn tay tôi, lạnh ngắt nhỏ nhoi. Tôi cần rằng cho nước mắt không rơi. Và nước mắt đã chảy ngược vào lòng nằm đóng băng chết cứng. Tôi biết tôi đang tập bơi với mẹ trong nhánh sông buồn thẳm của cuộc đời. Như hai kẻ đồng hành về cùng hình ảnh người đàn ông. Lòng mẹ giờ chỉ còn chút âm hao tưởng tiếc những ngày qua, đã mất. Cuộc chiến tàn, cũng có nghĩa là cuốn trôi đi bao điều mà mẹ ước mơ về đàn con vừa lớn. và lối phăng hình ảnh của người đàn ông mình từng ngưỡng vọng trông chờ. Còn tôi thì cứ chăm chút cứ ước mơ về bóng ảnh của một ngày tao phùng hạnh phúc. Cứ lắng

nghe những tín hiệu như rất mỗi mồn từ đời sống, về lớp người đã ra đi. Biền biệt. Những địa danh lạ lùng như Suối Máu, Trảng Bom hay Mật khu Rừng Lát... đã trở thành là nỗi ám ảnh khôn cùng trong trí tưởng của tôi về chàng, về những người thân và những bạn bè. Bây giờ tôi không biết chàng đang ở những đâu? Có biết là tôi đang trôi giạt về tận thôn làng? Đầu con hẻm lớn nhà chàng, mấy lượt tôi đứng đó, ngẩn ngơ buồn... phân vân không biết mình phải rẽ lối nào. Tôi ngóng mong một bất chợt nào đó, bạn bè sẽ tìm đến báo tin chàng. Nhưng không. Hai năm. Tôi sống lặng thầm bên mẹ như hai cái bóng, cùng tựa nương nhau bên đời. Nghiệt ngã...

IM LẠNG SÂM SÉT

“Ngược xuôi nhớ nửa cung đàn
Ai mang quán trọ mà ngăn nẻo về”*

*Người một vị cao Tăng thạc đức
Nước Việt ta có những nhân tài
Mà người là có một không hai
Một tu sỹ, một nhà văn hóa lớn
Suốt đời người vì tình hoa nước Việt
Vì giang sơn đạo pháp nhiệm mầu
Con người Thầy là cả một chiều sâu
Ôi hun hút, mắt sáng ngời thiên nhân*

*Người từ bi và rộng lượng vô vàn
Tù chôn thân không một tiếng vang
Mà lại bảo: đấy chỉ là “quán trọ”*
“Như sương mai như bóng chớp mây chiều.”*
Cuộc đời này ôi sao quá đỗi hiu
Thì người đến bằng tình thương, trí tuệ
Bằng bao dung, tha thứ trong cõi mê
Hạnh nguyện ấy là của hàng Bồ Tát*

*Hương của người ôi sao mà bát ngát
Con cúi đầu đánh lễ bậc Minh sư.*

Sacramento 10-2007
(Nhân đọc Bản Lên Tiếng của Văn Nghệ Sĩ Tự Do)

TÂM THƯỜNG ĐỊNH

* Thơ của bậc Minh sư - Tuệ Sỹ

VÔ VỊ CHÂN NHÂN

Toại Khanh



- Đây xuống đó không xa nhưng bất tiện đường sá đồ cầu, có lẽ mỗi năm con chỉ có thể về thăm thầy một lần thôi. Xin thầy bảo trọng và khi có chuyện cần, xin nhờ người nhắn tin gấp cho con. Chậm lắm cũng trong hai ngày là con đã về tới rồi.

- Cám ơn con, ta thấy vậy nhưng không sao đâu. Quanh ta bây giờ còn có các huynh đệ khác của con. Điều quan trọng là ở đâu và lúc nào cũng hãy nghĩ là có ta bên cạnh. Đừng lo lắng gì, con lớn rồi, trước sau gì cũng phải xa thầy để đi làm cái gì đó. Đạo nghiệp của chúng ta không phải chỉ có chuyện truyền thừa tại chỗ, mà còn là hoằng hóa muôn phương nữa. Con nhớ chứ!

Gió đêm mơn man quanh thảo bạt như để mang đi câu chuyện trao đổi của hai vị sơn tăng ra khắp núi rừng. Nhà sư trẻ cúi chào lão hoà thượng lần nữa rồi bước xuống chân thang. Đi được vài bước, thầy nghe tiếng sư phụ đằng hắng:

- Quên nữa, con cũng nên đến chào lão Câmlần cuối trước khi đi, xem lão có dặn dò thêm điều gì...

- Thưa, phải ạ, bạch sư phụ, có lẽ là vào hôm con đi ạ!

Lao sơn là một ngọn núi cao nhất trong vùng, nhưng khách xa đến viếng hầu như không chú ý đến chiều cao đó. Với họ, cái bắt mắt nhất vẫn là một ngôi cổ tự nằm cheo leo bên sườn núi với một mái ngói cong vút như lưỡi đao và những hành lang bằng gỗ như gắn hờ trên vách đá thẳng đứng nhìn qua đã thấy chóng mặt. Chẳng biết người khai sơn xưa kia đã nghĩ gì khi chọn lấy chỗ hiểm địa kỳ khu thế này, nhưng

rõ ràng ngôi chùa hiện tại đã là chốn danh thắng nổi tiếng, dù nhiều người chỉ có thể đứng nhìn từ xa. Và ngắm trăng từ sơn tự Lao Sơn là một kỳ thú của bao cao sĩ mặc khách quanh vùng.

Nhưng đối với một ít người trong số đó, hấp lực của Lao Sơn chính là một thảo xá tồi tàn nằm trotrọi dưới chân núi. Chủ nhân là một tiểu phu tóc trắng mà người quen biết vẫn gọi là lão Câml. Hiếm người nghe thấy lão mở miệng bao giờ, nên hầu hết cứ gọi là lão Câml. Lâu ngày, những người biết chuyện cũng gọi lào như thế. Kỳ thực, lão chỉ là người thậm ít nói, khi nói cũng không mấy lời và chỉ phá lệ mở miệng với rất ít người. Đã vậy, lời lão giản phác như gió rừng, mơ hồ như sấm ký. Có điều, càng ngắm nghĩ càng thấy kỳ lạ, xài đâu cũng được, hiểu sao cũng xong.

Đặt nhẹ tay đẩy hành lý xuống đất, Tâm Huyền hắng giọng gọi khẽ:
- Lão trượng! Tâm Huyền đến chào biệt ông đây, mai một chắc là ít có dịp gặp lại ông.

Lão Câml đang ngồi xoay lưng ra ngõ và hì hục nặn đất làm thứ gì đó, như là mấy cái nồi gốm. Ông quay người lại, nheo mắt nhìn:

- Chào thầy, lại đi à? Bao xa? Bao lâu?

- Dạ, sau hôm mãn khóa, hòa thượng dạy tôi xuống Dã Trần dựng chùa. Lần đầu đảm đương chuyện này một mình cũng thấy bất an. Ngài bảo tôi đến gặp ông.

- Đội ơn hòa thượng xem trọng lão, lão không dám đâu thầy.

- Chuyến này đi xa chỉ có một

mình, cũng có chút bồi rối, nếu có được đôi lời của ông thì tôi chắc dạ hơn...

Lão Câml vo ve chút đất thỏ trong tay, mắt nhìn xuống, thông thả:
- Từ chỗ không chi mà có được chút gì đã khó. Khi có rồi lại đủ sức trở về với cái không chi một cách bình tâm thì càng khó hơn. Nhưng cả hai việc khó ấy đều là chuyện phải làm.

- Xin lão nói rõ hơn ạ!

- Dám vô danh khi có thể hữu danh thì phải là bậc đại hùng. Ai cũng có thể nói câu *'sự thành thân thoái,'* nhưng không phải ai cũng có thể đứng trong bóng đêm mà vun xén cho đời. Nói nhẹ nhàng thì cũng vì tiếc công. Chỉ có bậc đại nhân mới có thể đứng sau thiên hạ mà quên mất công tích của chính mình. Niềm vui đó lớn lắm, vì tri kỷ của mình lúc đó phải là bậc đại hiền. Hàng cao sĩ mới nếm được cái thú cao nhã này. Nhưng nói gọn lại thì gì cũng chỉ là bè cò qua sông!

Một khách tăng xem chừng cũng người uyên bác đến Lao Sơn cầu pháp với hòa thượng. Gặp lúc khó ở trong người, ngài chỉ tiếp một buổi rồi cáo bệnh để nhập thất tĩnh dưỡng sau khi gợi ý vị này xuống gặp lão Câml.

Được khách hỏi về các truyền thống kinh điển để xem đâu là Pháp nhữ Phật thân, lão Câml cười bằng mắt:

- Lời Phật xưa là tiếng nói đi ra từ sự thể nghiệm chứ không phải tưởng tượng, và vì nhắm thẳng kẻ hữu duyên nên gãy gọn và thâm hậu

như những tâm ẩn xuyên thấu lòng người. Người hậu học hôm nay nếu có thiện duyên vẫn có thể nhận được những huyền nghĩa đó. Thế Tôn biết chỗ phải đến là đâu nên tuyệt chẳng cần chỉ thứ ngôn phong lý luận khoe mẽ của loài một sách vốn đầy dẫy trong các ngục thư. Ngữ khí của ngài có cái hùng lực tự nhiên của sấm sét. Xưa nay các làn chớp trên trời chỉ đơn giản một hình rẽ cỏ mà uy lực khôn lường. Những trò hí luận của phàm phu chỉ là dấu hiệu của những cơn phản kích trên từng sở đắc cá nhân. Một số kẻ giống người lượm củi tình cờ tìm thấy một hang động ẩn khuất đã thơ ngây nghĩ mình là người duy nhất phát hiện ra cõi riêng màu nhiệm ấy. Họ nhát nhạnh, lấp ghep và tô vẽ chút ít rồi tự xem là một thành tựu. Hí luận của phàm phu từ đó lan man sa đà rồi lạm phát nguy hiểm. Ngưu tầm ngưu và mã tầm mã, trẻ con ham chơi cứ tìm đến với nhau mà quên chuyện khôn lớn. Chúng tung hô nhau bằng những trò cờ lau tập trận rồi thậm xưng nọ kia là những quân công chiến tích, người danh tướng để ta anh hùng.

- Xin hỏi nếu bỏ đi những gì có vẻ đơm đặt của đời sau thì liệu phần tinh khôi còn lại có quá ít ỏi chẳng?

- Những thứ thiết yếu cho sinh mạng con người có thể chỉ đơn giản vài thứ như cơm nước, rau trái, nắng gió. Ít chẳng? Liệu ta có chịu ăn, chịu thở đúng mức những thứ căn bản đó để nên vóc nên hình hay chưa mà lại đi tìm thêm những linh đơn bí dược để thiên hạ thêm nguy cơ ngộ độc. Trong từng thứ hoa xuân, lá hạ, sương đông vốn đã có đủ đất trời huyền hữu. Ta đã chịu thấm thía hết mình với chừng đó bài học chưa mà lại ham chuyện chuốt lục tô hồng thực tại để mong tìm ra những phương trời lạ chỉ khiến mất thời gian. Nếu mọi sự chỉ là nổi ngộ nhận riêng mang thì đã là đáng trách, nói chi việc cố ý dối thế gạt người lại càng nặng tội lắm thay. Bị kịch lớn

nhất của thời mạt pháp là nhiều mà cứ thiếu, khi thánh hiền xưa ít mà vẫn đủ!

- Xin hỏi liệu đơn giản như thế có thể thích ứng kịp thời với lòng người hôm nay và nên chăng một hình hài mới mẻ cho Phật Pháp như là phương tiện hoằng đạo?

- Áo hóa cả thôi. Và hãy cẩn trọng kéo bày ra được mà không dẹp được. Phàm phu có làm sao cũng không ra khỏi bàn tay đức Phật. Lời ngài dù chỉ ít như một nắm lá cũng thừa chỗ cho ta nghìn kiếp ruồi dong. Một hơi thở có bi có trí cũng là cánh cửa dẫn vào đất Phật. Chừng đó vẫn chưa đủ chẳng? Hai bàn chân bé bỏng của ta có thể cùng lúc đặt lên được bao nhiêu con đường chứ. Thấy trọn vẹn một thứ sẽ gặp gỡ bao thứ khác. Muốn nhặng cuội để lập giáo ư? Để làm gì và cho ai? Nhặt vôi dăm chiếc lá trong vườn Phật để ghép một bức tranh rồi vung vít mao nhận mình đã tạo ra một sơn hà riêng biệt liệu có nên chăng? Đó là chưa nói đến những cam bẫy tàn độc của ai đó muốn gây nên cảnh huynh đệ tương tàn mà đối tượng đầu tiên của họ là những tâm hồn nông nổi ưa nhãn hiệu. Thịnh thoảng cũng có người hiểu được sự tình thì cũng vì mặc cảm cá nhân mà đành suốt kiếp đuổi theo mũi lao đã phóng.

- Xin hỏi nếu thêm thắt cái mới là chuyện chẳng nên, thì việc lược bỏ đôi điều truyền thống mà giờ xem ra có chỗ lỗi thời, liệu có nên chăng?

- Lời Phật được dạy bằng Phật trí nên chẳng hề có chỗ thiếu, chỗ thừa để có thể thêm hay bớt. Biết sao gọi là lỗi thời? Tập khí của chúng sinh thời nào cũng thế, như bệnh tật hay đói khát là những thứ vốn chẳng có tuổi tác nên trên căn bản, thuốc men và thực phẩm thời nào cũng thế. Và chẳng, lời Phật chỉ mới chừng ấy năm tháng sao lâu bằng được cốt khí phiền não của phàm phu, mà có thể nói là lỗi thời? Như người thời nay có thể vì hoàn cảnh mà phải sinh

hoạt theo thời thế rồi từ đó đôi khi lại thấy Phật pháp có chỗ lỗi thời, cổ hủ. Nhưng chuyện thực không như họ nghĩ. Chẳng hạn một mảnh bạc vụn hay miếng bánh nhỏ cất lại qua đêm vốn chẳng được phép. Luật ấy chừng như có chỗ khắt khe quá đáng, nhưng ngẫm mà xem, lòng phàm làm sao tự biết giới hạn. Giữ được chút ít rồi ra có lúc nên cả gia tài. Sa môn khi có sản nghiệp tài vật ai biết được sẽ sinh thêm những chuyện gì. Lên cao một chút, bất luận sở đắc nào khác dù thuộc tính thần cũng được Phật cảnh báo là bè cỏ qua sông, dầu đó có là đức hạnh, kiến văn hay thắng trí thiên định, tất thấy đều là của tạm, chẳng được cưu mang tâm đắc. Chỉ một chút bám víu, đạo nghiệp giải thoát còn đâu. Lời Phật kỳ thực chỉ gói gọn trong hai điều giáo hối nên làm và chẳng nên làm. Đã là lầm lỗi biết sao gọi là nhiều, thế nào gọi là ít. Tí lửa cũng đủ cháy rừng. Xét đến như thế thì bàn chi đến chỗ lỗi thời hay cập nhật trong Phật pháp để tha hồ thao túng thêm bớt? Riêng mình có thể vì tội căn mà thôi đoạ, nhưng tuyệt chẳng nên viện lý rồi công khai uồn nắn lời Phật. Nếu các thế hệ cổ đức ngày xưa đã theo thời mà tùy tiện thêm bớt Phật pháp thì dám hỏi cái gọi là kinh điển nguyên thủy mà ta gặp được hôm nay đã có hình thù ra sao?

Nãy giờ khách cứ tròn mắt nhìn lão Cầm, lắng nghe đến như quên thở. Rồi thấy ông bất chợt im lặng không nói nữa, khách sực tỉnh và vẫn ngược nhìn thành kính:

- Lão đáng là bậc long tượng trong chốn tông lâm nhưng xin hỏi vì sao cứ là một cư sĩ ẩn tích thế này để chúng sinh thiết thời tội nghiệp?

Giờ đến phiên lão Cầm nhìn khách ngạc nhiên một lát, rồi thung thình đưa tay phui áo mà trong mắt vẫn như đang có một nụ cười:

- Chắc là kiếp xưa từng có lần phạm tội Ba La Di nên đời này ngại đáp đại y chẳng!

Chủ khách cùng cười lớn một tràng dài. Lá rụng bên hiên. Khách chia tay lão Cầm xuống làng, tình cờ gặp bà lão hàng nước ven đường. Thấy khách ra từ miếng rầy, bà mời một chén nước và hỏi có gặp lão Cầm, ông gặt đầu. Bà lão ra

chiều suy nghĩ:

- Người ngơ ngẩn thật lạ, lão cứ tư mùa lặng thinh như đá núi, ai đối xử ra sao cũng không nói gì. Sống nghèo một mình trong góc núi, có lẽ lão buồn quá rồi hóa cuồng chăng?

Khách lắc đầu, mắt nhìn về phía

núi:

- Nếu có cuồng thì là ai khác chứ không phải lão Cầm đâu bà ạ. Với riêng ta, giữa thời mạt pháp này, người như lão đúng là Vô Vị chân nhân đấy, thưa bà!

Thơ MINH NGUYỆT

Mùa Thu Hải Đảo

Buổi sáng Hawaii biển rất êm. Trời trong mây trắng quá êm đềm. Anh đang thơ thẩn trên bờ cát. Cát mịn đọng đùa qua gót chân.

Buổi sáng nào xa nơi cố hương. Dừng không anh nhớ quá mình. Con sông ngày ấy hồn nhiên lạ. Vườn bưởi hương thơm ngát sân nhà. Con đường trải ngập trăng thôn dã. Cùng với cây đa dẫn lối vào.

Em ra thăm ruộng sương còn đọng. Cánh cò nương gió áo em bay. Đời sao đẹp quá thanh bình quá. Quanh quần hồn anh quỵện nắng tà.

Từ đó... anh làm thân viễn xứ. Bèo giạt mây trôi giữa chợ đời. Quê người luôn có cơn mơ lạ. Dẫn dắt anh về thăm cố hương.

Mười năm viễn xứ buồn tê tái. Lâu quá, quê nhà em có quên? Mùa thu còn lại bên khung cửa. Tình nở trăm năm đóa sen hồng.

Cho anh gửi lại bài thơ cũ. Một thoáng ngậm ngùi hương đã xa. Đời anh chia nhánh sông đôi ngã. Lối hẹn ân tình, ta mất nhau.

*... Buổi sáng Hawaii biển rất êm.
Mênh mông mây trắng với vô thường...*



NGƯỜI Ở TRÊN MÁI NHÀ

Hàn Tâm

Hắn chỉ là một người thợ với diêm phước được ăn trên đầu trên cổ thiên hạ. Công việc của hắn giản dị, đều đặn và nhàm chán. Vậy mà thiên hạ phải ngừng lên mới được nhìn thấy hắn. Và từ trên cao, hắn nhìn xuống để chợt thấy mình cũng nhỏ bé như mọi người khi nhìn từ một góc cạnh nào đó.

Hắn cầm chắc cây xẻng mặt bằng, hậm hực xui tung từng lớp ngói cũ. Nhìn bộ điệu hùng hực của hắn, giống như người quân thúch thời trung cổ, bức dọc quất ngọn roi da trên lưng đám nô lệ lầm lũi đen đúa im lìm không một chút phản kháng. Cứ độ mười phút, hắn lại ngừng tay xẻng, thung dung bước trên nóc nhà nghiêng nghiêng thu nhặt những manh ngói vụn, ném xuống chiếc thùng xe truck đậu chênh chênh bên bờ rào. Hắn có vẻ thích thú với trò chơi mà ngày xưa hắn đã thường nghịch ngợm bên dòng sông cuối xóm. Những mảnh ngói bay bay rồi rơi tòm vào thùng xe tạo nên tiếng động là lạ. Không như thuở đó, hắn đếm bao nhiêu lần viên ngói nhảy trượt trên mặt nước để biến mất dưới giòng sông đen bản. Mồ hôi hắn và ra như tắm dưới ánh nắng hè của buổi sáng còn lâu mới đứng bóng. Cách vài sân, trên thảm cỏ xanh cắt xén bằng phẳng, một cô gái tây phương nằm xấp phoi trần trên tấm vải trắng. Đẹp hay xấu, hắn chỉ có thể tưởng tượng qua mái tóc vàng óng và làn da trắng mịn màng như lớp trứng gà bóc. Vậy mà họ lại muốn làn da tinh khôi ấy sạm màu để có chút cái đẹp giả tạo thoáng

chốc trong vài tháng hè ngắn ngủi.

- Đúng là đàn bà!

Hắn lăm lăm một mình rồi im lặng chưa muốn thốt lên đoạn cuối của thứ cảm xúc đầy ẩn tượng. Khoảng nóc bây giờ trần trụi như cô gái hàng xóm, cả những tấm giấy chống âm đen nhánh cũng đã được lột sạch sẽ chỉ còn lại dăm ba hàng đinh cái cao cái thấp. Hắn với cây búa, mắt lảo liên dò xét từng phân vuông, đôi khi nhỏ, đôi khi đóng, bất chợt không đoán trước, tùy theo từng trường hợp. Hắn chợt phì cười nghĩ đến cách so sánh kỳ quặc về người phụ nữ khi có kinh nguyệt. Cũng nóng lạnh, thất thường khó đoán trước.

Hắn vác cuộn giấy dầu, trải thành một hàng đều sát mép nóc nhà. Cầm dụng cụ đóng đinh nẹp, giáng liên tu bất tận xuống những diêm đã được vạch sẵn trong óc theo thói quen nghề nghiệp. Bây giờ, "cô nóc nhà" hoàn toàn dấu kín trong lớp áo đen nhánh, cổ kính, xấu xí và ngu xuẩn như người đàn bà Trung đông quen thuộc thứ tập tục tôn giáo khắt khe kỳ lạ. Hắn lại nhớ đến cuộc đàm thoại với hai vợ chồng chủ nhà.

- Theo đúng nguyên tắc thì chỉ phải trải ba "bộ anh" phần sát mép nóc thôi, nhưng nhiều người vẫn muốn trải hết cả nóc nhà như thời xưa. Tùy anh chị, muốn sao tôi làm vậy!

Hắn chậm rãi lập lại câu nói quen thuộc của một người đang làm nhiệm vụ kiểm com. Nhìn ông chồng đạo mạo dưới lớp kính cận dày và bà vợ còn trẻ không có phần cân xứng

tuổi tác.

- Theo anh thì cách nào tốt hơn? Anh trong nghề chắc hiểu rõ hơn tôi!

Người chồng diêm đạm hỏi đầy tính cách hiểu biết.

- Thực ra cũng khó nói anh ạ. Trải hết thì mặt ván ép bột nóng sẽ bền hơn, nhưng lại hay bị đọng hơi nước. Mấy ông kỹ sư xây dựng cho rằng nên để hở phần trên để giữ độ khô của ván. Còn tốn kém hay công thì chẳng có gì, chỉ chênh nhau hai, ba chục tiền giấy dầu thôi.

Hắn còn định nói thêm cho trọn bài bản của một người thợ ngửa tay nhận tiền thì cô vợ đã chen vào:

- Anh trải hết đi anh! Em thấy nhà kia cũng trải hết, chắc tốt hơn.

- Vâng, tùy chị.

Hắn trả lời gọn gàng, không phản đối, không thắc mắc. Muốn sao được vậy. Hắn đã quen và đã thất bại nhiều lần nên học được một kinh nghiệm giản dị. Hãy làm những điều bà vợ yêu cầu, ý kiến chủ nhân ông chỉ là thứ sao y bản chính chưa được đóng dấu. Người chồng vót vát một câu:

- Em cứ thích bịt kín mít, còn gì là đẹp!

Người chồng nheo mắt nhìn hắn như chứng tỏ bản tính chiều chuộng vợ của mình. Người đàn ông Á Châu thường cạo râu nhẵn nhụi, chẳng ai phiền hà đến chuyện râu vênh râu quặp. Hắn cũng bình thân ngó lơ ra cửa, chẳng có gì lạ trong vai trò quyền thế của một gia đình Đông phương.

- Mai tôi làm sớm, bắt đầu từ 5 giờ sáng. Tôi xin lỗi sẽ phải đánh

thức anh chị dậy vì ồn ào, nhưng làm trễ sẽ kéo dài sự chiều trời mát, ngồi không ép thẳng liền được.

Hắn bước ra cửa, chẳng cần chờ đợi chủ nhân có đồng ý hay không. Hắn là vậy. Không có những ngoặc đơn ngoặc kép phiền phức. Chẳng ai có thể làm hắn thay đổi một khi hắn đã quyết định...

Hắn bấm phone gọi, lời hứa hẹn của tiệm bán ngói khiến hắn cầu nhàu vì phải chờ thêm một tiếng cho xe đến giao hàng. Hắn vòng sau góc khuất, tựa vào bờ tường căn nhà gió nhỏ nhắn, bên cạnh lỗ thoát hơi của chiếc máy hút trong nhà bếp, vắng vắng tiếng người đàn bà hát thanh thoát như dáng điệu đài các của người nữ chủ nhân. Hắn móc thuốc, rít từng hơi dài như để cảm nhận sự tận cùng của từng mũi dao đâm sâu vào hai buồng phổi. Con dao đang giết lần giết mòn cơ thể, hắn biết vậy, chưa một lần chau mày hối hận. Dù sao nàng vẫn ngoan ngoãn ru hắn vào mộng mỗi khi cần thiết. Những cô gái khác thường ghen tức chỉ trích nàng hôi hám, xấu xa và tốn kém. Nhưng với hắn, tình cảm nàng dành cho hắn còn rẻ chán. Tiền trao cháo múc, sông phẳng không câu nệ! Vui đến buồn đi chẳng một lời phàn nàn. Nhìn bầu trời, những cụm mây trắng trắng bay vội vã theo cơn gió và ánh nắng bắt đầu trở nên gay gắt. Từ cái ống vô tri này, hắn từng vô tình nghe khá nhiều lời bàn bạc của chủ những ngôi nhà hắn đã làm. Tiếng to tiếng nhỏ bay xa mà họ tưởng là riêng tư, nhưng không, thế giới của mọi người, và mọi người chẳng ai có quyền riêng tư gì hết. Bằng cách này hay cách khác, chấn động nhỏ bé từ nơi cuống họng loài người sẽ thoát ra, đi xa, thật xa đến một nơi nào đó để trở về, lập lại rồi lập lại. Như đàn ông phải lấy đàn bà vì đàn bà muốn chồng nhưng khôn hơn và kiên nhẫn hơn khi chơi trò chơi chờ đợi. Biết vậy, vẫn vậy và sẽ lập lại y như vậy. Hắn dụi gạt tàn. Có lẽ cô chủ nhà

vừa pha xong ly đá chanh, hay đang dán mắt vào truyền hình xem các bức tượng biết đi, chẳng khiu uốn éo trên sàn gỗ thời trang. Cũng có thể đang mơ màng về một mối tình hụt hẫng "giả mà, phải như, nếu đừng..." từ thuở con gái còn đi học. Vài tiếng nữa, anh chồng về nhà trông đợi bữa cơm, đón nhận nụ hôn của cô vợ trẻ và hỏi một câu thật ngớ ngẩn:

- Ở nhà buồn không, nhớ anh không?

Trời ạ, kịch bản này đã được soạn sẵn từ muôn kiếp trước cho những cặp uyên ương mà một con chim sửa soạn gãy cánh. Kế tiếp là màn gì, ừ hình như... à không, chẳng biết hai con chim ấy có vượt qua nổi biển rộng, hay con mái sẽ mỏi cánh đậu lại trên đỉnh ống khói của một chiếc tàu viễn dương nào đó? Hắn cười một mình, tay mân mê chiếc hộp quẹt bic dính hắc ín lem lú. Không được, không đúng, làm lại chỉ có thể thôi. Không cần quan tòa, không cần lời qua tiếng lại. Chỉ có tiếng máy cầu ù lì nâng từng chồng ngói xếp gọn gàng trên đỉnh nóc nhà. Hết. Đó là điểm cuối của tình yêu mua bán. Bây giờ chỉ còn trải ra cho đều. Trải không đều, đóng không khéo sẽ dột mưa tước nóc. Ngay cả chiếc mái kỹ lưỡng nhất cũng cần may mắn, không gặp bão lốc. Chẳng may nếu hôm sau, tháng sau, năm sau cuống phong đến hỏi... Có cái gì có thể chịu nổi sự tàn phá của thiên nhiên?

Cô chủ nhân đứng nheo mắt nhìn ngây thơ như đứa trẻ xem gánh xiếc. Hắn tựa thành xe, phì phèo thuốc lá ngắm nhìn cô chủ nhân như đứa trẻ

chiêm ngưỡng con búp bê trong tủ kính của một cửa hiệu xa hoa. Phải chi cuộc đời cứ như những đứa trẻ! Khốn nỗi đứa trẻ sẽ lớn lên, đòi hỏi cũng lớn lên. Khôn hơn hay ngu ra? Khó mà nói trước! Nhưng chắc chắn một điều, nó sẽ mơ ước một người chồng tài hoa, giàu có, trí thức mà miệng nó thì nhất định chỉ cần "anh ấy thương yêu mình." Và thằng bé kia sẽ thêm có vợ, vừa đẹp, vừa hiền, vừa ngoan và đủ thứ "vừa" khác, dù chính nó chẳng biết có vừa cho những cái vừa kia không? Dù khi bé nó nhất định "chơi với con gái là cái gì xấu lắm"!

- Hôm nay xong không anh?

- Chắc xong, chừng bốn năm tiếng nếu không bị trở ngại.

- Trở ngại gì hở anh?

- Tôi không biết chị ạ. Lỡ trượt chân rơi tòm xuống đất thì xong đời chứ làm sao mà xong việc!

- Anh nói gì đâu không à! Anh uống cà phê không? Cà phê Việt Nam ngon lắm!

- Cám ơn chị! Tôi chẳng bao giờ từ chối cái gì của Việt Nam. Chị không đi làm?

- Chưa anh! Em mới qua chưa đầy năm.

Hắn im lặng. Thảo nào nàng còn vẻ ngây thơ như con cừu non ngoan ngoãn. Hắn leo lên nấc thang trở lại ngôi vị ăn trên ngồi trốc. Chậm rãi xé giấy bọc sắp xếp những viên ngói tây phương bằng nhựa dẻo trộn cát và hóa chất. Đến cả ngói bên đây cũng đôi khác hướng chi là người! Hắn hậm hực giữa bàn tay ken cây đinh mũ bệt đóng mạnh. Thoăn thoắt, nhịp nhàng như điệu nhạc đời mà hắn thường hát nho nhỏ những câu vô nghĩa. Hắn lùi dần, lùi dần. Nhìn xuống lùi lên, giống như cuộc đời con người ở lứa tuổi an phận, để rồi lên đỉnh sống nhà, hắn sẽ xuống phía bên kia, bắt đầu lại rồi sẽ lùi dần lùi dần đến đỉnh lần nữa. Thẳng trầm cuối cùng sẽ đến đâu? Hay cũng chỉ nằm sâu dưới ba tấc đất mãi

mãi ngửa mặt nhìn trời. Một hàng ngói uốn cong nổi liền hai bờ, chút keo đen cho thêm phần chắc chắn. Bao giờ cũng vậy, căn nhà nào cũng lên rồi xuống. Đôi ba chỗ cất xén luồn lọt cho vừa lỗ thoát hơi nơi chất khí hôi thối thoát ra ngoài, đem cái bẩn thỉu tổng khứ đi để làm thế giới dơ thêm một chút. Vài đoạn uốn éo quanh vùng khấp nóc, tạo thành vẻ cầu kỳ kiểu cách của một căn nhà đang cố trình bày nét vương giả của kẻ sống trong đó. Cũng có thể là để che đậy những gì chất chứa bên dưới.

- Anh ngừng tay uống cà phê đi anh!

Giọng cô chủ nhân trong trẻo dễ thương và cũng đầy vẻ kiêu kỳ.

- Hay anh cứ ở trên đó, em mang lên cho?

- Thôi đừng chị, cứ để ở dưới tôi xuống liền. Chị ngã cầu thang tôi lấy gì đền?

Hắn cài búa vào thắt lưng hành cụ, thung dung đi ra sát mép nhà, nhìn xuống dưới chiêm ngưỡng cô chủ nhân trong bộ quần áo còn nhiều nét Việt Nam. Ánh mắt trang điểm nhìn lên trông thật diễm tuyệt. Tia nắng xuyên qua kẽ cây soi nghiêng nghiêng từ mặt trời xa tít đang tìm lối đứng thẳng sau lưng hắn khiến khuôn mặt cô chủ nhà như có ánh hào quang của những nàng tiên. Tay cô cầm ly cà phê khuấy nhẹ thành tiếng leng keng như chiếc đũa thần kỳ diệu. Hắn ngậy người nhìn để chợt nhận thức được sự lỗ mãng, thô bỉ trong tính người đàn ông của mình. Hắn tăng lơ nhìn trời không biết cô chủ nhân vừa tìm tìm một thứ nụ cười đồng lõa.

- Chị để giùm dưới gốc cây được rồi chị. Cảm ơn. Có lẽ tôi phải làm mau cho kịp sợ chiều nay mưa.

Hắn quay lại đối diện ánh mặt trời gay gắt, không buồn lắng nghe cô chủ nhân vừa nói những gì mà hắn không rõ. Hắn lại rút búa giáng mạnh, từng chiếc đinh ăn sâu vào

lòng ván ép giữ tấm ngói ngay ngắn. Hắn hăm hở làm, mồ hôi và ra như tắm. Dáng hắn lom khom trên mái nhà trông già nua như bức tranh cổ quái của một ngôi đền xưa cũ. Căng giãy về một đường thẳng, hắn cắt hai bên viền xong đứng ngắm nghía công trình của mình. Bên dưới sân, hai vợ chồng chủ nhân cũng đứng ngắm nghía, nhìn sang nhà này, ngó quanh nhà kia như để so sánh. Người chồng quàng đôi vai nhỏ bé của cô vợ, âu yếm trầu mến, che chở... Ha ha, không biết ông che chở nàng hay đang tìm một nơi dựa giẫm trong cơn bệnh già thời gian. Cô vợ vươn cánh tay ngà ngọc, chỉ ngón tay lên nóc nhà. Ngón tay thánh thiện như lúc đức Phật chỉ lên mặt trăng và người chồng nhìn theo bàn tay búp măng xinh xắn. Hắn nhủ thầm trong đầu như nhẩn nhủ người chồng hiền lành:

- Hãy nhìn lên nóc nhà, đừng nhìn cánh tay ấy. Biết khi gì mà so sánh? Đừng so sánh sẽ thấy rất bình thường. So sánh rồi sẽ thấy đẹp xấu. Sẽ hoặc tự hào vô duyên, hoặc buồn bực vô cớ. Đúng là con người luôn luôn đi vào cỏi ngu mà chẳng bao giờ nhìn thấy cỏi sáng của mình đang sống!

Hắn thu dọn đồ đạc, tụt xuống đi về phía ly cà phê. Đá đã tan hết, ly cà phê Việt Nam nhạt nhẽo như thứ nước trà lạnh giải khát qua ngày. Hắn ngửa cổ nốc cạn. Buột miệng nói một câu máy móc:

- Cà phê Việt Nam thơm và ngon hơn cà phê Tây. Cảm ơn chị.

Ông chồng đưa hắn chiếc phong bì. Người Việt Nam vẫn có cách xã giao lịch thiệp hiếm hoi trong xã hội đồng tiền. Cô vợ trẻ khẽ nhướn mày cầm vội:

- Mai anh trở lại kiểm tra coi còn gì phải sửa hay thêm bớt được không anh? Tiện thể xin gửi anh tiền công luôn.

"Đàn bà... cách nhìn của họ thật xa khi đồng tiền gần gũi trước mặt,"

anh nghĩ thầm và tiếp:

- Cuối tuần tôi quay lại nếu anh có nhà. Còn không thì hôm khác không cần vội. Nếu có gì không ưng ý, anh cứ phone để tôi sửa.

Người chồng nở nụ cười thân thuộc. Lời cảm ơn thật chân thành như để lấp liếm câu chuyện cô vợ cẩn thận giữ chân vật chất thêm đôi ba ngày cho chắc ăn.

Hắn lái xe thẳng ra quán cà phê.

- Cho xin một ly cà phê sữa đá.

- Dạ bán chứ không có cái gì cho không đâu anh!

- Ừ thì bán!

Hắn mỉm cười với câu xã giao pha trò vô duyên của cô hàng xinh xắn. Từng giọt cà phê rơi xuống đen như mồm chó mực. Hắn ví von như vậy mà chẳng hiểu mồm chó mực đen ra sao? Hắn khuấy lạnh canh. Tiếng lạnh canh lại đưa trí óc hắn trở lại căn nhà vừa làm. Trời chiều bắt đầu đổ cơn mưa. Mưa Cali không nặng hạt như mưa Vancouver, không ồn ào xầm xập như mưa Sài Gòn.

- Có lẽ phải vài cơn bão mới nhà ấy mới tróc nóc đợt mưa. Cầu trời đừng có bão cho căn nhà có người chồng hiền lành ấy!

Hắn làm bầm và cô chủ quán xinh đẹp cũng làm bầm:

- Đúng là đồ điên!

Hắn không nghe, lại châm thuốc rít mạnh như để cảm nhận từng mũi dao đâm sâu vào hai lá phổi...



Thơ

MAI KHANH - LÊ ĐÌNH CÁT

Khoác áo Chân Không

Kính tặng: TT. Thích-Quảng-Thanh

*Khoác áo chân không
Lòng người thông dong
Sống đời đạm bạc
Có cũng như không*

*Khoác áo chân không
Nương tựa cửa Không
Tìm tu học Đạo
Để đời quán thông*

*Khoác áo chân không
Lòng những ước mong
Trở về cố quốc
Thôi sống lưu vong*

*Khoác áo chân không
Nhìn ánh trời hồng
Đông đi Xuân tới
Ta, đời chờ mong*

*Khoác áo chân không
Quên đời long đong
Thôi không vương động
Tâm hồn sáng trong*

*họa bài thơ "khoác áo chân không"
của Thi-Sĩ.- Thanh-Trí-Cao*

Bỏ quên phiền muộn

*Chừ tôi đã đến chốn này
Dừng chân quán trọ đợi ngày mai đi
Bâng khuâng tìm mãi những gì..?
Loanh quanh chẳng biết cái chi mô chừ*

*Đời sao cứ mãi thế u..?!
Cái vòng danh lợi không từ được sao..?
Bao nhiêu phiền não gán vào
Để rồi chuốc lấy biết bao chán chường*

*Nợ duyên trong cõi vô thường
Biết đâu lần nữa, cứ vương vào đời
Thủy chung chỉ một kiếp người
Đã vay, phải trả sự đời thế thôi*

*Thế gian đau khổ lắm rồi
Còn chi để nữa mà đòi, mà mơ
Đi tìm một cõi riêng tư
Lòng thì áp ủ giấc mơ hằng chờ*

*Lang thang chỉ một túi thơ
Bàn bề sông núi, thần thờ đó đây
Tỉnh say bầu rượu vơi đây
Vui cùng trăng gió, tháng ngày trôi tan*

*Xin đời một chút bình an
Tình không vương bận, đời đành lãng quên
Xa lìa cuộc sống đảo điên
Tìm về nơi chốn tịnh yên tâm hồn*

Lake Forest, cuối Đông Bình-Tuất (2007)

CHUYỆN TÌNH VỚI ANH CU YÊN

Trần thị Nhật Hưng

Năm tôi mười ba tuổi, vào một buổi tối mùa hè như thường lệ, trước sân nhà rộng như sân banh, tôi cùng lũ bạn trong xóm trai cõ, gái cõ cùng nhau chơi đá banh. Cuộc chơi thật hào hứng sôi nổi, tiếng reo hò vang vọng một góc phố. Nhờ khỏe, chạy nhanh, tôi luôn giành được banh về dưới chân tôi.

Tôi đang co chân đá trái banh về phía thằng Tèo, chợt có tiếng mẹ tôi đứng trong nhà gọi với ra:

- Thơ ơi, vào đây mẹ bảo.

Tôi ngừng cuộc chơi, chạy vào:

- Dạ, mẹ gọi gì con ạ?

- Bà Bắc Hải nhờ con qua viết dùm bà bức thư.

Tôi phụng phịu:

- Mẹ nhờ chị Quỳnh đi. Con đang chơi mà !

Mẹ tôi lắc đầu:

- Không, bà Bắc Hải nhờ đích tên con. Con nên qua giúp bà.

Miễn cưỡng vâng lời mẹ, tôi vừa đi vừa vùng vằng, phụng phịu.

Nhà bà Bắc Hải bên kia đường, đối diện xéo với nhà ba má tôi. Lúc tôi bước vào nhà bà, tiệm của bà đã vắng khách. Bà bán rượu trắng, phở và cơm. Dù sống bằng hàng ăn, nhưng trông bà lúc nào cũng thông dong nhàn hạ. Bà luôn ngồi một chỗ trên tấm phản gụ bóng loáng sau kệ tủ thấp kín đáo trông ra nhà trước và chỉ huy người cháu gái gọi bà bằng cõ ở nhà sau.

Bà Bắc Hải béo ụ. Bộ bà ba thường nhật bằng lụa tơ tằm màu trắng ngà càng làm bà béo hơn. Nhưng trong dáng vẻ đường bệ, nặng nề, khuôn mặt phúng phính, làn da trắng hồng, sáng láng, tươi nhuận

trông bà thật phong lưu, giàu sang. Bà sống chung với cô cháu gái tên Mây. Trái với bà, chị Mây thật khô khan, khắc khổ. Đã trên 40 tuổi, chị Mây vẫn chưa lập gia đình. Có người xì xầm cho rằng, chị là tở gái của bà, theo bà từ Bắc vào Nam. Thấy chị trung thành, tận tụy, lo lắng và phục vụ bà hết mình, bà thương, nhận chị làm con cháu. Hằng ngày chị đi chợ nấu ăn, quần quật ở nhà sau. Khi có khách ăn, bà gọi một tiếng, chị tất bật từ nhà sau chạy lên, nhanh nhẹn dọn cơm cho khách. Còn bà, chỉ ngồi một chỗ thu tiền.

Tiệm khá rộng, tươm tất, sạch sẽ; kê được mười bàn ăn, mỗi bàn sáu ghế. Chỉ lai rai vậy thôi, nhưng tiệm của bà cũng khá khá, có số khách ăn thường nhật và thỉnh thoảng có đoàn lính hành quân ghé tiệm khi có dịp ngang qua thành phố.

Bà Bắc Hải hiện sống độc thân, dù trước đây bà từng có một đời chồng. Dựa theo dung nhan của cậu Cu Yên, con trai bà: cao ráo, trắng trẻo, đẹp trai có nét Tây lai, thiên hạ cho rằng chồng bà là một ông Tây. Nhưng ông đã về nước sau biến động của thời cuộc, bỏ lại bà với cậu con trôi nổi vào miền Nam. Trước đây Cu Yên ở chung với bà; sau khi đậu Tú Tài, cậu phải rời miền Trung vào Sài Gòn tiếp nối Đại Học.

Buổi tối, từ 8 giờ trở đi, tiệm thường vắng khách. Bà thư thả ngồi nhai trầu, hết miếng này lại miếng khác. Bà ít đi đâu. Phần vì mập khó di chuyển tấm thân nặng nề dễ chừng đến 100 ký; phần phải coi nhà; phần nữa bà sống lặng lẽ, khép kín, ít giao tiếp với chòm xóm. Đường như

trong niềm cô đơn, bà âm thầm gặm nhấm nỗi đau từ cuộc tình dang dở của bà với ông Tây. Tuy vậy với má tôi, tương đối hai nhà qua lại thân thiện do cùng đồng hương người Bắc di cư. Ở tỉnh lẻ, người Bắc càng ít ỏi, tình đồng hương càng gần bó đậm đà. Ngoài ra, giữa mẹ tôi và bà còn chơi chung một sở hụi.

- Con chào bác ạ.

Tiếng của tôi cất lên khi tôi vừa bước vào nhà bà. Bà ngược mắt nhìn tôi, mỉm cười, gật đầu:

- Thơ đấy à ?

- Dạ, con đây.

- Con ngồi đó đi. Vừa nói bà vừa chỉ cho tôi chiếc ghế đầu gần tấm phản gụ:

- Năm nay con học lớp mấy?

- Dạ, đệ thất ạ. (lớp 6 bây giờ).

Bà tròn mắt ngạc nhiên, vẻ khâm phục:

- Học tới... đệ thất rồi cơ à?

- Dạ.

- Giỏi quá. Đời chúng bay bây giờ may mắn hơn thời chúng tao.

Bà Bắc Hải vẫn có thói quen xưng hô với tôi loạn cào cào như thế mỗi khi mẹ sai tôi qua nhà bà mua rượu trắng hay lấy sổ hụi.

- Chúng mày được đi học sư phạm rồi?

- Dạ, sao cơ ạ?

Bà Bắc Hải không trả lời. Ánh mắt bà xa vắng, mơ màng, như đối hồn về cõi xa xăm.

- Thời chúng tao, đàn bà con gái không được đi học. Bố mẹ bảo, đi học biết chữ chỉ viết thư cho "giai," nên bị cấm. Vì thế, tao không biết chữ.

Tôi an ủi bà:

- Bác ơi, bây giờ bác học cũng được, như mẹ cháu.

Bà ngạc nhiên:

- Mẹ mà còn học cơ à?

Tôi hãnh diện:

- Vâng, do tụi cháu dạy. Rồi tôi khoe:

- Mẹ cháu đã đánh vần được rồi đấy.

Bà Bắc Hải thán phục:

- Giỏi quá nhỉ.

- Dạ.

Bà tò mò hỏi tiếp:

- Thế mẹ mà đã viết được chưa?

- Dạ được. Nhưng...

- Nhưng sao cơ?

Tôi cười:

- Nhưng chữ này đá lên chữ kia, râu ông kia cắm cằm bà nọ ạ.

Bà Bắc Hải lắc đầu:

- Thế thì nước mẹ gì.

Tôi cao giọng:

- Vì thế, mẹ cháu còn phải học.

- Thế hôm nào mà dạy cho tao học với nhé?

Tôi cười cười không trả lời, lòng thầm nghĩ: “Bác ơi, bác muốn học, bác phải làm lễ bái sư, và đóng học phí nữa.” Nghĩ thế, nhưng tôi không nói ra. Thấy tôi lặng thinh, bà xuống giọng:

- Nói thế chứ, tao già rồi, đầu óc đâu để học.

Tôi lên giọng cụt non:

- Có chí thì nên. Có công mài sắt có ngày nên kim, bác ạ.

- Nhưng tao nào có chí.

Tôi cười:

- Không chí thì sạch đầu, bác ơi.

Có tiếng trái banh đánh “bịch” vào thành tường nhà bà Bắc Hải, tôi nhìn ra, thấy thằng Bình đang đuổi theo lượm banh. Sự nhớ chúng bạn đang nô đùa, tôi sốt ruột hỏi bà:

- Bác gọi con có việc gì cơ?

- Ủ, thì nghe mà hay chữ, nên tao nhờ tí.

Tôi lắc đầu:

- Con không hay chữ đâu ạ. Sao bác nghĩ thế?

- Thì ở bên đây tao nghe mà học bài đọc to nhất xóm.

Nghe bà giải thích, tôi phì cười. Tôi là chúa lười học, chỉ ham chơi đùa đòi với chúng bạn. Hễ chúng học là tôi học, chúng chơi là tôi chơi. Như thằng Tèo, con Cúc, con Minh... nhà đối diện bên kia đường, mỗi tối học bài, chúng đọc to như la làng, la xóm. Bên này đường, tôi tức chí cổ gào to hơn. Mấy cái loa đua nhau phát thanh, loa nào cũng mở hết ga mong lấn loa khác. Chú tâm học thì ít, chơi thì nhiều. Thế mà không hiểu sao, những cái loa sát vách nhà bà, bà không nghe thấy, lại nghe rõ cái loa phát ra từ miệng tôi!

Tôi cười cười nói với bà:

- Thùng rỗng kêu to bác ạ!

Bà lắc đầu:

- Tao nghĩ không rỗng đâu. Tao đã hỏi chuyện với mẹ mày. Mày ham chơi, nhưng mà cũng ham học.

- Bác khen quá lời.

- Nên vì thế hôm nay tao gọi mày sang đây, nhờ tí.

- Dạ, bác cứ bảo ạ.

- Tao không biết chữ, tao nhờ mày viết hộ tao bức thư.

- Viết thư thăm ai ạ?

- Viết thư thăm Cu Yên, thằng con giai của tao đang học ở Sài Gòn.

Tôi “à” một tiếng không mấy ngạc nhiên. Cu Yên của bà, trong xóm ai cũng biết, đã lớn tòng ngồng, đang là sinh viên đại học mà lúc nào bà cũng âu yếm gọi anh là thằng Cu—Cu Yên—như khi anh còn bé; riết rồi, mọi người từ trẻ đến già, từ xóm dưới đến xóm trên, vô tình chung, xem chữ “Cu” như tiếng đệm lót vào tên anh: Anh Cu Yên hay thằng Cu Yên.

Hỏi anh còn ở miền Trung, chưa du học... Sài Gòn, thỉnh thoảng, anh cũng chạy ra sân đứng nhìn chúng tôi chơi ô quan, cò cò, búng dây thun... Anh thuộc bậc đàn anh, cao chót vót, nên không giao du với đám choai choai như chúng tôi và ngược lại. Tôi chỉ nhớ thoáng thoáng anh

cao lớn, trắng trẻo, mũi cao như Tây, thể thôi.

- Bây giờ tao đọc mà viết nhá. Tiếng bà Bắc Hải lại cất lên. Vừa nói, bà Bắc Hải vừa mở ngăn tủ đưa tôi một tập giấy và bút. Tôi cầm lấy, kéo cái ghế xích lại gần bàn ăn, ngồi ngay ngắn chuẩn bị viết.

- Nào! Bà lên giọng.

Tôi ngược mặt nhìn bà, trông đơ. Bà ậm ự, tăng hắng. Nét mặt bà bỗng nghiêm trọng, xa xôi. Bà như đang gọi hồn vào kỷ niệm. Một lúc lâu lắm, bà mới cất tiếng:

- Nào, viết nhá, “Cu Yên ơi ... hu ... hu... hu...!” Bà chỉ thốt được mấy chữ rồi bà khóc òa.

Trước sự kiện như vậy, tôi ngơ người ra giương mắt nhìn bà, lòng tôi bỗng xôn xang, tiu nghiu. Nhưng tôi không ngạc nhiên lâu trước tình mẫu tử thiêng liêng đó, vì chính tôi, khi mẹ đi chợ hơi lâu hay vắng nhà, tôi trông đứng trông ngồi, chưa thấy mẹ về, tôi thương nhớ chui xuống gầm bàn ngồi khóc.

Bây giờ nhìn bà Bắc Hải sụt sịt nước mắt nước mũi lèm nhèm vì nhớ con, tôi trang trọng cảm thông tình cảm đó, nhưng tôi không biết nói gì để an ủi bà, chỉ kiên nhẫn ngồi chờ, đợi bà khóc đã đời cho đến lúc niềm xúc cảm trong bà lắng dịu, bà đưa tay vào túi áo lấy khăn giậm mắt rồi ngược nhìn sang tôi, bà hỏi:

- Mày viết tới đâu rồi?

- Dạ, Cu Yên ơi... hu... hu... hu...!

Bà mở lớn mắt:

- Sao mà lại viết mấy tiếng... hu... hu... vào thế?

- Dạ, con thấy bác khóc, con viết mấy chữ đó vào thư để anh Cu Yên cảm động ạ.

Bà gật đầu ưng ý:

- Ủ, thế cũng được. Vậy giờ mày viết tiếp nhá.

Nói rồi, bà cất giọng. Nhưng vừa nhắc đến tên con, niềm xúc cảm lại dâng trào, bà lại khóc. Lần này bà khóc dai hơn, lâu hơn. Bà khóc mãi,

khóc hoài. Nước mắt làm như không xoa dịu nỗi niềm nhưng nhớ ngút ngàn bấy lâu bà ấp ủ. Bà ngồi khóc mùi mẫn, quên mất tiêu sự hiện diện của tôi.

Còn tôi, từ nãy giờ, tuy đã rất thông cảm, đã kiên nhẫn ngồi đợi nhưng nhìn bà khóc như thế chưa bao giờ được khóc, không biết bao giờ dứt, trong khi ngoài kia tiếng lũ bạn reo hò từng chớp đội lại khiến tôi bắt đầu sốt ruột. Tôi ngao ngán đưa tay che miệng ngáp dài.

Đang khóc, bà Bắc Hải chợt nghe tiếng thở dài (khá to) của tôi, bà khịt mũi nín thính, quay lại hỏi tôi:

- Mày đã viết được đến đâu rồi ?

- Dạ, cũng chỉ mấy chữ “Cu Yên ơi... hu... hu... hu...” thôi ạ.

- Thế à? Vậy giờ lại viết tiếp nhé.

Cứ thế, cái điệp khúc dạo đầu “Cu Yên ơi” của bà kèm với tiếng đệm “hu... hu...” lặp đi lặp lại mãi làm cho tôi nhàm chán. Chợt một ý nghĩ lóe lên, tôi đề nghị với bà:

- Bác ơi, hay để con tự thảo bức thư rồi đọc bác nghe nhé.

Bà lắc đầu, cao giọng:

- Không được. Như thế thì đâu còn là ý thư của tao. Để tao đọc mày viết.

Tôi uể oải cầm bút. Lần này bà đọc, bà cố nén tiếng khóc trong cổ họng nên mỗi chữ thốt ra, bà chấm câu bằng một tiếng nấc nghẹn ngào “Cu...Yên... ơi, hic hic... mẹ... mẹ, mẹ nhớ... nhớ con... con lắm! hic... hic... Còn con, con... hic hic, con... con cũng... nhớ, nhớ mẹ... chứ?... hic...hic...” Phải cả tiếng đồng hồ, tôi mới viết xong được bức thư, chỉ vài hàng, với... ý thư của bà, nội dung không ngoài thương với nhớ.

*

Những lần sau đó, mỗi khi phải qua nhà bà Bắc Hải viết và đọc thư anh Cu Yên gửi về, mẹ thường nói với tôi:

- Con qua giúp bà, sau này lớn lên, mẹ gả con cho cậu Cu Yên.

Tôi lắc đầu nguây nguậy:

- Con không lấy chồng, con không lấy chồng. Rồi tôi nhõng nhẽo ngả đầu vào lòng mẹ, ôm choàng lấy bà, giọng nhừa nhựa:

- Con chỉ ở với mẹ thôi rồi con... đi tu!

Mẹ xô tôi ra, âu yếm dí ngón tay lên trán tôi, mắng yêu:

- Con chỉ tu hú. Đuổi đầu con đi, qua ở với bà Bắc Hải. Bà cũng đã nói chuyện với mẹ rồi đấy.

Tôi vùng vằng, giẫy nảy:

- Con không chịu đâu, con không chịu đâu. Mẹ nói thế, thì con không qua nhà bà nữa.

Thế nhưng, đã vài năm rồi, vâng lời mẹ và cũng nghĩ thương hoàn cảnh neo đơn quanh quẩn của bà Bắc Hải, tôi vẫn qua nhà bà tiếp tục làm công việc không mấy thích thú đó. Đã nhiều lần, để tránh sự nhàm chán phải lặp đi lặp lại những nội dung cũ rích, ngoài việc thương với nhớ, dặn dò đủ thứ ăn cho nhiều, cho khỏe, chăm học, mỗi ngày nhớ tắm, đánh răng... theo ý thư của bà, không thể thiếu ở mỗi bức thư, tôi đã viết thêm vào, không hỏi ý kiến bà, kể thêm đủ thứ chuyện vặt vãnh xảy ra quanh nhà bà, trong xóm, trong tỉnh rồi đọc cho bà nghe, thấy xuôi tai, bà cũng không phản nản, phản đối. Từ việc ông Cát Nhu khật khùng bất bình thường nhưng nổi tiếng chí hiếu, cả tỉnh ai cũng biết, cũng quý, thường ghé nhà bà xin nước cơm heo (đồ ăn thừa) về nuôi heo, bán heo lấy tiền nuôi mẹ bị mù. Thịnh thoảng, ông thường bị lũ con nít chúng tôi bu quanh yêu cầu ông làm trò. Cái trò cổ hủ, đưa hai ngón tay trở bịt vào hai lỗ tai, co một chân rồi vừa cò, vừa chạy, vừa hát... ừ... ừ... Một lúc, ông đổi chân khác rồi cứ thế diễn tiếp, nhưng lần này, ông thêm kiểu bậm môi thổi gió bật ra những tiếng kêu... pip... pip... Ông diễn xong, chúng tôi mới chạy vào nhà

xách nước cơm heo đưa ông.

Tôi còn kể cho anh Cu Yên chuyện bà Cúc điên nữa. Bà lang thang lếch thếch từ đầu trên xóm dưới thường xin cơm ăn ở nhà mẹ của anh. Bà Cúc thường bị lũ con nít chúng tôi theo chọc để được bà... rượt chơi. Vừa rồi không hiểu sao, bà điên đó mang bầu rồi đẻ em bé.

Tôi kể hết cho anh Cu Yên, nhưng không được phép trực tiếp đứng ở vị trí chủ từ mà gián tiếp qua giọng điệu của bà Bắc Hải, của mẹ trò chuyện cùng con để khỏi bị bà trách như thế là đâu còn là ý thư của bà. Ví dụ: “*Hằng ngày có ông Cát Nhu khật khùng vẫn đến xin nước cơm nhà ta. Ông ấy thật chí hiếu...*”, hoặc: “*Cái con Cúc điên quần áo lếch thếch thế mà vừa rồi lại đẻ em bé, thật tội. Mẹ đã phải trích tí tiền mua quần áo cho con nó. Lũ con nít trong xóm hay theo chọc nó rượt...*”

Những đề tài vớ vẩn, trẻ con như thế giúp tôi bớt nhàm chán, riết rồi, tôi có cảm tưởng chính tôi tâm tình với anh Cu Yên chứ không phải bà Bắc Hải.

Một lần, anh thắc mắc viết thư về hỏi mẹ: “*Ai giúp mẹ viết thư thế?*” Cũng chính tôi thay bà giải thích cho anh: “*Cái con bé Thơ nhà bà Thành bên kia đường. Con bé thật chăm, ngoan, hiền, tội và... dễ ghét đáo để, con ạ.*” Tôi viết và tự... quảng cáo tôi như thế, anh Cu Yên hiểu sao thì hiểu.

Mùa hè và tết, anh thường về thăm nhà. Có anh, bà Bắc Hải dường như—chẳng phải dường như đâu mà ràng—quên mất tiêu tôi. Thế nhưng, khi con bà vừa đi, bà nhớ con, bà sai chị Mây gọi ngay tôi sang viết thư để bà trút bầu tâm sự. Nghĩ cũng phũ phàng, nhưng tôi không buồn, còn mừng là khác vì ít ra một thời gian, tôi được tự do tung tăng chạy nhảy nô đùa với chúng bạn, thoải mái với thế giới riêng của tôi. Hơn nữa, tôi cũng thông cảm tâm trạng của bà, hai mẹ con bao ngày xa cách, thời

gian gặp nhau lại có hạn, để họ quần quít nhau cũng là điều bình thường thôi. Buồn, giận, ghen, hờn... àm gì, để mặt bí xị cho xấu người đi.

Rồi cứ thế, thời gian lặng lẽ trôi, thấm thoát mà đã hơn bốn năm trôi tôi qua lại đọc và viết thư giúp bà Bắc Hải. Với tuổi tròn mười tám, tôi rời bỏ thiên đường tuổi thơ ung dung chuyển mình bước vào thế giới đầy mộng mơ của một cô thiếu nữ. Những bức thư tôi viết giúp mẹ anh ý tứ cũng người lớn hơn, không còn trẻ con vớ vẩn qua những câu chuyện của ông Cát Nhu, bà Cúc điên, mà thay vào đó khung trời mở rộng về cuối chân trời... tím, nơi có những buổi chiều đầy áng mây hồng được rọi sáng bởi tà dương e ấp bên kia đỉnh núi. Rồi thì tôi thả hồn đuổi theo những cặp chim sẻ tíu tít đuổi nhau chuyền cành từ cây phượng đang trở bông đỏ rực trước cửa nhà anh sang cây si do ba tôi trồng trước cửa nhà tôi; một hôm xuất hiện một con rắn lục, ba tôi bắt lấy ngâm rượu mua từ rượu trắng nhà bà Bắc Hải. Tôi kể, kể hết, kể nhiều lắm. Và dường như với thời gian, anh có vẻ bị lười cuốn, thích thú đọc thư... mẹ anh, nên thấy anh hỏi âm liên tục. Và vì thế, tôi lại bận rộn giúp mẹ anh đọc và viết thư trả lời anh. Và cũng với thời gian, tôi bỗng thích thú viết thư cho anh dù là dưới vai trò của một bà mẹ!

Còn anh, dù đã biết người viết thư là *con bé Thơ con bà Thành bên kia đường* nó bày chuyện đủ thứ chứ mẹ anh làm gì viết được, nhưng những bức thư anh gửi về, anh không bao giờ trực tiếp viết cho tôi hay ngược lại, mà lúc nào anh cũng một điều thưa mẹ, hai điều thưa mẹ: “*Mẹ ơi, mẹ có biết không?*” và anh kể cho... mẹ anh nghe nhiều chuyện ở Sài Gòn: “*Mẹ ạ, Sài Gòn, nơi con ở, mệnh danh Hòn Ngọc Viễn Đông, phố xá sầm uất, xe cộ dập dềnh, có những căn nhà chọc trời ngạo nghễ bên cạnh Bạch Đằng. Trên bờ, hình*

tượng đức thánh Trần Hưng Đạo thật lớn chỉ tay xuống sông nhắc nhở chiến công oanh liệt hiển hách của ngài đánh đuổi quân Nguyên xâm lược. Và giữa sông nước mênh mông tàu bè tập nập qua lại, cũng có vài tàu đồ sộ thả neo trên bến làm nhà hàng ăn. Buổi chiều và tối tại đây, rất nhiều tài tử giai nhân quần là áo lượt, họ lá lượt dọc bờ sông, khắp phố trông đẹp mắt lắm. Thế nhưng mẹ ơi, dù Sài Gòn có là thiên đường hạ giới, trong con, con vẫn luôn nhớ về mẹ, nhớ từng con đường lối đi, nhớ không khí êm đềm tĩnh lặng với tình làng giềng chòm xóm đậm đà khăng khít. Con nhớ cả những người bạn nhỏ dễ thương và... dễ ghét đáo để nữa...” Bốn chữ dễ ghét đáo để anh đóng trong ngoặc kép, tôi biết ngay là anh... nhớ tôi, anh nhắn khéo với tôi. Phải thế chứ, không thôi tôi giận, tôi buồn và không giúp mẹ anh viết thư thăm anh nữa.

Mùa Xuân năm đó, như thông lệ, anh về thăm gia đình, ăn tết cùng mẹ anh. Lần này, anh cố tình muốn gặp tôi. Anh nhờ chị Mây qua nhà tôi nhắn, bà Bắc Hải có quà từ Sài Gòn tặng tôi và nhờ tôi tí việc. Nghe mẹ bảo lại thế và nhất là nghe có quà, tôi chạy sang ngay.

Vẫn buổi tối khi tiệm vắng khách, vẫn sập gu bóng loáng nằm sau kệ tủ thấp ngăn đôi căn phòng, bà Bắc Hải vẫn lù lù ngồi đó, nhưng bên cạnh bà còn có thêm cậu con trai quý tử của bà. Thấy tôi, cả bà cùng anh mỉm cười chào. Anh đứng dậy đón đũa đón tôi, kéo chiếc ghế đầu đặt gần cạnh phản rồi mời tôi ngồi xuống. Tôi lúng túng thẹn thùng thấy rõ, mặt đỏ bừng lên, không dám nhìn thẳng anh, tâng lờ hướng mặt về phía bà Bắc Hải:

- Con chào bác. Bác gọi con có việc gì ạ?

Bà Bắc Hải lắc đầu:

- Chẳng có việc gì cả. Cu Yên có quà cho con và muốn gặp con. Thôi, chúng mày cứ tự nhiên trò chuyện.

Nói xong, bà ngả người nằm xuống phản, xoay lưng ra ngoài. Tôi sượng tím mặt, lấm lét nhìn sang anh, bắt gặp ánh mắt anh đang nhìn tôi chăm chú. Ôi, ánh mắt đó dịu dàng làm sao, nó không thao láo, trăng tráo như mắt con Minh, thằng Tèo, thằng Xí, con Bo... mà tôi hằng thấy mỗi ngày. Ánh mắt anh sâu thẳm lạ lùng, như cơn xoáy cuốn tôi và nhận chìm tôi xuống lòng biển sâu. Tôi chơi vơi, ngợp lặn, chao đảo, bùn rùn, mềm nhũn, tê liệt... và trái tim tôi thì đập loạn xạ. Cảm giác quá lạ này tôi chưa từng có trong đời. Tự nhiên tôi giận lấy tôi, sao để mất chính mình. Cái vẻ tỉnh nghịch, hiểu động, ranh mãnh thường ngày giờ để đâu?!

- Anh có quà cho Thơ.

Tiếng của anh Cu Yên cất lên thật âu yếm nhẹ nhàng, cùng lúc anh mở hộp tủ lấy ra một hộp giấy nhỏ được gói cẩn thận đẹp đẽ trên có gắn một cái nơ hồng. Anh cầm đưa cho tôi, tiện dịp, anh luồn bàn tay xuống dưới hộp giấy nắm lấy tay tôi. Eo ơi, trời ơi, tôi giật bắn người như bị điện giật, vội rút nhanh tay về rồi ngồi run như cầy sấy. Cũng may, từ nãy giờ, bà Bắc Hải vẫn nằm xoay lưng lại nên không thấy mọi diễn biến xảy ra xung quanh bà, nhưng tôi vẫn thấy ngượng, miêng lấp bắp:

- Thơ... Thơ... Thơ cảm ơn quà... quà của anh.

Nói được bấy nhiêu chữ, tôi cầm quà định chạy về, nhưng không hiểu sao có cái gì đó cứ cột chân tôi ở lại, dấn dính tôi trên chiếc ghế.

- Anh cảm ơn Thơ mới phải. Thơ đã tốn nhiều công sức, thời gian viết thư cho anh.

Dzô dziên chưa, câu nói đó tự nhiên chạm tự ái trong tôi. Nếu có ai nghe được, có phải tôi là đứa con gái hư “học cho biết chữ để viết thư cho... giai.” Đang vui trong lòng, tôi bỗng xấu hổ cúi gầm mặt xuống, lảm lì. Tôi hơi... giận anh rồi đó, vội đứng phắt dậy, không quên cầm theo

quà, chạy về nhà. Vừa chạy, tôi vừa quay đầu lại nhìn anh, nói:

- Đâu có, đâu có. Đây chỉ là những bức thư của... mẹ anh!

Anh Cu Yên chỉ mỉm cười, nhìn với theo, vẫn ánh mắt mê hồn, cho đến lúc tôi khuất khỏi cửa nhà anh.

Ra tới đường, lạng quạng thế nào, tôi đâm xầm vào một xe xích lô. Gối quà văng khỏi tay. Lồm cồm ngồi dậy... lượm quà, tôi còn nghe ông xích lô mắng:

- Đi đâu mà quá giang... gà như vậy hả con nhỏ kia?

Tôi chẳng nói, chẳng rằng, lồm lũi chạy ù về nhà, vào buồng đóng cửa lại, tôi còn nghe tim tôi đập loạn xạ. Ôi, một bản tình ca đầu đời, nó làm tâm hồn tôi bần thần bần loạn với những cảm giác thật lạ.

Tôi nhìn gói quà, tò mò mở ra xem. Một chiếc khăn quàng cổ bằng lụa, thật mềm, màu hồng nhạt điểm lấm tấm những đóa hoa trắng nhỏ li ti. Tôi mân mê một lúc rồi thử quần quanh cổ, soi mình trong gương và mỉm cười sung sướng.

Tôi nhớ lại ánh mắt anh, khuôn mặt anh. Ôi chao, cái dung nhan “cao ráo, trắng trẻo, đẹp trai” ngày nào đâu xa lạ gì với tôi. Từ bé, tôi đã từng nhìn thấy, sao bây giờ mới... len lén đi vào hồn tôi một cách lạ lùng như thế. Anh ngự trị trong tôi, như vị vua đi trên thảm đỏ bước đến ngai vàng trong cung điện trái tim tôi. Và anh ngồi lì nơi đó. Vạn tuế!

Sau tết, anh Cu Yên trở vô Sài Gòn. Anh viết thư ngay về thăm... mẹ anh. Kèm với bức thư lần này, anh còn viết một bức dành riêng cho tôi: “*Thơ mến, từ bé, gặp em đã nhiều lần, nhưng chưa lần nào anh thấy em... để ghét đáo để như lần này, người con gái tình lẻ duyên dáng với những nét e ấp, thẹn thùng mà ở Sài Gòn, từng tiếp xúc với nhiều giai nhân anh hiếm khi may mắn tìm thấy. Từng là một sách, nhưng không phải vì thế mà anh chịu*

tuân thủ tục ngữ Việt Nam ‘ta về ta tắm ao ta, dù trong, dù đục, ao nhà vẫn hơn.’ Em không hơn họ nhờ ở cái “ao nhà,” mà em cũng “không đục” để cho anh tự an ủi dù này, dù khác. Trái lại, ở em, anh tìm thấy em và tâm hồn em trong sáng như tờ giấy trắng mà anh muốn viết vào đó ba chữ “ANH YÊU EM”. Đọc xong, tôi... rộn người, rùng mình. Tôi vừa vui, vừa sợ. Sau khi đọc đi đọc lại nhiều lần, tôi cất kỹ thư anh dưới đáy tủ quần áo, và thỉnh thoảng dầu mẹ, dầu các chị len lén mở ra coi. Rồi tôi trả lời anh, nhưng vẫn với tư cách cố hữu của một người mẹ gởi thư cho con. Tôi không viết riêng cho anh, lý do đơn giản, tôi sợ mang tiếng “*con gái học biết chữ chỉ để viết thư cho... giai,*” và nhất là sợ con “giai” đem thư của tôi bêu riếu lấy le như tôi đã từng thấy từ nạn nhân những bạn tôi. Tuy nhiên, để đáp lại tình anh, cũng như thâm tâm, tôi cũng muốn... viết thư cho giai, tôi đã bóng gió mượn lời mẹ anh, nồng nàn bày tỏ lòng tôi: “*Cái Thơ rất sung sướng nhận quà của con. Con bé quần khăn đỏ mỗi ngày, cả lúc mưa lạnh cũng như khi trời nóng nực! Chiếc khăn đẹp quá và nó rất trân quý. Thơ cảm ơn con thật nhiều. Hè này, con nhớ về thăm nó. Nó mong. Và con cũng đừng quên... quà Sài Gòn tặng nó!*” Viết xong, tôi cười. Khi đọc lại cho bà Bắc Hải nghe, tôi dấu phần vói quà và tỏ lòng mong đợi của tôi.

Thế nhưng, mùa hè năm đó anh không về. Anh bận thi tốt nghiệp ra trường cần nhiều thời gian ráo riết cho bài vở. Còn tôi, tôi cũng bận rộn cho cuộc thi Tú Tài phần một sắp tới. Những bức thư thưa dần, chậm dần. Nhưng hình ảnh anh vẫn lảng vảng ngự trị đâu đó trong một góc trái tim tôi.

*

Cuối năm đó tôi lấy chồng. Tôi lên xe hoa về nhà chồng giữa khi tôi chưa kịp lớn, giữa khi tôi vẫn cấp sách đến trường. Mẹ đã chẳng cho tôi “*chỉ ở với mẹ thôi rồi đi tu*” như hồi bé tôi từng nói với mẹ. Mẹ... đuổi đầu tôi ra khỏi nhà khi có người đặt vấn đề muốn... rước tôi. Mẹ nói:

- Nhà có một rổ con gái (năm cô) như chứa những trái mìn chưa nổ. Tổng được đứa nào mẹ mừng đứa đó.

Tôi hỏi mẹ:

- Mẹ sợ mìn như thế, sao mẹ lại đẩy mìn sang nhà người ta?

Mẹ thần nhiên trả lời:

- Ở nhà mình thì nó là mìn chết người. Sang nhà người ta nó trở thành... pháo bông con ạ.

Tôi cười:

- Mẹ chế chất nổ hay thật, tài tình hơn cả các nhà khoa học thời nay đây.

Lý sự với mẹ cho vui vậy thôi, chứ tôi hiểu nỗi lo lắng của mẹ và tôi vâng lời mẹ khăn gói về nhà chồng. Nhưng tôi không về nhà anh Cu Yên với bà Bắc Hải, tôi về nhà người không cao ráo, trắng trẻo, đẹp trai như anh Cu Yên, mà là người có cơ hội cũng đi lại thân quen với bố mẹ tôi và ở gần bên tôi suốt thời gian từ lúc tôi mười ba cho đến mười tám tuổi. Tình gần vẫn hơn tình xa mà. Và nhất là, chàng không “lùng lờ con cá vàng” như anh Cu Yên; trái lại, chàng biết “tiến nhanh, tiến mạnh, tiến thật vững chắc đến... đám cưới” để thực hiện câu ca dao, phương châm khuyên bảo người đời: “*Cưới vợ phải cưới liền tay, chớ để lâu ngày... người khác rước đi!*” thế thôi.

Và bây giờ, hình ảnh anh Cu Yên đã phai mờ, như vị vua bị truất phế mất ngai vàng, không còn mây may nào, vị trí nào dù nhỏ nhoi nhất trong cung điện trái tim tôi. Tất cả đã đi vào... lịch sử, tôi hôm nay gọi là “*lịch sử của tình yêu!*”



Thơ LÝ THỪA NGHIỆP

Hương Chiên Đàn

Như nhánh cỏ diễm nhiên xanh mượt
Những con sông về biển hân hoan
Trắng vô ưu nên trắng sáng vô vân
Đêm sinh tử bỗng tràn lan ân sủng.

Mở cánh cửa càn khôn sinh động
Đường chim bay hiển lộ khôn lường
Hương chiên đàn thơm đến mười phương
Trời hoa tạc vẫn miên trường nhã nhạc.

Trang Kinh điểm lệ người khao khát
Những hàng cây râm mát núi Linh-Sơn
Ôi ! nhơn gian vĩnh viễn cội nguồn
Của một khắc nhiệm màu chứng đắc.

Ta vẫn bơi giữa dòng sông mật
Bến bờ nào nguyên vẹn những vườn sen
Vẫn tình khô pháp giới hiện tiền
Ôi! diện mục Phổ-Hiền Bồ-Tát.

Hàng phi lau ngút ngàn gió hát
Tiếng quẫy chèo khua động trường giang
Những khung trời mây trắng thênh thang
Về đâu đó giữa nguồn tâm Tịnh-Độ.

Tiếng Đàn Tỳ Lô Giá Na

Màu nhiệm thay vật áo ca-sa vẫn phát phối
bay trên những sương mù ám chướng
Với sắc màu vô vân an nhàn
Lòng từ của một vị Phật
Vẫn thị hiện mười phương.

Mưa vẫn rơi thanh thản trên thành phố biển xanh
Trên vai Thầy tỳ kheo lóng lánh từng hạt châu
Móng vuốt loài quạ sắt tua tủa bên sườn núi
Đâu thể nào làm bận tâm
Những hạt cát se sẻ hát dưới chân
Thầy vẫn đi qua hố hầm
Bình yên vô sự.

Trong khu rừng, tiếng gầm gừ loài thú dữ
Đâu ngăn được tiếng gió reo
Tiếng đàn Tỳ Lô Giá Na
Tiếng cười vang lên từng cánh cửa mở
Con đường dẫn vào bao la
Thánh địa Di-Đà
Hoa vẫn nở.

CHỊ TÔI

Văn Hưng

Thân tặng anh chị Phạm Nhật bài CHỊ TÔI

Câu chuyện Chị Tôi, dựa trên những thời gian mà anh chị đã trải qua ở quê nhà, từ thời niên thiếu đến ngày tạ nạn ở Hoa Kỳ năm 1980. Người viết bài Chị Tôi là cậu em, chỉ sắp xếp những diễn tiến của anh chị trong đời sống theo thời gian và thêm vào những cụm từ để câu văn được chải chuốt, ngoài ra những gì trong bài Chị Tôi là chuyện thật.

Quý mến gửi đến anh chị bài này với tất cả tấm lòng ngưỡng mộ một người anh đã hy sinh và chịu đựng qua nhiều biến cố của lịch sử tại quê nhà trong thời niên thiếu. Đặc biệt vụ đàn áp Phật giáo 1963. Và đây là câu chuyện Chị Tôi.

Mặt trời đang lặn dần về phía sau lũy tre làng. Bữa cơm tối đạm bạc đã dọn sẵn ở hiên nhà ngoài trời. Cả gia đình ngồi quanh bên mâm cơm, vừa lúc chị tôi đi buôn bán hàng cá đang từ ngõ bước vào, chị khóc òa, và hét lớn; chị ngồi bệt xuống đất và tiếp tục khóc nức nở, vừa khóc chị vừa nói “sao ba mạ gả con đi cho người ta?”, rồi chị lại khóc hu, hu, hu... Tuổi chị tôi lúc đó vừa đúng trăng tròn lẻ.

“Cha mẹ đặt đâu con ngồi đó,” đã quyết định rồi, Ba nói, mẹ phụ lời; nhà người ta tử tế, mẹ thấy hẳn cũng cao ráo, và hiền lành, con về làm dâu sau này được người ta thương mến. Thế là kể từ ngày Ba mẹ tôi ăn cau trầu của nhà người ta, chị tôi trở thành người đã có “chủ.”

Ba tôi là người chức sắc trong làng, chị tôi lại có rất nhiều bạn, và cũng được nhiều người biết đến chị qua sinh hoạt Gia Đình Phật Tử

(GDPT), nên mới một ngày mà cả làng ai cũng biết chị tôi đã có người dạm hỏi. Vậy là chị tôi chết cứng với hai chữ “dạm hỏi.” Những người bạn của chị thường lai vãng trước sân nhà, bây giờ cũng vắng bóng nhường lại thời gian để chị tôi vừa khóc, vừa giận, vừa vui, vừa hãnh diện với bạn bè. Mẹ tôi thì vui ra mặt, sợ con gái lớn không ai dạm hỏi người ta cười nhà mình. Bây giờ tôi mới biết thương Ba mẹ, lúc nào cũng lo cho con, dù con gái mới 17 tuổi mà mẹ đã lo sợ ế chồng.

Mùa xuân năm 1962 lần đầu tiên anh đến nhà “làm rể” vừa vô tới nhà trên thì chị tôi chui xuống nhà dưới đi trốn không cho anh thấy mặt. Mỗi tuần anh đến nhà vài ba lần, nhưng lần nào chị tôi cũng đi “đứng đường”, anh vừa vào ngã trước chị tôi lùi ngả sau. Mãi cho đến khi Sài Gòn đưa tin anh sắp đi nhập ngũ chị tôi mới dọn cơm cho ba mẹ, có anh ngồi đó. Tôi biết chắc rằng chị cũng sợ mất cơ hội nhìn lên anh. Kể từ dạo ấy anh chị tôi mới tạo cơ hội gặp nhau, những lúc như vậy tôi thường hay được sự chú ý của cả hai, có lẽ anh chị lấy tôi ra làm cục độn khi hai anh chị gặp nhau khóa khẩu không nói nên lời.

Anh chị rất yêu mến tổ chức Gia Đình Phật Tử. Anh ở đoàn thanh niên, chị ở trong đoàn thiếu nữ. Sân chùa là nơi anh chị thường xuyên đối đầu nhau qua những buổi sinh hoạt chung của đoàn. Hai anh

chị đều là đoàn viên trung kiên của tổ chức Gia Đình Phật Tử tại quê nhà ở vùng duyên hải. Ngày rằm, mừng một anh chị thường hay đi chùa về khuya sau những buổi họp đoàn dưới ánh trăng rằm. Tuổi thanh xuân của anh chị lấy tổ chức Gia Đình Phật Tử làm nguồn sống, lấy biển cả làm bạn đồng hành, và anh yêu biển như yêu chị tôi.

Đầu mùa xuân năm 1963, lúc phong trào Cần Lao lan tràn khắp niềm nam, vụ Phật giáo và chính quyền Ngô Đình Diệm lên cao điểm, anh bị nhân viên mật vụ ở miền Trung của Ông Ngô đình Cần bắt giam trong chiến dịch ngăn chặn sự phát triển của tổ chức Gia Đình Phật Tử tại các vùng thôn quê hẻo lánh ở Thừa Thiên.

Kể từ mùa hè 1963 anh đã bị vô số lần bắt bớ, đánh đập, tra tấn một cách man rợ. Bắt anh uống nước xà phòng pha trộn nước ớt, bỏ anh vào bao bố, rồi đem quăng anh xuống hồ, nhốt anh vào hầm nước, sức khỏe anh bị tàn phá kinh khủng sau một thời gian ngắn; từ đó anh phải kiên trì chịu đựng, và hy sinh một phần thân thể để phục vụ lý tưởng của anh là bảo vệ Phật Giáo. Mẹ tôi nóng lòng, cho chị tôi cưới, hy vọng đưa anh ra khỏi cơn xoáy của xã hội trong thời kỳ đen tối ấy. Lòng mẹ bao la, cũng là lòng của trời đất thiên mệnh.

Ngày 01/11/1963 kết thúc một chế độ do gia đình họ Ngô lãnh đạo, và trả lại anh một sự sống tràn

đầy niềm tin, từ niềm tin đó anh chị nắm tay nhau chung bước đi trên cuộc đời lứa đôi.

Anh chị tôi cưới nhau đã nhiều năm. Kể từ ngày anh vào quân ngũ chị tôi theo anh: nơi nào anh đồn trú nơi đó có chị. Mẹ nhìn hạnh phúc anh chị mẹ cười, mẹ vui, nhưng lòng mẹ vẫn còn chờ đợi tin từ con gái. Mẹ ơi con đã... có bầu, được chị báo tin, mẹ tôi lòng vui tràn ngập, thế là đứa con gái đầu lòng của anh chị đã chào đời sau nhiều năm lấy nhau tưởng chừng như tuyết giống.

Chiến tranh leo thang, chị bé con về Đà Nẵng, anh ở lại chiến trường. Từ đó chị tôi mỗi năm gặp anh được vài lần, rồi anh để lại cho chị mỗi năm một đứa nhỏ, ba năm liên tiếp, một mẹ 3 con, chồng ngoài tiền tuyến chị bắt đầu gánh nặng đôi vai. Anh lo bảo vệ giang sơn, chị ở nhà buôn thúng bán bưng. Ngày tháng của năm 1975, khi Sài Gòn đổi tên, anh lững thững bước vào nhà, chị lại khóc nức nở, lần này chị khóc là mừng sự hiện hữu của anh trong gia đình, có vợ, có chồng, và có các con.

Ngày đoàn tụ anh còn một con mất, con còn lại anh đã dâng hiến cho tổ quốc, và vết thương trong lòng phổi gây nên bởi chế độ Diệm vẫn mãi đeo đuổi anh lên cơn suyễn hành hạ không ngừng nghỉ theo thời tiết Xuân, Hạ, Thu, Đông. Những hy sinh và chịu đựng bền bỉ cộng thêm bản chất hiền hòa của anh, đã giúp cho chị tôi thêm phần tự tin vào đời sống trong những ngày kế tiếp.

Gia đình anh chị cũng như muôn vạn gia đình khác kiếm sống theo bản năng sinh tồn, nhưng vẫn không đủ để ăn cho qua ngày trong những năm đầu Saigon xoá tên. Anh chị quyết định đưa gia đình về quê xưa, nơi mà anh chị đã sinh ra và lớn lên của tuổi thanh xuân. Anh thì vẫn hiền hòa, dễ tính rồi anh

lặng lẽ sắp xếp hành trang đưa vợ con về nhà ngoại. Cửa ngõ, lối đi, và hiên nhà là nơi thường để dọn những bữa cơm đạm bạc cho gia đình, và sân nhà thường vang bóng một thời của bọn con trai đến “ra mắt” chị, bây giờ nhường lại chỗ cho những cây tre ồm ồm mọc ngồn ngồn và một đồng gạch vụn sau những trận bom xối xả của Tết Mậu Thân.

Trở về quê nhà, anh như con sò dấu mình trong vỏ và chỉ lặng lẽ tiếp tục lấy biển cả làm bạn đồng hành. Anh đánh cá, chị luôn trên vai đôi gánh hàng rong độ nhật. Chiều về trên bãi biển của quê nhà, anh chị thường đưa các con ra bãi biển để hội nhập với dân làng chờ đón ghe về. Niềm hạnh phúc sau một ngày khắc khổ là anh chị đã tận hưởng được những giây phút êm êm bên nhau trên bãi biển quê nhà, và nhìn những đứa con nô đùa, chạy, nhảy, tung tăng trên những đợt sóng chậm chạp lùa lên bãi biển.

Anh nhìn các con với dáng suy tư, chị ngồi yên và đưa mắt nhìn từng đợt sóng lùa vào bờ, rồi những đứa con của anh chị lại tiếp tục chạy, nhảy, vui cười, như không thấy được nỗi lo âu của cha mẹ đang nghĩ về tương lai của chúng tại quê nhà.

Những đợt sóng đang lùi dần ra biển, để chuẩn bị cho đợt sóng kế tiếp tràn vào, ba đứa con anh chị mãi mê bận rộn đưa tay bắt lấy những bọt sóng mong manh. Chị cầm tay anh âu yếm và khẽ nói, sự hiện hữu của anh trên quê hương này là để đón nhận những mất mát, thiệt thòi, và bất công mà dường như xã hội để dành cho riêng anh, rồi nơi nào anh trở lại thì nơi đó chỉ còn là kỷ niệm buồn vui. Anh phải ở một nơi khác hơn, nơi mà không ai có quyền bắt anh phải dâng hiến thêm đời mình. Anh mỉm cười, ôm chị vào lòng; đầu chị tựa vai anh và

cùng hướng ra biển đông xa xăm, một màu xanh nước biển, là màu hy vọng của anh, của chị và của gia đình. Tháng 3 năm 1978 anh để lại chị và 3 đứa con nhỏ sống với ngoại, và anh đã vượt biên đến Hồng Kông theo ước nguyện của anh chị.

Thùng quà đầu tiên chị nhận được sau ba tháng anh gửi về từ Hongkong. Anh đã gửi những bộ áo quần trẻ em mới toanh, một bộ rất đẹp cho chị, may theo kiểu Hongkong và những bức thư dài tràn đầy thương nhớ. Rồi những thùng quà kế tiếp, đã góp phần hữu hiệu đáng kể, trong đời sống gia đình hàng ngày. Như những ngày còn có anh bên cạnh, chị vẫn đưa con ra biển, vì đây là nơi duy nhất của dân làng, tìm đến sau một ngày làm việc mệt mỏi.

Dân làng tập nập, trẻ em nô đùa, những đứa con chị nhanh chóng hòa nhập vào đám trẻ con đang chạy dài trên bãi biển, vui đùa với những đợt sóng li ti, đuổi bắt những con ốc chưa kịp dấu mình dưới cát sau đợt sóng lịch dãn ra biển.

Một mình đứng trước bãi biển quê nhà hôm nay một mình, chị thì thầm hát. “*Biển vắng anh rồi em ở với ai*”. Chị có máu văn nghệ trong người, nên thỉnh thoảng chị hay hát một mình để thư giãn tâm hồn; nhưng lần này chị hát không phải để thư giãn tâm hồn, mà vừa hát đôi mắt chị vừa hướng ra biển đông xa xăm, một màu xanh nước biển, là màu hy vọng của chị và của các con, từ đó chị nuôi mộng đưa con đến vùng trời nơi đó có anh.

Hai năm từ ngày anh đi, chị ôm ấp ý chí phải đến vùng trời nơi đó có anh. Những thùng quà anh gửi về chị biến chúng thành những lít dầu thô chôn vùi trên bãi biển để đợi ngày vượt biên. Tháng 5, năm 1980, giờ cao điểm của đêm định mệnh, chị bế ba con, dắt theo người em dâu và hai cháu bé lên chiếc ghe

nhỏ chưa đầy 4 thước bề ngang, cùng với 25 người khác từ già quê nhà. Ghe vừa rời bến, những tiếng la, hải hùng, rồi những tiếng súng, ù ù, vi vút trên không tỏa ra một đường ánh sáng, dường như xuyên qua da thịt của chị. Ghe vẫn tiếp tục chèo trong màn đêm, sự sợ hãi kinh hoàng cộng thêm tiếng súng đã làm cho tất cả những người trong ghe không còn nghe tiếng kêu cứu của một ai. Chị tôi và cô em dâu đan chặt đôi bàn tay lại với nhau rồi ôm 5 đứa con vào lòng và đưa lưng hướng về bờ biển như có ý chắn ngang lẫn đạn từ bờ bắn ra. Chị ngồi xuống và khâm người lại, rồi bảo các con miệng Phật Quan Thế Âm Bồ Tát.

Ghe thoát nạn và ra khơi, bỗng một lần ánh sáng bay vút trên không như một linh hồn vừa rời khỏi xác. Bàn tay chị thấm ướt; cô em dâu đã ngã gục đầu lên vai chị từ lúc nào, dường như chưa nói hết lời nhắn nhủ, chị nuôi và dạy bảo các cháu giùm em. Viên đạn đã

cướp đi mạng sống của người em dâu, để lại hai đứa con nhỏ và người chồng đang ngày đêm chờ đợi nơi xứ người.

Những ngày phong ba bão táp trên biển, chị ngồi nhìn xác em dâu và ôm năm đứa con vào lòng. Đứa nhỏ nhất mới ba tháng tuổi. Biển nước mênh mông sóng gió hải hùng, chị phó mặc cho trời, phó mặc chiếc ghe nổi trôi theo dòng nước. Chị tiếp tục, với sự hiệp lực cùng các con cầu nguyện Mẹ Quan Thế Âm Bồ Tát cứu khổ cứu nạn. Chiếc ghe bé bỏng đã nhiều ngày đêm lênhênh, vật lộn với tử thần, mọi người đã kiệt sức, cho đến khi giây phút nhiệm mầu xuất hiện: một ánh sáng lóe lên từ phương đông, một tiếng kêu vang dội từ xa vọng lại và rồi ghe chị được tàu hàng hải cứu vớt ngoài khơi biển Hải nam, nơi đây đã để lại thân xác cô em dâu bé nhỏ. Chiếc ghe bé bỏng thân yêu lại một lần nữa tiếp tục thi gan và phấn đấu với biển cả để đưa đoàn người đến Hongkong an toàn.

Tháng 10, năm 1980, anh đón chị và các con ở phi trường Wichita Kansas. Lần này chị không khóc nức nở như những lần trước, dù chị vừa trải qua nỗi kinh hoàng. Thay cho chị, nước mắt anh chảy dài trên hai gò má đầy xương sau những năm khó ngủ vì nỗi nhớ thương vợ con nơi quê nhà. Chị hiểu ý, đưa tay thấm giọt nước mắt, anh ghé kề tai chị nói vừa đủ hai người nghe: cảm ơn trời Phật, cảm ơn em đã đưa gia đình đến nơi có anh.

Chiếc xe Chevrolet đời 69 cũ kỹ, công đại gia đình lên đường về thị trấn GardenCity, Kansas vào một buổi chiều cuối thu có ánh nắng vàng đang động lại ở lưng đồi.

Đọc theo hai bên xa lộ là những cánh đồng bắt tận của loài hoa hướng dương đã thấp đuốc từ thuở nào, để đón mừng anh chị bắt đầu đi vào cuộc đời mới, ở một nơi mà không ai có quyền bắt anh phải dâng hiến thêm đời mình.

Virginia mùa thu 2007

Thơ MỸ HUYỀN

ĐI

Vách núi cheo leo lòng ngẩn ngơ
Đường lên sơn tự mưa giăng mờ
Sắc thu ướt sũng khung trời ảo
Chạnh lòng ta khởi một ý thơ

ĐẾN

Chiều mưa da diết trên đồi non
Sừng sững trên cao cuối lối mòn
Mộng mơ giữa rừng phong ngập lá
Ô hay có phải Phố Đà Sơn!

Ở

Gió vút đồi non mưa thu rơi
Rừng phong lá đỏ sắc tuyết vời
Vạn hữu sánh duyên cùng hành giả
Phố Đà Sơn tự bước thành thơ

VỀ

Lung linh giọt nắng đùa trên vai
Xào xạc tiếng thu dưới gót hài
Ôi gió vi vu thay lời tiễn
Núi rừng lưu luyến khúc chia tay.

MIẾNG ĐẬU HŨ

Lữ

Từ nhà tôi, ở đường Trần Quý Cáp, lên trường Măng Non trên đường Độc Lập là khoảng chừng ba trăm thước. Vậy mà tôi đi lạc. Nhà Trang nhỏ xú, nhưng mấy con đường chung quanh nhà là một thế giới đồ sộ cho tôi, một đứa bé vừa lên năm tuổi.

Đứa bé đó, do hoàn cảnh đưa đẩy, lớn lên chu du khắp nơi. Đến đâu, tôi cũng hơi ngỡ ngàng, thấy thế giới chung quanh mình to lớn và xa lạ, rồi lại có khi đi lạc, đôi lúc tôi vẫn còn sợ hãi. Nhưng lạc đường, lạc sá, dần dà tôi không hoang mang bằng sự lầm đường, lạc lối ở trong lòng.

Do đó, tôi nhất định phải hiểu được mình. Tôi muốn thấy tâm mình cho thật rõ ràng. Tôi không muốn làm người đi lạc ở ngay trong tâm mình. Có khi tôi giận mà không hiểu tại sao tôi giận. Vô lý không? Tôi đâu có muốn giận, nhưng lại không biết đường quay về với sự bình an.

Bình an là quê nhà,

Con về trước ngõ.

Cất lên tiếng gọi:

Mẹ ơi,

Nam mô bồ tát Quan Thế Âm!

Tôi muốn về trước cửa ngõ của bình an.

Ngày xưa có một người đi tìm sự bình an. Anh nghe nói tới “thầy ngó vách.” Cả ngày thầy không làm, không nói gì, chỉ quay mặt vào vách mà ngồi thật yên. Có thể thầy cũng không ngó vách. Con mắt thịt của thầy nhắm lại, nhưng con mắt của ý thức nơi thầy chiếu sáng. Mỗi ngày,

thầy tập nhìn mình. Thầy ngồi yên như vậy trong suốt chín năm liền.

Anh nọ tìm tới thầy và xin được tham vấn. Anh đặt nhiều câu hỏi, nhưng thầy chỉ im lặng. Im lặng. Thầy im lặng như bức tường trước mặt. Anh muốn khóc, và nói: “Con không hiểu sự im lặng của thầy. Xin thầy từ bi mở lời chỉ dạy cho con.” Nhưng thầy không nói gì. Thầy biết, câu trả lời sẽ không giúp cho người hỏi hiểu thêm về mình. Không ai có thể hiểu mình bằng cái đầu.

Người ta nói, câu chuyện trên xảy ra vào thế kỷ thứ 6. Thật ra, đó là thế kỷ thứ 20. Tôi biết điều này bởi vì người đi tìm sự bình an đó là tôi. Tôi gặp thầy nhiều lần. Thầy không lạnh lùng như người ta tưởng. Hai thầy trò chúng tôi hay ngồi bên nhau trong một cái cốc nho nhỏ. Thầy dạy: “Con pha trà đi.” Pha trà xong, nếu tôi sắp bắt đầu hỏi gì đó thì thầy sẽ nói: “Uống trà đi con.”

Một hôm, tôi được ngồi ăn trưa với thầy. Đó là một vinh dự lớn cho người làm học trò. Tôi đại dốt nghề: “Hôm nay, mình sẽ có cơ hội để đặt nhiều câu hỏi.” Nhưng thật bất ngờ, thầy gấp một miếng đậu hũ rất thơm ngon bỏ vào chén cơm tôi. Tôi hơi ngạc nhiên, rồi theo thói quen tôi bỏ vào miệng nhai thật nhanh, nuốt chửng. Ăn xong, tôi mới sực nghĩ ra là thầy vừa trao cho mình một cái gì đó mà tôi chưa kịp tiếp nhận. Tôi cảm thấy hối tiếc, nhận ra trong cuộc đời, tôi cũng đã sống vội vã như nuốt miếng đậu hũ vậy.

Thầy trở nên im lặng hơn, như

đang thông cảm cho nỗi băn khoăn trong lòng người học trò. Rồi thấy thương, thầy lại gấp bỏ vào chén tôi một miếng đậu hũ khác. Tôi sung sướng quá. Miếng đậu hũ này là một cơ hội mới. Cuộc đời cũng giống như miếng đậu hũ. Ta đánh mất những cơ hội quý báu nhất để mà sống cho thật trọn vẹn, hạnh phúc. Nhưng miếng đậu hũ khác lại đến. Đó là sự rộng lượng của cuộc đời, của sự sống.

Tôi nhai miếng đậu hũ thật chậm. Tôi nhai như là trong giây phút đó, hoàn toàn không có gì quan trọng hơn để làm. Miếng đậu hũ trở thành lời dạy của thầy. Tôi tiếp nhận lời thầy bằng tất cả sự cung kính. Tôi nhai với lòng biết ơn sâu xa của tôi. Tôi nhai như là vừa mới hiểu ra một điều gì thật là sâu sắc. Một cái hiểu giúp tôi chậm lại, dừng lại được thói quen hấp tấp, vụt chạc để tiếp xúc với sự sống một cách trọn vẹn. Thầy nhìn tôi và mỉm cười, hài lòng.

Câu chuyện về “thầy ngó vách” lại được kể rất khác. Người ta đâu có sống những giây phút thật ly kỳ như thầy trò chúng tôi đâu mà biết. Họ kể rằng người học trò bày tỏ sự quyết tâm học hỏi của mình bằng cách chặt đi một cách tay. Thầy nói: “Khá lắm, ý chí khá lắm! Bây giờ, con hãy hỏi và ta sẽ trả lời.” Thấy thầy bắt đầu nói chuyện, người học trò mừng quá, anh nói: “Thưa thầy, xin thầy dạy cho con cách làm cho lòng mình được bình an.”

Thầy hỏi: “Lòng con bắt an ra sao?” Học trò trả lời: “Cũng không

hắn là bất an. Con không biết gì về con hết. Xin thầy chỉ cho con một con đường.” Thầy nói: “Bình an chính là con đường.” Người học trò nghe thầy nói thì chợt hiểu, biết rằng mình phải trở về tập sống cho thật bình an trong từng giây phút của đời sống hàng ngày. Anh theo phương pháp đó tu tập, dần dà thành tựu được một nếp sống khá thông dong.

Câu chuyện được kể một cách thông minh. Nhưng đáng tiếc là người ta quên mất miếng đậu hũ. Có thể người ta biết, nhưng lại tưởng rằng đó là một chi tiết vụn vặt,

không quan trọng. Quan trọng lắm đó, vì chính nhờ miếng đậu hũ mà lần lần tôi hiểu được tâm mình. Và tôi thấy rằng trong cuộc sống, nhiều người coi thường miếng đậu hũ. Người ta làm nhiều chuyện quan trọng, nhưng không ăn miếng đậu hũ.

Bạn hãy quan sát cách ăn cơm của nhiều người thì biết. Ăn hấp tấp như vậy là đánh mất miếng cơm ngon, đánh mất giây phút thật đẹp mình đang sống bên cạnh những người trong gia đình. Và cuối cùng là đánh mất cơ hội để bình an, hạnh phúc và để hiểu được lòng mình.

Đứa bé năm tuổi lớn lên, nhìn thấy con đường từ nhà đến trường Măng Non chỉ là một khoảng cách ngắn ngủi. Nhớ lại câu chuyện đi lạc năm xưa, bé cười xòa, vươn vai đôi ba lần, cảm thấy mình lớn lên vù vù như Phù Đổng Thiên Vương. Rồi bé làm oai, đưa hai tay lên trời, hét lớn: “Ta không bao giờ đi lạc nữa. Ta đã lớn.” Nói rằng mình đã lớn tức là vẫn còn hơi con nít. Bạn thông cảm, cậu bé trong tôi còn tinh nghịch lắm. Thịnh thoảng tôi hay che miệng, cười thầm chính mình. Thấy vui vui.

Pháp, 10-2007

Không đề

*Nỗi nhớ có từ hôm qua
Hôm nay nghe còn rất lạ
Tìm em từ thuở ngày xưa
Yêu em từ thuở... cơn mưa đầu mùa
Có chi một chút bông đùa
Sao ta ngỡ ngàng, tìm mua nỗi buồn.*

NGUYỄN VĂN PHIN



MẶC!

(tường thuật buổi ra mắt sách *Huyền Thoại Duy Ma Cật của Tuệ Sỹ*
tại Houston, Texas ngày 04.11.07)

Huệ Trân

Tựa bài viết này, đáng lẽ phải khá dài, chẳng hạn như: **“Tường thuật buổi ra mắt sách *Huyền Thoại Duy Ma Cật của Thượng Tọa Thích Tuệ Sỹ tại Houston, TX, ngày 04 tháng 11 năm 2007*”**.

Cái tựa khá dài, khi được thay thế lại quá ngắn. Chỉ còn một chữ “Mặc!”

Chữ này của diễn giả đầu tiên trong chương trình là triết-gia Phạm Công Thiện, người được ban tổ chức mời giới thiệu về tác giả và tác phẩm *Huyền Thoại Duy Ma Cật*.

Vâng, đây chỉ đơn giản là bài tường thuật một buổi ra mắt sách. Nếu nó được nhìn không đơn giản dưới nhãn quan nào thì đó chỉ vì tác giả và thời điểm ra mắt đang ở trong một bối cảnh đặc biệt, dưới nhãn quan đó.

Buổi ra mắt sách do Hội Dharma Wheel Corporation tổ chức. Hội trưởng là Thượng Tọa Thích Nhật Trí, trụ trì chùa Pháp Vũ, Florida, với sự đóng góp tham gia của các cư-sỹ đồng quan điểm với hội là yểm trợ và phát huy bốn lãnh vực Giáo dục, Văn hóa, Hoằng pháp và Từ thiện.

Địa điểm ra mắt là nhà hàng Kim Sơn, từng nổi tiếng về sự rộng rãi, khang trang. Phục vụ lịch sự, chu đáo.

Chúng tôi tưởng chỉ mình tới đúng giờ ghi trong thiệp mời là 5 giờ chiều chủ nhật 04 tháng 11, 2007. Ấy thế mà sau khi đậu xe, nhìn quanh bốn phía, hướng nào cũng có những giòng xe đang tiến vào và chủ nhân những chiếc xe đó, đa số là khách đến tham dự buổi ra mắt sách.

Trước cổng vào nhà hàng Kim Sơn không chỉ là những người Việt đứng chờ thân hữu mình để cùng vào mà chúng tôi còn thấy thấp thoáng dăm cảnh sát bảo vệ an ninh. Tôi hỏi nhỏ đạo hữu cùng đi:

- Ra mắt sách của một tu sỹ về một cuốn kinh Đại Thừa mà cần cảnh sát bảo vệ ư?

Câu trả lời là một nụ cười nhẹ:

- À, đó là sự cẩn trọng của ban tổ chức vì nhận được những cú điện thoại cho biết sẽ có biểu tình trước chùa

Việt Nam, chống việc Hòa Thượng viện chủ sẽ tham gia, rồi sau đó kéo đến nhà hàng Kim Sơn phản đối buổi ra mắt sách. Ban tổ chức muốn an ninh chỉ để phòng hờ có sự can thiệp hợp pháp nếu những sự việc đáng tiếc này xảy ra.

Nụ cười nhẹ của đạo hữu vừa trả lời, quả là đầy ý nghĩa!

Phòng được chọn cho buổi ra mắt sách ở trên lầu. Bước vào phòng mới biết rằng, không chỉ chúng tôi đến đúng giờ mà nhiều người đã đến trước giờ. Sáu mươi bàn, dự trù mời sáu trăm quan khách, không bàn nào không đã có người ngồi. Và thật ngạc nhiên, chưa đầy ba mươi phút sau, sáu mươi bàn, dường như không còn ghế trống. Với bốn bàn trước sân khấu dành cung thỉnh Chư Tôn Đức Tăng, Ni, chúng tôi ghi nhận có Hòa Thượng Thích Tín Nghĩa (viện chủ chùa Từ Đàm, Dalas, Texas), Hòa Thượng Thích Nguyên An (trụ trì chùa Cổ Lâm, Seattle), Hòa Thượng Thích Nguyên Trí (Trụ trì chùa Bát Nhã, Nam Cali), Hòa Thượng Thích Trí Đức (Trụ xứ chùa Việt Nam), Hòa Thượng Thích Nguyên Hạnh (Trụ trì chùa Việt Nam, Houston), Thượng Tọa Thích Linh Quang (Nepal), Thượng Tọa Thích Nguyên Siêu (Trụ trì chùa Phật Đà, San Diego, Nam Cali), Thượng Tọa Thích Hạnh Tuấn (Trụ trì chùa Trúc Lâm, Chicago), Thượng Tọa Thích Tâm Hòa (trụ trì chùa Pháp Vân, Canada), Thượng Tọa Thích Nhật Trí (Trụ trì chùa Pháp Vũ, Florida), Thượng Tọa Thích Thông Hải (Thiền viện Chân Không), Thượng Tọa Thích Chơn Lễ, Đại Đức Thông Đức, Đại Đức Tâm Bình, Đại Đức Minh Phước, Đại Đức Quảng Kim, Đại Đức Quảng Minh, Đại Đức Thiện Nhân, Đại Đức Nhuận Thành ...

Chúng tôi cũng nhận thấy sự hiện diện của Quý Ni thuộc các ni-viện Hương Nghiêm, Hương Lâm, Huệ Lâm...

Về giới văn nghệ sĩ, ngoài hai diễn giả là nhà văn Doãn Quốc Sỹ và triết gia Phạm Công Thiện, còn có nhà thơ Tô Thùy Yên, nhà thơ Vũ Tiến Lập, nhà văn Vĩnh Hảo, nhà văn Liên Hoa, nhà văn Quỳnh My v.v... cũng

có mặt, trong đó khá nhiều văn nghệ sĩ mà chúng tôi không nhớ hết tên. Các cơ quan truyền thông, truyền thanh, truyền hình, báo chí, chúng tôi ghi nhận sự hiện diện của tuần báo Việt Tide, bán nguyệt san Thế Giới, tạp chí Xây Dựng, chương trình phát thanh Tiếng Chuông Tỉnh Thức, đài phát thanh Saigon-Houston; cùng các Hội đoàn như Hội Văn Hóa Khoa Học, Hội ái hữu cựu nữ sinh Gia Long, An Giang, Sương Nguyệt Ánh... Chúng tôi phải xin lỗi, vì không thể nào ghi hết ra đây.

Theo đúng chương trình, sau phần chào cờ và giới thiệu thành phần tham dự, Thượng Tọa Thích Nhật Trí, Hội Trưởng Hội Dharma Wheel Corporation (DWC) đã long trọng khai mạc buổi ra mắt sách Huyền Thoại Duy Ma Cật (HTDMC) của TT Tuệ Sỹ và tiệc chay gây quỹ cho những chương trình hoạt động của DWC qua hình ảnh nhập thế đầy Trí Tuệ và Từ Bi của hành giả Duy Ma Cật.

Diễn giả đầu tiên được mời lên giới thiệu về tác phẩm và tác giả HTDMC là triết gia Phạm Công Thiện. Ngôn ngữ của một triết gia có thể có đôi chút xa lạ với số đông quần chúng nhưng nhân dáng thì gần gũi, thân thương với chòm râu bạc, mái tóc thưa phơ phất. Ông chậm rãi chia xẻ: “Đứng trước khung cảnh rất tinh tú nghệ thuật, rất tinh tú thi ca này, nhìn xuống là Quý Thầy, Quý Ni và đồng đạo đồng hương, tôi cảm thấy như mình đang ở chùa, những ngôi chùa tôi từng thấp thoáng thấy bóng dáng hai chú tiểu cực kỳ thông minh, mới trên hai mươi tuổi đã nghiêm túc đứng trên bục giảng các giảng đường Đại Học. Hai chú tiểu đó chính là Hòa Thượng Thích Nguyên Hạnh đang có mặt trong buổi này, và Thượng Tọa Thích Tuệ Sỹ ở bên trời Quê Hương. Thầy Tuệ Sỹ, với đôi mắt rực sáng từ thuở ấu thơ cho đến tuổi già xế bóng không chỉ là sự rực sáng của nhân quan mà phải là sự rực sáng từ Tâm Bồ Tát. Nên khi Thầy Tuệ Sỹ viết HTDMC, với tôi, là cuốn sách tuyệt vời nhất. Cuốn Kinh Đại Thừa này, tôi chỉ tóm gọn trong một chữ. Chữ MẠC.”

Tiếng vỗ tay không dứt khi triết gia kết luận như vậy. Ông buông lỏng cho mỗi người tự cảm nhận.

“MẠC”, phải chăng là sự tĩnh mặc Vô Ngôn của Bậc Đại Trí Duy Ma Cật khi Ngài Văn Thù hỏi về Pháp Bất Nhị?

Diễn giả Doãn Quốc Sỹ đã rất khiêm nhường khi trích dẫn Kinh Pháp Cú để nói về ý vị cao siêu của Duy Ma Cật trong cuộc đời. Đó là hình ảnh đóa sen nở giữa bùn nhơ, là hình ảnh Đại-sỹ đứng thẳng giữa phàm phu sân, uế.

Diễn giả thứ ba bước lên sân khấu trong tiếng vỗ tay nồng nhiệt, và những búp tay thắm lặng chấp lại, biểu tỏ lòng tôn kính. Đó là H.T. Thích Nguyên Hạnh,

trụ trì chùa Việt Nam, Houston. Với nhân dáng nhu hòa, điềm đạm, giọng nói nhỏ nhẹ, chậm rãi nhưng ẩn chứa âm thanh của đường gươm Bát Nhã Vô-Úy, H.T đưa ra hình ảnh vị Tăng-sỹ tài hoa thông tuệ 1600 năm trước đã viết Bát Nhã Vô Tri Luận khi mới hai mươi tuổi; và nhiều luận khác, tập thành Triệu-luận mà người sau coi như Trung Quán Luận của Trung Hoa. Vị Tăng-sỹ trí tuệ tuyệt luân đó đã hơn một lần ngẩng cao đầu trước bạo quyền, bình thân nhìn lưỡi gươm sẽ chém xuống đầu mình chẳng khác chi gươm chém ngọn gió Xuân!

Hòa Thượng đã mượn hình ảnh Ngài Tăng Triệu để nói về Thầy Tuệ Sỹ, mà theo H.T. nói về Thầy Tuệ Sỹ là nói về một Tăng-sỹ đã mang Đại Bi Tâm vào đời với hạnh Vô Úy.

Con người đó cũng đã bắt khuất trước bạo quyền, đôi mắt sáng rực nhìn thẳng từ thần không chút nao núng.

Con người đó cũng là nhà tư tưởng, luôn nhìn sâu vào tận cùng nỗi thống khổ nhân gian nên tư tưởng đó không phải là son phấn điểm trang cho đời mà là những hoài bão gắn liền với khổ đau dân tộc.

Con người đó, vượt trên mọi tư duy Đòi-Thường, đã lặng lẽ ngồi trong góc tối, trong cõi-riêng đời mình để hoàn thành Huyền Thoại Duy Ma Cật, chạm tới vĩnh cửu ngay trong khoảnh khắc ta-bà, tựa câu kinh Pháp Cú:

“Như tảng đá kiên cố

Không gió nào lay động

Cũng vậy, giữa khen chê

Người trí không giao động”

Diễn giả thứ tư là lời nhà xuất bản cuốn HTDMC, T.T Thích Nguyên Siêu. Thượng Tọa khẳng định rằng, con đường Giáo dục Phật-Việt là thành trì bảo vệ và tài bồi nền Văn hóa của dân tộc Việt Nam suốt mấy ngàn năm qua, và sẽ còn mãi mãi ngàn sau. Cũng theo TT, sự tham dự nồng nhiệt, đồng đạo của Chư Tôn Đức Tăng, Ni và đồng hương, Phật tử hôm nay nói lên niềm ưu tư chung về trọng điểm phát huy nền Văn hóa tự trị.

Tới đây thì nhân viên nhà hàng đang tuần tự mang tới những món chay tinh khiết, được trình bày mỹ thuật. Đây cũng là thời điểm bước sang phần hai của chương trình. Đó là phần Thơ Nhạc đạo vị.

Đêm nay, người nghệ sỹ mà đại đa số khán thính giả mong được thưởng thức tài nghệ là nam danh ca Tuấn Ngọc. Cảm nhận như thế nên anh là người mở đầu phần Thơ Nhạc.

Người nghệ sỹ nào cũng mang theo hành trang là những tác phẩm đặc ý quen thuộc và thường trình diễn, hoặc được yêu cầu những tác phẩm đó. Thật bất ngờ và thật cảm động khi Tuấn Ngọc tiết lộ rằng, bản nhạc đầu tiên anh sẽ trình bày là một bài thơ trong thi phẩm Giác Mơ Trường Sơn của Thầy Tuệ Sỹ. Đó là bài Tống Biệt

Hành mà nhạc sỹ Hoàng Quốc Bảo đã phổ thành ca khúc. Anh cũng xin phép khán thính giả cho anh được nhìn vào bản nhạc vì anh mới tập với ban nhạc có... mấy tiếng đồng hồ trước.

Âm thanh bát đũa im bất khi người ca sỹ cất tiếng vút cao, chuyên chở giòng thơ bi tráng của một Người-Việt-Nam-Bất-Khuất:

*“Một bước đường thôi, nhưng núi cao
Trời ơi mây trắng động phương nào
Đò ngang neo bến đầy sương sớm
Cạn hết ân tình, nước lạnh sao?
Một bước đường xa, xa biển khơi
Mấy trùng sương mỏng nhuộm tơ trời
Thuyền chưa ra bến bình minh đó
Nhưng mấy nghìn năm tống biệt rồi...”*

Nói là mới tập, nhưng Tuấn Ngọc trình bày như đã từng trình bày từ muôn kiếp trước.

Phân ngâm thơ cũng xúc cảm vô cùng với giọng ngâm cô Bạch Hạc trong bài “Những năm anh đi”, giọng ngâm anh Vĩnh Tuấn trong bài “Phổ thừa” và “Một bóng trắng gầy” giọng ngâm GS Kim Oanh trong bài “Tóc huyền” qua phần phụ họa đàn bầu, đàn tranh của Hải Yến, Kim Oanh và tiếng sáo réo rắt Hoàng Nhật Thành. Tất cả những bài thơ này đều trích từ thi phẩm GMTS của Thầy Tuệ Sỹ.

Trong khi khán thính giả còn bùi ngùi với âm thanh diễn tả như tiếng nấc của anh Vĩnh Tuấn ở câu thơ cuối, bài Phổ Thừa “*Người yêu cát bụi quê mình là đâu?*” thì loáng thoáng đó đây có tiếng yêu cầu Thầy Tâm Hòa ngâm bài thơ Khung Trời Cũ, bài thơ mà ai biết đến thi phẩm GMTS không thể không thuộc dăm câu.

Tiết mục ngoài chương trình này là điều ngạc nhiên đối với tôi vì Thầy Tâm Hòa ngâm thơ “tuyệt” quá! (Thưa thầy, nói thế không phải vì con tưởng thầy ngâm không tuyệt, mà ngạc nhiên vì thầy đa tài quá). Muốn tận dụng sự thấu nhận của nhĩ căn nên tôi chỉ nghe mà không nhìn Thầy trình diễn. Chỉ nghe thôi, đã cho tôi nghe thấy tiếng mái chèo khua nhẹ trên giòng sông Nhị của thiền-sư Pháp-Thuận đời vua Lê Đại Hành, vị thiền-sư đã hóa thân làm ông lái đò đưa sứ Tàu qua sông, đem lại niềm ngưỡng phục của Bắc phương đối với đất phương Nam nhỏ bé.

Mái chèo khua nước năm xưa đang vỗ lên những đợt sóng bùi ngùi lịch sử:

*“...Đếm tóc bạc tuổi đời chưa đủ
Bụi đường dài gót mũi đi quanh
Giờ ngó lại bốn vách tường ủ rữ
Suối nguồn xa ngược nước xuôi ngàn”*

Trong khi khán thính giả đang bàng khuâng với hồn thơ bát tạn thì Thầy Tâm Hòa kéo về thực tế hiện thực bằng cách giơ cao bao thư đã cầm sẵn trên tay. Đây là số

tĩnh tài mà Chư Tôn Đức hiện diện vừa đóng góp để yểm trợ vào quỹ sinh hoạt của Hội DWC. Kẻ viết bài không nhớ hết chi tiết “mạnh thường quân” nhưng hầu như Chư Tôn Đức đều đồng lòng yểm trợ. Con số có thể nhớ là mười lăm ngàn mỹ kim từ Hòa Thượng Nguyên Trí, chùa Bát Nhã. Bao thư “khá nặng” được trao thẳng tới tay thủ quỹ của DWC. Phía dưới, đồng hương Phật tử cũng noi gương, xôn xao ký tên yểm trợ vào những bì thư để sẵn trên mỗi bàn rồi tùy tâm, hoan hỷ bỏ vào.

Thầy Tâm Hòa bước xuống, nhưng sân khấu đã không bỏ trống một giây nào. Và đây lại là một tiết mục bất ngờ. MC thưa rằng, có một vài vị xin nêu đôi lời thắc mắc về tình trạng Phật Giáo Việt Nam. Ban Tổ Chức chấp nhận ngay, chỉ xin giới hạn thời gian vì chương trình còn dài. Không những chấp nhận ngay, BTC còn mời những vị muốn hỏi, lên sân khấu cầm micro, hỏi trực tiếp, và cung thỉnh HT Thích Nguyên Hạnh từ bi trả lời cho. HT cũng hoan hỷ nhận lời ngay. Sự việc xảy ra quá nhanh, sắp xếp quá gọn gàng trong tinh thần trong sáng, thẳng thắn, minh bạch khiến toàn hội trường đồng loạt vỗ tay.

Hỏi: Gần đây, dư luận có thư nặc danh thắc mắc rằng, trong Đại Hội Phật Giáo năm 2006 tại Việt Nam, tại sao HT Nguyên Hạnh lại gửi bài về tham dự?

Đáp: Không phải là Đại Hội Phật Giáo mà là cuộc Hội Thảo Quốc Tế về Phật Giáo trong thời đại mới. Ban tổ chức đã gửi thư mời nhiều tu sỹ, học giả, giáo sư trên khắp thế giới về tham dự. Tôi cũng nhận được thư mời nên chỉ gửi lá thư cảm ơn và xin lỗi không thể tham dự được. Nhưng trong thư này, tôi cũng góp vài ý kiến. Một, trong những ý kiến đó là, một tôn giáo gắn bó với dân tộc trong 2000 năm mà không có được cơ cấu Giáo Hội độc lập để nói lên tiếng nói của mình thì đó là điều mà người Phật tử Việt Nam khó có thể cam tâm chấp nhận. Vì vậy, tôi hy vọng qua cuộc Hội Thảo này, quý vị sẽ cởi bỏ những sợi giây oan nghiệt từng trói buộc Phật Giáo bấy lâu nay.

Những lời nói như thế, CSVN không chống thì thôi, chứ những người nhân danh chống Cộng ở xứ Tự Do này lại chống là chống cái gì?

(Tiếng vỗ tay kéo dài, dù câu hỏi tiếp đã cất lên)

Hỏi: Xin Thầy cho biết về Đại Hội Phật Giáo Về Nguồn ở Canada. Có dư luận cho rằng quý Thầy là Đại Hội quốc doanh, họp để chống đối GHPGVNTN ở quê nhà.

Đáp: (cười nhẹ) Không có cái gì gọi là Đại Hội PG Về Nguồn cả, mà chỉ có Ngày Về Nguồn được tổ chức lần đầu ở Trung Tâm Văn Hóa Phật Giáo Pháp Vân Canada. Ngày này cũng đã được sự đồng thuận của Chư Tôn Đức tham dự, là sẽ tiếp tục tổ chức hàng năm, tuần tự ở mỗi nơi trên khắp thế giới vì đây là niềm hoài vọng

của Tăng lữ VN nói riêng, và đồng bào Phật tử, nói chung, từ khi lưu lạc xứ người, chưa định được một ngày cùng nhau trở về hàn huyên.

Đó là ngày về, cùng quỳ dưới chân Chư Phật, cùng ôn lời Phật dạy để soi sáng, sách tấn cho nhau. Đó là ngày về, cùng quỳ dưới chân Chư Tổ, cảm niệm ơn ân sư bao đời đã dìu dắt, che chở ta trên giòng nghịch lưu. Đó là ngày về của những đứa con trong gia đình, lưu lạc muôn nơi, hẹn nhau về ngôi Từ-đường để cùng ôn lại ơn đức Tổ Tiên, Ông Bà

Tôi thực không hiểu nổi, những việc làm như vậy, sao gọi là quốc doanh, là CS? Mình sống không có cội nguồn, Tổ Tiên, Ông Bà ư?

(Hội trường thình lạng mấy giây khi Thầy nghẹn ngào, hỏi như thế, rồi tiếng vỗ tay mới đồng loạt vang lên)

Hỏi: Thưa Thầy, con đã đọc hầu hết những văn thư cùng các dữ kiện quanh vấn đề khủng hoảng trong GHPGVNTN. Trước thực trạng tả tơi như vậy, phải làm gì để hàn gắn, xóa dị biệt, hầu giúp Phật tử có niềm tin vào Giáo Hội?

Đáp: Cuộc khủng hoảng trong GHPGVNTN, xin để GH trả lời. Ngay tại Houston này, quý vị có thể đến hỏi HT Hộ Giác. Còn câu hỏi làm sao hàn gắn đổ vỡ thì theo tôi, người con Phật hãy trầm tĩnh lắng nghe lời Phật dạy. Phật từng dạy rằng:

Hãy đừng vội vàng tin vào bất cứ điều gì, dù điều đó đã được truyền tới cho hàng ngàn người nghe.

Hãy đừng vội vàng tin vào bất cứ điều gì, dù điều đó được nói ra từ người quyền uy tột đỉnh.

Hãy đừng vội vàng tin vào bất cứ điều gì, dù điều đó được loan truyền từ ngàn xưa.

Hãy thận trọng quán chiếu, gạn lọc, xét suy trong trạng thái sáng suốt của tâm rồi hãy lần tìm cho mình câu giải đáp.

Quả thật, ngay những lời Phật dạy, Phật cũng ân cần nhắc nhở, là chớ vội tin ta, hãy tự suy ngẫm đi đã.

Để chấm dứt phần thắc mắc, Thầy từ bi dẫn dò, là Phật tử, hãy giữ niềm tin ở nơi Phật Pháp vì thế gian dù có điên đảo đến đâu, dù những khủng hoảng hôm nay có làm đổ vỡ đến như thế nào thì Phật Pháp vẫn là Giáo pháp chân thật của muôn đời; là Phật tử hãy nên phát nguyện, xin cho chúng con không bao giờ đánh mất Bồ Đề Tâm, vì có Bồ Đề Tâm thì làm việc gì cũng là việc của Phật. Không có Bồ Đề Tâm thì việc nào cũng là việc của ma.

Thầy Nguyên Hạnh bước xuống trong sự cảm kích của cả hội trường. Những người đặt câu hỏi cũng chấp tay, cung kính.

Phần văn nghệ tiếp nối với một ngạc nhiên nữa cho người thưởng ngoạn là nhạc sỹ Duy Thành, vừa phổ bài thơ Nhớ Dương Cẩm trong thi phẩm GMTS và vừa đàn, vừa hát, diễn tả trọn vẹn tinh thần giòng thơ:

“...Thôi huyễn tượng xô người theo cát bụi

Vùng đất đỏ, bàn chân ai bói rồi

Đạp cung đàn, sương ứa đọng vành môi ...”

Xen giữa chương trình thơ nhạc là những bao thư tới tập gửi lên BTC. Vô danh, hữu danh, con số yểm trợ có khác từ hàng chục, hàng trăm, tới hàng ngàn, nhưng tấm lòng thì như MỘT. Giữa chương trình mà con số được loan báo đã lên tới hơn ba mươi bảy ngàn. Trong khi nam danh ca Tuấn Ngọc “cúng đường” tất cả những bài được yêu cầu thì chị thủ quỹ túi bụi làm toán cộng, nâng con số lên gần năm mươi ngàn.

Tôi không nghĩ cần tường thuật thêm gì nữa. Những diễn tiến đêm nay đã tự nói lên những gì đáng nói.

Chỉ khi ra về, thấy mấy nhân viên bảo vệ an ninh còn lảng vảng quanh khu phố, tôi mới nhận ra là suốt chương trình, tôi đã quên hẳn họ. Vì như lời chị Viên Minh, đại diện BTC cảm tạ quan khách “Suốt mấy tiếng đồng hồ qua, không gian này đã tưới tẩm đầy ắp hương Đạo Vị ...”

Hẳn là sau khi nhận thù lao mà chẳng phải làm gì, trên đường về, mấy nhân viên bảo vệ an ninh đều nghĩ “Sao những người Việt Nam này dễ thương thế!”

(Houston 04 tháng 11/2007)



Từ trái sang phải: Triết gia Phạm Công Thiện, diễn giả đầu tiên trong buổi Ra Mắt tác phẩm Huyền Thoại Duy Ma Cật của TT. Tuệ Sỹ; bên phải là nhà văn Đoàn Quốc Sỹ, diễn giả kế tiếp của chương trình.

ĐÊM THU

Quỳnh My

Khi tiếng hát vút cao âm áp, nồng nàn của Tuấn Ngọc cất lên, không gian lắng đọng và thời gian như ngừng lại. Tiếng lao xao, rì rào trong căn phòng với gần 600 người hiện diện chợt ngừng. Tất cả mọi người dường như muốn dành phút giây đang hiện hữu để thưởng thức trọn vẹn bài hát Tống Biệt Hành của Trần Quốc Bảo phổ từ thơ Tuệ Sỹ.

*Một bước đường thôi nhưng núi cao
Trời ơi mây trắng động phương nào
Đò ngang neo bến đầy sương sớm
Cạn hết ân tình, nước lạnh sao?*

*Một bước đường xa, xa biển khơi
Mấy trùng sương mỏng nhuộm tơ trời*

*Thuyền chưa ra bến bình minh đỏ
Nhưng mấy nghìn năm tống biệt rồi
Cho hết đêm hè trông bóng ma
Tàn thu khói mộng trắng ngân hà
Trời không ngưng gió chờ sương động*

*Nhưng mấy nghìn sau ố nhạt nhòa
Cho hết mùa thu biệt lũy hành
Rừng thu mưa máu dạt lều tranh
Ta so phần nhụy trên màu úa
Trên phím dương cầm, hay máu xanh*

Bên ngoài, những vạt nắng mong manh của một chiều thu chưa thấy lá vàng rơi, đã tan loãng, nhạt nhòa trong bóng tối phủ đầy. Anh hỏi em làm gì? Những bước chân em có thanh thoi. Có còn xa xót tội nghiệp cho đời lá sớm tàn phai trong những buổi chiều thu. Em quên nói cho anh nghe nơi em ở mùa thu đến chậm. Cho tới chiều nay trên những hàng cây vẫn còn thấy màu xanh. Em không để ý, nghe lời xô xao của lá, chỉ vì những tiếng thì thầm lẫn lao

xao của nhiều người nhắc em nhìn vào thực tại quanh mình.

Vẫn địa điểm quen thuộc là nhà hàng Khang Trang, ẩm cúng thường chọn làm nơi tổ chức những buổi tiệc chay gây quỹ trong thành phố, bởi chủ nhân là người có đạo tâm. Vẫn nhiều khuôn mặt thân quen em thường gặp ở chùa. Khác chăng còn có thêm những người không lạ, không quen vắng nơi bãi đậu xe. Họ chợt đến, chợt đi sau khi để lại vài câu hỏi và lời xác quyết làm người được hỏi bàng hoàng, ngơ ngẩn. Em biết, rồi anh cũng sẽ ngẩn ngơ một thoáng như em, bởi có lời đối thoại mà như không đối thoại. Họ hỏi chỉ là mượn cớ, để tỏ lộ sự bất bình với người không cùng quan điểm với mình. Câu trả lời rất thật của em dường như không phải là câu mong muốn được nghe, để rồi những cụm từ gán ghép, cáo buộc lần thứ nhất em nhận được trong đời từ những người hoàn toàn không biết, chẳng quen này. Sau một giây bối rối thoáng qua, em đáp lại bằng nụ cười cố hữu. Anh hỏi em có sợ mất đi duyên dáng, khi được đội lên đầu chiếc mũ kỳ khôi, ngộ nghĩnh hay không? Xin thưa rằng em vẫn an nhiên, bởi đã có điểm tựa an toàn là hải đảo của tự thân. Mình không tốt đẹp hơn do những lời khen. Cũng không xấu xa tệ hại vì những lời gán ghép, bâng quơ vô căn cứ. Em tiếp tục bước lên bậc thang bằng những bước nhẹ tênh. Có chút gì tội nghiệp khi nghĩ đến sợi dây nhiều gút mắt, trở thành con rắn dữ qua tin đồn, qua cái nhìn che phủ bởi hoài nghi.

Ngày cha mất em về thăm nhà

cũ. Gia tài cha để lại cho em là những quyển kinh với màu giấy úa vàng, bởi nhang khói quện vào qua những tháng năm dài. Em như chạm vào ngón tay gầy guộc của cha trên những trang kinh. Trong đó Quyển kinh Duy Ma Cật in hẳn nhiều dấu vết. Từ đó em có cho mình thêm thói quen lần giở những trang kinh, để tìm xem chỗ vướng mắc là đâu mỗi khi nổi muộn phiền xâm chiếm, bủa vây. Khi người anh xa gọi cho em đọc bài thơ. Em giật mình bởi chưa bao giờ kể mà sao trong bài thơ đó có mấy câu "Đứa em gái chưa gặp mặt. Thương anh trai như thương những trang kinh" (thơ LH). Anh đã biết những trang kinh em không dùng để đọc tụng, tôn thờ. Đó là ngọn hải đăng giúp cho em nhìn thấy đâu là phương hướng, bến bờ trong những khi mờ mịt, hoang mang giữa bóng đêm của hoài nghi, chán nản, lo âu. Để chiều nay, giữa những đợt sóng giận dữ, bất bình được hình thành từ lời đồn đại, về vời. Từ sự suy đoán, luận bàn trong sân hận say sưa. Vậy mà gần 600 người con Phật vẫn tụ tại, an nhiên từ khắp nơi hội tụ về đây, để tham dự buổi ra mắt sách Huyền Thoại Duy Ma Cật, tác giả là Thầy Tuệ Sỹ.

Đêm nay, qua lời diễn giả của triết gia Phạm Công Thiện, em xúc động bởi hồi tưởng chừng như thấy được hình ảnh của hai vị thầy kính yêu luôn hiện diện trong em. Hai chú tiểu tuổi đời còn rất trẻ đã đứng trên bục giảng trong trường đại học. Đó là thầy trụ trì ngôi chùa em vẫn thường đi và thầy Tuệ Sỹ của ngày xưa. Trong thành phố quanh năm

nắng ấm, thầy là cây đại thụ xum xuê cành lá. Là bóng mát an lành để cho hàng hàng lớp lớp phật tử tìm về nương tựa. Hai vị thầy- hai chú tiểu đồng tuổi, đồng thời, đồng tâm nguyện vào đời. Một người ở Huế, một người ở Saigon thuở đó. Đầu ngò đêm nay, hai chú tiểu ngày xưa được đẩy lại gần nhau theo những ngọn bát phong.

Thầy là diễn giả cho quyển sách vào một thời điểm có vẻ "lạ kỳ" hơn bất cứ bao giờ, cho người viết và cho luôn diễn giả. Có chút gì chua xót trong em, anh có biết tại sao không? Giữa không khí ấm áp chan hoà đạo vị, khi được nghe từng vị thầy, triết gia và nhà văn lão thành Doãn Quốc Sỹ nói về ý nghĩa uyên thâm của quyển kinh Duy Ma Cát- một vị Bồ Tát hiện thân vào đời, sống cùng với những buồn vui, khổ nạn của đời thường, đem trí tuệ của tâm đại bi, vô ngại, dẫn dắt chúng sanh áp dụng thực hành để đạt được sự bình đẳng, chân thật không hai, thoát ra ngoài bóng tối mê lầm bởi ích kỷ và chấp chặt. Không có câu hỏi nào đặt ra cho quyển sách phát hành, chỉ có những câu hỏi xuất phát từ nỗi hoang mang lẫn hoài nghi, về làn sóng ồ ạt của những người nhân danh này nọ, làm tổn thương xúc phạm đến các trưởng tử Như Lai, trong khi hoàn toàn không nắm rõ đâu là sự thật. Với hạnh vô úy của những người con Phật, thầy từ hoà làm sáng tỏ mọi điều, chỉ bao hàm trong những câu ngắn gọn nhưng đầy đủ. Kèm theo là lời nhắc nhở ân cần những điều Phật dạy dành cho hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia:

Đừng vội tin bất cứ điều gì, dù điều đó được hàng ngàn người tin tưởng, nghe theo

Đừng vội tin bất cứ điều gì, dù điều đó được xuất phát từ người có uy quyền

Đừng vội tin bất cứ điều gì, dù điều đó là chân lý từ ngàn xưa để lại.

Cũng đừng vội tin ta

Hãy thận trọng quán chiếu, gạn lọc tìm ra lẽ thật với tâm sáng suốt, tỉnh lặng để có câu giải đáp cho mình.

Em ra về. Niềm an lạc lan đều trộn lẫn với dư âm của những bài hát, bài thơ trong thi tập Giác mơ Trường Sơn, được quý thầy và các nghệ sĩ trình bày. Đêm thu ở đây không có hơi sương làm ướt lạnh đôi vai. Lòng em thật ấm khi nghĩ đến những người bạn đạo trong ban tổ chức. Với khuôn mặt dịu dàng, khả ái. Với nhân dáng mảnh mai, nhỏ bé mong manh. Các chị đã thể hiện trọn vẹn bi, trí, dũng của những người con Phật. Không chùn bước trước bao khó khăn, trở ngại vây quanh, kể cả những lời khuyên rất đỗi chân thành: Đình lại buổi ra mắt sách để tránh những điều đáng tiếc xảy ra vì có nhiều nhiều lời đe dọa gởi đến phật tử trong chùa và cả bên ngoài.

Ra mắt quyển sách HTDMC, là một trong những chủ trương của nhóm Dharma Wheel Corporation: phát huy và yểm trợ việc hoằng pháp, lợi sanh, song song với lãnh vực văn hóa, giáo dục và từ thiện. Với 600 người hiện diện. Con số gần 40 ngàn đồng nhận được từ bữa tiệc chay, chưa kể số thu được từ CD Giác mơ Trường Sơn và sách HTDMC, đã nói lên rằng: Khi ngọn đuốc chánh pháp được thổi lên, trí tuệ sẽ thấp sáng, xua tan bóng tối của sợ hãi, hoài nghi, tà kiến.

Em đang mỉm cười đây anh có biết không? Thêm một điện thư vừa nhận đêm nay. Tên em được tô vẽ, rao truyền bằng những lời gán ghép tội tình. Đồng chung số phận với một trăm mấy mươi người lên tiếng xin ngừng làm tổn thương, xúc phạm đến nhà sư gần một đời trải dài trong bóng tối ngục tù., trong sự tỉnh mặc vô ngôn để chia sẻ nỗi khổ nhục đau thương cùng dân tộc, quê hương. Em chợt nghĩ đến câu chuyện về hai hạt lúa.

Đó là hai hạt lúa giống được chọn để gieo trồng cho vụ mùa sau.

Hạt thứ nhất muốn giữ lại hết những dinh dưỡng mình đang có, bèn tìm nơi trú ngụ chứ không đại gò theo ra đồng để thân mình bị nát tan trong đất. Hạt thứ hai ngày đêm mong được gieo trồng. Thời gian trôi qua...Hạt lúa thứ nhất bị héo khô. Chất dinh dưỡng chẳng giúp ích được gì. Nó chết dần mòn trong khô héo. Hạt lúa thứ hai chịu nát tan trong đất, nhưng từ thân nó mọc lên cây lúa vàng óng, trĩu hạt. Nó mang lại cho đời những hạt lúa mới tinh khôi.

Em nghĩ đến những vị Bồ Tát đi vào đời, âm thầm chịu nát tan để góp cho cánh đồng cuộc đời những hoa trái của từ bi, nhẫn nhục, vị tha.

Hé mở khung cửa sổ, cho cơn gió đêm thu thổi bay đi những hạt bụi ty hiêm, phải quấy, hơn thua của thế nhân. Em đi vào giấc ngủ bằng bài thơ Tôi vẫn đợi, sau khi chấp tay nguyện cầu cho thế giới sống hoà bình. Cho Phật giáo Việt Nam hưng thịnh trường tồn. Cho mỗi người con Phật sẽ là một đóa hoa từ bi và trí tuệ ngát hương.

Tôi vẫn đợi những đêm dài khắc khoải

Màu xanh xao trong tiếng khóc ven rừng

Trong bóng tối, hận thù tha thiết mãi
Một vì sao bên khóm miêng rung rung

Tôi vẫn đợi những đêm đen lặng gió

Màu đen tuyền ánh mắt tự ngàn xưa

Nhìn hun hút cho dài thêm lịch sử

Dài con sông tràn máu lệ quê cha

Tôi vẫn đợi suốt đời quên sống võ

Quên những người xuôi ngược Thái

Bình Dương

Người ở lại giữa lòng tay bạo chúa

Cọng lau gãy trĩu nặng ánh tà dương

Rồi trước mắt ngục tù thân bé bỏng

Ngón tay nào gõ nhịp xuống tường

rêu

Rồi nhắm mắt ta đi vào cõi mộng

Như sương mai, như ánh chớp mây

chiều.

(tôi vẫn đợi- thơ Tuệ Sỹ)

KHÓA TU PHẬT PHÁP MÙA THU - CON ĐƯỜNG BỒ TÁT ĐẠO

Diệu Trang

8 giờ 45 phút sáng, thứ sáu ngày 19-10, tại chùa Pháp Vân, chiếc xe bus chở 40 phật tử bắt đầu lăn bánh, trực chỉ tu viện Phổ Đà Sơn, Ottawa, nơi tổ chức khóa tu Phật Pháp mùa thu năm nay, do Hội Thân Hữu Già Lam đứng ra tổ chức, nhằm tạo điều kiện tu học theo giáo pháp của Đức Phật cho đại chúng phật tử khắp nơi.

Xe lăn bánh dưới làn mưa thu, chậm chậm trên phố đông đúc ồn ào, rồi bon bon trên xa lộ, lướt qua hàng loạt đồi thông xanh bất khuất và rừng phong đầy màu sắc dọc hai bên đường. Sáng nay trời mưa, nhưng thời tiết thật ấm, dù đã chính thức bước vào thu. Cảnh vật lui dần qua khung cửa kính đang nhậ nhòa nước mưa. Qua lớp kính mờ mờ bởi hơi nước đọng lại, cảnh thu thật đẹp nhưng quá buồn.

Tu viện nằm trên một triền núi cao, dốc quanh, thoải thoải, cùng với thời tiết như thế này nên mãi đến gần 5 giờ chiều mới tới Phổ Đà Sơn. Hành lý nhanh chóng được chuyển lên dãy an cư dưới trời chiều mưa tầm tã. Phân bố phòng ốc. Mỗi phòng thật tiện nghi, một phòng gồm 4-5 người, có giường, có phòng vệ sinh riêng, lò sưởi... Hai dãy an cư trên con dốc nhỏ, nằm riêng biệt với khu trai đường và chánh điện, nhưng rất gần, không xa.



7 giờ chiều Phật tử tập trung tại chánh điện để bắt đầu làm lễ khai mạc khóa tu học 3 ngày. Với sự quang lâm của các Hòa Thượng Nguyên Hạnh (đến từ Texas, Hoa kỳ), Thượng Tọa Nguyên Siêu (đến từ California, Hoa kỳ), Trí Thành (từ Toronto) và Thầy Bồn Đạt, trụ trì tu viện Phổ Đà Sơn; cùng hai vị cư sĩ Tâm Huy (giáo sư Huỳnh Kim Quang) và Tâm Quang (nhà văn Vĩnh Hảo). Chánh điện ẩm cúng với hơn 80 Phật tử đến từ chùa Báo Ân (Orlando), Montreal, chùa Pháp Vân (Toronto) và các vùng phụ cận. Lễ Phật cầu nguyện được bắt đầu sau vài lời của thầy Bồn Đạt, vị trụ trì tu viện Phổ Đà Sơn đứng ra đảm trách khóa tu này. Sau đó là buổi pháp thoại của Hòa Thượng Nguyên Hạnh.

Chủ đề của khóa tu lần này là **Con Đường Bồ Tát Đạo**. Thầy luôn mở đầu bằng một mẩu chuyện cụ thể rồi dẫn nhập vào chủ đề chính rất tự nhiên. Trước tiên Thầy nhắc nhở phật tử hãy nhớ rằng Đạo là cội nguồn nên cần phải gìn giữ dù trong bất cứ hoàn cảnh nào. Hạt giống bồ đề tâm luôn có trong mỗi người. Nhưng vì bị mê lầm che lấp nên không phát triển. Vậy nên, hãy cầu xin một chút từ bi để xoa dịu nỗi đau của chính mình và của chúng sinh, chỉ một chút từ bi thôi sẽ xoa dịu biết bao cuộc sống đang bị thiêu cháy bởi hận thù... Và hãy xin một chút trí tuệ để thấu hiểu nguồn gốc của sự khổ đau. Sự khổ đau thì vô cùng vô tận, cho nên giáo pháp của Phật cũng vô tận vô cùng, sâu thẳm, bao la. Nhưng không phải vì thế mà ta chỉ làm những việc to lớn, siêu nhiên cho cân bằng xứng đáng với giáo pháp thâm sâu vi diệu. Mà, hãy bắt đầu bằng một hành động, lời nói, ý nghĩ thật bình thường, nhỏ nhoi trong cuộc sống hàng ngày vốn vô thường biến đổi này. Chia sẻ một manh áo cho người đang lạnh lẽo, một chén cơm cho kẻ đang đói lòng, một lời an ủi, khuyên răn đúng lúc cho một người đang tuyệt vọng... Những việc làm nhỏ nhoi, tầm thường ấy gọi là hành động của Bồ Tát. Mục tiêu tối hậu của Bồ Tát hạnh là: thành Phật. Thế nên, con đường duy nhất để thành Phật là con đường Bồ Tát Đạo.

9 giờ đêm, tọa thiền trong 15 phút. Mưa vẫn còn tầm tã rơi bên ngoài, ngồi thiền mà vẫn cảm nhận được bằng

đôi tai. Trong những phút tĩnh lặng tọa thiền hay niệm Phật của đại chúng, tưởng chừng chỉ cần ngồi im, không quán tưởng tư duy gì hết, lòng vẫn thanh tịnh khi lắng đọng nghe tiếng mưa rơi.

5 giờ sáng thứ bảy, thức chúng. Trời chưa sáng hẳn. Thời tiết không lạnh lắm, nhưng gió. Sương sớm đọng trên rừng lá. Tiếng chuông đại hồng chung vang vang trong không trung lúc trời còn mờ tối. Tiếng chuông ngân nga, tĩnh lặng, len lỏi theo chiều ngang, để đi ngang cõi người, xuyên qua vách núi, kẽ lá, len lỏi vào cõi u minh tăm tối... Khung cảnh này, gợi nhớ bài kệ thỉnh chuông và nghe chuông sau:

*Nguyện thử chung thỉnh siêu pháp giới
Thiết vì u ám tất giai văn
Văn trần thanh tịnh chứng viên thông
Nhất thiết chứng sanh thành chánh giác
Văn chung thỉnh
Phiền não khinh
Trí tuệ trưởng
Bồ Đề sanh
Ly địa ngục
Xuất hỏa khanh
Nguyện thành Phật
Độ chúng sanh*

5 giờ 30 là giờ tọa thiền và công phu sáng, rồi tảo thực. Sau đó thiền hành tự do dưới rừng phong vàng rực, giăng khắp lối. Từ trên đồi cao, nơi bức tôn tượng Mẹ Quán Thế Âm tự tại giữa núi rừng, thoáng nhìn ra nơi xa bao la bên dưới, thấy vô cùng vô tận, trùng trùng cây đủ sắc màu hiên ngang, vút thẳng lên trời cao, có một mái nhà bơ vơ bên dòng sông êm đềm gợn nhẹ sóng bởi gió thu vi vu từ núi rừng thơ mộng. Mọi xô bồ, ồn ào, náo nhiệt của cuộc sống hàng ngày như tan biến.

Sau những khoảnh khắc ấy, tâm tư Phật tử như lắng dịu, để tiếp tục đoạn nạp bài pháp thứ hai của TT Nguyên Hạnh, lúc 8:30. Chủ đề sáng nay là: ý nghĩa của bài chuyển pháp luân đầu tiên của đức Phật. Mở đầu bài pháp bằng hai cực đoan và con đường Trung Đạo, đó là Con Đường Bát Chánh Đạo. Tiếp theo Đức Phật giảng đến Tứ Diệu Đế. Hẳn có lý do khi HT chọn chủ đề này. Vì ngay sau bài thuyết giảng này là nghi thức An Vị Phật tại vườn Lộc Uyển. Dầu biết là đề tài không mới, nhưng đại chúng hết sức tập trung lắng nghe trong sự trang nghiêm. Bởi vì Phật tử hiểu rằng Giáo Pháp không phải chỉ nghe một lần là đủ, hướng chỉ TT thu hút thính chúng bằng những ngôn từ rõ ràng truyền cảm, gieo vào lòng Phật tử niềm kiên cố với Đạo Pháp. Cuối bài giảng có những câu hỏi được nêu ra từ phía Phật tử được TT trả lời rất ráo.

9 giờ 30: Lễ An Vị Đức Bồ Sư tại vườn Lộc Uyển

được bắt đầu tại chánh điện bằng thời kinh nguyện cầu. Tất cả các chư tôn đức và Phật tử đều có mặt. Sau đó kinh hành từ chánh điện xuống vườn Lộc Uyển, kinh hành 3 vòng quanh vườn. Vườn Lộc Uyển nằm dốc trên một đồi non không cao. Từ đây nhìn xuống thấy Tôn tượng Mẹ Quán Thế Âm đứng vững phía dưới xa xa. Và cũng từ đây ta có thể thấy bao quát khung cảnh của tu viện Phổ Đà Sơn được rừng cây bao bọc, che chắn, nhưng rất thoáng. Khí trời se lạnh. Gió vi vút trong không trung để gọi một trận mưa lá trút xuống vườn. Tiếng xào xạc của những bước chân trên thảm lá vàng. Tất cả cất cao câu niệm Nam Mô Bồ Sư Thích Ca Mâu Ni Phật trong suốt thời gian kinh hành. Tất cả như tạo nên một bản nhạc của đất trời, khiến buổi lễ càng trở nên màu nhiệm. Nắng? Có nắng không nhỉ mà sao nghe ấm cả cõi lòng. Tôn tượng đức Bồ Sư và năm anh em Kiều Trần Như trang nghiêm ngồi đó, mỉm cười, nụ cười ban trải niềm hạnh phúc vô biên.

Lễ hoàn mãn. Chư Tôn đức cùng Phật tử cùng chụp hình lưu niệm. Tuy nhiên có một tấm hình mãi không phai trong tâm khảm của mỗi học viên trong khóa tu này. Rồi sau này, mỗi khi dạo quanh khu vườn Lộc Uyển, gợi nhớ đến bài pháp đầu tiên của Đức Phật - kinh Chuyển Pháp Luân.

11 giờ 30, thọ trai, sau đó có một giờ để chỉ tịnh. Không một học viên nào không dùng thời gian chỉ tịnh này để dạo quanh rừng núi của Thầy Bồ Đạt. Đẹp! Đẹp quá! Đẹp thật! Đẹp vô cùng! Đẹp tựa như tranh!.. Hầu như ai cũng phải thốt lên như thế. Có một cái hồ được gọi là hồ Bát Chánh Đạo. Hồ nằm khuất sau hai dãy an cư. Trời không mưa, cũng không nắng, nhưng có chút gió nên làm khung cảnh nơi đây như một cõi mơ hồ nào đó. Sát mé hồ có bức tượng trắng tinh của Mẹ Quán Thế Âm tự tại, có ngọn tháp hải đăng nhỏ. Giữa hồ có hai hòn đá trắng và đen tượng trưng cho thiện và ác. Dưới hồ có cá, có loài thủy sinh hoa sen, nhưng rất tiếc mùa thu lạnh hoa không còn, chỉ thấy lá và búp xanh vươn cao khỏi mặt nước. Chung quanh trên bờ có bốn trụ chia đều ở bốn góc tượng trưng cho tứ đại giai không. Chiếc cầu nhỏ, ngắn nối liền bờ với mái chòi chòm ra giữa mặt hồ. Nhà thủy tạ như một gác chuông không vách, có tám cạnh, biểu tượng cho Bát Chánh Đạo. Nơi đây là nơi lý tưởng để ngắm cảnh thơ mộng của núi rừng. Ban ngày ngắm lá vàng rơi, đêm về ngắm trăng sao cùng gió mát, một tách trà nhỏ trên tay... Ôi còn gì tuyệt hơn như thế. Hồ được bao quanh bởi một rừng cây vàng rực. Lá vàng giăng trải khắp nơi: trên cây, dưới đất, trên mặt hồ, trên thảm cỏ, trên mái che... Có lá nghịch ngợm đậu cả trên vai trên tóc...

Vài giọt mưa lất phất rơi, cũng là lúc đến giờ tập hợp

tại chánh điện, chuẩn bị cho giờ thuyết giảng của Giáo sư Huỳnh Kim Quang (cư sĩ Tâm Huy) vào lúc 2 giờ chiều. Giáo sư nói về con đường Bồ Tát đạo bằng cách dùng hình ảnh của cửa vị cư sĩ Bồ Tát ngày xưa Duy Ma Cật.

5 giờ công phu chiều, tiểu thực.

7 giờ tối là giờ pháp thoại của nhà văn Vĩnh Hảo (cư sĩ Tâm Quang). Vì là một cư sĩ tại gia nên nhà văn dùng những ví dụ xảy ra trong cuộc sống hàng ngày để truyền đạt về tâm lòng của Bồ Tát. Bất cứ sự việc nào xảy ra hàng ngày cũng đều có thể khiến lòng phát nguyện, khởi lên từ cái tâm bồ đề sẵn có. Bồ Tát không ở nơi nào cao xa, hay khó thực hiện, mà Bồ Tát ở ngay trong chính cuộc sống vô thường này, mà ta thường gọi là Bồ Tát giữa đời thường là như thế. Hãy tin là mình có thể làm được. Cuối bài thuyết giảng có vài câu hỏi mà học viên thắc mắc, được nhà văn trả lời một cách tường tận, rõ ràng.

9 giờ 30, tại chánh điện, đêm thiền trà bắt đầu với sự tham gia của TT Nguyên Siêu, TT Trí Thành, TT Bồn Đạt, sư cô Chúc Minh và Đàm Khiết, hai vị cư sĩ Tâm Huy, Tâm Quang, cùng tất cả học viên. Rất tiếc về việc HT Nguyên Hạnh có phật sự tại địa phương gấp nên đã không có mặt trong đêm thiền trà âm cúng đạo vị mà cũng thật vui rộn thoải mái này.

Trong ánh đèn mờ mờ, học viên đứng chấp tay cung nghinh chư tôn đức vào chánh điện. Vẫn trong ánh sáng huyền ảo ấy, TT Bồn Đạt nhẹ gõ vào chuông đồng, tiếng chuông vang vang vọng đều cả chánh điện âm cúng, len lỏi vào từng tâm hồn, Thầy cất giọng trầm ấm ngâm bài kệ:

*Lắng lòng nghe, lắng lòng nghe,
Tiếng chuông huyền diệu đưa về nhất tâm
Ba nghiệp lắng thanh tịnh, gói lòng theo tiếng chuông,
Nguyện người nghe tỉnh thức, vượt thoát nẻo luân hồi
Nghe chuông, phiền não tan mây khói
Trí lặng, Tâm an, miệng mỉm cười
Hơi thở nương chuông về chánh niệm
Vườn Tâm hoa Tuệ nở muôn phương.
Tiếng chuông thức tỉnh lan xa mãi
Thử hỏi hồn ai đã tỉnh chưa?
Hỏi ai lạc bước mau dừng lại
Lắng tiếng chuông ngân, lắng não phiền.*

Chư vị tăng ni cùng học viên chấp tay lắng lòng nghe. Không một tiếng động. Chánh điện im phăng phắc. Thật trang nghiêm, thanh tịnh, nhưng cũng thật âm cúng. Tiếp theo Thầy ngâm bài Thiền Trà, lời của Thiền sư Nhất Hạnh:

*Chén trà trong hai tay
Chánh niệm nâng tròn đầy
Thân và tâm an trú
Bây giờ và ở đây
Khi uống chén nước trong
Ta nhớ nguồn nhớ cội
Khi nhấp miếng trà thơm
Hỏi nước đến từ đâu
Nước từ nguồn suối cao
Nước từ lòng đất sâu
Nước màu nhiệm tuôn chảy
On nước luôn tràn đầy...*

Dứt bài này, Thầy nói về cách thức làm trà cũng như ý nghĩa của đêm thiền trà này.

Thầy Nguyên Siêu tiếp nói bằng một bài thơ của Thiền sư Tuệ Sỹ, bài Mưa Cao Nguyên.

*Một con én một đoạn đường lay lắt
Một đêm dài nghe thác đổ trên cao
Ta bước vội qua dòng sông biển biệt
Đợi mưa dầm trong cánh bướm xôn xao
Bóng ma gọi tên người mỗi sáng
Từng ngày qua từng tiếng vu vơ
Mưa xanh lên tóc huyền sương nặng
Trong giấc mơ lá dạt xa bờ.
Người đứng mãi giữa lòng sông nhuộm nắng
Kể chuyện gì nơi ngày cũ xa xưa
Con bướm nhỏ đi về trong cánh mỏng
Nhưng về đâu một chiếc lá xa mùa
Năm tháng vẫn như nụ cười trong mộng
Người mãi đi như nước chảy xa nguồn
Bờ bến lạ chút tự tình với bóng
Mây lạc loài ôi tóc cũ ngàn năm.*

Là một Phật tử sơ cơ, vậy mà người viết vẫn cảm được một điều gì đó từ lời thơ của Thầy. Chỉ một chút thôi, để hiểu Thầy hơn, thương Thầy hơn. Lời thơ điều luyện, có lúc đơn sơ bình dị, nhưng ý thì lúc nào cũng thâm sâu mà người viết không thể nào hiểu hết được. Trong không khí này, hoàn cảnh đầy hương vị đạo nơi đây, không biết đêm nay, đợt gió ngoài kia có chuyển những tấm lòng ngưỡng mộ và tôn kính này đến với Thầy hay không?

Thầy Trí Thành thay đổi không khí bằng một câu chuyện vui. Đạo tràng được một tràng cười thoải mái,

nhưng không làm mất đi không khí trang nghiêm thường lệ của chốn thiền môn. Xin được tiết lộ một chút, thầy không được khỏe mấy hôm nay, nhưng vẫn gắng cố mặt trong ba ngày của khóa tu này để làm thêm âm lòng Phật tử.

Đến lượt phía học viên đáp lễ lại phần giao lưu một cách sôi nổi, nhiệt tình bằng những bài thơ tự làm lấy. Có người ngâm, có người đọc, có người góp vui bằng giọng hò miền nam, bằng điệu bài chòi miền trung.

Những tràng pháo tay sau mỗi bài ngâm, sau mỗi giọng hát đã làm chánh điện rộn rã, vui tươi trong không khí đầy đạo vị, hòa hợp. Bên ngoài gió đập vào khung cửa sổ bằng kính, lá vàng rơi xuống, ghé vào thành cửa kính rồi nằm đó. Hình như... hình như thiên nhiên cũng muốn tham gia vào đêm thiền trà này?

Vì thời tiết cứ hay mưa, nên khóa tu mùa thu năm nay không có lửa trại như khóa tu mùa thu năm ngoái (trong rừng phong do thầy Tâm Hòa tổ chức) nhưng thay vào đó là đêm thiền trà thật ấn tượng và không dễ quên trong lòng mỗi học viên.

Mãi hơn 11 giờ đêm mới kết thúc trong niềm hoan hỷ, an lạc, dù có chút tiếc nuối. Chắc chắn tất cả đều sẽ có một đêm nay ngon giấc.

Chủ nhật, 5 giờ trời chưa sáng, trong sương sớm của một ngày thu, vẫn tiếng chuông vang vang trong thính không, núi rừng, len lỏi vào cõi u minh để phá tan tăm tối. Thời công phu sáng bắt đầu như thường nhật, sau đó thì tảo thực, rồi chấp tác.

8:30 nắng ấm lên, là thời pháp thoại của TT Nguyên Siêu. Tất cả các thời pháp thoại của khóa tu ba ngày đều nói về một chủ đề chính duy nhất là con đường của Bồ Tát. Bài giảng kéo dài hơn hai giờ đồng hồ. Không khí sôi động, thoải mái, tự nhiên, thân thiết, vì các học viên tự nhiên hỏi và ý kiến trong khi Thầy giảng. Đây là điểm khác biệt hiếm thấy so với các thời thuyết giảng khác là giảng sư giảng xong thì học viên mới đặt câu hỏi. Trong suốt thời gian đầu, ai nấy cũng hoan hỷ cười tươi với bài giảng thật hay của Thầy. Vậy mà đến lúc thượng tọa cho những lời kết, không chỉ riêng người viết mà tất cả học viên Phật tử đều đã rơi lệ. Thầy nhấn gửi cũng như mong mỗi nơi học viên giữa cuộc sống vô thường này. Hãy thương nhau đi, vì có thương nhau mới kính trọng nhau, mới bảo bọc nhau, dựa dẫm nhau, cùng chia sẻ và coi nhau như anh chị em trong gia đình. Có thương nhau mới thấu hiểu sự khổ đau của nhau, thấy sự sống chết, bất hạnh, niềm đau của người khác như của chính mình... Tất cả đứng dậy, chấp tay nhắm mắt niệm câu “*Chúng sinh vô biên thế nguyện độ. Phiền não vô biên thế nguyện đoạn. Pháp môn vô lượng thế nguyện học. Phật đạo vô thượng thế nguyện thành*” mà nước mắt còn lăn dài trên má...

11:30 Bắt đầu lễ cúng nọ và cầu siêu dưới sự chứng minh của TT Nguyên Siêu, TT Trí Thành, TT Bốn Đạt. Rồi các Thầy thay nhau ban bố đạo từ. Các Thầy nhấn nhủ học viên tinh tấn trên con đường tu tập, để không phụ lòng của các vị giáo thọ, cũng như của Tam Bảo. Phật tử Phạm Hùng đại diện tất cả học viên đọc lời tri ân đến các bậc giảng sư. Các Thầy và Phật tử lắng lòng nghe mà không khỏi bồi ngùi trước giờ phút cuối cùng này.

Sau lễ Bế Mạc, tất cả xuống trại đường cúng dường trai tăng. Cám ơn ban trai soạn đã cúng dường những bữa ăn thật ngon miệng trong ba ngày tu học qua. Nhờ đã chuẩn bị sắp xếp đồ đạc trước, nên ngay sau giờ thọ trai, tất cả hành lý nhanh chóng được đưa lên xe.

Ba ngày tu học ngắn ngủi qua nhanh, học viên chia tay nhau, chia tay quý thầy, chia tay rừng núi ngập lá vàng của Thầy Bốn Đạt. 2 giờ chiều chiếc xe lăn bánh, để lại sau lưng một vùng trời kỷ niệm bên mái Phổ Đà Sơn. Kỷ niệm đượm tình đồng đạo, một kỷ niệm vừa có thể để lại, vừa có thể mang đi.

Rời tu viện trong niềm an lạc và hạnh phúc, lòng nguyện mang những gì đã tiếp nhận trong ba ngày qua làm hành trang cho cuộc sống vô thường biến đổi. Nguyên làm những Phật tử tại gia theo đúng tinh thần Bồ Tát Đạo mà khóa tu này đã chủ trương. Ngoái đầu nhìn lại tu viện lần cuối, chợt cảm nhận niềm hạnh phúc khi thấy tôn tượng Mẹ Quán Âm đứng vững trên cao, giữa trời thu gió lộng.

Bên ngoài khung cửa sổ nhỏ, rừng cây đang trôi dần, trôi dần. Nắng ấm đã lên cao, không còn phân biệt đâu là màu nắng, đâu là màu lá nữa... Có lẽ vì người viết chỉ thấy duy nhất ánh đạo vàng?

(cảm tác từ khóa tu Phật pháp mùa thu tại Phổ Đà Sơn, Ottawa, Canada, 19-21 tháng 10, 2007)





(tiếp theo)

CHƯƠNG CHÍN

Rỗng Lặng

Chẳng ai phân biệt được đó là ngôi nhà hoang, cái miếu cũ hay ngôi chùa cổ nếu không có âm thanh ngân nga như tiếng cầu kinh từ một nơi xa vắng vọng về. Tất cả ẩn sau tàn cây xanh. Mái ngói đóng rêu xanh rì và mép ngói nhấp nhô sắp đến hồi sụt lở. Sợ gây tiếng động làm tù vết tiếng hát trong ngân, Trí Hải và Phạm Xảo rón rén vén hiên lá bước vào. Phải qua cái cổng gạch tô vôi màu loang lổ mới đến cái bình phong chắn trước bệ càn nứt nẻ lâu ngày không còn một giọt nước. Núp dưới bóng những cây sanh, cây bồ đề, cây phong... cổ thụ, ngôi nhà gạch xưa cũ suốt ngày không ngoi lên được cho ánh nắng mặt trời rọi vào, dù chỉ là dăm bảy chấm nắng vàng lốm đốm.

Trước hiên nhà, hai mẹ con mèo mướp quỳ nhau nằm ngủ lim dim. Trong số những người ngồi xếp bàn hay duỗi chân, lưng tựa vào tường thoải mái, có cả thằng Vui điên nổi tiếng cả kinh thành. Thằng Vui điên nổi tiếng một cách tội tình không phải vì được phong tước vương hầu, hay vì đậu bằng tiến sĩ làm ông nghè ông cống mà chỉ vì cái quần đùi.

TU BỤI

truyện dài nhiều chương của

TRẦN KIÊM ĐOÀN

Quanh năm nó chỉ có độc một chiếc quần xà lỏn. Mưa lạnh buốt da cũng như nắng cháy lưng trần, thằng Vui chỉ thẳng độc nhất cái quần xà lỏn với đầu trần, mình trần và chân trần chạy rông khắp kinh thành. Tấm giấy thông hành độc nhất của nó là nụ cười muôn thuở trên môi. Nụ cười bất tận trên khuôn mặt tiểu lâm và cái quần cộc của thằng Vui đã an ủi được cả những kẻ khốn cùng nhất. Nhìn thằng Vui chạy tóe nước trong cơn lạnh mùa đông cắt da của xứ Huế, người khốn khổ nhất cũng cảm nhận và an ủi được rằng, ít ra trên đời cũng còn có kẻ khốn cùng hơn mình.

Tiếng tụng kinh của ai đó như một tiếng hát phiêu linh. Ngôn tự vẫn ràng buộc trong một qui ước mờ hồ của lời kinh. Nhưng âm thanh bay lượn vào cõi mê mông, không phải đậu trên mỗi nhịp chuông, tiếng mõ. Âm thanh hồn nhiên như tia nắng mai phủ cả bầu trời lồng lộng: *Sâu thăm, cao vời huyền diệu quá Trăm, ngàn, vạn kiếp khó tìm nhau Nay nghe thấy được điều tâm nguyện Hiếu nghĩa Như Lai ý nhiệm mầu...*

Trí Hải nhắm đọc theo bốn câu "Khai kinh kệ" bằng chữ Hán: *Vô thượng thậm thâm vi diệu pháp Bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ Ngã kim kiến văn đắc thọ trì Nguyên giải Như Lai chơn thiệt nghĩa*

Cuối căn phòng không rộng, mờ trong ánh sáng xanh hắt ra từ những bờ lá thấp phản ánh mặt trời, một nhà sư áo vàng ngã mầu đất sậm, giọng cao dùi mõ nhưng không đánh xuống mà chỉ chạm vào thành mõ rất khẽ, tạo ra một âm thanh đục trầm thắm sâu mà không dội. Giọng nhà sư trong và ấm, ngân nga tự do như hoà điệu với thời gian buổi chiều trôi chậm chậm ngoài kia. Cùng với đám người đang ngồi sấn lặng nghe từ bao giờ, Trí Hải và Phạm Xảo chẳng ai nói với ai một lời, cùng ngồi xuống. Có những thanh âm huyền diệu làm cho tiếng lá rơi cũng thành một tạp âm chẳng ai chờ đợi. Có những sự gào thét im lìm mà chỉ có tâm thức mình nghe. Tiếng niệm kinh của nhà sư chấm dứt lâu rồi mà đám người nghe vẫn còn ngồi im lặng trong vắng vát của dư âm. Cho đến khi nhà sư đứng dậy, tươi cười tiến về phía cửa vào, mọi người mới lần lượt di chuyển theo.

Một chút ngỡ ngàng nhưng không mấy ngạc nhiên khi Trí Hải nhận ra nhà sư là người đốt than đã gặp trên núi. Trí Hải bước đến trước mặt nhà sư, chào hỏi:

- Xin chào sư bác. Sư bác còn nhớ tôi không?

Nhà sư nhìn Trí Hải với đôi mắt dịu hiền và tươi mát của người mới gặp lần đầu, trả lời một cách hồn nhiên làm người nghe chưng hửng:

- Có mà không!

Trí Hải cố gọi lại điểm tựa của ký ức:

- Lần đầu chúng ta gặp nhau khi sư bác đốt than và lần cuối gặp nhau là khi sư bác nhắc tôi về cái "tâm không – xả bỏ..." trong thuật đánh cờ đó mà, lẽ nào sư bác lại không nhớ?

Nhà sư vẫn giữ dáng cười hiền hậu và chân tình, trả lời:

- Không nhớ quý hữu mà chỉ nhớ một nhân vật cao cờ đang chết đuối. Đã ngoi lên bờ được rồi, sao quý hữu không nhớ hiện tại mà phải quay lui mang quá khứ về đây?

Trí Hải vẫn thắc mắc:

- Không cố quá khứ thì làm sao có hiện tại. Không có hiện tại làm gì có tương lai?

Giọng nhà sư nhỏ lại và trầm xuống như nhắc nhở:

- Ích gì đâu để kéo những vui buồn đã qua hay chưa tới. Cột dính chùm quá khứ với hiện tại, làm cho hiện tại bị lay động và mất hết vẻ hồn nhiên vì những cái không phải là chính nó hay của nó. Cơm nóng hôi hổi trước mắt không chịu ăn lại phải trộn cơm nguội hôm qua và gạo sống chưa nấu vào cơm nóng trước mắt để làm gì. Mỗi lần gặp nhau muốn có niềm vui và giao tình chân thực thì cần được xem như là lần đầu và cũng là lần cuối. Quên chuyện đã qua và khoan nghĩ tới chuyện chưa đến để dành cho hiện tại chút tươi mát, thanh thoi. Lắng lòng nghe một câu kinh, uống một chén nước chè xanh và giữ lòng an lạc là hạnh phúc trong tầm tay. Nắm lại và giữ nguồn hạnh phúc khỏi mất tiền mua vì nó ở trong ta. Nào mời quý hữu...

Vị sư đưa tay mời nhóm khách lơ thơ chừng mười người vào lại căn phòng trống duy nhất của ngôi nhà gạch quá cũ kỹ rêu phong để dùng trà. Quay về phía Trí Hải bên cạnh, nhà sư nói vừa đủ hai người nghe:

- Quý hữu biết rồi, một ngày qua là một chuỗi đổi thay. Trong giờ khắc này quý hữu gặp tôi là một thầy tu; và quý hữu là một khách thập

phương ghé lại nghe kinh. Bị than không còn trên vai tôi và những thế cờ cũng chẳng còn trong trí quý hữu. Mỗi chúng ta là một con người khác, một nhân vật mới. Mọi người, mọi vật đều đang thay đổi. Sự thay đổi tiếp diễn liên tục trong từng nháy mắt. Có khi sự thay đổi toàn triệt đến tận cùng như là chết đi và sống lại...

Trí Hải chợt nhận ra cái ý nghĩa thâm sâu trong giọng nói âm áp của nhà sư:

- Ý sư bác muốn nói đến sự vô thường trong từng nhấp nháy của dòng sông không biết đâu là điểm khởi đầu hay kết thúc?!

Nhà sư im lặng thay cho một sự trả lời đồng tình. Đám khách thập phương, từ người mặc áo gấm lam có hoa văn chìm, thêu nhãn hiệu "Cô Ba Gấm" nức tiếng đương thời—một chỉ dấu thuộc hàng quý tộc—đến những người dân nghèo áo quần vá chằm, vá đụp, đều ngồi xuống nền nhà lát bằng đá thanh đã nứt nẻ nhiều nơi nhưng còn sạch sẽ. Cái bình trà lớn và chục cái chén đất nhỏ kiểu rất lạ bày sẵn trên hai tàu lá chuối xanh còn nguyên vẹn để giữa phòng. Nhà sư mở cửa hông, đến bên lò nước đang sôi, xách ấm nước sôi chế vào bình trà với một phong thái nhẹ nhàng và cẩn trọng. Mùi thơm phảng phất thoảng hương khói man đại của một loại gỗ rừng đang cháy lọt vào khung cửa hẹp. Trí Hải nhắm mắt và hít mạnh. Mùi hương cũ của bếp than đang cháy bị nhà sư tưới nước tắt nửa chừng trong rừng hôm nào phả mạnh vào mũi. Từng cảm quan bén nhạy nhất của Trí Hải trở dậy. Thì ra, than chín chỉ mang lại sức đốt, nhưng than "sống" mới mang theo hơi hướng của loài cây phát sinh ra nó.

Trà đến từ đợt non mới nhú ra hai lá của vô số cây trà hoang trên núi mà nhà sư đã hái về ướp sen rồi sao khô để dành đãi khách. Hương trà thơm như hương rừng tổng hợp muôn ngàn cây núi. Vị trà chất đầu

lưỡi, lưu lại vị ngọt sau cùng trong cổ có sức níu kéo mang đầy ấn tượng thanh thoát lẫn huyền hoặc khó phân tích hay gọi tên vì nó là vật mời của một nhà sư kỳ lạ... "không giống ai." Nhà sư âm thầm xuất hiện giữa kinh thành nổi tiếng là kinh đô của chùa chiền; và cũng là đất thánh của hàng tu sĩ cấp cao này bằng một cung cách riêng.

Theo dấu nhà sư, người ta nhớ lại từ đầu, không rõ từ đâu lại, một người có dáng vẻ như nhà sư vì chiếc đầu tròn nhẵn bóng và nét an lạc tự tại trên một khuôn mặt vừa già vừa trẻ. Căn nhà hoang một thời, được dùng làm nơi thờ tự của "tôn nơn" Doan Vương thứ phi, bỏ hoang vì không người thừa tự. Một người thuộc hàng con cháu xa của dòng Doan Vương bỏ công của ra sửa sang chút đỉnh và mời nhà sư vào ở. Từ đó, căn nhà hoang sống lại trong vẻ cô cút ẩn nhẫn nhưng vẫn tỏa ra cái không khí quý tộc, đài các vô hình của một cung phi thất sủng về chiều. Người cư trú cũng có vẻ vừa thật, vừa thần thoại như ngôi nhà. Người đàn ông khi khoác áo nhà sư; khi vác cuốc, mặc áo cộc chàm của người lao động; khi cầm rìu mang gánh của gã tiểu phu. Bởi vậy, nhân vật lạ lùng này mang nhiều tên mà không ai biết tên nào là đúng, vì gọi tên nào nhà sư cũng hoan hỉ gật đầu. Người căn cứ vào cách sống đạm bạc, đơn sơ và lam lũ và bất chấp hình tướng của nhà sư thì gọi là "Thiền Sư Tu Bụi." Người chỉ chú ý cặp mèu lúc nào cũng có mặt trước hiên nhà thì gọi là "Thầy Miêu." Người nghe được vài ba câu nói sâu xa hiếm hoi và biết chút ít tông tích của nhà sư thì gọi là "Sư Minh Thiền." Và, thậm chí có người chỉ gặp nhà sư khi đốt than, đốn củi thì gọi là "Thầy Tiều"... Có vẻ như không tên gọi nào sai mà cũng chẳng có tên gọi nào vừa vặn cho nhà sư. Cái tên như bóng nắng nhuộm sáng thịt da nhưng chợt đến, chợt đi

không nằm lại với con người.

Trên bệ thờ chạm bằng đá Thanh đặt ở cuối phòng không biết đã xuất hiện ở đó từ thời nào, cấm đầy hoa tươi và trái cây đủ loại. Trên tường chỉ thấy hình hai bàn tay nuột nà bằng thạch cao, nét chạm rất tinh vi. Một bàn tay chỉ mặt trắng và một bàn tay cầm đóa sen nở hàm tiếu. Hai bàn tay như đang nâng một khung kính soi hình bầu dục, chiều cao to bằng người đứng thẳng. Khung kính thép vàng đã lóc men và cũ kỹ, nhưng mặt kính vẫn còn trong vắt. Chẳng thấy tượng Phật hay tượng thánh nào khác ngoài chiếc kính lộ lộ mà tất cả mọi người trong phòng chỉ cần ngược nhẹ nhìn vào tấm kính thì cũng thấy được ảnh mình soi trong đó.

Những người ghé lại nghe kinh ngày một đông. Dường như nhà sư chỉ đọc kinh khi nào đang ở một trạng thái thanh tịnh, siêu thoát nhất. Người theo dõi cố cảm giác rằng, nhà sư đọc kinh bằng một cảm xúc trọn vẹn hay hứng khởi vô biên như nghệ sĩ xuất hiện trên sân khấu, chẳng có một thời biểu nào rõ rệt. Tất cả đều theo cái tinh thần "tùy duyên"; có duyên thì gặp. Hầu hết những lời kinh gốc từ chữ Phạn và chữ Hán, đều được nhà sư dịch ra bằng một thứ ngôn ngữ thuần Việt trong sáng như ca dao và giàu vần điệu đẹp như thơ.

Sau ngày gặp sư Trúc Lâm từ hai năm trước, Trí Hải nghe như có sự thay đổi từ trong cách nhìn và cách cảm nhận về thế giới xung quanh. Đó không phải là một thế giới lạnh lùng và cô quạnh. Con người không phải sinh ra để đếm ngày tháng đi qua; để đón những đứa bé mới ra đời và tiễn biệt những người vừa mới chết hay để tiếc nuối tuổi thanh xuân nhạt dần với sự già nua hiện đến. Người ta biết rõ sự tan hợp rất vô thường nên không "chạy lui về tương lai" bằng cách đem cái quá khứ đặt vào tương lai mà quên

mất hiện tại. Mỗi con người không phải là một thế giới riêng. Không ai tự cô lập khỏi cuộc đời để rút về một nơi trú ẩn tốt nhất mà núp bóng hạnh phúc, chống lại sự biến dịch và giữ được mãi những gì mình ưa thích.

Ngày xưa, những thế giới an toàn vương giả nhất, nhưng cũng đầy chuyện thù ghét hoang tưởng nhất trong cung cấm như Vọng Nguyệt Thành, Tử Cấm Thành, cung A Phòng... chỉ là những thế giới an toàn mong manh của cái tổ chim treo trên ngọn cây trước sức công phá của gió bão thời gian đầy biến dịch. Đó là sự thu mình vào cái ngã tưởng tượng được xem như là lâu đài kiên cố. Vì tưởng tượng nên đây chỉ là "giả ngã" – một cái tôi bọt bèo nhấp bóng dưới một cái cái ta không có thật. Chỉ khi nào cái Giả Ngã bị xua tan như màn đêm thì cái Chân Ngã mới xuất hiện. Và khi chân ngã xuất hiện thì sẽ thấy được Ngã là một cái gì rộng lớn bao gồm toàn thể vũ trụ: Cái giới hạn vươn tới và hòa nhập vào cái vô cùng là khi Tiểu Ngã chuyển hóa thành Đại Ngã! Một giọt sương đã hòa vào đại dương thì không bao giờ mất mà cũng chẳng bao giờ còn. Giọt sương treo đầu cành là thật vì rõ ràng nó hiện hữu dưới dạng một giọt nước đang long lanh dưới ánh mặt trời. Nhưng đồng thời nó cũng không thật vì nó vừa kết tụ bằng hơi nước và sẽ tan đi rất nhanh cùng với tia nắng ban mai. Giọt sương có đó và không đó. Giọt sương như có, như không vì nó được tạo ra bằng hơi nước, độ lạnh, bóng đêm, cành cây và sẽ tan đi vì nắng, vì gió, vì hơi ấm của ánh sáng ban ngày. Con người "vĩ đại" và hiện hữu lâu hơn vì nó là kết tụ của hằng tỉ tỉ giọt sương, hàng muôn muôn hạt bụi. Nó có sự kết tụ qua lại của hằng hà sa số tế bào vật chất và ngọn lửa ý thức. Dầu sự hiện hữu của con người có lâu hơn giọt sương nhưng khi khối giả hợp này tan rã thì khoảng không gian nhỏ bé của thân người đã

chiếm cũng sẽ khép lại không còn dấu vết.

Rốt lại, cõi người ta và cuộc sống hiện tại này dù chỉ là một sự trú chân tạm bợ của những giọt sương. Thế nhưng kiếp người hiện hữu vẫn là một trạm trú chân sống động nhất, hiện thực nhất, đầy ý thức nhất để con người tìm một hướng đi, tìm một con đường về và tìm một nơi sẽ đến... Chỉ có con người chính mình chứ không ai khác chịu trách nhiệm lấy đời mình. Con người có khả năng tìm một con đường mình thích: Một sự bám víu đơn giản, dễ dãi và tự nhiên "ai sao mình vậy" vào cuộc sống trước mắt mà chẳng suy tư gì hơn là đời sống áo cơm. Một sự cố chấp đứng lại nhìn mình tàn lụi theo mỗi ngày qua, ý thức được mình đang bị hủy diệt mà không làm gì cả. Một sự buông xả cầu giải thoát.

Tạm trốn trong bóng mát của thời gian để cõng trên chuyến tàu thành, trụ, hoại, không đang lăn bánh về chân trời hủy diệt là một thái độ không chọn lựa—mà tự nhiên thành chọn lựa—của con người.

Trí Hải đã tìm thấy nơi nhà sư một phong thái riêng hợp với danh xưng "Thầy Tiều" hơn cả. Đây là một con đường thanh thản của tự do đầy gió rừng, dáng núi và mây trắng phiêu du của tư tưởng. Không rõ phát xuất từ một khát vọng hay một biên kiến nào ẩn kín trong tâm hồn, Trí Hải cảm thấy mỗi ngày mình càng gần gũi hơn với thầy Tiều. Đặc biệt là khi nhà sư tụng kinh với giọng ngân vang đầy cảm khái của một lời thông đạt đến nhân sinh, nhưng cũng rất u trầm mang tiếng gọi từ sự khát khao giải thoát.

Theo nhà sư thì kinh là một phương tiện truyền thông của tình cảm, tư tưởng và đức tin. Thiếu đức tin thì kinh chỉ là thơ ca đầy tưởng tượng lãng mạn; thiếu tình cảm thì kinh chỉ là bộ luật tôn giáo; và thiếu tư tưởng thì kinh chỉ là một hệ thống

thần chú bí ẩn. Có lần Trí Hải hỏi rằng, người ta thường đọc kinh với sự tha thiết hít hà, đôi khi ai oán như tiếng khóc than để nói lên thân phận bọt bèo của thân phận làm người, nỗi đau khổ nhân sinh và niềm kính sợ sức mạnh siêu hình đang vây bủa xung quanh. Thế nhưng vì sao sư lại đọc kinh với phong thái đam mê và sự xướng âm trầm bổng của một nhà nghệ sĩ như vậy, nhà sư trả lời:

- Khác nhau ở chỗ là nhiều người tụng kinh với cái tâm cầu khẩn những thể lực thần linh cao cả đâu đó để xin ban ân, chứng giám, tự xem bản thân mình cũng chỉ là vật trợ lực phát ra tiếng như cái mõ, cái chuông. Nơi đây không phải là chốn cầu khẩn mà là nơi tu tập. Tu tập không phải là hợp nhau để ca ngợi sự cao siêu của một đẳng siêu quần bạt tụy nào đó, và run rẩy ăn năn hối cải, kính sợ cầu xin. Tu tập là tìm về với sự cao cả có sẵn trong chính mình đã bao năm bị vùi lấp. Nên đọc kinh là hát, là nói lời ngợi ca. Tiếng hát làm cho trong trẻo mặt đời bụi bặm. Từ đó, cái chân tâm, Phật tánh nằm sẵn trong chính mình hiển lộ. Đừng đọc kinh để làm vui lòng ai cả. Đọc kinh để làm vui lòng mình trước đã. Đọc kinh để cho con ngựa bắt kham, khó tính và nhạy cảm trong lòng mỗi con người ngừng hí lộng, tạm dừng chân lại và lắng nghe.

Nói về kinh kệ nhà Phật, Trí Hải lại thắc mắc:

- Nhưng trong tôn giáo nào cũng giống nhau, kinh là lời của vị giáo chủ chứ đâu phải là một bài thơ hay để ngâm, hoặc như một bản nhạc du dương để hát?

- Đạo Phật khác với tất cả các tôn giáo khác. Tôn giáo nào cũng cần một Thượng Đế, một cuốn kinh thánh và một đẳng tiên tri. Riêng đạo Phật thì chỉ cần con người chính mình và một đầu óc biết quét dọn cho thành trống không như mây trắng.

- Nếu chỉ cần một tâm não trống

lặng như mây trắng thì đâu cần kinh sách nhiều đến thế?

Thầy Tiều khoác tay như muốn vứt bỏ một điều gì:

- Tất cả kinh sách và sự hành trì theo tinh thần đạo Phật là phương tiện để học cách rũ bụi, quét bụi, tu bụi... làm cho cái trí được trống không và cái tâm phẳng lặng. Kinh là viên kim cương sắc bén giúp cạo sạch lớp lớp cấu bẩn của lòng ham muốn, ý hung ác và trí lì lợm. Kinh là cái chổi giúp quét sạch bụi trần. Kinh là cỗ xe giúp chở người qua bờ an lạc bên kia. Kinh không bao giờ là tín điều, là phù phép, là những lời hô gió, gọi mưa làm phép lạ. Kinh không bao giờ là sản phẩm để thờ phụng hay đọc tụng mê man.

Một cách dễ, Trí Hải hỏi lại:

- Nói thế thì kinh văn chẳng phải lời chỉ thánh của Phật và chư Tổ để cung nghinh, đọc tụng và thờ phụng hay sao?

Vẫn nở nụ cười vui, thấy Tiều trả lời:

- Kinh là đôi giày bẩy dặm, thoăn thoắt bước đi, giúp những bàn chân trần vượt gió bụi và dè chông gai để về nơi bến cũ của chính mình. Kinh đọc tụng rình rang để khấn đảo, cung bái là lời vô hồn bị đọc và bị lãng quên. Kinh vang vọng như tiếng sóng dâng lên ngoài biển cả để thức tỉnh dòng suối đang ngủ yên trong thế giới riêng sâu kín của mỗi con người là kinh giữa đời, kinh đang sống.

- Làm sao biết được đâu là dòng suối đang ngủ yên trong mỗi con người?

- Chân không. Tâm trống lặng, trí trống lặng, tình trống lặng thì chân tánh hiện.

Trí Hải nhìn vào vẻ mặt an hòa như đang cười của nhà sư và hỏi lại:

- Có phải ý thầy nói là một đầu óc trẻ thơ chẳng?

Nhà sư ngẫm nghĩ và trả lời:

- Làm sao quý hữu biết được đầu óc trẻ thơ là trống không? Chân

không là một trạng thái trống lặng tuyệt vời trong tinh thức chứ không phải là trống rỗng. Khi ta biết ta là ai, biết ngôi chùa là ngôi chùa, biết ông Phật là ông Phật, biết người là người, biết cảnh hoa là cảnh hoa, biết con chim là con chim, biết ánh nắng là ánh nắng, biết đau khổ là đau khổ, biết niềm vui là niềm vui... là khi ta đang bước những bước đầu tiên vào vùng đất tinh thức, vùng trời tĩnh lặng. Nếu ta không ôm đồm của người làm của mình, đừng tìm hoa trong lửa, không tìm nắng trong mưa... là tìm ra lối vào an lạc.

Trí Hải nhận xét:

- Nếu chỉ đơn giản như thế mà thôi thì chẳng khó, ai cũng có khả năng tìm được.

Nhà sư lắc đầu:

- Vậy mà có biết bao người tìm cả một đời không thấy đó quý hữu ạ.

- Vì bị lạc?

- Căn cứ vào điểm tụ nơi đâu hay bản đồ chỉ hướng nào để biết lạc hay không?

Trí Hải còn đang theo dòng suy nghĩ thì nhà sư đã tự trả lời:

- Người ta vẫn quen bám víu vào điểm lạc của mình để kéo người khác lạc theo. Đó là trường hợp những người bỏ chính mình để đi cầu xin những tha lực trên trời dưới đất và năng nỗ kéo người khác theo mình đi cầu xin. Họ níu người làm ta; níu vật làm tâm nên cũng níu mê lầm làm giải thoát. Họ níu Phật, níu thánh, níu thần mà không chịu níu mình. Họ đem phương tiện làm cứu cánh, như xây một ngôi chùa thật lớn và núp bóng trong bốn bức tường vôi mà cứ tưởng lầm mình đang núp bóng từ bi của đức Phật. Họ núp trong chiếc áo mà cứ tưởng lầm rằng mình là chiếc áo. Họ chỉ mặt trăng mà cứ tưởng ngón tay mình là mặt trăng. Họ nguyện cầu, van xin, hứa hẹn và tự chôn mình dưới những tầng kinh mà không chịu vực cái tâm quý giá nhất của mình vươn dậy để lên đường.

- Lên đường! Đường nào?

Nhà sư không nói gì mà ra dấu mời Trí Hải đứng dậy theo mình. Trí Hải theo nhà sư đến trước đài gương sáng. Cả hai lặng lẽ ngồi xuống. Trí Hải ngược mắt nhìn và thấy bóng mình hiện ra lơ lửng trong gương. Mới ngoài năm mươi mà dáng mệt mỏi đã hiện ra rõ nét. Lần đầu Trí Hải mới có dịp nhìn mình chăm chú đến như thế. Đã có những đêm đôi mắt dấu hiệu của tuổi già hiện trên khuôn mặt thanh tú một thời. Những đường nhăn sần sùng xồng tới như những đoàn quân hẹn hò giáp trận trên khuôn mặt đã qua giờ ngọc. Học theo động tác của nhà sư, Trí Hải ngồi ngay ngắn, xếp bàn và đôi mắt quan sát từ từ kéo xuống trong thế mở lim dim. Trạng thái bốn chôn ban đầu dịu xuống. Những ý nghĩ muốn nhảy xổ ra khỏi đầu lắng lại. Đầu óc đầy đặc bao nhiêu là chuyện đời như tạm đóng cửa không trao đổi với bên ngoài để chất chồng thêm phiền muộn. Khi không còn liên tục nạp thêm thức ăn hỗn tạp phi vật thể, vô hình, trí óc từ từ rỗng lặng. Cái tâm không bị những xung động nghịch chiều làm rối loạn, cái tâm như mặt trăng không có mây che, chiếu vằng vặc và xa vời trên bãi vắng của cảm xúc. Trí Hải có thể nghe từng tiếng lá khô và hạt vông vang rơi trên mái và bắt gặp hơi thở của mình dường như dài và sâu hơn. Trí Hải cảm nhận được rằng mình đang có một trái tim, không phải một trái tim đập rộn ràng vì tham lam và cảm xúc, mà một trái tim làm việc cần cù một cách dễ thương và gần gũi như con trâu cày ruộng trên đồng. Trí Hải cảm nghe niềm hạnh phúc khi biết mình đang sống. Sống trong từng chớp mắt của thời gian. Người ta quen đếm dòng sông bằng năm mà quên đếm bằng chớp mắt nên tất cả đều quên giây phút đang sống này trong biển đời trôi nổi đã qua và trong dòng đời hứa hẹn chưa tới của câu chuyện cứ lập đi, lập lại hoài hết

năm ngoái đến sang năm.

Trí Hải đứng dậy theo vị sư. Nhà sư chẳng nói một lời nào và thân nhiên như thể cả hai vừa uống một tách nước lạnh.

Trên đường về một mình, bao nhiêu ý nghĩ vừa lạ, vừa quen ào ạt kéo đến vây bủa Trí Hải trong im lặng. Nhiều câu hỏi về thân thể nhà sư hiện đến. Trí Hải đã từng được thấy nhiều nhóm, nhiều trường, nhiều lớp, nhiều khóa học, nhiều môn phái... tu thiền. Từ hình thức đơn giản đến rình rang lễ lạt, cúng rước hoa đèn cũng lắm, nhưng chưa có một cách kiêu ngạo thiền theo môn phái tu nào mà lòng lẻo một cách gần như nhát thếch đến thế. Bao ý nghĩ so sánh về những pháp tu thiền xuất hồn đi bốn cõi, đạt đến định lực thần thông tự tại không ngừng lay động tâm tư Trí Hải. Sự ngây thơ của một người lắm khi không đến từ sự hiểu biết giới hạn, giản đơn mà đến từ sự uyên bác—hiểu biết quá nhiều mà không áp dụng như người ăn no mà không tiêu hóa—hóa thành bội thực. Kiến thức không có hệ thống thường chạy rong như thả lạc đường. Ngã ba này rẽ quanh, rẽ quất, mở ra nhiều ngã ba khác và cứ thế, cả vạn nẻo đường không biết đâu là một hướng đi đích thực dẫn đến nơi mình muốn đến. Đúng hướng, con chim về tổ, con thỏ về hang, con người về nơi an trú.

Lạc đường thì cả trăm con đường vẫn không có một lối đi. Khi đã lạc đường thì dù là nhà thông thái, người hoang dã, bà giàu sang, ông bần cùng... cũng chỉ là kẻ lạc đường. Lạc đường là lạc đường. Không có lạc đường cao hay lạc đường thấp; lạc đường giỏi hay lạc đường kém. Lạc đường càng lâu, càng cách xa nơi đến hơn. Tu một trăm năm mà bị lạc thì khoảng cách với bờ giác ngộ càng xa một trăm lần so với người mới đến mà nhận ra rằng, mình bị lạc, để quay về đúng hướng. Mê muôn kiếp mà ngộ nhất thời vì đi lạc

suốt muôn kiếp. Bỗng có một giây phút nào đó tỉnh thức quay về đúng hướng để tiến ngay vào điểm chuẩn đã nằm sẵn đợi chờ bao nhiêu đời, bao nhiêu kiếp ngay chính trong tâm mình.

Vì mãi miết theo đuổi dòng suy nghĩ về khái niệm lạc đường, Trí Hải vượt qua lối rẽ vào dinh ông Hoàng đã qua xa mà vẫn tiến bước. Trong đêm tối, con đường len lõi giữa những bụi cây mọc hoang bỗng cụt lối. Trí Hải chợt nhìn lên, đôi mắt bắt gặp bóng tối, mới nhận ra mình đã bị lạc đường. Có thể bị lạc đường ngay trong khu vườn mình làm chủ. Có ánh đèn di chuyển phía xa, Trí Hải đi về phía đó và gặp một người đang dò đường bước đi với cây đuốc bên bằng rơm gọi là "con cúi" khi đỏ, khi tắt lay lắt theo gió.

Người cầm đuốc mừng rỡ lên tiếng:

- May quá, được gặp bác! Tôi tìm đường về xóm Sông mà bị lạc. Xin bác làm ơn chỉ cho tôi lối đi ra khỏi khu vườn cây dại mọc um tùm này. Tôi muốn tìm đường về xóm Sông.

Trí Hải thân mật:

- Tôi cũng về ngã xóm Sông. Chúng ta cùng đi.

Người bộ hành lạ mặt hỏi như muốn khẳng định lại niềm tin của mình:

- Bác biết đường vùng này quá rành rồi rồi phải không?

Trí Hải đáp nhanh:

- Không! Tôi cũng đang bị lạc như bác.

Người khách lạ đưa cao cây đuốc lên trời:

- Trời đất! Hai gã lạc đường định dắt nhau đi tìm phương hướng hay sao đây?

Trí Hải cười cười:

- Tôi và bác đều lạc nhưng cũng đều biết mình đang lạc. Biết lạc thì thế nào cũng tìm ra đường mà. Chỉ sợ kẻ lạc đường mà không biết mình lạc nên cùng dắt mình và dẫn người

đi lạc mà thôi.

Kẻ đồng hành biểu đồng tình:

- Phải. Biết mình lạc đường thì sớm muộn gì cũng tìm ra lối. Ta đi cả con đường cúi sấp tằn.

Gió mạnh. Đóm lửa cuối cùng ở đầu cây đuốc bện bằng rơm rụng xuống. Hai người xa lạ bỗng cảm thấy gần nhau hơn vì chung một bóng tối trên một con đường. Dầu là

con đường đang lạc lối. Nhưng chắc chắn không sớm thì muộn sẽ có nẻo quay về.

(còn tiếp)

Doãn Quốc Vinh Triển Lãm Khai Mạc Thành Công Lớn

(Việt Báo Thứ Hai, 11/19/2007, 12:02:00 AM)

Tuyệt diệu. Đó là nhận xét chung của những người tới tham dự buổi khai mạc phòng triển lãm mỹ thuật của nghệ sĩ Doãn Quốc Vinh hôm Thứ Bảy 17/11/2007 tại hội trường báo Người Việt.

Gọi chung là triển lãm mỹ thuật là vì các tác phẩm của nghệ sĩ họ Doãn trưng bày rất đa dạng: tranh, tượng, khắc gỗ, nhiếp ảnh cổ thời, thư pháp và vật dụng trang trí nội thất. Nói chung là những gì mang tính nghệ thuật trong đời thường chung quanh chúng ta. Các nghệ phẩm này của Doãn Quốc Vinh đã làm cho những người đi giữa phòng tranh biết trân trọng với cuộc đời hơn, một cách cụ thể, là với những vật dụng vây quanh chúng ta. Và hiện qua các hình ảnh dân tộc như trống đồng, nón lá, áo dài, guốc gỗ, chiếc điều, em bé chần trâu... Nhưng tất cả đều hiện lên vẻ độc đáo riêng, không sáo mòn. Thí dụ như chân đèn mang hình tượng gỗ thiếu nữ áo dài. Hay như pho tượng đầu Đức Phật đặt giữa các bản gỗ khắc trống đồng. Hay như gương, lược và guốc gỗ được dán vào tranh theo phong cách mixed-media.

Hay như chính hiện thân của anh: Mặc bộ áo dài đen kiểu các cụ hương lý thời xưa, nghệ sĩ Doãn Quốc Vinh đã xuất hiện như một hồn xưa dân tộc, không phải là những gì đã biến mất mà là một thứ gì bằng lăng vẫy quanh như khói như sương, hết như lời đồng dao ẩn hiện giữa ngôn ngữ thi ca và cả đời thường.

Chủ đề phòng triển lãm có thể tóm gọn là để giới thiệu đến cộng đồng người Việt tại vùng Nam California chặng đường 10 năm sáng tác của tác giả trong lãnh vực Thi Họa và Trang trí nội thất. Và anh đã thành công, khi xuất hiện một cách độc đáo với những hình ảnh đúng với tên buổi triển lãm là "Ao Nhà Lung Linh."

Doãn Quốc Vinh là con trai nhà văn Doãn Quốc Sỹ. Vinh cho biết chỉ vừa mới sang Mỹ định cư có 11 tháng và 2 ngày. Nghĩa là chưa đủ một năm. Lúc đầu sang ở Texas, và mới dọn về Quận Cam thôi.

Trong khi Giáo Sư Lê Đăng Khoa nói với phóng viên Việt Báo rằng Doãn Quốc Vinh đã mang được lối vẽ độc đáo rất dân tộc kiểu Việt Nam thể hiện với phong cách hiện đại, thì nhà văn Doãn Quốc Sỹ nói rằng ông hạnh phúc và mãn

nguyên về phòng tranh của con mình. Doãn Quốc Vinh, đang sống với vợ là chị Minh Yên, và hai con, tại thành phố Huntington Beach, Quận Cam. Doãn Quốc Vinh sinh năm 1961 tại Sài Gòn, vào nghề điêu khắc với ông thầy là điêu khắc gia Trương Đình Quế vào đầu thập niên 1980. Hai mươi tuổi bước vào ngành điêu khắc, đã được gặp gỡ, tiếp xúc với các bậc thầy trong ngành. Năm 1990, anh khởi nghiệp và mưu sinh từ ngành trang trí nội thất. Năm 1995, anh bước vào lĩnh vực sáng tác hội họa vốn say mê từ nhỏ. Anh cho biết, ngoài việc anh chịu ơn và được ảnh hưởng bởi thầy Trương Đình Quế, còn được ảnh hưởng từ nhiều người khác, không kể xiết, thí dụ như ảnh hưởng từ họa sĩ Võ Đình, và nhiều người khác, kể cả bạn hữu đồng vai...



Từ trái: Doãn Quốc Vinh, chị Minh Yên trao tặng Người Việt tác phẩm Trống Đồng, đứng nhận là Đỗ Quý Toàn. Nguyễn Trọng Hoàng (phía sau). Dịch giả Chân Huyền (phải).

Sản phẩm trang trí nội thất chính của anh là bình phong, phù điêu chạm và khung gương. Ở Việt Nam, anh có một showroom tại số 410A Nguyễn Thị Minh Khai, quận 3, Sài Gòn.

Người MC là ca sĩ Thiên Hương đã kể lại kỷ niệm về "một anh Vinh" thời anh mới 15 tuổi, với hình ảnh Vinh mặc quần đùi chạy đá banh trong xóm, kể cả những khi trời mưa, "Thời đó cả nước đói thê thảm, mà sao anh Vinh cao lớn nhanh lắm..." Thấy rõ, những người bạn của Doãn Quốc Vinh đã rất trân trọng với anh, không chỉ là ca sĩ Thiên Hương mà còn từ các bạn khác như Nguyễn Trọng Hoàng và Nguyễn Chánh Trung đã góp vui bằng buổi văn nghệ ngắn gọn, với lời ca và tiếng đàn dịu dàng.

Bước vào phòng tranh, nơi lối vào là nhiều bức thư pháp với thơ của anh và được một người bạn thân là nhà sư Giang Phong phóng bút diễn qua thư pháp.

Như bài "Ao Nhà Lung Linh":

"Một mai lặng lẽ qua đời

Hóa thân nhập nhánh giữa trời đồng dao.

Thuận duyên hóa kiếp mưa rào

Long lanh rơi xuống ruộng ao quê nhà."

Doãn Quốc Vinh trong buổi khai mạc đã cảm ơn Người Việt, cơ quan bảo trợ, và những hình ảnh mà anh không quên như Đỗ Ngọc Yên, Lê Đình Điều và Trần Đại Lộc. Đặc biệt, Vinh gọi Trần Đại Lộc là "anh Hai," người đã gom góp các em nhỏ để làm Hội Cầm Ca giữa một thời hậu 1975 khốc liệt ở Sài Gòn, để dùng nghệ thuật gìn giữ niềm tin vào cuộc đời.

Vinh đã trao tặng một phù điêu trống đồng cho Người Việt, qua nhà thơ Đỗ Quý Toàn.

Tháng trước, khi trả lời phỏng vấn của nhà báo Phụng Linh trên Việt Báo, Doãn Quốc Vinh nói:

"Trước khi sang Mỹ định cư, tôi đã có nhiều chuyến đi tham khảo thị trường. Cách nay mười năm, tôi thấy có tới 90% người dân Việt ở đây không chăm chút trang trí ngôi nhà của mình. Có lẽ vì người ta mãi lo vật lộn với cuộc sống, không có thời giờ và tâm trí nghĩ tới chuyện làm đẹp cho căn nhà, nên bên trong chỉ thấy lác đác vài bức sơn mài treo tường. Nhưng 5 năm trở lại đây, tôi thấy nhiều nhà bắt đầu treo ảnh, chưng tượng, bình hoa, chú ý sắp xếp, trang trí trong nhà nhiều hơn. Tuy hãy còn ít nhưng đó là tín hiệu đáng mừng, đặc biệt đối với chúng tôi, cho thấy cộng đồng mình đã bắt đầu chú tâm chăm lo cái đẹp của ngôi nhà, tổ ấm."



Từ trái: Nguyễn Chánh Trung ngồi hát, Nguyễn Trọng Hoàng, Doãn Quốc Vinh

Trả lời phỏng vấn riêng của Việt Báo, Luật sư Đoàn Thanh Liêm nói rằng ông ngả mũ chào tuổi trẻ, và "Doãn Quốc Vinh xứng đáng với gia đình Doãn Quốc Sỹ..."; và nhà văn Vĩnh Hảo, chủ bút tập san Phương Trời Cao Rộng, nói trang trọng, "Nói 'Ao Nhà Lung Linh' là nói bằng ngôn ngữ khiêm nhường, mang đầy tình tự quê hương. Nhưng đối với riêng tôi, đó là cả một thế giới lung linh với thiên hình vạn trạng của những cuộc đời, từ con người thôn quê đến thành thị, từ ruộng vườn đến núi cao, con ốc và bãi biển, chim muông với trời cao... từ động vật đến tĩnh vật đều tự hiện bày đời sống sâu kín của mình qua nghệ thuật tạo hình đa dạng mà chỉ có một nghệ sĩ tài hoa dị thường mới có thể thực hiện được." Vĩnh Hảo, trong dịp gặp nhà văn Doãn Quốc Sỹ nơi đây, đã gửi lời cảm ơn nhà văn họ Doãn đã giúp đỡ cho Vĩnh Hảo và báo Phương Trời Cao Rộng.



Hình ảnh hai thế hệ nhà văn: Doãn Quốc Sỹ (phải), Vĩnh Hảo (trái)

Tham dự buổi khai mạc có nhiều giới truyền thông và văn nghệ sĩ, như Nguyễn Huy, Cổ Ngưu, Nhã Ca, Trần Dạ Từ, Ngô Nhân Dụng, Đinh Quang Anh Thái, Trịnh Gia Mỹ, Phan Tấn Hải, Vũ Đình Trọng...

Nhưng một nhân vật đầy xúc động cũng tới góp mặt: cụ bà tên là Mô, kể rằng thời sau 1975 trong khi cả nước bị xiết gắt gạo và cụ bà bị nhà nước cộng sản truy nã, thì cụ bà đã được gia đình nhà văn Doãn Quốc Sỹ, che chở và cho ẩn náu một thời gian. Cụ Mô ngồi bên cạnh cụ Thảo (vợ của nhà văn Doãn Quốc Sỹ) suốt thời gian lễ khai mạc. Cụ tới không chỉ vì nghệ thuật, nhưng còn vì thăm cảm lòng từ tế của gia đình họ Doãn.

Độc giả có thể tới xem phòng triển lãm đang trưng bày ở nhật báo Người Việt, 14771-14772 Moran Street, Westminster, CA 92683.

- Từ ngày 17/11/2007 đến 23/11/2007. Thời gian mở cửa: từ 10 giờ sáng đến 17 giờ chiều mỗi ngày.

Sau thời gian này, có thể xem ở showroom mang tên D.V Gallery ở số 19462 Mauna Ln, Huntington Beach, CA 92646. Phone: (714) 465-9169.

Email: dv.gallery@yahoo.com

TIN TỨC PHẬT GIÁO KHẮP NƠI

Hoa Kỳ: Sự phát triển của Phật giáo tại thành phố Tucson, Arizona

Ngày 17 tháng 10, 2007

Arizona - Vào khoảng thập niên 70 có một phong trào Híp-pi tại thành phố Tucson, ngày nay một phong trào khác rõ nét góp phần đáng kể trong cộng đồng của chúng ta.

Đạo Phật đã nắm phần chủ yếu, với nhiều trung tâm cộng đồng có số hội viên khoảng 100 gia đình hoặc hơn. Nói chung, một trung tâm sẽ bao gồm từ 40 đến 60 hội viên nồng cốt.

Truyền thống này có các tu sĩ hướng dẫn thiền tập, nhưng không có hệ thống cấp bậc như trong các truyền thống tín ngưỡng khác.

Arjahn Sarayut, một tu sĩ đến từ Thái Lan, cho biết nhiều người đến với Sư ở Wat Dhammaratanaram trên lô đất 7000 của đường West Bopp để tu tập thiền.

Sư giải thích 'Đôi khi chúng ta không làm chủ được giờ giấc, nhưng có thể làm chủ được tâm mình. Chúng ta có thể học cách điều tâm, sử dụng tâm để làm lợi ích cho bản thân mình.'

Jacquie Gregor, một người làm thiện nguyện tại Tara Mahayana gần Broadway và Kino, giải thích 'Khi nói đến đạo Phật, điều trước tiên mọi người nghĩ đến là sự thanh thân.' Cô cho biết sức khoẻ cô đã xuống dốc 5 năm về trước, nhưng kể từ khi tu tập theo Phật giáo, nó không còn là một vấn đề đối với cô nữa. Thật vậy, hiện cô là một huấn luyện viên hướng dẫn thể dục tại một câu lạc bộ thể thao.

Đức Phật đã tìm ra nguyên nhân khổ đau của nhân loại là ở ngay trong chính chúng ta. Đó là một thông điệp đã âm vang với càng lúc càng nhiều những người dân thành phố Tucson, và với cô Gregor, sự chấm dứt khổ đau bắt đầu bằng việc tạo niềm an lạc cho kẻ khác.

Cô nói thêm 'Và những người khác, cũng như tôi, mong muốn thực sự đi theo dấu chân Phật, thực sự tu tập để trở thành một chúng sanh giác ngộ, đồng thời giúp đỡ kẻ khác cũng như xoa dịu nỗi khổ niềm đau của họ.

(Minh Châu dịch)

Đức quốc: Kinh sách Phật giáo miễn phí trong khách sạn

Khách hàng trong các khách sạn Đức Quốc có cơ hội chọn lựa văn học tín ngưỡng

17.10. 2007 by Wolfgang Polzer

STUTTGART (ANS) Nhiều khách hàng của các khách sạn dự trù là sẽ tìm thấy kinh thánh trong phòng của họ. Có thể họ sẽ ngạc nhiên khi bắt gặp thêm các quyển sách về hành thiền Phật Giáo trong một số khách sạn Đức Quốc.

"Các quyển sách về Đức Phật chúng tôi có là do một tổ chức Nhật Bản trao tặng miễn phí", Ulrike Herrmann của khách sạn InnerCity ở Stuttgart nói như trên. Ban điều hành khách sạn cũng sẽ để các bản kinh Koran trong các phòng nếu được cung cấp.

Ban điều hành khách sạn cũng sẽ lưu tâm với các cảm nang được cung cấp bởi Scientology,. Tổ chức đang được giám sát trong một vài tỉnh bang bởi các cơ quan hữu trách để bảo vệ hiến pháp.

Chi nhánh Đức Quốc của hội đoàn Gideon, hội đoàn đã cung cấp kinh thánh để trong các khách sạn, nói họ không lo ngại lắm với việc tranh cạnh "Thế giới sinh động hấp dẫn hơn là một quyển sách chết," Johannes Wendel, giám đốc chi nhánh Đức Quốc của hội đoàn Gideon nói như trên.

Trong năm vừa qua, hội đoàn Gideon Đức Quốc đã để 765,000 bản kinh Tân Ước trong các khách sạn, các bệnh viện và các văn phòng cổ vấn.

(Hạt Cát dịch)

Chư Tăng Nepal cầu nguyện cho những sinh vật bị tế thần

Ngày 20 tháng 10, 2007

Kathmandu - Đây là những ngày đẫm máu tại Nepal, Với hàng ngàn con vật bị đem cúng tế mỗi ngày trong dịp lễ Dashain, ngày lễ Ấn giáo trọng đại nhất trong nước.

Hôm qua là ngày thứ tám của kỳ lễ kéo dài gần 2 tuần, con số các con vật bị giết đã lên tới tột cùng, trâu, dê và gà bị giết tại các bàn thờ của nhiều vị thần.

Giữa các cuộc chống đối ngày càng gia tăng của các nhà hoạt động xã hội nhằm bảo vệ thú vật, một nhóm tu sĩ Phật giáo đã bắt đầu những cuộc cầu nguyện trong im lặng cho linh hồn các con vật bị giết trong kỳ lễ hội này.

Hàng trăm tu sĩ Phật giáo được dẫn đầu bởi Nepal Ahimsavadi Bouddha Dharma Vishwa Shanti Chakra Sangh đã tịnh khẩu từ thứ năm tại các tu viện trong 22 địa hạt để thực hiện những cuộc cầu nguyện trong im lặng cho tất cả chúng sanh.

Những lời cầu nguyện không âm thanh đã phát xuất từ thành phố Lâm Tì Ni thuộc miền Nam Nepal, nơi Đức Phật đản sanh.

Cuộc lễ cầu nguyện trong im lặng - Nyunge Maun Brata - sẽ được tiếp tục cho đến ngày hôm nay, khi mà phần chính yếu của lễ hội được kết thúc với lễ tika - các giáo sĩ và các vị trưởng lão điểm vết son lên trán của tín đồ và chúc phúc cho họ.

Mặc dù từ một vương quốc Ấn giáo, năm vừa qua Nepal đã trở thành một quốc gia không thuần Ấn giáo, các cộng đồng không thuộc Ấn giáo than phiền rằng chính quyền vẫn còn ăn sâu gốc rễ của Ấn giáo mà không quan tâm đến các đạo giáo khác.

Một đoàn đại biểu Phật giáo, Hồi giáo và các cộng đồng tín ngưỡng khác đã kiến nghị lên Thủ Tướng Girija Prasad Koirala, hơn 200 thành viên nội các và Phát ngôn viên Subhash Chandra Nembang trong tháng này, vào lúc lễ hội bắt đầu, thúc giục một sự đối xử bình đẳng giữa các cộng đồng tín ngưỡng.

Đoàn đại biểu cũng yêu cầu chính phủ chấm dứt truyền thống dành riêng 10 ngày lễ tại tất cả các công sở cho lễ hội này.

Dù rằng các cơ quan truyền thông và các đài phát thanh tư nhân đã vận động cho một lễ hội Dashain không vấy máu và sự đối xử tốt hơn với loài vật, những cuộc vận động này đã bị đa số người dân Nepal phớt lờ.

Một cuộc trưng cầu ý kiến SMS do một đài truyền hình tư nhân tổ chức cho thấy hơn 60% câu trả lời rằng lễ hội này

sẽ không được trọn vẹn nếu không có sự cúng tế các con vật.

Truyền thống dùng thú vật để cúng tế đã được khởi động vào ngày thứ năm khi Vua Gyanendra dâng cúng một con dê trước bàn thờ một vị thần tại một trong các ngôi đền chính của thủ đô.

(Minh Châu dịch)

Châu Âu: tu sĩ Miến Điện kêu gọi tự do cho Miến Điện tại hội nghị liên hiệp tôn giáo

Ngày 23 tháng 10, 2007

Naples - Một tu sĩ Phật giáo lên án sự đàn áp bằng bạo lực của chính quyền quân phiệt đối với những người biểu tình và kêu gọi cầu nguyện cho tự do và hòa bình tại một hội nghị liên hiệp tôn giáo tại Naples cuối tuần qua.

Sư Uttara xuất gia 20 năm về trước tại Miến Điện nhưng đã trốn sang Anh Quốc năm 1992. Sư cho biết là phải trốn đi để khỏi rơi vào tay quân đội, bởi họ đã truy nã Sư vì vai trò của Sư trong các cuộc biểu tình vào năm 1988, cũng được dẫn đầu bởi chư tăng. Hiện nay Sư là vị sư cả của một ngôi chùa tại Luân Đôn.

Báo UCA News tường trình rằng Sư Uttara đã nói chuyện tại cuộc họp với chủ đề 'Tín ngưỡng và Con người' được cộng đồng tín đồ Cơ Đốc giáo Saint Egidio tổ chức tại Naples. 'Tôi đến đây để cầu nguyện cùng với quý vị cho tự do và hoà bình trên toàn thế giới.' Sư nói với sự lo âu cho các pháp lữ Miến Điện của Sư, nhiều người hiện đang bị giam giữ từ sau các cuộc biểu tình hàng loạt chống lại chính phủ độc tài quân phiệt.

Sư nói 'Nhiều người đã bị giết, nhiều người đã bị thương rất nặng, nhiều người phải ăn náu và sống trong nỗi kinh hoàng, và tôi muốn cầu nguyện cho họ được cứu giúp để họ có thể trở lại cuộc sống bình thường càng sớm càng tốt trong một ngày gần đây.' Sư mô tả các cuộc biểu tình là một phản ứng đối với 'sự nghèo khó tột cùng, sự đàn áp dã man, và sự tham nhũng tệ hại.' Sư nói chư tăng đang ban rải 'tình thương và sự hoà nhĩ' với hy vọng chính phủ được chế độ.

Sư Uttara cũng bày tỏ nỗi lo sợ cho các nạn nhân của cuộc trả thù của chính quyền quân phiệt: 'Chúng tôi đã trông thấy hàng mấy ngàn tu sĩ trong các cuộc xuống đường, nhưng giờ đây chúng tôi rất buồn vì không biết những người này hiện đang ở đâu. Chúng tôi nghe rằng quân lính đã tra tấn những tu sĩ từ hoà này trong giờ giới nghiêm vào buổi tối,

và con số các nạn nhân đã lên đến hàng ngàn người'. Chính phủ xác nhận có khoảng 3000 người bị giam giữ, và đã có những tường trình chính thức về những cuộc hòa táng vào lúc ban đêm.

Sư lưu ý rằng Phật giáo sẽ không phải là tôn giáo duy nhất bị chế độ cầm quyền Miến Điện đàn áp. Sư nói 'Một khi họ đã tiêu diệt tôn giáo có uy thế nhất trong nước trong vòng vài ngày, thì chúng tôi lo sợ rằng bất cứ tôn giáo nào cũng sẽ không có cơ hội sống còn dưới chế độ này tại Miến Điện.'

Sau khi cầu nguyện cho cuộc đàn áp sẽ kết thúc, những người biểu tình được trả tự do, không còn nạn đói nghèo, không còn việc giam giữ và tra tấn trái với luật lệ, Sư Uttara đã cảm ơn hội nghị đã mời Sư có buổi nói chuyện này.

Thính chúng toàn thể giới của Sư gồm có các uỷ viên của Toà Thánh Vatican, Tổng giám mục của thành phố Canterbury Rowan Williams, Giáo trưởng của Constantinople Bartholomew I, và uỷ viên cao cấp hàng nhì của Nhà thờ Orthodox Nga, Metropolitan Kirill của Smolensk và Petrograd. Các đại biểu chính phủ hiện diện gồm có Thủ Tướng Ý, các thành viên của đoàn ngoại giao Holy See, và hai vị tổng thống của Ecuador và Tanzania.

(Minh Châu dịch)

200 ngôi làng chung quanh Đại học Nalanda đang trên đà phát triển

Ngày 27 tháng 10, 2007

Bihar - Gần 200 ngôi làng chung quanh Đại Học Quốc tế Nalanda tại Bihar sẽ được phát triển trong một ngày gần đây. Sự kiện này sẽ thay đổi tình trạng kinh tế xã hội của hàng ngàn gia đình đang thiết tha chờ đợi sự mở mang từ nhiều thập niên qua.

Điều này đã được không ai khác hơn là Thống đốc Nitish Kumar tiết lộ tại Patna hôm thứ Sáu.

Đầu năm nay, Viện Nghiên cứu KP Jaiswal tại Patna đã được chính phủ tỉnh bang giao phó công việc nhân diện những làng mạc đã từng nổi kết với ngôi trường cổ Nalanda.

Các chuyên gia cho biết có khoảng 200 ngôi làng.

Các nguồn tin chính thức từ Văn phòng Thống đốc đã cho rediff.com biết rằng ông Nitish Kumar rất nhiệt tâm muốn phát triển các ngôi làng chung quanh trường để thiết lập những tương quan như đại học Nalanda thuở xưa.

Tất cả những nhu cầu cần bản như

trường học, đường sá, điện và nước uống sẽ được cung cấp cho các ngôi làng này và sẽ có công ăn việc làm cho dân làng.

Chính phủ sẽ nhận yểm trợ của các cơ quan tài trợ quốc tế và của Nhật Bản, Singapore, Thái Lan và Mauritius cho công trình phát triển này.

Theo nguồn tin chính thức, các ngôi làng sẽ được mở mang theo chiều hướng đảm bảo những nhu cầu thường nhật của sinh viên nội trú khu đại học, dự trữ sẽ trải rộng gần 500 mẫu đất.

Đại học Nalanda ngày xưa, đã hiện hữu cho đến năm 1197 trước Công Nguyên, đã thu hút sinh viên và học giả từ Đại Hàn, Nhật Bản, Trung Hoa, Tây Tạng, Nam Dương, Ba Tư và Thổ Nhĩ Kỳ, ngoài việc làm một bậc thang cho nền cao đẳng giáo dục tại Ấn Độ.

(Minh Châu dịch)

Miến Điện: Trận chiến thảm lạng giữa chư Tăng và chính quyền quân phiệt

Asia News, Oct 26, 2007

Đánh dấu kết thúc mùa an cư của chư Tăng, quân phiệt Miến Điện dàn dựng tu sĩ giả tiếp nhận cúng dường trong khi lãnh đạo Phật Giáo chính thức ra thông cáo "tất cả tăng sĩ hãy từ chối tiếp nhận lễ vật từ thành viên quân đội" nếu không sẽ bị trục xuất ra khỏi tăng đoàn. - Bộ trưởng bộ tôn giáo yêu cầu chư tăng thông cảm cho sự cần thiết của việc đàn áp?

Yangon, Myanmar --Trận chiến thảm lạng của chư Tăng Phật Giáo phản đối chính quyền quân phiệt Miến Điện vẫn tiếp tục diễn ra.

Tiếp theo sau cuộc trấn áp đẫm máu đối với chư tăng và dân chúng biểu tình trong ôn hoà đòi hỏi dân chủ hồi tháng 9, hình như biến chuyển bất bạo động chống lại chế độ trở nên yên lặng.

Không phải như thế. Việc chư Tăng từ chối tiếp nhận cúng dường từ quân đội là dấu hiệu đầu tiên của sự phản đối chính sách của nhà cầm quyền vẫn đang tiếp tục, ngay cả những tuần lễ vừa qua. Và ngày hôm 26 tháng 10 "sự kiện lại được mang ra xác định" các cư dân và những nhà hoạt động dân chủ tại Madalay nói với tờ AsiaNews như trên.

Ngày 26 tháng 10 là ngày dân chúng Miến Điện ăn mừng ngày lễ hội hàng năm "Dâng Y, Bát Hội" đánh dấu ngày chấm dứt mùa an cư kết hạ của chư Tăng Phật Giáo. Nghi lễ truyền thống tôn giáo với lễ vật cúng dường như tăng y, tứ vật dụng cho chư Tăng sau một mùa an cư ở. Các món lễ vật sẽ

mang tên của thí chủ cúng dường và sẽ được trưng bày trước công chúng. Nhưng năm nay sẽ không có ai chấp nhận lễ vật từ các thành viên trong quân đội, các nguồn tin cho biết như trên.

Vài ngày trước một báo cáo đã được ban hành do một vị lãnh đạo Phật Giáo cảnh báo rằng "Bất cứ ai tiếp nhận lễ vật được gửi tới từ quân đội sẽ không được nhìn nhận là tu sĩ", nói cách khác là một hình thức bị trục xuất, giải y. Rất nhiều tu sĩ đã từ chối tham dự các buổi lễ được chính quyền tổ chức.

Vào ngày 14 tháng 10, cư dân địa phương nói rằng buổi lễ chính thức được tổ chức với sự tham dự của hơn 400 tu sĩ được các cơ quan truyền thông địa phương quảng bá rầm rộ, nhưng thực chất, người ta tin chắc rằng quân đội đã cưỡng ép các tu sĩ tham dự hoặc có thể là họ đã dàn dựng lên nhằm mục đích che mắt thiên hạ - Các cư dân nói "Không cần gì nhiều, để biến một người thường thành một nhà sư, chỉ việc cạo sạch tóc và quấn vào người một chiếc y màu đồng đỏ là xong."

Mục đích của họ là để trấn an dân chúng rằng chư Tăng vẫn đứng sau lưng ủng hộ chính quyền và những người xuống đường chẳng qua chỉ là một nhóm thiếu số trẻ tuổi nông nổi. Đây là lời phát biểu của Bộ trưởng Bộ Tôn giáo trong một bài diễn văn trước một nhóm tu sĩ. Các bản tường trình nói rằng ông bộ trưởng đã yêu cầu chư Tăng thông cảm cho cái lý do đằng sau của sự việc đàn áp xảy ra trong tháng vừa qua, ông ta giải thích rằng nhà chức trách phải hành động chống lại các tu sĩ giả hiệu, những người đã xách động đám đông được xúi giục bởi Tổng thống Hoa Kỳ "George W. Bush." Sau đó ông ta xin tạ lỗi nếu như một vài tu sĩ vô tội bị bắt nhầm trong cuộc can quét.

Theo báo cáo chính thức của nhà cầm quyền thì có 10 người tử vong và khoảng 3000 người bị bắt giữ trong cuộc trấn áp nhưng hầu hết đã được trả tự do. Nhưng theo các nguồn tin từ những nhà ngoại giao và các nhà hoạt động Nhân Quyền thì con số nạn nhân lên đến hàng trăm và khoảng 6000 người bị bắt, người ta còn cho biết thêm rằng đã có trường hợp thiêu sống ở một lò thiêu của chính quyền bên ngoài Yangon mà trong đó nhà chức trách đã cho thiêu xác những người đã bị giết cùng với một số người bị thương để che giấu sự thực về con số nạn nhân của cuộc đàn áp đẫm máu này.

(Hạt Cát dịch)

Phật Giáo đang phát triển trong giới sinh viên không quân

Oct 30, 2007 10:29 am US/Mountain

Nhà nguyện Phật giáo mở cửa tại Trung Tâm huấn luyện không quân

Trung Tâm Huấn luyện Không Quân, Colorado. Các sinh viên theo Phật giáo giờ đây đã có một chỗ riêng để hội họp. Căn phòng Nương Tựa Pháp Bảo rộng 300 bộ nằm dưới tầng hầm của trung tâm đã mở cửa hôm thứ hai với khoảng hơn hai mươi người tập hợp tụng kinh theo nhịp trống. Trung tâm có khoảng 26 Phật tử, tăng lên từ con số 16 hồi đầu năm nay.

Tôn giáo là vấn đề đang được tranh cãi tại trung tâm với nhóm sinh viên tốt nghiệp cho rằng các giá trị của trường phái Phúc âm đã bị nhồi nhét vào đầu những sinh viên.

Sự tranh tụng đã được bãi bỏ năm rồi vì viện chánh án phán quyết họ không thể khiếu nại quyền lợi của họ bị xâm phạm trong khi họ đã tốt nghiệp, không còn theo học tại trung tâm nữa.

(Như Quang dịch)

Trung Quốc khuyến cáo Vatican không nên tiếp kiến Đức Đạt Lai Lạt Ma

Trung Quốc một lần nữa lại nổi cơn thịnh nộ với nguồn tin Đức Giáo Hoàng sẽ tiếp kiến Đức Đạt Lai Lạt Ma vào tháng 12 tới đây.

BEIJING, Nov. 2- Trung Quốc đã cố gắng thuyết phục Toà Thánh La Mã không nên xúc tiến dự định tiếp kiến vị lãnh đạo tâm linh Tây Tạng, Đức Đạt Lai Lạt Ma, cảnh cáo rằng điều này sẽ làm tổn thương quan hệ ngoại giao song phương.

Nguồn tin từ Vatican một ngày trước đó nói rằng Đức Giáo Hoàng Pope Benedict XVI sẽ tiếp kiến Đức Đạt Lai Lạt Ma trong một phiên họp có tính cách riêng tư vào ngày 13 tháng 12 tới, theo tường trình của thông tấn AFP.

"Chúng tôi hy vọng rằng Vatican sẽ không có hành động nào gây tổn thương cho nhân dân Trung Quốc và sẽ bày tỏ chân tình để cải thiện quan hệ với Trung Quốc bằng cách thực thi chính sách cứng rắn", phát ngôn viên Bộ Ngoại Giao Trung quốc Liu Jianchao nói như trên.

Trung Quốc luôn nhắc đi nhắc lại rằng Đức Đạt Lai Lạt Ma không chỉ là một lãnh đạo tôn giáo, mà còn là một nhân vật ly khai nguy hiểm, người chủ trương độc lập cho Tây Tạng, và đã có phản ứng giận dữ trên các cuộc gặp gỡ

mới đây của Đức Đạt Lai Lạt Ma với những lãnh đạo thế giới.

Thủ Tướng Canada Stephen Harper, Tổng thống Hoa Kỳ George W. Bush, Thủ Tướng Đức Angela Merkel và Thủ Tướng Úc Châu, John Howard, đều đã tiếp kiến ngài trong năm nay. Quốc Hội Hoa Kỳ cũng đã vinh danh Ngài trong việc trao tặng huy chương công dân danh dự, phần thưởng dân sự cao quý nhất của xứ sở này.

(Hạt Cát dịch)

Viện bảo Tàng Văn Hoá Á châu tổ chức triển lãm "Dấu Chân Nalanda"

By S Ramesh, Channel NewsAsia 1/11/2007

SINGAPORE : Viện bảo Tàng Văn Hoá Á Châu (ACM) tại Singapore đang tổ chức một cuộc triển lãm hiếm hoi tên Nalanda Trail nói về sự quảng bá Phật giáo từ miền đất Phật India cho đến Trung quốc và miền Đông Nam Á.

Khai trương vào ngày 1 tháng 11, Thủ tướng Singapore George Yeo nói với băng tần Tin Tức Á Châu rằng Thủ tướng Ấn Manmohan Singh sẽ trưng bày mẫu xá lợi chính tại cuộc triển lãm. Đây là điều sẽ được thực hiện trong buổi lễ tiếp tân tại Viện Bảo Tàng cho các vị lãnh tụ tham dự Hội Nghị Thượng Đỉnh Á Châu vào ngày 21 tháng 11.

Cuộc triển lãm Nalanda Trail kéo dài cho đến 23 tháng ba năm tới.

Ông Yeo nói rằng lễ ra Xá lợi không được đem ra khỏi nước Ấn nhưng với sự cho phép đặc biệt của Viện Bảo Tàng Quốc Gia ở Tân Đề Li, Viện Bảo Tàng Văn Hoá Á Châu được phép mượn các bảo vật này.

Một trong những mẫu triển lãm quan trọng nhất là Xá Lợi xương Phật.

Từ "Nalanda" trong Phạn ngữ có nghĩa là "Người bố thí trí thức," và cuộc triển lãm nhằm nêu cao vai trò của trường đại học cổ Nalanda, công trình kiến trúc chính của cổ Ấn.

Chính phủ Ấn đã quyết định sẽ tái thiết ngôi trường đại học ở Bihar. Ý kiến này được đề nghị bởi cựu tổng thống Ấn Abdul Kalam trong dịp ông viếng thăm Singapore năm rồi.

Ông Yeo được chỉ định là một thành viên của "Nhóm Cố Vấn Nalanda" cùng với các chuyên gia từ các quốc gia khác nhau

Thủ tướng Ấn Manmohan Singh đã đệ trình kế hoạch Nalanda Trail đến các vị lãnh đạo tham dự Hội Nghị Thượng Đỉnh Á Châu sắp tới tại Singapore như một kế hoạch hiểu biết và hợp tác toàn

cầu.

Nhiều vị lãnh đạo mong đợi được viếng thăm cuộc triển lãm khi họ đến Singapore dự hội nghị trong ba tuần lễ tới.
(Như Quang lược dịch)

Ấn Độ: Các viên chức chính phủ không được tham dự nghi lễ vinh danh Đức Đạt Lai Lạt Ma

by *Mayur Pahilajani, AHN, November 3, 07. New Delhi, India* -- Chính phủ Ấn Độ đã yêu cầu các viên chức chính phủ không được tham dự buổi lễ vinh danh Đức Đạt Lai Lạt Ma tại thủ đô vào hôm thứ Bảy. Lệnh cấm nghiêm khắc này được ban ra trong sự cảnh giác về lời phát biểu của Đức Đạt Lai Lạt Ma lên án Trung Quốc là xâm lược nhân khẩu vào cư dân trên quê hương của Ngài.

"Dân số của thủ đô Tây Tạng, Lhasa, thường là từ 50,000 đến 60,000, hiện nay là 300,000 mà trong đó là 200,000 hoa kiều," Đức Đạt Lai Lạt Ma phát biểu như trên trong lúc đang ở tại Hoa Kỳ tiếp nhận phần thưởng dân sự cao quý nhất.

Ấn Độ đã cải thiện mối liên hệ với Trung Quốc để duy trì sự vững bền của khu vực Nam Á. Trong bối cảnh là những quốc gia phát triển kinh tế nhanh chóng nhất mới nổi lên, cả hai quốc gia đã ký kết với nhau rất nhiều hiệp định thương mại.

Tuy nhiên, Đức Đạt Lai Lạt Ma đã thúc hối rằng vấn đề Tây tạng cần phải được giải quyết để có thể duy trì được mối quan hệ tốt đẹp giữa Ấn Độ và Trung Quốc, theo tường trình của PTI. Ấn Độ, một mặt khác không muốn va chạm nhà cầm quyền Trung Quốc, nhà cầm quyền luôn xem Đức Đạt Lai Lạt Ma như là một nhà "lãnh đạo ly khai".

Theo thông tấn AFP, Đức Đạt Lai Lạt Ma cũng đã lên án Trung Quốc sai lầm trong việc thiết lập đường hoá xa nối liền Tây Tạng - Trung Quốc và nói rằng được dùng để "khai thác tài nguyên thiên nhiên."

Buổi lễ tại New Delhi được tổ chức bởi Diễn Đàn Nghị Viên Toàn Ấn Độ vì Tây Tạng cùng với nhóm Hoà Bình Gandhi nhằm vinh danh nhà lãnh đạo 72 tuổi này, Ngài vừa trở lại từ chuyến đi Hoa Kỳ để nhận lãnh phần thưởng công dân danh dự cao quý.

Trong khi đó, trong một bản thông tri được ban hành bởi Nội các nói rằng "Nghi lễ này không phù hợp với chính sách ngoại giao của chính phủ".
(Hạt Cát dịch)

Lần thứ ba, Nam Hàn từ chối cấp chiếu khán cho Đức Đạt Lai Lạt Ma

by *Windsor Genova AHN, November 2, 2007*

Seoul, South Korea - Nhà lãnh đạo tâm linh Tây Tạng không thể có cơ hội gặp gỡ cộng đồng Phật Giáo Tây Tạng Nam Hàn qua lời mời của cộng đồng này.

Chính phủ Nam Hàn từ chối tiếp nhận đơn xin chiếu khán của Đức Đạt Lai Lạt Ma vì e ngại rằng sự viếng thăm của Ngài sẽ ảnh hưởng đến liên hệ ngoại giao của Nam Hàn với Trung Quốc, nhân vật mà Trung Quốc luôn cho là biểu tượng của khuynh hướng ly khai Tây Tạng.

Căn cứ theo tờ Korea Time, đây là lần thứ ba Nam Hàn ngăn chặn sự viếng thăm của Đức Đạt Lai Lạt Ma, chính phủ cũng đã từ chối đơn của Ngài hồi năm 2000 và 2001.

Bộ Ngoại Giao đã lưu ý tổ chức Phật Giáo Đoàn Kết Cải Cách rằng sự viếng thăm này đã không được cho phép. Các nhóm Phật tử và Cơ Đốc giáo Nam Hàn đã thỉnh cầu Đức Đạt Lai Lạt Ma đến viếng thăm Nam Hàn như là một biểu tượng của hoà bình toàn cầu, đặc biệt là giải toả những mối liên hệ căng thẳng giữa Nam hàn và Bắc Hàn.

Các nhà bình luận tin rằng Nam Hàn e dè gặp phải sự giận dữ của Bắc Kinh, nhà cầm quyền đã cáo buộc nhà lãnh đạo lưu vong là xúi giục dân Tây Tạng đòi ly khai độc lập từ Trung Quốc. Để cho Đức Đạt Lai Lạt Ma thăm viếng Nam Hàn, Nam Hàn e ngại sẽ bị mất yểm trợ của Trung Quốc trong chương trình huỷ diệt vũ khí nguyên tử của Bắc Hàn và việc mang các tội phạm trong chiến tranh Korean War về nước.

(Hạt Cát dịch)

Trung Quốc: ngân sách 1.9 tỷ đồng Yuan tu bổ môi trường chung quanh Đôn Hoàng

www.chinaview.cn 2007-11-05

Lan Châu, Nov. 5 (Xinhua) -- Tỉnh

Cam Túc, miền tây bắc Trung Quốc, đã công bố thông qua ngân sách 1.9 tỷ đồng Yuan tương đương 253 triệu USD cho ba năm tới trong kế hoạch bảo vệ môi trường và tài nguyên khảo cổ tại Đôn Hoàng, một thành phố Con Đường Tơ Lụa và là một chiếc nôi các hang động lịch sử Phật Giáo.

Theo kế hoạch này, nỗ lực mới nhất của tỉnh Cam túc là thay đổi toàn diện tình trạng môi sinh hư hỏng, gồm 20 dự án, kể cả nâng cấp các công trình

thuỷ lợi, biến đất vụ mùa thành đồng cỏ và rừng rậm, và chuyển hướng 120 triệu mét khối nước từ dòng sông phong phú Ha'erteng đến con sông Dang khô cằn của thành phố để làm nguồn nước dự trữ.

Kế hoạch cũng bao gồm việc tái định cư cho khoảng 3000 người trong vòng ba năm tới từ những vùng có nguy cơ trở thành sa mạc

Một phần của đầu tư này là phần dành riêng để phục hồi các rừng cây xanh trên những rặng núi gần hang động Mạc Cao, để ổn định các hình tượng cấu trúc và ngăn chặn sự bành trướng của sa mạc.

Khu vực được biết đến nhiều nhất trong danh sách di sản văn hoá của UNESCO là Thiên Phật động, chiếc nôi của nghệ thuật cổ Phật Giáo Trung Quốc, mà trong đó có một số tác phẩm được coi như là những kiểu mẫu tốt nhất thế giới với lịch sử 1500 năm tuổi.

Nhưng khí hậu gia tăng nhiệt độ và sự khai thác thuỷ lợi quá mức đã bắt đầu đe dọa môi trường và các di sản văn hoá.

Cả chính quyền thành phố và chính quyền cấp tỉnh đã áp dụng đi lại các giải pháp tu bổ cho những khu vực môi sinh bị hư hỏng, nhưng các nỗ lực vẫn còn yếu kém so với sự xuống cấp nghiêm trọng của môi trường sinh thái.

Sa mạc Kumtag, sa mạc lớn thứ sáu của Trung Quốc, đã bành trướng từ một đến bốn mét về hướng đông mỗi năm. Đụn cát gần nhất các hang động Đôn Hoàng chỉ cách có 5 km.

Các thống kê từ các cơ quan thuỷ học cho thấy mực nước ngầm cũng bị khô cằn, xuống 10.77 mét từ năm 1975 đến 2001 và tiếp tục xuống 0.24 mét mỗi năm.

Các sông hồ trong thành phố cũng co rút lại 80 % trong 30 năm qua. Mực nước tại Yueyaquan, một hồ nước có hình bán nguyệt trong ốc đảo sa mạc, rút xuống từ 7.5 mét năm 1960 còn lại 1.3 mét vào năm 2004.

(Hạt Cát dịch)

Trung Quốc: dự án tái chỉnh trang tượng Phật Lạc Sơn bằng đá cao nhất thế giới

Ngày 8 tháng 11, 2007

Bắc Kinh - Các nhà chức trách

Trung Quốc sẽ tái chỉnh trang pho tượng Phật bằng đá cao nhất thế giới, chỉ sau 6 năm từ sự cố gắng tu sửa trước kia, vì họ khó có thể ngăn chặn ảnh hưởng của sự ô nhiễm môi trường và các đám

đông, theo tường trình của cơ quan thông tấn chính phủ.

Được khắc trên vách đá bên cạnh một con sông, hình tượng Phật ngồi cao 71 mét (=233 ft) tại Lạc Sơn trong một tỉnh thuộc vùng tây nam của Tứ Xuyên là một lời cuốn mãnh liệt đối với du khách và niềm hãnh diện chính của địa phương.

Mặc dù đã tốn 250 triệu yuan (=33 triệu 6 Mỹ kim) để dọn dẹp và tu sửa vào năm 2001, pho tượng ngày nay lại có một 'chiếc mũi đen' và cả gương mặt bị vấy bẩn bởi bụi bặm, cơ quan thông tấn Xinhua tường trình như trên.

Một cuộc chỉnh trang mới lại được hứa hẹn.

Tuy nhiên ông Peng Xueyi, giám đốc của Viện Bảo quản Di tích Văn Hoá Lạc Sơn, nói rằng pho tượng sắp đổ nát này chỉ có thể tồn tại nếu không còn sự ô nhiễm trong không khí và những cơn mưa với các hoá chất bào mòn.

'Chỉ với sự cải tổ toàn diện môi trường chung quanh mới có thể làm chậm đi quá trình hư hoại của pho tượng,' ông Peng nói.

Cơ quan thông tấn Xinhua cho biết tượng Phật tại Lạc Sơn và 'nhiều di sản văn hoá và thiên nhiên của Trung Quốc không chịu nổi thời tiết, môi trường ô nhiễm, sự bảo vệ hời hợt và ảnh hưởng tai hại bởi các nhóm du khách.'

Chính quyền địa phương đã đóng cửa các hãng xưởng và nhà máy điện gần nơi tượng Phật được mệnh danh là 'di sản văn hóa quốc tế' của Liên Hiệp Quốc. Nhưng họ cũng phải đương đầu với làn sóng du khách đến tham quan pho tượng ngày càng gia tăng.

Pho tượng này đã được hình thành vào triều đại nhà Đường, cách nay hơn 1200 năm.

(Minh Châu dịch)

Trung Quốc: mối đe dọa của các sa mạc đối với Động Đôn Hoàng và môi trường thế giới

Ngày 11 tháng 11, 2007

Đôn Hoàng, Trung Quốc - Tình trạng **cát dời** tại các sa mạc Trung Quốc - đã từng bị xem là nguyên nhân tăng thêm bụi mù vào sự ô nhiễm trên toàn cầu - hiện nay đang đe dọa sẽ chôn vùi toàn bộ những tác phẩm Phật giáo cổ nổi tiếng trên thế giới trong các hang động dọc theo Con Đường Tơ Lụa theo truyền thuyết.

Các tranh vẽ trên tường và hình

tượng trong các hang động Đôn Hoàng nổi tiếng đang bị hư hoại bởi những cơn gió cát từ sa mạc Kumtag và có thể sẽ bị vùi lấp bởi những cồn cát, theo lời của ông Wang Jiru, giám đốc viện kiểm soát sa mạc của tỉnh.

Sa mạc cứ tiếp tục nở rộng thêm gần 1,000 square miles mỗi năm xuyên qua vùng đồng bằng miền bắc. Hơn 4,000 ngôi làng đã bị vùi lấp.

Các chuyên gia đã lên tiếng cảnh báo ít nhất từ một thập niên qua, nêu lên sự bành trướng nhanh chóng của các thành phố bị ô nhiễm trầm trọng và số lượng to lớn của súc vật ăn cỏ trên các vùng đất chăn nuôi.

Toà đại sứ Hoa Kỳ tại thủ đô của Trung Quốc, được trang bị sự giám sát bằng vệ tinh, đã phát hiện ra hai sa mạc đã sáp nhập lại thành một vòng đai bằng cát băng ngang một số tỉnh của Nội địa Mông Cổ và Gansu, khu vực của các hang động Đôn Hoàng.

Tại vùng cực tây tỉnh Xinjiang cũng có một sự sáp nhập của vùng đất hoang, đó là hai sa mạc Taklamakan và Kumtag.

Vấn đề này sẽ được đem ra bàn thảo tại hội nghị toàn cầu về sự thay đổi của khí hậu, sẽ được tổ chức tại Bali, Nam Dương vào tháng tới. Trung Quốc sẽ giải thích rằng trong vòng 5 năm qua họ đã chi hơn 4 tỷ Anh kim vào việc trồng hàng tỷ cây cối và duy trì các đồng cỏ.

Những đám mây bụi của Trung Quốc được xem là nguy cơ đối với môi trường trên thế giới. Năm 2002, một trận bão cát làm ngạt thở từ Trung Quốc đã bao trùm Hán Thành, thủ đô của Nam Hàn, khiến chính phủ phải ra lệnh cho các phi cơ phải đáp xuống và đóng cửa các trường học.

Hình ảnh từ vệ tinh đã chụp được luồng khí độc màu nâu bay ngang qua Nhật và sự phân tích hoá chất đã nhận ra những hạt bụi của Trung Quốc đã bay xa cho đến California.

Các khoa học gia và các nhà sinh thái học có thể hy vọng một sự thay đổi, dựa trên sự kiện vị lãnh đạo tối cao của guồng máy chính trị Trung Quốc không có lý do nào mà không hiểu biết về vấn đề này. Chủ tịch Hồ Cẩm Đào đã bắt đầu sự nghiệp của ông là một chuyên gia về nước tại tỉnh Cam Túc, hiện nay là một vùng đất khô cằn.

(Minh Châu dịch)

Một tu viện Phật giáo tại Hoa Kỳ với công trình điêu khắc tôn tượng Đức Phật Bản Sư

Ngày 15 tháng 11, 2007

New York - Tu viện Phật giáo New Jersey đã mở đầu công trình điêu khắc một tôn tượng Phật cao 25 ft, sẽ do Sư Imbulavitive Medananda đảm trách, Sư là người đã hoàn thành một số lớn các tượng Phật tại Tích Lan.

Pho tượng Phật ngồi sẽ được tôn trí trên một đài sen cao 5 ft và làm theo mẫu của pho tượng Phật trong tư thế thiền định, như đã thấy trong khu vườn Maha Meyuna tại Anuradhapura, kinh đô cổ của Tích Lan vào thế kỷ thứ 4 trước Công Nguyên.

Tượng Phật sẽ được khắc và thiết kế tại cơ sở của Tu viện Phật giáo New Jersey, cùng với một trung tâm thiền đồng tọa lạc trên một khu đất 9 mẫu chưa được khai phá.

Lễ động thổ đã diễn ra dưới sự chủ trì của Sư Kurunegoda Piyatissa Nayaka của Tu viện Phật giáo New York. Một số đồng chư Tăng và tín đồ đã vân tập về đây tham dự buổi lễ. Sư Piyatissa đã bắt đầu lễ động thổ trong lúc toàn thể chư Tăng tụng bài kinh Maha Pirith.

Công trình kiến thiết và điêu khắc dự trù sẽ được hoàn tất để có thể công hiến pho tượng vào dịp Lễ Vesak 2008, để đánh dấu ngày Phật đản sanh, thành đạo và nhập niết bàn 2551 năm trước.

Ủy ban thực hiện đề án tôn tượng Phật đã mời cộng đồng Phật giáo Bắc Mỹ giúp sức vào việc hoàn thành công trình này.

(Minh Châu dịch)

